

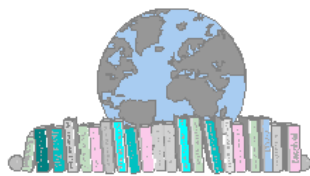
**SÁCH GIẢI NGHĨA**

**THƯ CỦA SỨ ĐỒ PHAO-LÔ GỬI**

**CÁC TÍN HỮU**

**CÔ-LÔ-SE**

**Prepublication version**



Study Guide Press

All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from  
Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)  
Copyright © 2002 by Arms of Hope  
Used by permission. All rights reserved.

Prepublication Version  
Explanations of Colossians  
[Vietnamese]

Copyright © 2005 by Study Guides Press

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press  
P.O. Box 382006  
Duncanville, Texas 75138  
USA

# MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác.....	GT-4
Hướng dẫn cách sử dụng bộ Sách Giải Nghĩa (Tân Ước) .....	HD-5
Giới thiệu sách Cô-lô-se.....	1
Dàn bài và tóm tắt của sách Cô-lô-se .....	4
Lời Giải Nghĩa Sách Cô-lô-se .....	5
Bảng Chú Giải Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh .....	100

## CÁC CHỮ TẮT VÀ NHỮNG HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

### Các bản dịch KT:

BCG	<i>Kinh Thánh Tân Ước (Bản Công Giáo)</i> . 1994. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Du-Sinh Saint-Joseph.
BDM	<i>Kinh Thánh (Bản Dịch Mới)</i> . 2002. Singapore: Arms of Hope.
BDC	<i>Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)</i> . 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội.
BDY	<i>Thánh Kinh (Bản Diễn ý)</i> . 1994. International Bible Society.

### Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

CU	Cựu Ước
TU	Tân Ước
KT	Kinh Thánh
PKTCCN	Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ
CKTG	Câu Kinh Thánh Gốc
CĐN	Câu Định Nghĩa
NNĐDS	Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG	Ngôn Ngữ Gốc

Chữ “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, chữ “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

8a phần đầu của câu 8

8b phần thứ hai của câu 8

8c phần ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp nếu cần để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã bị loại bỏ khỏi ngữ cảnh để thêm chỗ trống.

— Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CĐN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).

[ ] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ những hàm ý trong nguyên bản đã được làm cho rõ ràng. Dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người phiên dịch hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người phiên dịch sẽ quyết định họ có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng hay không trong Ngôn Ngữ Được Dịch Sang (NNĐDS) hay có lẽ nên cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

# HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

## Mục Lục

---

Sơ Lược.....	HD-5
Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa.....	HD-7
<b>Các Phần Của Sách Giải Nghĩa</b>	
Phần Giới Thiệu.....	HD-7
Lời Giải Nghĩa.....	HD-8
Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ.....	HD-12
Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ.....	HD-15
Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ.....	HD-16
Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn.....	HD-17

---

## Sơ Lược

---

<b>Mục đích của Bộ Sách Giải Nghĩa</b>	<p><i>Bộ Sách Giải Nghĩa</i> được soạn cho các người chuyển ngữ Kinh Thánh. Bộ sách này nhằm mục đích giúp đỡ cho các người chuyển ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• hiểu toàn thể sứ điệp của mỗi sách trong Kinh Thánh.</li><li>• thấy rõ giá trị sự cấu trúc, về các phần khác nhau (của sách) được phối hợp lại như thế nào.</li><li>• hiểu ý nghĩa một cách chi tiết như trong nguyên bản Hy-lạp.</li><li>• cảnh giác về các chỗ (từ, nhóm từ) có thể khó chuyển ngữ.</li><li>• cân nhắc kỹ đề nghị của những người chuyển ngữ khác về những cách có thể dùng để diễn tả ý nghĩa của đoạn kinh văn.</li></ul>
--	---

---

<b>Các phần của câu</b>	<p>Có nhiều câu được chia ra làm một vài phần nhỏ để cho người chuyển ngữ dễ so sánh với các bản dịch khác. Thí dụ, 1 Giăng 1:4 có thể chia ra làm hai phần:</p> <table><tr><td><b>1:4a</b></td><td><b>Chúng tôi viết điều này</b> Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em</td></tr><tr><td><b>1:4b</b></td><td><b>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.</b> để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.</td></tr></table>	<b>1:4a</b>	<b>Chúng tôi viết điều này</b> Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em	<b>1:4b</b>	<b>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.</b> để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.
<b>1:4a</b>	<b>Chúng tôi viết điều này</b> Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em				
<b>1:4b</b>	<b>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.</b> để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.				

---

## Sơ Lược, tiếp theo

Những từ ngữ chuyên môn được dùng

Các từ chuyên môn dưới đây được dùng trong *Sách Giải Nghĩa* hay trong lời hướng dẫn này:

Từ Ngữ	Ý Nghĩa
<i>Ngôn ngữ gốc</i>	Đây là ngôn ngữ <b>căn chuyển ngữ</b> . Trong trường hợp này thường sẽ là tiếng Việt. Ngôn ngữ này được viết tắt là NNG.
<i>Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang</i>	Đây là ngôn ngữ dùng để <b>chuyển ngữ sang</b> trong bản dịch, ngôn ngữ bạn đang dùng để chuyển ngữ. Đây thường là tiếng mẹ đẻ của người chuyển ngữ. Được viết tắt là NNĐCNS.
<i>Nghĩa bóng (hàm ý)</i>	Ý nghĩa không được viết ra rõ ràng trong các từ nhưng là một phần ý nghĩa của bản nguyên thủy, hay điều được các độc giả đầu tiên hiểu như vậy.
<i>Nghĩa đen</i>	Phần sứ điệp được viết ra rõ ràng.
<i>Tin tức hàm ý</i>	Tin tức chi tiết không được viết ra rõ ràng nhưng các độc giả đầu tiên biết hay hiểu.
<i>Tin tức được viết ra rõ ràng</i>	Tin tức hay chi tiết về sự kiện được tác giả nói hay viết rõ ràng.
<i>Phân kinh văn</i>	Các từ hay các câu hay một đoạn Kinh Thánh được dùng.
<i>Ngôn ngữ phụ</i>	ngôn ngữ mà người đó đã học sau ngôn ngữ của mình. Ngôn ngữ phụ thường không phải là tiếng mẹ đẻ, nhưng là một ngôn ngữ dùng trong buôn bán hay truyền thông quốc ngữ.

## Cách Sử Dụng *Sách Giải Nghĩa*

---

### Lời Hướng Dẫn Tổng Quát

- Cách tốt nhất để sử dụng Sách Giải Nghĩa là luôn luôn căn cứ vào nó trong khi bạn chuyển ngữ một sách. Tuy nhiên, nếu bạn muốn, bạn có thể dùng nó làm tài liệu khi bạn có sự khó khăn trong lúc chuyển ngữ một câu.
- Hãy đọc lời giới thiệu của *Lời Giải Nghĩa* trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một sách. Làm như vậy sẽ giúp bạn hiểu được mục đích, bối cảnh và nội dung của toàn sách.
- Trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một tiểu đoạn, hãy đọc lời giải nghĩa cho tiểu đoạn đó. Các lời giải nghĩa này sẽ giúp cho bạn hiểu những cách chọn lựa để giải kinh và sẽ báo cho bạn biết nếu có nan đề nào bạn có thể gặp trong sự chuyển ngữ.
- Sau khi bạn đã đọc lời giải nghĩa, hãy nghiên cứu Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). So sánh Câu Kinh Thánh Gốc, là hàng chữ trên cùng của Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN), và Câu Định Nghĩa ở bên dưới.
- Câu Định Nghĩa của PKTCCN không phải là “câu chuyển ngữ mẫu;” tức là, bạn không nên chuyển ngữ trực tiếp từ Câu Định Nghĩa. Mục đích của nó là để giúp cho bạn hiểu ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

## Phần Giới Thiệu Của *Sách Giải Nghĩa*

---

### Vị trí của phần giới thiệu

Mỗi sách trong loạt sách này đều bắt đầu bằng phần giới thiệu. Phần giới thiệu giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về toàn cuốn sách đó. Sách dài có thể cũng có phần giới thiệu riêng trước mỗi phân đoạn chính của sách.

### Sự quan trọng của phần giới thiệu

Trước khi bắt đầu chuyển ngữ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh người chuyển ngữ cần phải hiểu:

- *Bối cảnh* của cuốn sách, kể cả tác giả là ai (nếu biết), hoàn cảnh khi sách được viết, và độc giả mà sách muốn nhắm vào.
- *Mục đích* của tác giả, đó là lý do tại sao tác giả viết sách này.
- *Nội dung* của sách. Người chuyển ngữ cần phải biết rõ cả cuốn sách viết/nói về gì, cũng như chủ đề và phân đoạn.
- *Dàn bài* của sách, cho thấy các phân đoạn cũng như tiểu đoạn chính của nó.

Những chi tiết này được ghi rõ trong phần giới thiệu.

## Lời Giải Nghĩa

---

### Nội dung tổng quát của các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa cung cấp các chi tiết về các phần chính của cuốn sách. Phần của sách mà các Lời Giải Nghĩa đề cập đến trước hết được trích dẫn bằng chữ in *ngiên đậm* của Câu Kinh Thánh Gốc trong Phần Kinh Thánh Căn chuyển ngữ. Sau đó Lời Giải Nghĩa giải thích ý nghĩa trong nguyên văn Hy-lạp một cách chi tiết và cũng cảnh giác người chuyển ngữ về các nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Một sự giải thích đầy đủ hơn về một vài điểm phức tạp có thể được bao gồm trong lời phụ chú ở cuối sách này.

---

### Các thông tin được chứa đựng trong các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa chứa đựng các tin tức sau đây:

- Những vấn đề của đoạn kinh văn
- Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp
- Các cách giải thích khác
- Những nan đề về chuyển ngữ

Trong những trang kế sẽ giải thích về mỗi mục trên.

---

### Những vấn đề của đoạn kinh văn

Không có một bản thảo Tân Ước Hy-lạp nào còn lại. Những bản Tân Ước Hy-lạp cũ nhất hiện có chỉ là những bản sao lại từ bản nguyên thủy/nguyên bản. Có một số khác biệt nhỏ giữa các bản sao với nhau. Một số bản thảo dùng một số từ riêng biệt, trong khi đó các bản thảo khác dùng từ hơi khác nghĩa một chút. Vì vậy phải quyết định xem từ nào có thể là từ mà tác giả dùng trong nguyên văn.

Học giả Kinh Thánh, những người nghiên cứu những bản thảo Tân Ước xưa hơn trong tiếng Hy-lạp, tin rằng chúng ta có thể biết chính xác đến 95 phần trăm những gì các bản thảo nguyên thủy Hy-lạp nói. Một hai chỗ có sự khác biệt trong bản văn, điều đó dẫn đến sự khác biệt trong ý nghĩa. Lời Giải Nghĩa chỉ bàn đến những điểm khác biệt trong bản văn có tầm quan trọng cho việc chuyển ngữ mà thôi.

### Cách viết các từ Hy-lạp trong Lời Giải Nghĩa

Có một vài từ Hy-lạp được trích dẫn trong Lời Giải Nghĩa. Những chữ này được viết *ngiên*. Từ Hy-lạp được viết bằng mẫu tự La-tinh, ngoại trừ hai chữ được viết có dấu ở trên. Từ Hy-lạp *eta* được viết như *ē*. Hy-lạp *omega* được viết như *ō*.

Các từ và sự cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp rất khác với tiếng Việt. Hãy nhớ *Sách Giải Nghĩa* nhằm mục đích giúp cho người chuyển ngữ hiểu trọn ý nghĩa ở trong nguyên bản Hy-lạp.



## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp

Khi ý nghĩa của bản văn gốc không thể hiểu được rõ ràng hay khó hiểu đối với độc giả thời nay, Lời Giải Nghĩa sẽ có sự giải thích. Thí dụ như:

- Các từ hay các nhóm từ mà các tác giả trong Kinh Thánh dùng theo nghĩa bóng, như là các ẩn dụ, câu hỏi tu từ, và các thành ngữ.
- Các từ hay các nhóm từ có thể có nhiều hơn một ý nghĩa.
- Các quan niệm lạ không quen thuộc, như một số phong tục trong Kinh Thánh.
- Văn phạm không quen thuộc, không tự nhiên đối với tiếng Việt.
- Các câu tục ngữ và chuyện ngụ ngôn.

### Các cách giải nghĩa khác

Một số câu hay đoạn Kinh Thánh có *cách giải nghĩa khác*. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng câu này hay đoạn này có nghĩa như thế này, và một số học giả khác lại cho là có ý nghĩa khác.

Các Lời Giải Nghĩa không giải thích tất cả các ý khác nhau, nhưng chỉ giải thích những ý ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ. Các bản dịch thường được tham khảo cho việc chuyển ngữ là Bản Dịch Mới, Bản Dịch Cựu, Bản Diễn Ý, Bản Công Giáo có sự giải thích khác nhau về cùng một vấn đề.

### Cách trình bày các cách giải nghĩa khác nhau

Lời Giải Nghĩa luôn luôn liệt kê sự giải nghĩa hợp với ngữ cảnh nhất bằng con số (1). Sự đề nghị này dựa trên việc nghiên cứu cẩn thận đoạn Kinh Thánh và dùng các sách giải nghĩa Kinh Thánh cũng như các sách tham khảo khác. Những cách giải nghĩa khác được liệt kê dưới sự giải thích đầu tiên và đánh số (2), (3), ...v.v...

### Thí dụ

Đây là một thí dụ về cách giải nghĩa có thể chấp nhận của 1 Giăng 4:2b:

#### 4:2b

**Chúa Cứu Thế Giê-su:** Các học giả không đồng ý với nhau về chữ *Cứu Thế* là một phần của tên hay là tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”:

- (1) Nhiều học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một phần của tên ( BDC, BDY, BCG).
- (2) Một số học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một tước vị, và vì vậy câu đó có nghĩa là “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Ngài đến thế gian như một con người” (BDM).

Đề nghị nên theo cách giải thích thứ nhất.

## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Các nan đề của việc chuyển ngữ

Khi có khó khăn trong việc dùng chữ để diễn tả ý nghĩa đối với ngôn ngữ của bạn vì sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hoá, chúng tôi cung cấp lời cố vấn về việc chuyển ngữ. Các nan đề trong việc chuyển ngữ gồm có:

- Cách nói tượng hình
- Quan hệ giữa các mệnh đề
- Thể thụ động
- Có thể sắp đặt lại thứ tự
- Lập lại
- Thể thơ
- Thông tin hàm ý

### Thông tin hàm ý

Mục đích của Sách Giải Nghĩa là giúp đỡ bạn hiểu, sát nghĩa nhất, tất cả ý nghĩa của những đoạn kinh văn mà các độc giả thời đó đã hiểu khi họ đọc đoạn kinh văn gốc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá, và hoàn cảnh thường ngăn cản các độc giả hiện đại hiểu được ý nghĩa nguyên thủy. Đôi khi tác giả giả định rằng độc giả của ông đã hiểu các dữ kiện nhất định và vì vậy ông không nói đến trong đoạn kinh văn. Đôi khi phần quan trọng của ý nghĩa được hàm ý, độc giả thời đó đã hiểu đúng ý nhưng có thể khó hiểu đối với độc giả hiện đại. Khi cần phải có các thông tin hàm ý này để hiểu được đoạn văn, Sách Giải Nghĩa giải thích loại thông tin được hàm ý này.

### Cách trình bày các cách chuyển ngữ khác nhau

Nếu trong Lời Giải Nghĩa có nhiều hơn một cách để trình bày ý nghĩa, những cách giải nghĩa khác sẽ đánh dấu bằng những chấm (●) thay vì bằng số. Làm như vậy để cho thấy rằng những cách giải nghĩa khác này có giá trị như nhau. Bạn có thể dùng theo cách nào phù hợp và tự nhiên với ngôn ngữ của bạn nhất, hay bạn có thể chọn một cách nào đó mà nó thích hợp hơn những cách được đề nghị. Dưới đây là một thí dụ trong sách Tích:

**Các nan đề của việc chuyển ngữ, tiếp theo****3:2b**

**nhưng phải tỏ sự hòa nhã:** Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người thích cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh sự tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

*-HAY-*

...sống với mọi người một cách hoà thuận.

- Theo cách tiêu cực: “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

**Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa**

Các sách trong Kinh Thánh được chia ra làm những Phân Đoạn, Tiểu Đoạn và Đoạn văn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa*.

**Phân Đoạn**

Mỗi Phân Đoạn là một phần chính của sách. Mỗi Phân Đoạn mới được bắt đầu bằng một *chủ đề cho Phân Đoạn*. Câu tóm tắt chủ đề trong phần chính này của sách là được in trong một khung in đậm như sau:

**Chủ Đề của Phân Đoạn**

Dưới khung này có những lời tóm tắt tổng quát về ý nghĩa của toàn Phân Đoạn.

**Tiểu đoạn**

Mỗi tiểu đoạn được bắt đầu bằng *chủ đề của Tiểu Đoạn*. Chủ đề này tóm tắt ý tưởng chính trong Tiểu Đoạn hay nói đại ý về nội dung của Tiểu Đoạn.

Mỗi chủ đề được đặt trong một khung có nền xám và các cạnh khung lợt hơn khung của Phân Đoạn. Sau đây là một thí dụ:

**Chủ đề của Tiểu Đoạn**

Khung này được nối tiếp bằng lời giải nghĩa tổng quát chung cho cả Tiểu Đoạn.

## Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

---

### Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Chủ đề của Tiểu Đoạn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa* có thể giúp bạn chọn chủ đề của Tiểu Đoạn trong bản dịch của bạn. Bạn cũng nên tham khảo các chủ đề của Tiểu Đoạn trong các bản dịch khác và chủ đề được Sách Giải Nghĩa đề nghị. Hãy nhớ là các chủ đề này không phải là một phần của đoạn kinh văn nguyên thủy, vậy nên, bạn không cần phải chuyển ngữ chủ đề ở trong Sách Giải Nghĩa hay các bản dịch khác. Bạn nên tự đặt ra chủ đề cho bản dịch của bạn, như vậy nó sẽ giúp ích cho người đọc và nghe được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Muốn viết chủ đề các tiểu đoạn, hãy theo những bước sau đây:

- (1) Nghiên cứu cả phần Kinh Thánh một cách cẩn thận. Sau đó nghĩ về chủ đề của Tiểu Đoạn Kinh Thánh.
- (2) Quyết định làm thế nào để trình bày chủ đề một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn mà chỉ cần dùng một ít từ/một câu ngắn gọn. Chủ đề cần phải được vắn tắt.

### Các Đoạn Văn

*Sách Giải Nghĩa* chia các Tiểu Đoạn thành các đơn vị nhỏ hơn gọi là các Đoạn Văn. Mỗi Đoạn Văn thường có khoảng từ 2 đến 5 câu. Mỗi Đoạn Văn được bắt đầu bằng một khung không có màu không có chữ chỉ có số đoạn và số câu. Thí dụ: Ê-xơ-tê chương 8 từ câu 5 đến câu 17 được trình bày như sau:

#### Đoạn Văn 8:5-17

Theo sau khung này là những lời giải nghĩa tóm tắt ý chính của Đoạn Văn. Thí dụ: Ê-xơ-tê 8:5-17:

Những câu này trái ngược với Ê-xơ-tê 4:1-3. Mạc-đô-chê mặc áo bào thay vì bao gai, và có sự vui mừng thay vì tang chế.

Các Đoạn Văn của Sách Giải Nghĩa thường đi đôi với các Đoạn Văn trong đoạn Kinh Thánh. Tuy nhiên, đôi khi bạn có thể nối hai, ba Đoạn Văn với nhau thành một Đoạn Văn trong bản dịch của bạn, nếu đó là điều cần thiết. Hay bạn có thể tách một Đoạn Văn ra làm mấy phần. Nói một cách khác, những đơn vị này *không bắt buộc phải* giống y như các Đoạn Văn của Kinh Thánh.

---

## Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

### Sự Mô tả

Khung ở trên đầu về phía bên phải của mỗi trang giấy chứa đựng Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). Bạn nên dùng PKTCCN với Lời Giải Nghĩa của nó chặt chẽ với nhau. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh văn bạn đang chuyển ngữ.

Mỗi câu trong đoạn kinh văn được in với *Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG)* và *Câu Định Nghĩa (CDN)* thí dụ:

*1:38b*      *Rồi thiên sứ rời khỏi Ma-ri.*  
Rồi thiên sứ biến đi.

### Câu Kinh Thánh Gốc

Trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ câu trên cùng gọi là Câu Kinh Thánh Gốc (thường là từ Bản Dịch Mới hay một bản nào khác sẽ có chú thích). Câu Kinh Thánh Gốc được **in đậm**.

Thỉnh thoảng có thêm một Câu Kinh Thánh Gốc thứ nhì từ bản dịch khác, hàng này cũng được **in đậm**. Thí dụ Công Vụ 18:10a:

**18:10a**      **vì Ta ở với con. Không ai làm hại con được,**  
**(BCG) vì Thầy ở với con; không ai tra tay hại con**  
**được,**

### Sắp Đặt Lại Thứ Tự Câu Kinh Thánh Gốc

Đôi khi thứ tự của các mệnh đề trong Câu Kinh Thánh Gốc được thay đổi thứ tự để có thể diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Đây là một thí dụ sắp đặt lại thứ tự của Công Vụ 16:6a và b:

**16:6**      **Phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti, vì**  
**Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu**  
**Á.**

*16:6A-B*      (*ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:*)

*16:6b*      *Vì Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu Á,*  
*Phao-lô và Si-la muốn rao giảng Tin Lành tại vùng Tiểu Á,*  
*nhưng Đức Thánh Linh bảo họ không nên đi đến đó.*

**-HAY-**

Họ đã có ý định đi đến vùng Tiểu Á để rao giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] ở tại đó, nhưng Đức Thánh Linh đã ngăn cản họ [đi đến đó].

*16:6a*      *phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti.*

Do đó Phao-lô và những người cộng tác của ông [bấy giờ] đi qua các vùng của xứ Phi-ri-gi và Ga-la-ti.

Nếu cần, dấu ngoặc vuông [ ] được dùng trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ để đánh dấu những chữ được thêm vào và giúp cho Câu Kinh Thánh Gốc Sắp Đặt Lại được rõ ràng như trong Công Vụ 16:6a-b ở trên.

## Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

---

### Câu Định Nghĩa

Dưới Câu Kinh Thánh Gốc là Câu Định Nghĩa. Câu này bày tỏ ý nghĩa trực tiếp của câu Kinh Thánh theo cách dễ hiểu nhất. Thí dụ, câu này diễn tả ý của các câu thành ngữ hay cách nói tượng hình.

Đôi khi một Câu Định Nghĩa nữa được thêm vào để diễn tả cùng một ý nghĩa bằng một cách khác. Khi có nhiều Câu Định Nghĩa, từ *-HAY-* xuất hiện giữa hai câu để cho thấy là có cách khác để diễn tả cùng một ý. Thí dụ: Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ của Công Vụ 1: 1b giống như thế này:

*1:1b*            *tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu*  
 Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm  
*-HAY-*  
 Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện

Nếu có các cách giải thích khác nhau cho cùng một câu, chúng được liệt kê và giải thích trong Lời Giải Nghĩa chứ không có trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ. Chỉ có cách giải thích đề nghị (cách đầu tiên) là được in trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ.

### Tin Tức Hàm Ý

Trong một vài trường hợp, để cho người đọc hiểu ý nghĩa của một câu, người đọc cần được cung cấp thêm tin tức. Trong trường hợp đó, Câu Định Nghĩa, được thêm tin tức hàm ý này trong ngoặc vuông [ ], để cho thấy rằng những tin tức được thêm vào này không có ghi rõ ràng trong nguyên bản.

Thí dụ:

*1:6b*            *“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?”*  
 “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì trong Cựu Ước?]”

Hãy nhớ là mục đích đầu tiên của Câu Định Nghĩa là để giúp cho bạn hiểu rõ phần kinh văn. Bạn là người quyết định cách chuyển ngữ ý nghĩa ấy và có nên thêm tin tức hàm ý hay không.

---

## Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

---

### Cách sắp đặt Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ được sắp đặt cùng một cách như Sách Giải Nghĩa

- Phân Đoạn,
- Tiểu Đoạn,
- Đoạn Văn.

### Phân Đoạn

Hầu hết trong mọi trường hợp, chủ đề của những Phân Đoạn không tìm thấy trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). PKTCCN không có nhiều chủ đề, vì nó chỉ là một thí dụ cho một số chủ đề, có thể bạn muốn có trong bản dịch của bạn, một vài hình ảnh thay vì trình bày cho nguyên cả sách.

### Tiểu Đoạn

Phần bắt đầu của một Tiểu Đoạn được đánh dấu trong Phân Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ giống ở trong các Lời Giải Nghĩa. Câu *chủ đề của Tiểu Đoạn* được in vào trong một khung in lợt và có nền màu xám:

**Chủ đề của Tiểu Đoạn**

### Các Đoạn Văn

Các phần được bắt đầu bằng một dấu (¶) trong Câu Định Nghĩa. Dấu này xác nhận những chỗ bạn có thể bắt đầu một phần mới. Thí dụ:

*1:1a*            *Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,*  
 ¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, các đầy tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, [tôi], Phao-lô

---

## Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ

Các bước cho mỗi sách	
Bước	Điều nên làm
1	Đọc suốt cả sách bạn định chuyển ngữ.
2	Đọc các phần, Giới Thiệu, Dàn Bài, và Tóm Tắt trong <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i> . Làm như vậy, nó sẽ giúp bạn hiểu rõ mục đích, bối cảnh và nội dung của sách.

Các bước cần phải theo cho mỗi Tiểu Đoạn		
Bước	Hành động	Mô tả hành động
1	<b>HÃY ĐỌC</b> tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc kỹ tiểu đoạn trong ít nhất là hai bản dịch tiếng Việt khác nhau, thí dụ, Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) Bản Diễn Ý (BDY) và Bản Công Giáo (BCG). Nếu có một bản dịch nào khác có ngôn ngữ gần với ngôn ngữ của bạn, hay một ngôn ngữ nào đó mà bạn đọc viết và hiểu thông thạo, bạn nên đọc thêm bản dịch đó.</li> </ul>
2	<b>HÃY NGHIÊN CỨU</b> ý nghĩa của tiểu đoạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tìm chủ đề chính của tiểu đoạn.</li> <li>• Hãy suy nghĩ về sự liên hệ giữa tiểu đoạn này với các tiểu đoạn trước và sau.</li> <li>• So sánh với các bản dịch khác mà bạn đang có.</li> <li>• Ghi chú những chỗ có ý nghĩa không rõ ràng hay chỗ khó chuyển ngữ như cách nói tượng hình, câu hỏi tu từ hay sự khác biệt về văn hoá.</li> <li>• Dùng các sách giải nghĩa khác, nhất là <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i>, để giải quyết những nan đề bạn tìm thấy.</li> </ul>
3	<b>HÃY SUY NGHĨ</b> về cách bạn sẽ chuyển ngữ tiểu đoạn này sang ngôn ngữ của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Suy nghĩ về cách bạn sẽ chuyển ngữ cho cả nguyên tiểu đoạn trước khi bạn bắt đầu.</li> <li>• Cố gắng chuyển ngữ liên tục suốt cả đoạn, không nên dừng lại sau mỗi câu. Làm như vậy sẽ giúp cho bản dịch của bạn được tự nhiên hơn. Bạn có thể sửa chữa bản văn cho chính xác sau đó.</li> <li>• Một số người chuyển ngữ tin rằng, việc nói vào máy ghi âm trước, rất giúp ích cho họ.</li> </ul>
4	<b>HÃY GHI</b> xuống trên giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bắt đầu ghi xuống trên giấy bản dịch của tiểu đoạn.</li> <li>• Suy nghĩ tìm cách diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Có thể cần đọc lại nhiều lần những gì bạn vừa ghi xuống.</li> <li>• Xét lại từng chi tiết trong bản dịch của bạn với các bản dịch tiếng Việt để xem các từ ngữ bạn vừa dùng có chính xác hay không. Điều quan trọng là bạn không nên đổi ý, thêm ý, hay bỏ qua một ý nào cả.</li> </ul>
5	<b>HÃY ĐỌC</b> bản dịch của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc lớn tiếng tiểu đoạn bạn vừa dịch cho chính tai bạn nghe, để xem thử nó có được tự nhiên, rõ ràng, và dễ hiểu không?</li> <li>• Đọc tiểu đoạn bạn vừa chuyển ngữ cho vài người khác nghe và hỏi họ nghe có tự nhiên không. Nếu họ bảo không tự nhiên, thay đổi từ ngữ, cách dùng văn phạm, cho đến khi dễ hiểu và dễ đọc.</li> </ul>



## Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ

---

### Chuyển ngữ theo ý nghĩa

Việc quan trọng mà người chuyển ngữ cần phải luôn luôn để ý là: *Tìm một từ diễn đạt đúng ý nghĩa của từ trong bản gốc.*

Không bao giờ nên chuyển ngữ theo từng từ một. Thay vào đó, bạn phải:

- Hiểu ý nghĩa đúng của bản gốc. Nghiên cứu cẩn thận để tìm chiều sâu của ý nghĩa mà bạn không ngờ tới.
  - Tìm cách diễn tả ý nghĩa ấy qua ngôn ngữ của bạn một cách chính xác, rõ ràng và tự nhiên.
- 

### Thay đổi thứ tự nếu cần

Có nhiều lúc bạn cần phải thay đổi thứ tự của các từ hay nhóm từ để truyền thông ý nghĩa sang ngôn ngữ của bạn cách rõ ràng. Tìm những thứ tự khác nhau để có thể diễn tả ý nghĩa rõ ràng và tự nhiên nhất.

---

### Thay đổi chiều dài của câu

Có thể đôi khi bạn cần phải dùng mấy câu ngắn để chuyển ngữ một câu dài trong bản gốc. Có lúc bạn lại phải cần nối mấy câu ngắn lại với nhau. Bạn phải diễn tả ý nghĩa chính xác theo cách mà các người đọc thấy dễ hiểu nhất.

---

### Làm sáng tỏ ý nghĩa của các thành ngữ và cách nói tượng hình

Cách để chuyển ngữ các *thành ngữ* hay *cách nói tượng hình* trong bản gốc được rõ ràng là chuyển ngữ theo ý nghĩa, không chuyển ngữ theo từng từ một; có nghĩa là bạn dùng cách nói nào đó trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt đúng ý nghĩa theo bản gốc. Đôi khi bạn nên dùng một thành ngữ hay cách nói tượng hình trong ngôn ngữ bạn nếu nó phù hợp với ý nghĩa của bản gốc, đó cũng là cách để truyền thông ý nghĩa của bản dịch gốc đến người đọc một cách rõ ràng.

---

## Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn

---

**Điều gì có ích? Điều gì không có ích?**

Chúng tôi mong muốn *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi thực tế cho người chuyển ngữ. Xin vui lòng cho chúng tôi biết:

- (a) những điều bạn tìm thấy trong *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi và bạn đang dùng nó, (kể cả các lời hướng dẫn), và....
- (b) những điều bạn nghĩ nên sửa đổi theo một cách nào khác vì bạn không dùng nó được. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét, phê bình và đề nghị của các bạn.

Chúng tôi cần bạn góp ý!

---

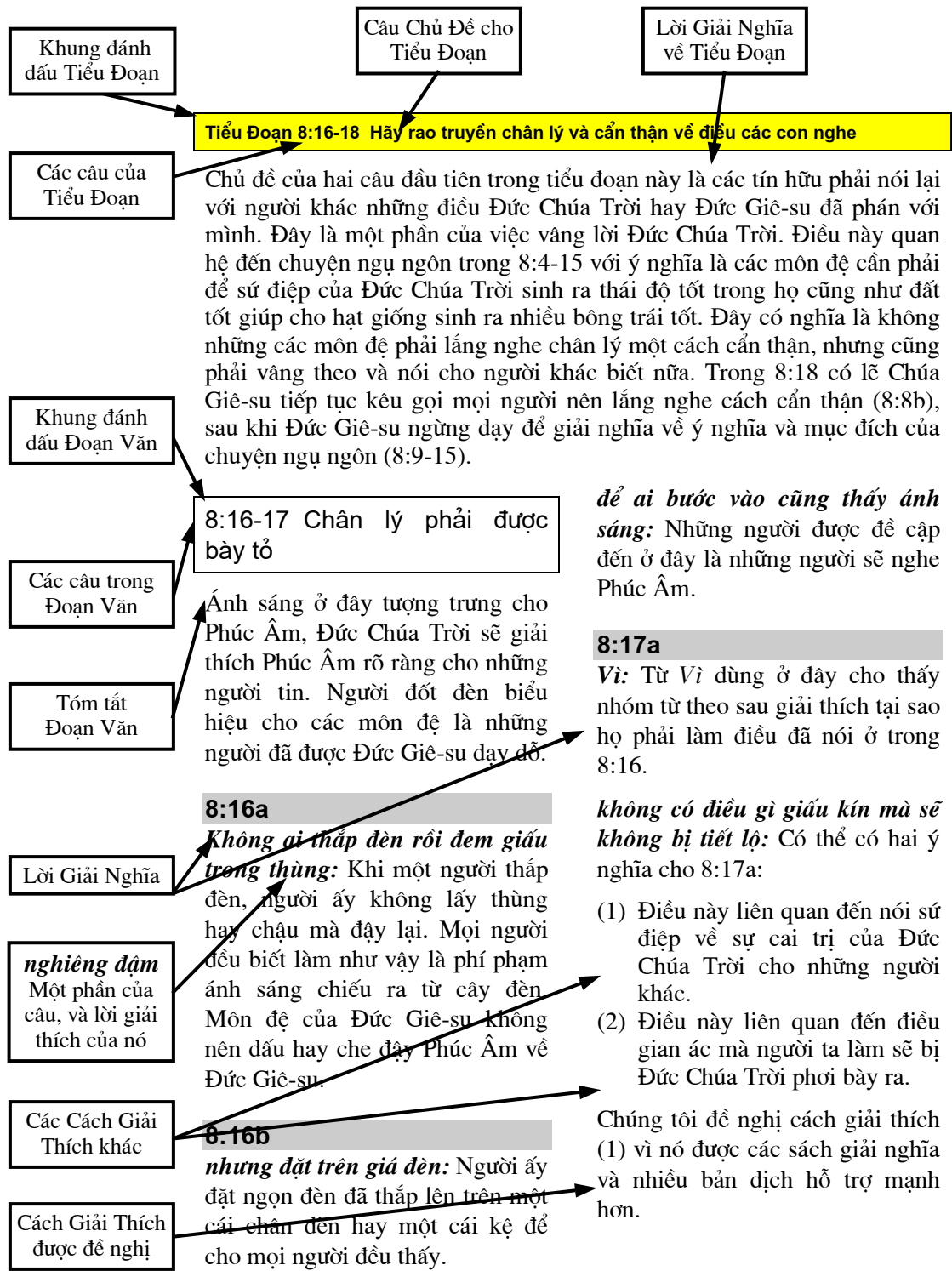
**Người đón nhận ý kiến:**

Xin vui lòng gửi ý kiến của bạn đến:

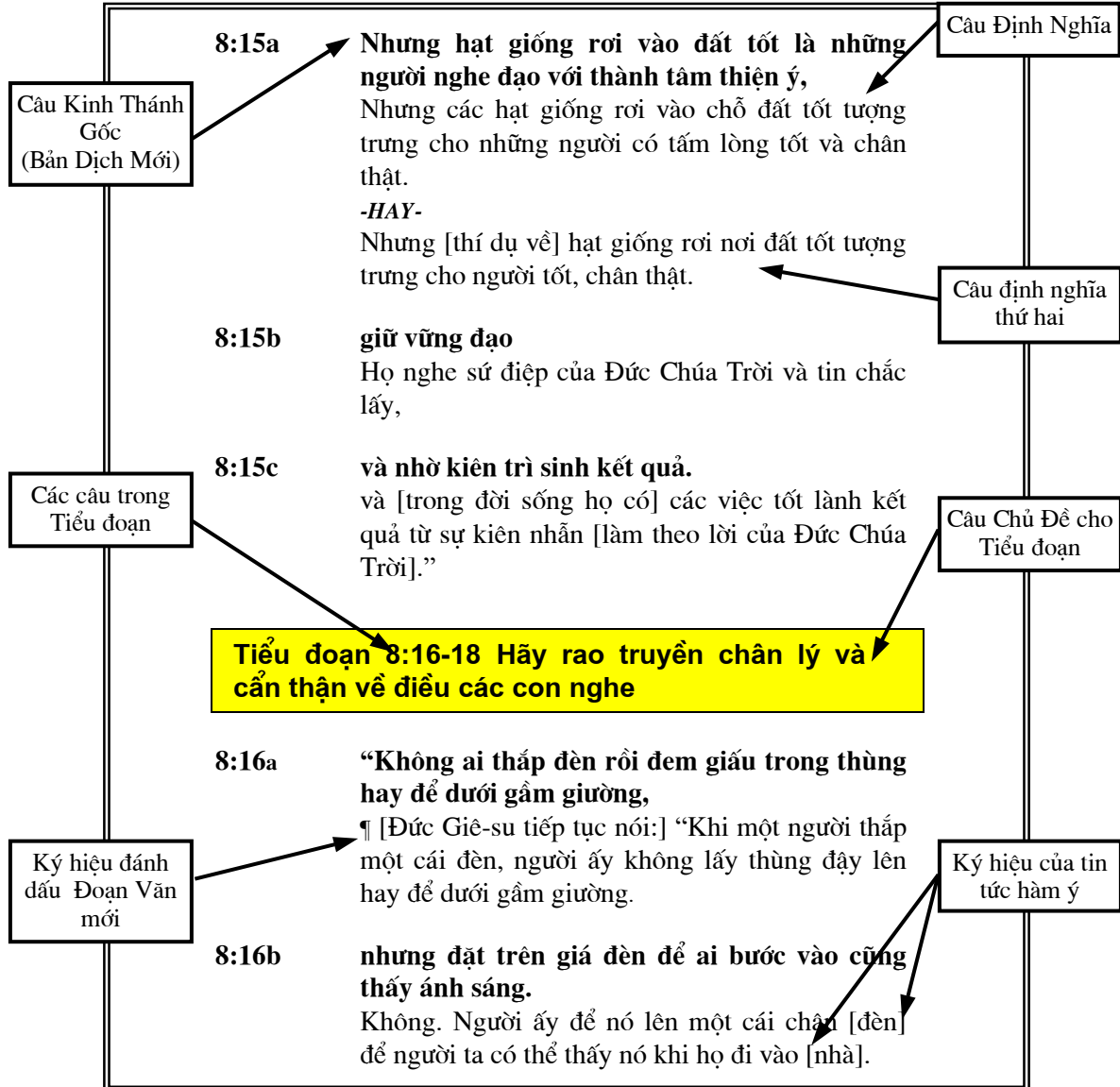
*Bộ Sách Giải Nghĩa*  
Study Guides Press  
P.O. Box 382006  
Duncanville, Texas 75138  
USA

---

# CÁC THÀNH PHẦN CỦA SÁCH GIẢI NGHĨA



# CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU ĐỊNH NGHĨA



## GIỚI THIỆU SÁCH CÔ-LÔ-SE

### TÁC GIẢ CỦA THƯ

Tác giả của sách Cô-lô-se là sứ đồ Phao-lô. Trước khi ông trở thành một con dân Chúa, sứ đồ Phao-lô rất hãnh diện về sự kiện ông là một người Do Thái. Ông không phải chỉ là một người Do Thái tầm thường. Ông thuộc về một nhóm đặc biệt gọi là Pha-ri-si là những người biết và giữ theo tất cả mọi chi tiết về luật lệ và các nghi lễ của Do Thái Giáo. Bởi vì bối cảnh của ông là một người theo Do Thái giáo, sứ đồ Phao-lô hiểu người tín hữu Do Thái khó mà chấp nhận sự kiện các con dân Chúa không cần phải vâng theo các luật lệ của Do Thái Giáo là như thế nào.

Đức Chúa Trời đã chuẩn bị kỹ càng cho sứ đồ Phao-lô để ông có thể giảng sứ điệp về Chúa Cứu Thế cho cả người Do Thái lẫn người ngoại quốc. Mặc dù sứ đồ Phao-lô là người Do Thái, ông đã được sinh ra trong đế quốc La-mã tại thành phố Tạc-sơ. Ông cũng ở địa bàn đó một vài năm sau khi ông đã trở thành con dân Chúa (Ga-la-ti 1:21). Vì vậy, ông cũng biết về tín ngưỡng và nghi lễ của những người La-mã và Hy-lạp ở xung quanh ông.

### NGƯỜI NHẬN THƯ CỦA SỨ ĐỒ PHAO-LÔ

Thành phố Cô-lô-se nằm trên bờ của sông Lycus ở Tiểu Á (ngày nay gọi là Thổ-nhĩ-kỳ). Thành phố Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-pô-lít ở về phía tây của thành phố Cô-lô-se, phía hạ lưu của sông về phía thành phố Ê-phê-sô. Ê-phê-sô ở trên duyên hải phía tây của Tiểu Á. Thành phố Cô-lô-se ở cách xa thành phố Ê-phê-sô khoảng 160 km.

Dân bản xứ của Cô-lô-se là người Phi-ri-gi, nhưng cũng có nhiều người Hy-lạp và Do Thái định cư ở đó. Có lẽ các con dân Chúa trong thành phố Cô-lô-se gồm các người Phi-ri-gi, Hy-lạp và Do Thái.

Có lẽ sứ đồ Phao-lô đi ngang qua thành phố Cô-lô-se trong cuộc hành trình trước đó từ thành phố An-ti-ốt đến thành phố Ê-phê-sô bởi vì đường lộ chính của thời đó đi thẳng trực tiếp qua thành phố Cô-lô-se. Nhưng không có bằng chứng nào cho thấy là sứ đồ Phao-lô ở lại Cô-lô-se hay giảng Phúc Âm ở đó. Điều ông viết trong thư này có vẻ hàm ý là ông không biết đa số các con dân Chúa ở tại Cô-lô-se một cách cá nhân (2:1).

Trong lúc sứ đồ Phao-lô ở trong tù, Ê-pháp-ra, một người lãnh đạo của các con dân Chúa tại Cô-lô-se, đến ở với sứ đồ Phao-lô. Ê-pháp-ra bảo Phao-lô rằng có người dạy tà giáo tại Cô-lô-se. Đây là lý do sứ đồ Phao-lô viết thư này cho các con dân Chúa ở tại Cô-lô-se. Phao-lô hết sức quan tâm về một số con dân Chúa ở Cô-lô-se có thể đi theo những giáo sư giả mạo và thời không tin cậy Chúa Giê-su nữa.

### LÝ DO SỨ ĐỒ PHAO-LÔ VIẾT THƯ NÀY

Khi sứ đồ Phao-lô viết thư này, ông đang ở tù vì đức tin của ông nơi Chúa Giê-su, có lẽ ông đang ở tại thành phố La-mã (Công Vụ 28:16-31). Trong khi sứ đồ Phao-lô đang ở tù, ông Ê-pháp-ra, một trong những trưởng lão của các tín nhân tại Cô-lô-se, đã đến thăm ông. Ông Ê-pháp-ra bảo sứ đồ Phao-lô rằng có những người đang dạy các tà giáo ở tại Cô-lô-se. Đó là lý do sứ đồ Phao-lô viết lá thư này cho các tín nhân ở Cô-lô-se. Ông muốn họ tiếp tục tin sứ điệp thật về Chúa Giê-su và không để cho các giáo sư giả mạo dẫn họ đi sai lạc.

Cũng trong thời gian sứ đồ Phao-lô viết thư này, ông cũng viết thư cho các tín nhân ở tại thành phố Ê-phê-sô và Phi-líp. Vào lúc đó có lẽ ông cũng viết thư cho bạn của ông là Phi-lê-môn ở tại

Cô-lô-se. Sứ đồ Phao-lô viết các thư này vào khoảng 30 năm sau khi Chúa Giê-su đã chết và phục sinh. Anh Ty-chi-cơ và Ô-nê-sim đã đem các thư này đến cho các tín nhân ở tại Cô-lô-se

(4:7, 4:9). Ty-chi-cơ cũng chuyển thư của sứ đồ Phao-lô đã viết cho người Ê-phê-sô-cô lễ trong cùng một chuyến đi (Ê-phê-sô 6:21). Bởi vì các tín nhân tại Cô-lô-se và Ê-phê-sô cùng bị một tà giáo đe dọa, hai lá thư này có nhiều chỗ giống nhau.

## MỘT SỐ NGƯỜI GÂY RẮC RỐI TẠI THÀNH PHỐ CÔ-LÔ-SE

Ê-pháp-ra, người đến từ thành phố Cô-lô-se, là một trong những người dạy sứ điệp về Chúa Giê-su ở trong địa bàn của thành phố Cô-lô-se (1:7, 4:12-13). Các con dân Chúa ở Cô-lô-se đã tận hiến chính họ cho sứ điệp thật về Chúa Cứu Thế từ ngày họ trở thành con dân Chúa (1:6). Họ đã chấp nhận sự kiện là lý do duy nhất mà Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi cho con người là bởi vì Chúa Giê-su đã bị trừng phạt vì tội lỗi của mọi người khi Ngài chết trên thập tự giá (1:22, 2:13-15).

Nan đề ở đây là một số người muốn tiếp tục thực hành các tín ngưỡng cũ của họ đã gia nhập vào các con dân Chúa ở Cô-lô-se. Một số người là người Hy-lạp và một số người là người Do Thái. Cả hai nhóm đều muốn những con dân Chúa khác theo họ. Ông Ê-pháp-ra và sứ đồ Phao-lô đang sợ rằng những giáo sư giả mạo này sẽ ảnh hưởng một số con dân Chúa và khiến cho họ theo những tà giáo (2:8, 2:16-19).

Các giáo sư giả mạo **Do Thái** đã dạy hai điều sai lầm cho những con dân Chúa ở Cô-lô-se:

1. Một số các giáo sư giả mạo tin rằng Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận bất cứ ai trừ khi người ấy trước hết phải trở nên người Do Thái bằng cách để cho một nhà lãnh đạo Do Thái làm phép cắt bì cho họ. Những giáo sư giả mạo này tin như vậy bởi vì Đức Chúa Trời đã chọn người Do Thái làm dân sự của Ngài.

Câu trả lời của sứ đồ Phao-lô là: “Các anh chị em là con dân Chúa thuộc về Chúa Cứu Thế, vậy nên anh chị em đã là dân sự của Đức Chúa Trời. Anh chị em không trở nên dân sự của Đức Chúa Trời bởi vì chịu phép cắt bì, nhưng bởi cách để cho Chúa Cứu Thế cất bỏ đời sống tội lỗi cũ của anh chị em. Chỉ có điều này khiến anh chị em trở nên dân sự của Đức Chúa Trời, không phải phép cắt bì về phân xác” (2:11-12).

2. Những người giáo sư giả mạo này cũng nói rằng tất cả các con dân Chúa phải vâng theo luật lệ mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se và họ phải giữ các ngày thánh lễ của người Do Thái. Họ còn nói rằng các con dân Chúa phải vâng theo các nghi lễ theo luật lệ của người Do Thái của các thầy tế lễ về việc phải ăn hay uống những đồ ăn thức uống nào.

Sứ đồ Phao-lô đã trả lời bằng cách nói: Đức Chúa Trời đã ghi chép lại tất cả những cách mà anh chị em đã phạm tội với Ngài và vi phạm luật pháp của Ngài, và Ngài đã xử anh chị em là có tội. Tuy nhiên, khi Chúa Cứu Thế bị đóng đinh trên thập tự giá, Ngài đã hoàn toàn tẩy sạch tất cả các tội này. Anh chị em không còn cần phải vâng giữ tất cả những luật lệ và điều lệ này để được Đức Chúa Trời chấp nhận anh chị em. Ngài đã hoàn toàn chấp nhận anh chị em bởi vì anh chị em được hiệp nhất với Chúa Cứu Thế (2:13b-16).

Các giáo sư giả mạo **Hy-lạp** đã dạy hai điều sai lầm cho con dân Chúa ở tại Cô-lô-se:

1. Họ tin tưởng rằng Đức Chúa Trời là nhân từ nhưng Ngài không phải là Đấng Tạo Hoá. Họ tin rằng các quyền lực kém hơn của tà linh làm nên trái đất và mọi sự ở trên đó và tất cả mọi vật trong thế giới đều gian ác.

Sứ đồ Phao-lô trả lời điều này như sau: “Đức Chúa Trời, cùng với Chúa Cứu Thế, đã tạo nên vạn vật trên trời và trái đất (1:16). Chúa Cứu Thế cai trị trên tất cả vạn vật đã được sáng tạo và Ngài giữ cho mọi sự năng động (1:17). Khi Chúa Cứu Thế chết trên thập tự giá Ngài đã

đánh bại mọi quyền lực của ma quỷ và tà linh hiện hữu. Vì vậy, các con dân Chúa không có lý do gì phải sợ các tà linh bởi vì Chúa Giê-su có thẩm quyền trên chúng” (2:9-10).

2. Người Hy-lạp cũng tin rằng thân xác con người là gian ác và vì vậy Đấng Cứu Thế của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ chịu đến thế gian trong thân xác của con người hay không chịu chết trên thập tự giá. Họ tin rằng không thể nào Chúa Giê-su có thể đến thế gian trong thân xác của một con người. Hoặc là Chúa đã đến trong hình thức một bóng ma, hay Chúa Giê-su không phải là Chúa Cứu Thế. Ngài chỉ là một trong nhiều vĩ nhân đã sống trên đời này.

Sứ đồ Phao-lô chỉnh lại các niềm tin này bằng cách giải thích rằng Chúa Giê-su bình đẳng với Đức Chúa Trời về mọi mặt. Khi Chúa Giê-su trở nên con người (1:19), Chúa Giê-su không thiếu một bản chất nào của Đức Chúa Trời cả. Chúa Giê-su có tất cả sự khôn ngoan và kiến thức của Đức Chúa Trời (2:3). Vì Chúa Cứu Thế đã chịu trừng phạt cho tất cả những việc gian ác mà con người làm, Đức Chúa Trời khiến cho họ hoà thuận với Ngài qua huyết mà Chúa Cứu Thế đã đổ ra trên thập tự giá (1:19-20).

## DÀN BÀI CỦA SÁCH

Thư này có thể chia ra làm ba phần chính:

### 1:1–2 Sứ đồ Phao-lô chào thăm các con dân Chúa ở tai Cô-lô-se

Sứ đồ Phao-lô đã viết thư này cho dân sự của Đức Chúa Trời ở tại Cô-lô-se. Ông đã cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ họ trong mọi cách và khiến họ có sự bình an.

### 1:3–4:6 Sứ điệp chính của sứ đồ Phao-lô cho người Cô-lô-se

Sứ điệp của sứ đồ Phao-lô có thể được tóm tắt như sau: Chúa Cứu Thế Giê-su bình đẳng với Đức Chúa Trời về mọi mặt. Bởi vì Ngài đã chịu trừng phạt vì cố mọi người, những người tin Ngài trở thành dân sự của Đức Chúa Trời. Vì vậy họ nên hành xử như cách mà dân sự của Đức Chúa Trời hành xử. Họ không nên bị lừa dối bởi những người dạy một sứ điệp sai lầm về Chúa Cứu Thế. Họ nên luôn luôn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

### 4:7–18 Các sứ điệp cuối cùng và lời chào thăm

## TIỂU ĐỀ

Trong nhiều bản dịch, có các tiểu đề giúp cho các người đọc hiểu được chủ đề chính của mỗi một tiểu đoạn. Đối với một số ngôn ngữ dùng một câu đầy đủ để làm tiểu đề nghe có vẻ tự nhiên hơn (“Phao-lô cầu nguyện cho người Cô-lô-se”). Đối với các ngôn ngữ khác chỉ dùng một nhóm từ làm chủ đề nghe có vẻ tự nhiên hơn (“Lời cầu nguyện của Phao-lô cho người Cô-lô-se”). Đối với một số ngôn ngữ khác tốt hơn là dùng ngôi thứ nhất trong tiểu đề (“Tôi cầu nguyện cho anh chị em ở thành phố Cô-lô-se”). Một số ngôn ngữ khác dùng thì quá khứ trong tiểu đề nghe có vẻ tự nhiên hơn (“Phao-lô đã cầu nguyện cho người Cô-lô-se”). Dùng bất cứ kiểu tiểu đề nào nghe cho có vẻ tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn. Sau đây là một thí dụ:

- 1:1–2 Sứ đồ Phao-lô chào thăm các con dân Chúa tại thành phố Cô-lô-se.
- 1:3–12 Sứ đồ Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời về người Cô-lô-se và cầu nguyện cho họ.
- 1:13–23 Chúa Cứu Thế Giê-su là lớn hơn tất cả mọi sự.
- 1:24–2:5 Sứ đồ Phao-lô mô tả ông đang làm việc cực khổ để rao giảng Phúc Âm cho những người không phải là người Do Thái như thế nào.
- 2:6–7 Hãy cư xử giống như dân sự của Đức Chúa Trời.
- 2:8–23 Đừng theo tà giáo.
- 3:1–17 Hãy hành xử theo cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.
- 3:18–4:1 Lời khuyên cho chồng và vợ, con cái và cha mẹ, người nô lệ và người chủ.
- 4:2–6 Sứ đồ Phao-lô xin họ cầu nguyện cho ông, và dạy họ nói chuyện với người chưa tin Chúa.
- 4:7–18 Các sứ điệp cuối cùng và lời chào thăm.



## LỜI GIẢI NGHĨA SÁCH CÔ-LÔ-SE

**Tiểu Đoạn 1:1-2 Sứ đồ Phao-lô chào thăm các con dân Chúa tại thành phố Cô-lô-se.**

Đoạn văn 1:1-2

### 1:1a

**Phao-lô:** Thông thường người Hy-lạp bắt đầu thư của họ bằng cách viết tên họ, giống như sứ đồ Phao-lô đã làm ở đây. Rồi cho biết thư gửi cho ai. Ngày hôm nay người ta thường không bắt đầu viết thư bằng cách này, nên bạn có thể cần phải dùng lời chào thăm nghe tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ của bạn. Thí dụ, bạn có thể dùng một nhóm từ trong đó sứ đồ Phao-lô dùng ngôi thứ nhất để nói đến chính ông, thí dụ: “Tôi, Phao-lô, viết lá thư này”, hay “Đây là thư của tôi, Phao-lô”.

### 1:1b

**một sứ đồ:** Một *sứ đồ* là một người được Chúa Giê-su chọn lựa để đại diện cho Ngài và có quyền dạy dỗ về Ngài. Hãy xem từ này ở trong Bảng Chú Giải Các Từ Ngữ Chủ Yếu ở cuối sách. Nếu bạn dùng cụm từ “sứ giả” phải biết chắc rằng cụm từ này không phải chỉ nói đến một người rao truyền sứ điệp và không còn trách nhiệm gì khác nữa. Một sứ đồ không phải chỉ dạy về Chúa Cứu Thế, nhưng cũng còn có thẩm quyền hành động thay cho Chúa Cứu Thế. Sứ đồ Phao-lô là một “đại sứ” của Chúa Cứu Thế.

**(BDM) Chúa Cứu Thế Giê-su:**

**(BDC) Đức Chúa Jê-sus-Christ:**

**(BCG): Đức Ki-tô Giê-su:** Từ Hy-lạp *kristos*, được viết là “Christ” bằng tiếng Anh, có nghĩa là “Chúa Cứu Thế”. Từ này được dùng để nói đến tước vị của Chúa Giê-su như là Cứu Chúa mà Đức Chúa Trời hứa sẽ sai đến. BDM và BDY chuyển ngữ theo ý nghĩa của từ Hy-lạp là “Chúa Cứu Thế”. BDC dùng từ tiếng Anh “Christ”. BCG dùng cách phiên âm theo tiếng Việt của từ Hy-lạp “Ki-tô”.

Lúc đầu, từ “kristos” được dùng để nói đến tước vị của Chúa Giê-su như là Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, đến lúc sứ đồ Phao-lô viết thư này, người ta đã dùng từ “kristos” như một tên khác của Chúa Giê-su, hơn là một tước vị: Jê-sus-Christ (BDC).

“Jê-sus-Christ” là thứ tự thông thường của tên Chúa nhưng trong thư này sứ đồ Phao-lô thường gọi Chúa Giê-su bằng tên “Christ Jê-sus” hay chỉ dùng “Christ”. Ông chỉ dùng “Jê-sus-Christ” có một lần (1:3). Hầu hết các bản dịch đều cố gắng dùng cùng một thứ tự theo như bản Hy-lạp. Trong các bản dịch tiếng Việt BCG làm như vậy. BDM, BDC và BDY không bao giờ thay đổi thứ tự (Chúa Cứu Thế Giê-su). Nếu những người đọc bản dịch của bạn có thể bị bối rối bởi sự thay đổi thứ tự của tên gọi, bạn có thể cũng làm như các bản dịch trên trong bản dịch của bạn. PKTCCN theo thứ tự của bản Hy-lạp.

**theo ý Đức Chúa Trời:** Phao-lô muốn nói rõ là Đức Chúa Trời bổ nhiệm ông làm một sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su. Không phải tự ông quyết định làm sứ đồ (hãy xem Công Vụ 9:15 và 22:21).

Sứ đồ Phao-lô nhấn mạnh thẩm quyền của ông bằng cách dùng nhóm từ *sứ đồ* của Chúa Cứu Thế Giê-su cùng với *theo ý Đức Chúa Trời*. Bạn nên nối liền hai nhóm từ này bằng cách nào để cho thấy sự nhấn mạnh này. Một cách để diễn tả sự quan hệ giữa hai nhóm từ này là:

một sứ đồ đại diện/được bổ nhiệm bởi Chúa Cứu Thế Giê-su, bởi vì Đức Chúa Trời đã chọn [tôi để tôi phải trở nên một sứ đồ].

### 1:1c

**Ti-mô-thê:** Ti-mô-thê ở với sứ đồ Phao-lô khi ông viết thư này. Có lẽ sứ đồ Phao-lô đọc thư

cho Ti-mô-thê chép, nhưng không ai biết rõ. Các nhà học giả Kinh Thánh đồng ý rằng sứ đồ Phao-lô là tác giả duy nhất của lá thư này. Một cách để bạn có thể chuyển ngữ phần này của câu mà tránh hàm ý rằng Ti-mô-thê cũng là tác giả của thư này là nói như sau:

Tôi, Phao-lô, cùng với người anh em của chúng ta Ti-mô-thê, gửi thư này cho anh chị em...

**người anh em:** Vì Đức Chúa Trời là Cha của tất cả các con dân Chúa, tất cả các con dân Chúa đều là anh, chị, em. Vì vậy, người trong thời Tân Ước thường dùng từ “anh chị em” khi nói đến một tín hữu. Bạn nên chuyển ngữ từng từ một trong bản dịch của bạn nếu được. Tuy nhiên, đối với một vài ngôn ngữ cụm từ này có thể có nghĩa là anh em cùng một huyết thống. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng như vậy, bạn có thể dùng một cụm từ khác có nghĩa là “bạn hữu trong Chúa”.

### 1:2a

**anh chị em là những người thánh thiện và trung tín với Chúa Cứu Thế:** Anh chị em này là những người tận hiến cho Đức Chúa Trời và trung tín với Chúa Cứu Thế Giê-su.

**anh chị em:** Không nên dùng cụm từ “anh em” vì chỉ nói đến đàn ông, bạn nên dùng cụm từ “anh chị em”, hay dùng một cụm từ có nghĩa là “các tín hữu” như đã nói ở trong 1:1c.

**người thánh thiện:** Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *người thánh thiện* nói đến tất cả các con dân Chúa, tức là, tất cả các tín hữu thật. Đây không nói đến những người được hội thánh phong thánh. Có thể chuyển ngữ *thánh thiện* bằng nhiều cách khác:

- anh chị em là những người tận hiến cho Đức Chúa Trời
- biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời
- thuộc về Đức Chúa Trời
- dân sự của Đức Chúa Trời

Hãy xem ý nghĩa 1 của *thánh thiện*, trong Bảng Chú Giải Các Từ Ngữ Chủ Yếu để biết thêm chi tiết.

**trung tín:** Hãy để ý là *trung tín* ở đây không có nghĩa là những người này trung tín

với sứ đồ Phao-lô. Có nghĩa là những người này trung tín với Chúa Cứu Thế.

**với Chúa Cứu Thế:** Đây là một nhóm từ được sứ đồ Phao-lô dùng ở trong tất cả những thư tín của ông. Trong bản Hy-lạp nhóm từ này chuyển ngữ từng từ một là “trong Christ” và đây là cách mà BDC và BCG chuyển ngữ. BDY chuyển ngữ là “của Chúa Cứu Thế. Có nghĩa là “được kết hợp làm một với Chúa Cứu Thế”, hay “hoàn toàn tin cậy nơi Chúa Cứu Thế”. Đây là một nhóm từ khó chuyển ngữ.

### 1:2b

**Nguyện xin Đức Chúa Trời là Cha chúng ta ban ân sủng và bình an cho anh chị em:**

Trong lời chào thăm này, sứ đồ Phao-lô bày tỏ một ước muốn mạnh mẽ hay một lời cầu nguyện. Trong bản Hy-lạp, phần này của câu không có động từ, nhưng ngôn ngữ của bạn có thể đòi hỏi dùng một động từ, như các bản tiếng Việt dùng thí dụ: “*Nguyện xin Đức Chúa Trời là Cha chúng ta ban ân sủng...*”

**ân sủng:** Qua suốt Tân Ước, từ này thường được dùng để nói đến cách mà Đức Chúa Trời đối xử với con người đầy tội lỗi. Có nghĩa là: “Đức Chúa Trời giúp người ta bởi vì Ngài là Đấng hay thương xót, không phải bởi vì họ đã làm điều gì để xứng đáng với sự giúp đỡ của Ngài”. Tuy nhiên trong câu này nó là một phần của lời chào thăm thông thường bằng tiếng Hy-lạp và có ý nghĩa tổng quát hơn. Vì vậy bạn không cần phải diễn tả đầy đủ ý nghĩa của từng từ. Hãy xem ý nghĩa 1 của *ân sủng* trong Bảng Chú Giải Các Từ Ngữ Chủ Yếu để biết thêm chi tiết.

Có mấy cách khác để chuyển ngữ:

Câu xin Đức Chúa Trời Cha của chúng ta đối xử với anh chị em một cách nhân từ/tử tế

-HAY-

Chúng tôi cầu xin rằng Đức Chúa Trời Cha chúng ta sẽ giúp đỡ anh chị em trong mọi cách

-HAY-

Chúng tôi xin Đức Chúa Trời Cha chúng ta ban phước cho anh chị em với sự nhân từ của Ngài

**bình an:** Đây muốn nói đến cách Đức Chúa Trời khiến dân sự của Ngài hoà thuận

**Tiểu Đoạn 1:1-2 Sứ đồ Phao-lô chào thăm các con dân Chúa tại thành phố Cô-lô-se**

- 1:1a** **Tôi là Phao-lô,**  
¶ [Tôi,] Phao-lô, [viết lá thư này.]  
**-HAY-**  
¶ [Thư này đến từ tôi,] Phao-lô.
- 1:1b** **một sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su theo ý Đức Chúa Trời**  
[Chính] Đức Chúa Trời đã lựa chọn tôi làm đại diện cho Chúa Cứu Thế Giê-su.  
**-HAY-**  
[Tôi là] một sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su bởi vì Đức Chúa Trời đã lựa chọn tôi [làm một sứ đồ].
- 1:1c** **và Ti-mô-thê, người anh em.**  
[Tôi, cùng] với [ông] Ti-mô-thê [là] anh em [trong Chúa] của chúng ta [chào thăm anh chị em].  
**-HAY-**  
Tôi [đang ở đây] với người anh em [trong Chúa] của chúng ta, [ông] Ti-mô-thê.
- 1:2a** **Kính gửi anh chị em là những người thánh thiện và trung tín với Chúa Cứu Thế tại thành Cô-lô-se.**  
[Tôi đang viết thư này] cho anh chị em là dân sự của Đức Chúa Trời và là anh chị em trung tín [trong Chúa] của chúng tôi, [là những người đã] hiệp một với Chúa Cứu Thế, tại [thành phố] Cô-lô-se.  
**-HAY-**  
[Tôi] gửi [thư này] anh chị em là người tin cậy Chúa Cứu Thế và là tín hữu tại [thành phố] Cô-lô-se. Anh chị em đã tận hiến cho Đức Chúa Trời và trung tín với Chúa Cứu Thế.
- 1:2b** **Nguyện xin Đức Chúa Trời là Cha chúng ta ban ân sủng và bình an cho anh chị em.**  
Tôi cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời, Cha chúng ta, sẽ tiếp tục giúp đỡ anh chị em và sẽ khiến anh chị em có sự bình an.  
**-HAY-**  
Nguyện xin Đức Chúa Trời là Cha [thiên thượng] của chúng ta, luôn luôn ban phước cho anh chị em và khiến cho anh chị em có sự bình an trong lòng.

với chính Ngài và với nhau. Ý nghĩa của từ Hy-lạp bao gồm không những chỉ có sự bình

an trong tâm trí của một người, nhưng cũng còn có sức khỏe và thịnh vượng nữa.

**Tiểu Đoạn 1:3-12 Sứ đồ Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời về người Cô-lô-se và cầu nguyện cho họ.**

Trong tiểu đoạn này, sứ đồ Phao-lô nói với các con dân Chúa ở thành phố Cô-lô-se rằng ông thường cảm tạ Đức Chúa Trời về họ. Ông biết ơn Đức Chúa Trời vì họ đã tin cậy nơi Chúa Cứu

Thế Giê-su, và họ yêu mến tất cả các con dân Chúa. Ông nói với họ về những lời cầu nguyện của ông cho họ xin Đức Chúa Trời khiến cho họ khôn ngoan và giúp cho họ hiểu được điều ông muốn họ hiểu.

Ông Ê-pháp-ra đã từ thành phố Cô-lô-se đến thăm sứ đồ Phao-lô trong tù. Ông đem tin tức về các nhóm tín hữu ở Cô-lô-se và các thành phố gần đó. Sứ đồ Phao-lô rất vui nghe nói các con dân Chúa ở Cô-lô-se đang tin cậy một cách vững chắc vào Chúa Giê-su. Tuy nhiên, ông cũng quan tâm khi nghe nói rằng một số người trong vòng họ muốn tiếp tục thực hành các tín ngưỡng cũ, và những người khác nói rằng các con dân Chúa phải vâng theo luật lệ của người Do Thái. Trong tiểu đoạn này của thư của ông, sứ đồ Phao-lô tập trung vào các tin tức tốt mà ông đã nghe từ ông Ê-pháp-ra.

### Đoạn văn 1:3-8

**Chủ đề:** Sứ đồ Phao-lô tiếp tục cảm ơn Đức Chúa Trời về các con dân Chúa tại Cô-lô-se, bởi vì họ đã tin cậy nơi Chúa Cứu Thế Giê-su và bởi vì họ đã yêu mến các tín hữu.

#### 1:3

**chúng tôi:** Sứ đồ Phao-lô dùng “chúng tôi” bởi vì ông muốn kể cả ông Ti-mô-thê, và có lẽ những người khác cùng ở với ông.

**Cha:** Đức Chúa Trời không phải là Cha theo ý nghĩa thông thường của một người làm cha trên đời này. Từ *Cha* dùng một cách tượng hình và được dùng để diễn tả quan hệ độc đáo và gắn gũi giữa Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su. Gọi Đức Chúa Trời là *Cha* và Chúa Giê-su là “Con Đức Chúa Trời” là cách nói tượng hình quan trọng dùng trong suốt Tân Ước và bạn nên giữ cách nói tượng hình này trong bản dịch của bạn. Nếu ngôn ngữ của bạn không thể nào dùng những cách nói tượng hình này được, bạn phải thảo luận về những cách khả dĩ khác với người Cố Vấn về chuyển ngữ của bạn để biết chắc là bạn đã dùng sự thay thế tốt nhất.

#### 1:4a

**vì:** Ở đây sứ đồ Phao-lô đưa ra một vài lý do đặc biệt tại sao ông cảm tạ Đức Chúa Trời về các con dân Chúa ở Cô-lô-se.

**chúng tôi đã nghe:** Trong 1:8 sứ đồ Phao-lô đã viết rằng ông Ê-pháp-ra là người nói cho ông biết về các con dân Chúa ở Cô-lô-se. Có lẽ ông cũng đã nghe qua những người khác về hội thánh ở tại thành phố Cô-lô-se. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói ai là người đã

nói với sứ đồ Phao-lô về người Cô-lô-se. Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi làm như vậy, bạn có thể nói “Ông Ê-pháp-ra đã bảo chúng tôi...” dựa trên 1:8.

**đức tin:** Đối với nhiều ngôn ngữ, diễn tả *đức tin* bằng hình thức của một động từ thì rõ ràng hơn. Đó là lý do tại sao trong PKTCCN nói là “rằng anh chị em tin cậy Chúa Cứu Thế Giê-su”.

#### 1:4b

**lòng yêu thương:** Tiếng Hy-lạp có nhiều chữ có thể chuyển ngữ là “yêu” bằng tiếng Việt. Từ dùng trong câu này là *agapē*. Các người Hy-lạp trong thời Tân Ước ít khi dùng nó. Tuy nhiên, các con dân Chúa đầu tiên bắt đầu dùng nó để chỉ về tình yêu thương được Chúa Giê-su dạy dỗ. Đây không phải là tình yêu thương thuần túy tình cảm, như từ “yêu”. *Agapē* diễn tả tình yêu kính trọng, giúp đỡ người ta và khuyến khích họ mà không mong đợi người ta làm cái gì để đền đáp lại. Đây là cách Đức Chúa Trời yêu mến chúng ta.

Trong nhiều ngôn ngữ cần phải chuyển ngữ danh từ *yêu* như một động từ. Có thể nói như sau: “rằng anh chị em yêu mến tất cả các thánh đồ.”

**các thánh đồ:** Là cùng một từ được chuyển ngữ là *người thánh thiện* trong 1:2a. Hãy xem lời giải nghĩa của 1:2a. Một cách để chuyển ngữ cụm từ này là “đàn sự của Đức Chúa Trời”.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:4:** Đối với một số ngôn ngữ, người ta thường dùng những câu đối thoại trực tiếp khi nói về điều mà một người nào nói. Nếu ngôn ngữ của bạn cũng

**Tiểu Đoạn 1:3-12 Sứ đồ Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời về người Cô-lô-se và cầu nguyện cho họ.**

- 1:3** **Mỗi khi cầu nguyện cho anh chị em, chúng tôi luôn luôn dâng lời tạ ơn Đức Chúa Trời, là Cha của Chúa Cứu Thế Giê-su chúng ta,**  
¶ Mỗi lần chúng tôi cầu nguyện cho anh chị em, chúng tôi cảm tạ Đức Chúa Trời, Cha của Chúa Cứu Thế Giê-su của chúng ta, [về anh chị em],  
**-HAY-**  
¶ Mỗi lần chúng tôi cầu nguyện cho anh chị em, chúng tôi cảm tạ Đức Chúa Trời [vì anh chị em]. Đức Chúa Trời là Cha của Chúa Cứu Thế Giê-su của chúng ta.
- 1:4a** **vì chúng tôi đã nghe nói về đức tin của anh chị em nơi Chúa Cứu Thế Giê-su**  
bởi vì chúng tôi đã nghe [tin tức về anh chị em. [Ông] Ê-pháp-ra đã bảo chúng tôi rằng] anh chị em tin cậy nơi Chúa Cứu Thế Giê-su,  
**-HAY-**  
[Chúng tôi cảm tạ Đức Chúa Trời] vì chúng tôi đã nghe rằng anh chị em tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-su,
- 1:4b** **và về lòng yêu thương của anh chị em đối với tất cả các thánh đồ.**  
và anh chị em yêu mến tất cả các con dân Chúa.
- 1:5a** **Vì niềm hy vọng dành sẵn trên trời cho anh chị em,**  
[Anh chị em tin cậy Chúa Cứu Thế Giê-su và yêu mến con dân Chúa như vậy] bởi vì anh chị em tin tưởng rằng [Đức Chúa Trời] đã chuẩn bị một phần thưởng cho anh chị em trên thiên đàng.

như vậy, bạn có thể dùng một câu đối thoại trực tiếp cho 1:4, thí dụ:

[Chúng tôi cảm ơn Đức Chúa Trời về anh chị em,] bởi vì [người ta] đã nói lại với chúng tôi: “Các con dân Chúa ở Cô-lô-se thật sự tin Chúa Cứu Thế Giê-su, và họ yêu mến tất cả các con dân Chúa”.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:3-4 Đối với một số ngôn ngữ để 1:4 trước 1:3 thì nghe có vẻ tự nhiên hơn. Thí dụ:

Chúng tôi đã nghe nói rằng anh chị em tin cậy Chúa Cứu Thế Giê-su và anh chị em yêu mến tất cả các con dân Chúa. Vì vậy, khi cầu nguyện cho anh chị em, chúng tôi luôn luôn cảm ơn Đức Chúa Trời, Cha của Chúa Cứu Thế Giê-su, [về anh chị em].

**1:5a**

**Vì niềm hy vọng dành sẵn trên trời cho anh chị em:** Phao-lô nói rằng các con dân Chúa tại Cô-lô-se tin cậy nơi Chúa Cứu Thế Giê-su và yêu mến tất cả các tín hữu bởi vì họ có hy vọng.

**hy vọng:** Đối với tiếng Việt khi nói “tôi hy vọng ngày mai trời mưa” có nghĩa là người nói không chắc chắn: ông ta muốn cho trời mưa, nhưng không biết ngày mai trời sẽ mưa hay không. Nhưng từ Hy-lạp *elpis*, được chuyển ngữ là *hy vọng* ở đây, thì có nghĩa là “chờ đợi với lòng tin chắc là một việc gì đó sẽ xảy ra”. *Hy vọng* trọn vẹn của các con dân Chúa là:

- Chúa Cứu Thế sẽ từ thiên đàng xuống.
- Những con dân Chúa đã chết sẽ được sống lại và những người còn đang sống sẽ được

cất lên trời cùng với những người khác để gặp Chúa Cứu Thế.

- (c) Tất cả đều sẽ tiếp nhận thân xác mới.
- (d) Tất cả sẽ được Đức Chúa Trời tiếp nhận như là dân sự toàn hảo của Chúa.
- (đ) Tất cả sẽ sống đời đời với Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế trên thiên đàng.

Khi sứ đồ Phao-lô nói rằng *niềm hy vọng dành sẵn trên trời cho anh chị em*, ông đang nói đến những điều tuyệt diệu mà các con dân Chúa đang chờ đợi, tất cả những điều mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho dân Ngài ở trên thiên đàng.

**dành sẵn:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây là *apokeimai*. Nó có nghĩa là “cất đi”, hay, “dự trữ”, giống như một người nông dân trữ lúa thóc trong kho để họ có thể dùng trong tương lai. Phao-lô không nói rằng Đức Chúa Trời đã trữ các “vật chất” như là tiền bạc hay đồ ăn, nhưng ông đang nói đến phần thưởng mà Đức Chúa Trời dành sẵn cho dân sự của Ngài và Ngài đang “giữ an toàn” chúng. Sau đây là một cách khác để chuyển ngữ:

Đức Chúa Trời đang giữ an toàn các phần thưởng cho anh chị em ở trên thiên đàng và anh chị em có thể tin chắc là Ngài sẽ ban cho anh chị em.

### 1:5c-6a

**Đạo chân lý là Phúc Âm:** Sứ đồ Phao-lô không viết về hai việc khác nhau. *Đạo chân lý* và *Phúc Âm* nói đến cùng một việc.

**Đạo chân lý:** Cụm từ này có nghĩa là sứ điệp thật về Chúa Cứu Thế. Trong những câu này, sứ đồ Phao-lô bắt đầu nhấn mạnh rằng sứ điệp nguyên thủy về Chúa Cứu Thế mà các người Cô-lô-se được dạy dỗ là sứ điệp thật duy nhất về Chúa Cứu Thế. Ông đã nhấn mạnh điều này bởi vì một số người tại Cô-lô-se đã bắt đầu dạy những điều sai về Chúa Cứu Thế.

**Phúc Âm:** Từ Hy-lạp *euaggelion* có nghĩa là “tin tức tốt”. Trong thời của các sứ đồ, từ này được dùng để nói đến “Sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Cứu Thế”. Nếu bạn dùng một nhóm từ tổng quát để chuyển ngữ nó giống như “tin tức tốt”, hãy thử lại xem các đọc giả của bạn sẽ hiểu từ ngữ được dùng

là để nói đến sứ điệp về Chúa Cứu Thế hay không. Hãy xem *Phúc Âm* trong Bảng Chú Giải Các Từ Ngữ Chủ Yếu.

**mà anh chị em đã nghe:** Mặc dù sự diễn tả này là một phần của 1:6, nó được kết hợp về văn phạm với 1:5.

Trong câu này, sứ đồ Phao-lô đã không nói ai đem Phúc Âm. Trong 1:7, Phao-lô nói rằng ông Ê-pháp-ra là người dạy họ về Phúc Âm. Tuy nhiên, có thể ông Ê-pháp-ra không phải là giáo sư duy nhất đem Phúc Âm đến cho người Cô-lô-se. Vậy nếu bạn cần phải nói trong bản dịch của bạn là ai mang sứ điệp, tốt hơn là nên nói một cách tổng quát như là “người ta đã đến và nói với anh chị em...”

**Lời giải nghĩa tổng quát về 1:5a-6a:** Có thể thay đổi thứ tự của các phần trong 1:5a-6a sẽ giúp ích cho bản dịch:

Khi sứ điệp thật, Phúc Âm, mới đến với anh chị em lần đầu tiên, anh chị em đã nghe về hy vọng mà Phúc Âm mang đến. Vậy nên đức tin và tình yêu thương của anh chị em được dựa trên điều anh chị em hy vọng, đó là điều đã được giữ an toàn trên thiên đàng cho anh chị em.

Có thể nói một cách khác:

Khi người ta mới đến và nói với anh chị em về sứ điệp thật, Phúc Âm [về Chúa Cứu Thế, anh chị em đã nghe và tin nó]. Bây giờ anh chị em đang chờ đợi các phước hạnh mà [Đức Chúa Trời] đã dự định ban cho anh chị em trên thiên đàng, [anh chị em đang tin cậy nơi Chúa Cứu Thế và yêu mến tất cả dân sự của Đức Chúa Trời].

### 1:6b

**khắp thế giới:** Đây là cách nói phóng đại được dùng để nhấn mạnh rằng Phúc Âm đã được lan rộng ra nhiều nơi trên thế giới. Nếu cách nói phóng đại nghe không được tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể chuyển ngữ phần này của câu là: “cho người ta tại nhiều nơi”.

**đang kết quả và tăng trưởng:** Trong bản Hy-lạp dùng cách nói tượng hình gồm có những từ về canh nông. Đối với tiếng Hy-lạp *kết quả* là “ra trái” và *tăng trưởng* là “lớn lên”. Phao-lô so sánh sự lan rộng của Phúc Âm với một

<b>1:5b</b>	<p><b>điều này anh chị em đã được nghe trước đây</b>  Anh chị em đã nghe về [những điều tốt đẹp mà Đức Chúa Trời đã hứa làm cho anh chị em],  <b>-HAY-</b>  Anh chị em đã nghe về [điều này],</p>
<b>1:5c-6a</b>	<p><b><sup>5c</sup>trong Đạo chân lý là Phúc Âm. <sup>6a</sup>Phúc Âm mà anh chị em đã nghe</b>  <b>(BCG) <sup>5c</sup>khi lời chân lý là Tin Mừng <sup>6a</sup>đến với anh em;</b>  khi [người ta] mới [đến với anh chị em và] nói cho anh chị em biết về sứ điệp thật [về Chúa Cứu Thế, tức là] tin mừng [về Chúa Giê-su].  <b>-HAY-</b>  [khi người ta đến thành phố của anh chị em và] nói với anh chị em về Phúc Âm của Chúa Cứu Thế Giê-su, [là] sứ điệp thật của Đức Chúa Trời.</p>
<b>1:6b</b>	<p><b>cũng được truyền bá khắp thế giới, hiện đang kết quả và tăng trưởng</b>  <b>(BCG) Tin Mừng này đang sinh hoa trái và lớn lên trên toàn thế giới như thế nào,</b>  Trên khắp thế giới có nhiều người tin nhận Phúc Âm này và thay đổi lối sống của họ [để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời].  <b>-HAY-</b>  Ở nhiều nơi, [người ta nghe sứ điệp về Chúa Cứu Thế và] càng có nhiều người trở nên con dân Chúa và hành xử theo cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.</p>
<b>1:6c</b>	<p><b>cũng y như nơi anh chị em từ ngày anh chị em được nghe</b>  <b>(BCG) thì nơi anh em cũng vậy, từ ngày anh em được nghe nói</b>  Đây chính là điều đã xảy ra giữa vòng anh chị em kể từ lần đầu tiên anh chị em được nghe sứ điệp,</p>

cây ra trái và lớn lên. BCG giữ cách nói tượng hình của bản Hy-lạp. Bởi vì cách nói tượng hình này không được rõ ràng bằng tiếng Việt, BDM chuyển ngữ theo ý nghĩa.

Sứ đồ Phao-lô nói rằng Phúc Âm *đang kết quả và tăng trưởng*. *Kết quả* nói đến khi một người tin cậy nơi Chúa Cứu Thế người ấy được thay đổi theo chiều hướng tốt và có lợi ích. *Tăng trưởng* có nghĩa là có nhiều người tin Phúc Âm hơn. Cách chuyển ngữ sau giữ cách nói tượng hình và giải thích nó:

Một cây tốt tiếp tục ra trái và lớn lên. Cũng vậy sứ điệp tốt về Chúa Cứu Thế khiến cho người ta sống một đời sống đạo đức và có nhiều người tin tưởng nơi sứ điệp đó hơn.

Nếu cách nói tượng hình này (*kết quả và tăng trưởng*) khiến cho người ta hiểu lầm, bạn có thể bỏ cách nói tượng hình và chỉ chuyển ngữ theo ý nghĩa giống như BDM đã làm. Tuy nhiên, bạn phải chuyển ngữ và hỏi ý kiến của nhiều người để biết chắc là họ hiểu đúng nghĩa.

**1:6d**

**ân sủng:** Ở đây sứ đồ Phao-lô đã dùng cụm từ *ân sủng* như một cụm từ đồng nghĩa với Phúc Âm. Đây là sứ điệp nói rằng Đức Chúa Trời cứu chuộc những người tin cậy nơi Chúa Cứu Thế một cách miễn phí và bởi ân sủng. Đối với nhiều ngôn ngữ cụm từ *ân sủng của Đức Chúa Trời* phải được chuyển ngữ như một mệnh đề, thí dụ: “Đức Chúa Trời đây ân sủng và nhân từ “. Hãy xem ý nghĩa 2 *ân sủng* trong Bảng Chú Giải Các Từ Ngữ Chủ Yếu.

**hiểu thấu chân lý:** Hầu hết các bản dịch đều hiểu câu này có nghĩa là “chân lý về ân sủng của Đức Chúa Trời”.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:6b-d:** Đối với một số ngôn ngữ sắp đặt lại thứ tự của 1:6b-d sẽ giúp ích hơn. Sau đây là một cách để đổi thứ tự:

Khi anh chị em nghe rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho anh chị em một cách miễn phí, anh chị em hiểu và tin tất cả sứ điệp của Đức Chúa Trời theo như nó được trình bày. Bây giờ anh chị em hành xử một cách đẹp lòng Đức Chúa Trời. Cũng vậy, người ta ở nhiều nơi [đã nghe và tin sứ điệp này] và họ đang hành xử một cách đẹp lòng Đức Chúa Trời. Vậy nên sứ điệp này đang được loan truyền cho những người khác

**1:7a**

**Anh chị em đã học điều đó với Ê-pháp-ra:** Một số ngôn ngữ nói: “Ê-pháp-ra đã dạy sứ điệp này cho anh chị em” thì rõ hơn là *anh chị em học điều đó từ Ê-pháp-ra*.

**Ê-pháp-ra:** Ông Ê-pháp-ra chính là người dạy người Cô-lô-se về Chúa Cứu Thế.

**1:7b**

**người bạn đồng lao thân yêu của chúng tôi:** Sứ đồ Phao-lô nói ông Ê-pháp-ra là *bạn đồng lao*, có nghĩa là ông Ê-pháp-ra là tôi tớ của Chúa Cứu Thế giống như sứ đồ Phao-lô và anh Ti-mô-thê vậy.

**chúng tôi:** Từ *chúng tôi* nói đến sứ đồ Phao-lô và ông Ti-mô-thê và có lẽ các con dân Chúa khác ở cùng với họ.

Trong 1:5-7 sứ đồ Phao-lô đã nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời chỉ ban cho một sứ điệp thật,

tức là sứ điệp về Chúa Cứu Thế mà ông Ê-pháp-ra đã dạy cho người Cô-lô-se từ đầu. Trong 1:7 sứ đồ Phao-lô đã nhấn mạnh rằng Ê-pháp-ra là sứ giả của Chúa Giê-su cũng như là ông và anh Ti-mô-thê vậy. Nên sứ đồ Phao-lô nói rằng nếu các con dân Chúa ở thành phố Cô-lô-se từ khước ông Ê-pháp-ra, họ cũng từ khước cả ông và Ti-mô-thê.

**1:7c**

**cũng là người trung tín phục vụ Chúa Cứu Thế:** Trong 1:7b sứ đồ Phao-lô gọi ông Ê-pháp-ra là “bạn đồng lao”. Trong 1:7c, bản Hy-lạp dùng một từ khác nhưng có cùng một ý nghĩa tương tự “người làm việc, đầy tớ”.

**trung tín:** Đây có nghĩa là ông Ê-pháp-ra là người đáng tin cậy, ông tiếp tục làm việc cho Chúa Cứu Thế ngay cả khi hoàn cảnh khó khăn.

**thay cho anh chị em:** Một số bản thảo Hy-lạp dùng: “thay cho chúng tôi”, và các bản thảo khác dùng: “thay cho anh chị em”.

- (1) BCG dùng “thay thế chúng tôi”. Điều này có nghĩa là sứ đồ Phao-lô đang nói rằng ông Ê-pháp-ra trung tín hầu việc Chúa Cứu Thế giữa vòng người Cô-lô-se như là đại diện cho sứ đồ Phao-lô (và Ti-mô-thê). BDC chuyển ngữ là: “người giúp-đỡ chúng tôi”.
- (2) BDM và BDY dùng “thay cho anh chị em”. Các bản dịch khác nói rằng ông Ê-pháp-ra đã trung tín phục vụ Chúa Cứu Thế bằng cách làm một người đại diện cho các người ở Cô-lô-se cho sứ đồ Phao-lô (và ông Ti-mô-thê).

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách đầu tiên bởi vì nó được hỗ trợ nhiều nhất trong các bản thảo Hy-lạp. Nó cũng thích hợp với ngữ cảnh, vì sứ đồ Phao-lô đang nhấn mạnh đến công việc của ông ở giữa những người Cô-lô-se.

**1:8**

**lòng yêu thương của anh chị em:** Nhiều ngôn ngữ đòi hỏi nói rõ các con dân Chúa ở Cô-lô-se yêu thương ai. Có ba quan niệm:

- (1) Họ yêu thương những con dân Chúa khác (như ở trong 1:4).
- (2) Họ yêu thương lẫn nhau.



<b>1:6d</b>	<p><b>và hiểu thấu chân lý về ân sủng của Đức Chúa Trời. (BCG) và nhận biết ân sủng của Thiên Chúa thực sự là gì.</b>  và anh chị em hoàn toàn hiểu biết sứ điệp thật nói về Đức Chúa Trời nhân từ như thế nào.  <b>-HAY-</b>  và anh chị em đã hiểu chân lý về Đức Chúa Trời [tha thứ các tội lỗi của những người tin cậy nơi Ngài] một cách đầy ân sủng/miễn phí.</p>
<b>1:7a</b>	<p><b>Anh chị em đã học điều đó với Ê-pháp-ra,</b>  Đó là [anh] Ê-pháp-ra đã dạy dỗ anh chị em [sứ điệp này].  <b>-HAY-</b>  Đó là [anh] Ê-pháp-ra đã dạy anh chị em.</p>
<b>1:7b</b>	<p><b>người bạn đồng lao thân yêu của chúng tôi,</b>  Chúng tôi yêu mến anh. Anh ấy là một người hầu việc [Chúa] như chúng tôi.  <b>-HAY-</b>  Anh ấy hầu việc Chúa Cứu Thế giống như chúng tôi vậy và chúng tôi yêu mến anh.</p>
<b>1:7c</b>	<p><b>cũng là người trung tín phục vụ Chúa Cứu Thế thay cho anh chị em.</b>  Anh ấy đã trung tín hầu việc Chúa Cứu Thế [ở giữa vòng anh chị em] như là người đại diện cho chúng tôi.  <b>-HAY-</b>  Anh ấy đã đại diện chúng tôi khi anh hầu việc Chúa Cứu Thế [bằng cách dạy dỗ anh chị em Phúc Âm].</p>
<b>1:8</b>	<p><b>Ê-pháp-ra cũng đã thuật cho chúng tôi nghe về lòng yêu thương của anh chị em trong Thánh Linh.</b>  Anh cũng là người nói cho chúng tôi biết Đức [Thánh] Linh đã khiến anh chị em yêu mến [dân sự của Đức Chúa Trời] như thế nào.  <b>-HAY-</b>  Anh ấy [đã đến đây và] nói cho chúng tôi biết Thánh Linh [của Đức Chúa Trời] đang [làm việc trong anh chị em] khiến anh chị em yêu mến [tất cả dân sự của Đức Chúa Trời] như thế nào.</p>

(3) Họ yêu thương các ông Phao-lô và Ti-mô-thê.

Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi có túc từ cho *lòng yêu thương* của họ, chúng tôi đề nghị bạn nên theo quan niệm thứ nhất. Có lẽ câu này đề cập ngược trở lại 1:4 nơi sứ đồ Phao-lô đã viết rằng các người Cô-lô-se đã yêu mến tất cả dân sự của Đức Chúa Trời. Quan niệm thứ nhất bao gồm cả quan niệm thứ nhì, bởi vì nếu họ yêu mến tất cả các tín hữu họ cũng sẽ yêu mến lẫn nhau.

**trong Thánh Linh:** Đây có nghĩa là các con dân Chúa ở Cô-lô-se yêu mến lẫn nhau qua Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh làm việc trong lòng họ và khiến cho họ yêu mến lẫn nhau. Có thể diễn tả điều này như sau:

tình yêu thương mà Đức Thánh Linh đã ban cho anh chị em.

Đoạn văn 1:9-12

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô tiếp tục nài xin Đức Chúa Trời giúp đỡ cho những người Cô-lô-se

biết tất cả mọi điều Đức Chúa Trời muốn họ làm.

Sứ đồ Phao-lô không thật sự cầu nguyện trong những câu này. Ông đang bảo những người Cô-lô-se điều ông thường cầu nguyện cho họ. Trong bản Hy-lạp bốn câu này là một câu dài. Có lẽ bạn cần phải chia câu này ra làm nhiều câu trong bản dịch của bạn giống như các bản tiếng Việt làm. Phần chính của câu dài này là “chúng tôi đã không ngừng cầu nguyện cho anh chị em và xin Đức Chúa Trời...” (1:9a-b). Phần còn lại của các câu này chứa đựng một danh sách của những điều sứ đồ Phao-lô đã cầu nguyện cho người Cô-lô-se.

Hãy nghiên cứu những cách khác nhau mà các bản tiếng Việt đã dùng để chia 1:9-12 ra làm nhiều câu ngắn. Hãy quan tâm đến cách bạn có thể sắp đặt các câu và nối kết chúng lại với nhau để lời cầu nguyện của sứ đồ Phao-lô nghe có vẻ tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn. Một cách để làm điều này là lặp lại “Chúng tôi cầu xin rằng...” tại phần đầu của mỗi vấn đề mà sứ đồ Phao-lô cầu nguyện cho người Cô-lô-se.

### 1:9a

**Vì lý do đó:** Những từ này nối 1:9-12 với điều sứ đồ Phao-lô nói ở trong 1:3-8. Bởi vì những tin tức mà sứ đồ Phao-lô đã nghe về người Cô-lô-se, ông đã cầu nguyện cho họ.

**chúng tôi không ngừng cầu nguyện cho anh chị em:** Đây là một cách nói phóng đại khác (hãy xem 1:6b). Nó không có nghĩa là sứ đồ Phao-lô đã cầu nguyện cho các tín hữu ở Cô-lô-se cả ngày và cả đêm. Nó có nghĩa là ông đã thường xuyên cầu nguyện cho họ. Nếu nghe tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ của bạn, bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ *không ngừng cầu nguyện* một cách tích cực, thí dụ:

“chúng tôi tiếp tục cầu nguyện cho anh chị em.”

### 1:9b

**hiểu thấu:** Sứ đồ Phao-lô cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến cho người Cô-lô-se hiểu thấu tất cả mọi điều Ngài muốn, và tất cả mọi điều Ngài muốn họ làm.

**ý chỉ Ngài:** Ý chỉ của Đức Chúa Trời là điều Ngài muốn và ao ước. Vậy nên sứ đồ Phao-lô cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến người Cô-lô-se hiểu biết trọn vẹn điều Ngài muốn cho họ.

### 1:9c

**bằng tất cả sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ này bắt đầu bằng một giới từ *en*. Từ Hy-lạp này có thể có nhiều ý nghĩa tùy theo ngữ cảnh. Bởi từ này, các học giả Kinh Thánh có hai quan niệm khác nhau về cách 1:9b nối kết với 1:9c:

- (1) 1:9c là các phương tiện mà một người được đầy sự hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời (1:9b). Vậy 1:9b-c có nghĩa là: “[Chúng tôi xin Đức Chúa Trời] khiến anh chị em hiểu trọn vẹn tất cả điều Ngài muốn anh chị em làm qua việc Chúa khiến cho anh chị em được sự khôn ngoan và có thể hiểu được các việc thiêng liêng”. (BDM, BDY)
- (2) 1:9c đi kèm theo với 1:9b. Vậy sứ đồ Phao-lô không những chỉ cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ làm cho người Cô-lô-se đầy đầy sự hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng cũng đầy sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng (BDC, BCG).

Cả hai quan niệm này đều khả dĩ. PKTCCN theo cách giải thích thứ nhất bởi vì nó được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các người chuyển ngữ Kinh Thánh và các học giả Kinh Thánh. Nếu bạn muốn theo cách thứ nhì, bạn có thể nói:

tức là, [để Đức Chúa Trời sẽ làm anh chị em đầy đầy] với tất cả sự khôn ngoan và sự hiểu biết thiêng liêng.

**tất cả sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng:** Theo thứ tự của các từ ngữ không rõ các từ *tất cả* và *thiên liêng* được nối kết với các danh từ *sự khôn ngoan* và *hiểu biết* như thế nào. Có hai cách giải thích khả dĩ:

- (1) Các từ *tất cả* và *thiên liêng* bổ nghĩa cho cả hai danh từ, vậy nên nó được chuyển ngữ là *tất cả sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng*.
- (2) Từ *tất cả* chỉ bổ nghĩa cho danh từ *sự khôn ngoan* và từ *thiên liêng* chỉ bổ nghĩa danh từ *hiểu biết*. Một số bản dịch

<b>1:9a</b>	<p><b>Vì lý do đó, từ ngày được tin về anh chị em, chúng tôi không ngừng cầu nguyện cho anh chị em,</b> ¶ Vì [chúng tôi đã nghe] phản ảnh tốt về anh chị em, chúng tôi hằng cầu nguyện cho anh chị em kể từ lúc chúng tôi nghe được tin ấy. <b>-HAY-</b> ¶ Kể từ khi [anh Ê-pháp-ra/người ta] thuật lại cho chúng tôi tin tức này về anh chị em, chúng tôi luôn luôn nài xin Đức Chúa Trời giúp đỡ anh chị em.</p>
<b>1:9b</b>	<p><b>xin Đức Chúa Trời cho anh chị em hiểu thấu ý chỉ Ngài</b> Chúng tôi xin Đức Chúa Trời giúp đỡ anh chị em hiểu thông suốt tất cả mọi điều Ngài muốn [anh chị em làm].Phi-r <b>-HAY-</b> Chúng tôi xin Đức Chúa Trời giúp đỡ anh chị em hiểu được [mọi] việc Ngài muốn [anh chị em làm].</p>
<b>1:9c</b>	<p><b>bằng tất cả sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng,</b> [Chúng tôi xin Đức Chúa Trời làm điều này] bằng cách khiến cho anh chị em trở nên khôn ngoan về các vấn đề thiêng liêng, và khiến cho anh chị em hiểu được chúng một cách rõ ràng.</p>
<b>1:10a</b>	<p><b>để anh chị em sống xứng đáng với Chúa,</b> [Chúng tôi xin Đức Chúa Trời làm điều này cho anh chị em] để anh chị em sẽ cư xử như là con dân Chúa. <b>-HAY-</b> [Nếu anh chị em biết điều Đức Chúa Trời muốn anh chị em làm, và anh chị em khôn ngoan và hiểu đường lối của Ngài, thì] anh chị em sẽ cư xử một cách mà Chúa [Giê-su] được tôn vinh.</p>

(BDM, BDC, BCG) đã chuyển ngữ là: “tất cả sự khôn ngoan và hiểu biết thiêng liêng”.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất như đa số các bản dịch và học giả Kinh Thánh đã làm. Điều này có nghĩa là không phải sứ đồ Phao-lô chỉ cầu nguyện rằng các người Cô-lô-se sẽ được khôn ngoan, nhưng họ sẽ khôn ngoan “thiên liêng”.

**thiên liêng:** Chúng ta chỉ có thể hiểu biết *thiên liêng* trong ngữ cảnh này theo hai cách:

- (1) Nó có nghĩa là khôn ngoan về và hiểu biết các vấn đề thiêng liêng, tức là, về Đức Chúa Trời và đường lối của Ngài (BDM, BDC, BDY và nhiều học giả Kinh Thánh).
- (2) Nó có nghĩa là sự khôn ngoan và hiểu biết đến từ Đức Thánh Linh (BCG).

Sự giải thích nào cũng chấp nhận được. PKTCCN theo cách giải thích thứ nhất. Nếu bạn muốn theo cách giải thích thứ nhì, bạn có thể nói:

[Chúng tôi xin] Đức Chúa Trời khiến anh chị em khôn ngoan và khiến cho anh chị em hiểu biết [đường lối của Ngài] qua [sự giúp đỡ của] Đức Thánh Linh.

Hãy xem “thiên liêng” trong Các Từ Chủ Yếu ở cuối sách này.

### 1:10a

**(BCG) Như vậy:** Từ *Như vậy* không có trong bản Hy-lạp. BCG đã thêm các từ này vào để ngắt câu dài 1:9-12. Các từ được thêm vào này cho thấy 1:10a được nối kết với 1:9 như thế nào.

**để anh chị em sống xứng đáng với Chúa:** Trong phần này của câu, sứ đồ Phao-lô bảo

các người Cô-lô-se rằng ông cầu nguyện cho họ với mục đích là họ sẽ được đầy đủ sự hiểu biết về ý muốn của Đức Chúa Trời (1:9b): tức là, sứ đồ Phao-lô đã cầu nguyện để họ sẽ biết một cách trọn vẹn điều Đức Chúa Trời muốn họ làm (1:9b), để họ sẽ hành xử như là dân sự của Đức Chúa Trời (1:10a).

**sống xứng đáng với Chúa:** Đây có nghĩa là “hành xử theo cách mà dân sự của Chúa sẽ hành xử”, hay “hành động theo cách mà tôn vinh Chúa”.

**với Chúa:** Có lẽ ở đây sứ đồ Phao-lô muốn nói đến Chúa Giê-su, không phải Đức Chúa Trời. Hãy cố gắng để mơ hồ không xác định rõ trong bản dịch của bạn.

### 1:10c

**kết quả trong mọi việc lành:** Trong 1:10c và 1:10d, sứ đồ Phao-lô dùng cùng một cách nói tượng hình (*kết quả* và “lớn lên”) mà ông đã dùng trong 1:6. Tuy nhiên, ở đây ý này được rõ ràng bởi vì sứ đồ Phao-lô nói rõ về cách mà các người Cô-lô-se “kết quả”, tức là, *trong mọi việc lành* của việc “sống một đời sống xứng đáng với Chúa” (1:10a).

### 1:10d

**và càng ngày càng hiểu biết Đức Chúa Trời sâu rộng hơn:** Đây không có nghĩa là càng hiểu biết nhiều sự kiện về Đức Chúa Trời. Nhưng sứ đồ Phao-lô muốn các người Cô-lô-se tiếp tục biết Đức Chúa Trời rõ hơn và hiểu biết nhiều hơn về điều Ngài muốn họ làm. Điều này tương tự với điều sứ đồ Phao-lô đã nói ở trong 1:9b.

### 1:11

Câu này vẫn là một phần của câu dài ở trong bản Hy-lạp bắt đầu từ 1:9. Nhiều bản dịch bắt đầu một câu mới ở đây (BDM, BCG, BDY). Một cách để làm điều này là dùng một nhóm từ như “Chúng tôi xin Đức Chúa Trời...” cho thấy rằng câu này vẫn là một phần của lời cầu nguyện của sứ đồ Phao-lô.

### 1:11a

**tăng cường mọi quyền năng:** Sứ đồ Phao-lô cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ làm cho các con dân Chúa ở Cô-lô-se mạnh mẽ. Cụm

từ *tăng cường* ở thì hiện tại trong bản Hy-lạp, như vậy bạn có thể chuyển ngữ chúng là: “[Chúng tôi cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời] sẽ tiếp tục thêm sức cho anh chị em...”

**theo sức mạnh vinh quang Ngài:** Theo hàm ý là đến mức độ mà Đức Chúa Trời muốn làm cho anh chị em mạnh mẽ. Sứ đồ Phao-lô muốn nói: Vì quyền năng của Đức Chúa Trời là vô giới hạn nên không có giới hạn cho mức độ mà Ngài có thể làm cho anh chị em mạnh mẽ.

**sức mạnh vinh quang Ngài:** Từ *vinh quang* định nghĩa quyền năng đến từ Đức Chúa Trời. Có thể chuyển ngữ một cách khác là: “quyền lực kỳ diệu của Ngài”.

### 1:11b

**để anh chị em kiên trì chịu đựng:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “vào tất cả sự chịu đựng và kiên trì”. Hầu hết các bản dịch chuyển ngữ câu này như là mục tiêu hay mục đích của 1:11a, tức là, “Chúng tôi cầu nguyện xin Đức Chúa Trời thêm sức cho anh chị em...để anh chị em sẽ có sự chịu đựng lớn lao và kiên trì”. Có thể coi hai danh từ *chịu đựng* và *kiên trì* đi chung với nhau như BDM đã làm. Nếu bạn theo cách giải thích này có thể chuyển ngữ như sau:

Để anh chị em có thể chịu đựng mọi sự một cách kiên trì.

**kiên trì:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là kiên nhẫn với những người đang bắt bớ bạn, tức là, chịu đựng sự bắt bớ của họ một cách kiên trì và không giận dữ đối với họ.

**chịu đựng:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là không bỏ cuộc, ngay cả trong những lúc chịu khổ và bị bắt bớ.

### 1:11c-12a

**(BDY) lòng đầy hân hoan:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “với sự vui mừng”. Nhóm từ “với sự vui mừng” có thể được nối kết với các từ ở trước hoặc theo sau nó:

- (1) Một số bản dịch nối kết các từ “với sự vui mừng” với “chịu đựng và kiên trì” trong 1:11b. Hãy xem BDC, BDY.

<b>1:10b</b>	<p><b>làm hài lòng Ngài mọi điều,</b> [Kết quả là] anh chị em sẽ làm Chúa đẹp lòng trong mọi cách. <b>-HAY-</b> [Do đó] Ngài sẽ hài lòng với tất cả việc anh chị em làm.</p>
<b>1:10c</b>	<p><b>kết quả trong mọi việc lành</b> [Chúng tôi cũng cầu xin rằng] anh chị em sẽ luôn luôn làm tất cả mọi việc thiện, <b>-HAY-</b> [Chúng tôi cầu nguyện điều này để] anh chị em sẽ giúp đỡ lẫn nhau trong mọi cách.</p>
<b>1:10d</b>	<p><b>và càng ngày càng hiểu biết Đức Chúa Trời sâu rộng hơn.</b> và anh chị em sẽ tiếp tục biết Đức Chúa Trời càng hơn. <b>-HAY-</b> và anh chị em sẽ tiếp tục hiểu biết về Đức Chúa Trời nhiều hơn.</p>
<b>1:11a</b>	<p><b>Nguyện xin Đức Chúa Trời tăng cường mọi quyền năng cho anh chị em theo sức mạnh vinh quang Ngài</b> [Chúng tôi cũng cầu xin rằng Đức Chúa Trời] sẽ [tiếp tục] làm cho anh chị em mạnh mẽ bằng quyền năng vinh quang của Ngài, <b>-HAY-</b> [Chúng tôi hằng cầu xin để] Đức Chúa Trời sẽ làm anh chị em mạnh mẽ [về phần thuộc linh] giúp đỡ anh chị em với quyền năng vô hạn của Ngài,</p>
<b>1:11b</b>	<p><b>để anh chị em kiên trì chịu đựng mọi sự</b> để anh chị em sẽ có thể chịu đựng [sự đau khổ của anh chị em] một cách kiên nhẫn và vui mừng. <b>-HAY-</b> để [khi Đức Chúa Trời làm cho anh chị em mạnh mẽ,] anh chị em sẽ tiếp tục tin cậy nơi Chúa Cứu Thế một cách vững vàng [giữa những thử thách], và anh chị em sẽ kiên nhẫn và vui mừng. <b>-HAY-</b> [Chúng tôi cầu nguyện như vậy] để [ngay cả khi anh chị em chịu khổ,] Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ anh chị em tiếp tục tin cậy nơi Ngài, kiên nhẫn [với người khiến cho anh chị em bị rắc rối], và vui mừng.</p>
<b>1:12a</b>	<p><b>và hân hoan tạ ơn Chúa Cha</b> [Anh chị em cũng sẽ] vui mừng tiếp tục cảm tạ [Đức Chúa Trời] Cha [của chúng ta], <b>-HAY-</b> [Chúng tôi cầu xin rằng] anh chị em sẽ vui mừng tiếp tục nói với Đức Chúa Trời: “Cám ơn Cha,”</p>

(2) Các bản dịch khác nối kết các từ “với sự vui mừng” với “tạ ơn” trong 1:12a, thí dụ, BDM dùng: “và hân hoan tạ ơn Chúa Cha...” Cũng hãy xem BCG.

Có mấy chỗ khác ở trong Tân Ước mà các tác giả của Tân Ước nối kết ý tưởng của “sự vui mừng” với thử thách và đau khổ: thí dụ, 2 Cô-rinh-tô 8:1, 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:6, Ma-thi-ơ

5:11-12. Nhưng trong Tân Ước từ “vui mừng” không thường được nối kết với tạ ơn. Vì vậy chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách thứ nhất.

### 1:12b

**đã làm cho anh chị em xứng đáng:** Động từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *xứng đáng* ở đây cũng có thể chuyển ngữ là “làm cho anh chị em có khả năng”, hay “đã chuẩn bị anh chị em”. Điều quan trọng ở đây là sứ đồ Phao-lô nói rằng đó chính là Đức Chúa Trời khiến cho người Cô-lô-se “xứng đáng” hay “có khả năng”, chứ không phải là một điều họ tự làm cho họ.

**để hưởng phần cơ nghiệp:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây *klēros* có nghĩa là “phần, đó là điều đã được đặt để/hứa ban cho một người”. Đây là một cách nói tượng hình về điều Đức Chúa Trời đã hứa ban cho con dân Chúa trên thiên đàng.

**các thánh đồ:** Hãy xem lời giải nghĩa của 1:4b.

**trong sự sáng láng:** Một vài bản dịch dùng “nước/vương quốc của sự sáng” (BDY) mặc dù từ “nước” không ở trong bản Hy-lạp. Các bản dịch đã chuyển ngữ là “nước” làm như vậy để đối chiếu câu này với 11:13a nơi sứ đồ Phao-lô nói về “uy quyền tối tăm”. Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) “trong sự sáng láng” là một cách để nói “thiên đàng”. Đức Chúa Trời đã hứa là các con dân Chúa sẽ được ở với Ngài trên thiên đàng, tức là, sự thừa kế mà Ngài hứa rằng tất cả họ sẽ cùng chia nhau hưởng.

Nó được mô tả là *sự sáng láng* bởi vì Đức Chúa Trời là tinh sạch, tức là, không có tội lỗi, và vì vậy, thiên đàng là tinh sạch. Nó cũng nói đến sự sáng lớn bao quanh Đức Chúa Trời trên thiên đàng.

- (2) “trong sự sáng láng” muốn nói đến cách sống đạo đức mà con dân Chúa sống theo ở trên thế gian này (giống như ở trong I Giăng 1:5-7, 2:9-10). Tức là, “sáng láng” nói đến sự tinh sạch về đạo đức; cư xử theo cách đẹp lòng Đức Chúa Trời. Một cách để chuyển ngữ điều này là: “để chia sẻ sự thừa kế thuộc về dân thánh của Đức Chúa Trời, những người sống trong ánh sáng”.

Cả hai ý nghĩa này đều khả dĩ nên nhiều người chuyển ngữ để mơ hồ không xác định rõ. Nếu trong bản dịch của bạn không thể để mơ hồ, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất vì hai lý do sau đây:

- (a) Tiếp nhận “lô” hay “phần cơ nghiệp” luôn luôn được nói đến ở trong Kinh Thánh như là một vật thuộc về tương lai. Vậy nên có thể hợp lý hơn là coi *sự sáng láng* ở đây là ánh sáng của thiên đàng.
- (b) Có lẽ sứ đồ Phao-lô so sánh phần cơ nghiệp được hứa của các con dân Chúa với phần cơ nghiệp được hứa của người Do Thái trong Cựu Ước. Mỗi gia đình Y-sơ-ra-ên nhận được phần đất của mình khi họ vào xứ Ca-na-an, giống như Đức Chúa Trời đã hứa với họ. Cùng một cách, các con dân Chúa sẽ tiếp nhận điều Đức Chúa Trời hứa ban cho họ khi họ vào thiên đàng.

### Tiểu Đoạn 1:13-23 Chúa Cứu Thế Giê-su là lớn hơn tất cả mọi sự

Trong tiểu đoạn này, sứ đồ Phao-lô tuyên bố những điều này: Chúa Giê-su bình đẳng với Đức Chúa Trời về mọi phương diện. Ngài luôn luôn ở với Đức Chúa Trời và Ngài đã sáng tạo nên vũ trụ (cùng với Đức Chúa Trời). Đức Chúa Trời đã giải phóng con dân của Ngài khỏi quyền lực của Sa-tan và đã đặt họ dưới sự cai trị của Con Ngài, Chúa Cứu Thế Giê-su. Đức Chúa Trời đã tiếp nhận những người tin Chúa Giê-su là dân sự của Ngài. Điều này là khả dĩ bởi vì Chúa Giê-su đã chết trên thập tự giá thay cho họ.

**1:12b** đã làm cho anh chị em xứng đáng để hưởng phần cơ nghiệp với các thánh đồ trong sự sáng láng.

Đấng đã khiến cho anh chị em xứng đáng để hưởng [tất cả] những điều Ngài đã chuẩn bị cho dân sự của Ngài ở trên thiên đàng.

**-HAY-**

Đấng đã khiến cho anh chị em [trở nên dân sự của Ngài và vì lý do đó anh chị em] xứng đáng hưởng tất cả mọi điều Ngài đã chuẩn bị cho dân sự của Ngài ở trên thiên đàng.

**Tiểu Đoạn 1:13-23 Chúa Cứu Thế Giê-su là lớn hơn tất cả mọi sự**

**1:13a** Ngài đã giải cứu chúng ta khỏi uy quyền tối tăm

¶ Đức Chúa Trời đã giải cứu chúng ta khỏi quyền lực [gian ác] của [Sa-tan, giống như là sống trong] bóng tối.

**-HAY-**

¶ [Trong quá khứ Sa-tan] đã cai trị chúng ta. [Giống như là] chúng ta sống trong tối tăm. Nhưng bây giờ [Đức Chúa Trời] giải cứu chúng ta [khỏi Sa-tan].

**Đoạn văn 1:13-14**

Chủ đề: Đức Chúa Trời đã giải phóng các con dân Chúa khỏi quyền lực của Sa-tan và đặt họ dưới sự bảo vệ của Con Ngài.

1:13-14 là các câu chuyển tiếp. Rất khó để quyết định những câu này là phần cuối của tiểu đoạn trước (1:9-12), hay là phần bắt đầu của tiểu đoạn kế (1:15-20). Trong BDM, BDC, BCG, BDY 1:13-14 là các phần của cùng một tiểu đoạn như 1:9-12 nhưng BCG để vào một đoạn văn mới.

1:9-12 là lời cầu nguyện của sứ đồ Phao-lô cho các người Cô-lô-se. Trong 1:13-14 Phao-lô không còn cầu nguyện, nhưng ông đang viết về cách Đức Chúa Trời cứu chuộc những người tin Chúa Giê-su. Vậy nên có lẽ tốt nhất bắt đầu một tiểu đoạn mới ở 1:13, không phải ở 1:15. Nếu vì các bản tiếng Việt và bạn cảm thấy bạn phải theo như vậy, ít nhất bạn nên bắt đầu một đoạn văn mới ở 1:13. Hãy xem BCG.

**1:13a**

**Ngài đã giải cứu chúng ta:** Trong 1:12, sứ đồ Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời đã khiến cho các người Cô-lô-se xứng đáng để chia sẻ tất

cả những gì Ngài đã chuẩn bị cho dân sự của Ngài. Trong 1:13, sứ đồ Phao-lô bắt đầu giải thích cách Đức Chúa Trời đã làm điều này.

**uy quyền tối tăm:** Nhóm từ này tương phản với “trong sự sáng láng” ở trong 1:12. Ở đây *tối tăm* biểu tượng cho quyền lực gian ác của Sa-tan.

Sứ đồ Phao-lô đang dùng hình ảnh của những nhà cầm quyền và các vương quốc để giải thích điều Đức Chúa Trời đã làm qua Chúa Giê-su. Hình ảnh được diễn tả ở đây là khi một người trở nên tín hữu giống như là người ấy thời không còn ở dưới quyền cai trị cũ nữa nhưng ở dưới một quyền cai trị mới. Sứ đồ Phao-lô mô tả những người không tin nơi Chúa Giê-su như là bị cai trị bởi “Nước Tối Tăm”. *Tối tăm* có thể chuyển ngữ là “gian ác”. Nhưng trong ngữ cảnh này nó không phải chỉ là một tính từ để chỉ vương quốc đó là xấu, nó hàm ý nhà cầm quyền, đó là Sa-tan.

Khi bạn chuyển ngữ từ này bạn nên tìm cách để cho thấy là sứ đồ Phao-lô đang nói về các vương quốc siêu nhiên. BDY chuyển ngữ là “quyền lực tối tăm của Sa-tan”. Làm như vậy giữ được hình ảnh của “tối tăm” nhưng thêm vào “Sa-tan” để làm cho rõ là *uy quyền* là siêu nhiên. Bạn cũng có thể dùng từ “quỷ vương”

là kẻ cai trị trên tất cả ma quỷ. Nếu ngôn ngữ của bạn, không được dùng *tối tăm* như cách nói tượng hình về quyền lực gian ác của quỷ vương.

### 1:13b

*và chuyển đưa chúng ta vào Vương Quốc của Con yêu dấu Ngài:* Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “thay đổi, cắt bỏ, dời từ chỗ này qua chỗ khác”. Khi một người trở thành con dân Chúa, Đức Chúa Trời cắt người ấy từ vương quốc do Sa-tan cai trị, vào một vương quốc khác, *vương quốc của Con*.

**Vương Quốc của Con:** Đây có nghĩa là vương quốc nơi Chúa Giê-su cai trị.

### 1:14a

**Trong Đức Con:** Đây có nghĩa là qua Con mà Đức Chúa Trời cứu chuộc con người.

Trong phần còn lại của tiểu đoạn này, 1:14-23, sứ đồ Phao-lô chỉ dùng một đại từ (“Ngài”) để nói đến Chúa Giê-su. Tuy nhiên, có thể ngôn ngữ của bạn đòi hỏi thay thế một hay các đại từ này bằng một tên. BDM dùng “Đức Con”. Bạn cũng có thể dùng “Con của Ngài/Đức Chúa Trời”, là cách mà Phao-lô nói đến Chúa Giê-su trong 1:13. Có thể dùng “Chúa Cứu Thế”, “Giê-su Christ” hay “Christ Giê-su” (đây là những cách khác mà Phao-lô đã dùng để nói đến Chúa Giê-su trong sách Cô-lô-se).

**cứu chuộc:** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “mua lại một vật gì trước đây thuộc về mình”. Nó cũng có nghĩa là “được giải phóng khỏi vòng nô lệ bằng cách trả giá”. Trong Tân Ước, huyết mà Chúa Giê-su đổ ra khi Ngài chết trên thập tự giá là giá được trả để “cứu chuộc” người ta và giải phóng họ khỏi làm nô lệ cho Sa-tan.

### 1:14b

*và tha tội:* Mặc dù trong bản Hy-lạp từ này ở dưới hình thức của một danh từ (hãy xem BDC), đối với đa số ngôn ngữ tốt nhất nên chuyển ngữ sự tha thứ như là một động từ, với Đức Chúa Trời làm chủ từ: “Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi của chúng ta”.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:14:** Các bản tiếng Việt không đồng ý với nhau về 1:14a và 1:14b nên nối kết với nhau như thế nào, tức là, họ không đồng ý về cách sứ đồ Phao-lô nối kết *cứu chuộc* và *tha tội* trong câu này. Có hai khả dĩ:

- (1) Một số bản dịch nối kết hai phần của câu bằng cách dùng từ “và”. Trong trường hợp này, sứ đồ Phao-lô đang nói rằng qua phương tiện là Con Ngài, Đức Chúa Trời cứu chuộc chúng ta và tha thứ tội lỗi cho chúng ta. (BDY, BCG không có “và” nhưng nó được hàm ý).
- (2) Các bản dịch khác coi là qua “sự tha thứ”, Phao-lô muốn nói đến trong 1:14a gần giống như là “sự cứu chuộc”. Vậy nên ông nói rằng qua phương tiện là Con của Ngài, Đức Chúa Trời đã cứu chuộc chúng ta, tức là, Ngài đã tha thứ tội lỗi của chúng ta (BDC).

Cả hai cách giải thích này đều khả dĩ. PKTCCN theo cách thứ nhất.

### Đoạn văn 1:15-20

**Chủ Đề:** Chúa Cứu Thế Giê-su đã cho thấy một cách chính xác Đức Chúa Trời là như thế nào. Chúa Giê-su là người cai trị vĩ đại trên vạn vật mà Ngài, cùng với Đức Chúa Trời, đã sáng tạo.

Trong đoạn văn này sứ đồ Phao-lô nhấn mạnh Chúa Giê-su vĩ đại như thế nào. Đây là để chống đối lại với các điều sau đây mà các giáo sư giả đang dạy các con dân Chúa Cô-lô-se.

- (a) Người Hy-lạp tin rằng tà linh đã sáng tạo và rồi điều khiển thế giới. Tóm tắt phản ứng của sứ đồ Phao-lô về sự dạy dỗ sai lầm đó là: Không, Chúa Giê-su, là Đấng bình đẳng với Đức Chúa Trời, đã sáng tạo nên thế giới và đang điều khiển nó bây giờ.
- (b) Người Hy-lạp cũng nói rằng Đấng Cứu Thế của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ sống trong thân xác của một con người. Tóm tắt sự phản ứng của sứ đồ Phao-lô là: Khi Chúa Giê-su, Đấng Cứu Thế trở nên một con người, Ngài vẫn giữ lại tất cả các



<b>1:13b</b>	<b>và chuyển đưa chúng ta vào Vương Quốc của Con yêu dấu Ngài.</b> Bây giờ Ngài khiến cho Con Ngài, [Đức Giê-su,] là Đấng Ngài yêu mến, cai trị chúng ta.
<b>1:14a</b>	<b>Trong Đức Con chúng ta được cứu chuộc</b> Qua Con Ngài [và điều Ngài đã làm] mà [Đức Chúa Trời] đã giải phóng chúng ta [khỏi quyền lực của Sa-tan]
<b>1:14b</b>	<b>và tha tội.</b> và tha thứ tội lỗi của chúng ta. <b>-HAY-</b> và tha thứ cho chúng ta về [tất cả] các việc đầy tội lỗi mà [chúng ta đã làm].
<b>1:15a</b>	<b>Đức Con là hiện thân của Đức Chúa Trời vô hình,</b> ¶ Không ai có thể thấy Đức Chúa Trời, nhưng [khi Con Ngài trở nên một người], Ngài đã bày tỏ Đức Chúa Trời cho người ta. <b>-HAY-</b> ¶ Chúng ta không thể thấy Đức Chúa Trời, nhưng [khi Con Ngài, Chúa Cứu Thế Giê-su, trở nên một người,] Ngài đã khiến cho chúng ta hiểu được Đức Chúa Trời là như thế nào bởi vì Ngài giống y như Đức Chúa Trời.
<b>1:15b</b>	<b>là trưởng nam trên tất cả vạn vật.</b> Giống như con trưởng nam [có quyền lớn hơn hết để cai trị các em trong gia đình], Chúa Cứu Thế có thẩm quyền lớn hơn hết để cai trị trên vạn vật mà [Đức Chúa Trời] đã tạo ra. <b>-HAY-</b> Đức Chúa Trời cho phép Ngài cai trị trên tất cả vạn vật đã được [Đức Chúa Trời] tạo nên.

đặc tính và quyền năng của Đức Chúa Trời.

### 1:15a

**Đức Con là hiện thân của Đức Chúa Trời vô hình:** Khi Chúa Giê-su, là Đức Chúa Trời, trở nên một con người, Ngài giữ lại tất cả các đặc tính của Đức Chúa Trời, nhưng con người có thể thấy Ngài. Vì vậy, khi người ta thấy Chúa Giê-su người ta thấy được một cách chính xác Đức Chúa Trời là như thế nào, tức là, họ thấy được đặc tính của Đức Chúa Trời. Đây là lý do sứ đồ Phao-lô gọi Chúa Giê-su là *hiện thân* của Đức Chúa Trời. Hãy chắc chắn là cách bạn chuyển ngữ không khiến cho người đọc nghĩ rằng Chúa Giê-su chỉ bày tỏ cho con người biết Đức Chúa Trời trông giống như thế nào.

### 1:15b

**là trưởng nam trên tất cả vạn vật:** Đây không nói đến sự giáng sinh của Chúa Giê-su tại thành phố Bết-lê-hem, và không có nghĩa là Chúa Cứu Thế là người đầu tiên Đức Chúa Trời sáng tạo. Chúa Giê-su không được tạo nên. Ngài luôn luôn hiện hữu với Đức Chúa Trời và là một với Đức Chúa Trời.

Có ba cách chính để giải thích nhóm từ này:

- 1) Một số học giả Kinh Thánh nói rằng cụm từ *trưởng nam* trong câu này chỉ có nghĩa là: “người có thẩm quyền của con trưởng nam”. Vì vậy *trưởng nam trên cả vạn vật* có nghĩa là “Đấng có quyền tối cao trên vạn vật”. Cụm từ *trưởng nam* được dùng theo cách này ở trong Thi Thiên 89:27:

Ta sẽ cử người làm con trưởng nam,  
Vị vua vĩ đại hơn tất cả các vua trên đất.

- (2) Các học giả khác nói rằng *trưởng nam trên cả vạn vật* có nghĩa là “Đấng hiện hữu trước khi vạn vật được tạo ra”.
- (3) Một cách giải thích chính khác nữa là nó có cả hai ý nghĩa, tức là, “Đấng hiện hữu từ lúc ban đầu và có quyền tối cao trên vạn vật”.

Qua suốt tiểu đoạn này sứ đồ Phao-lô đang nhấn mạnh rằng Chúa Cứu Thế cai trị trên mọi sự, vậy cách giải thích đầu tiên dường như là đúng nhất. Đây là một cách chuyển ngữ khác có thể dùng được:

Ngài là Con đầu lòng, cao hơn tất cả các tạo vật.

Đây là một số các cách khác mà bạn có thể chuyển ngữ phần này của câu:

Ngài là quan trọng hơn mọi vật Đức Chúa Trời đã tạo dựng.

-HAY-

Ngài có thứ bậc/thẩm quyền cao hơn mọi vật Đức Chúa Trời đã tạo ra.

### 1:16a

**vì:** Trong mệnh đề này sứ đồ Phao-lô giải thích lý do tại sao Chúa Cứu Thế có thẩm quyền tối cao trên mọi tạo vật. Đó là bởi vì Chúa là Đấng tạo hoá của vạn vật.

**mọi sự vật trên trời hay dưới đất:** Thành ngữ này là một cách khác để nói “tất cả mọi vật”.

### 1:16b

**hữu hình hay vô hình:** Đây nói đến những vật mà người ta có thể thấy và những vật họ không thể thấy được. Có hai cách để hiểu phần này của câu nối kết với 1:16a như thế nào:

- (1) Khi sứ đồ Phao-lô nói *hữu hình vô hình*, ông lại nói đến tất cả mọi vật. Mọi vật Đức Chúa Trời tạo ra thuộc về nhóm vật mà chúng ta có thể thấy được hay nhóm vật mà chúng ta không thể thấy được (BDM, BDC, BDY, BCG).
- (2) Khi sứ đồ Phao-lô nói *hữu hình và vô hình*, ông lập lại 1:16b trong một thứ tự ngược lại (một lối viết thông thường của người Hy-lạp dùng để nhấn mạnh). Vì

vậy, *vô hình* tương đương với “những vật trên thiên đàng”, và *hữu hình* tương đương với “các vật trên đất”.

Cả hai sự chọn lựa này đều khả dĩ và được các nhà giải kinh hỗ trợ mạnh mẽ. PKTCN theo sự lựa chọn thứ nhất. Nếu bạn muốn theo cách lựa chọn thứ nhì, bạn có thể nói:

Ngài đã sáng tạo mọi vật trên thiên đàng mà chúng ta không thể nhìn thấy được, và các vật trên đất mà chúng ta có thể thấy được.

Bất cứ bạn chọn cách nào, điều quan trọng là phải làm cho rõ ràng là Đức Chúa Trời, qua Chúa Cứu Thế, đã tạo tất cả mọi sự.

### 1:16c

**đều được sáng tạo trong Ngài:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là: “trong Ngài mọi sự được tạo ra”. Sau đó trong 1:16đ, sứ đồ Phao-lô nói rằng mọi vật được tạo nên bởi Ngài. Cả hai đều hàm ý rằng Đức Chúa Trời đã nên mọi sự qua Chúa Cứu Thế. Tuy nhiên, Kinh Thánh không giải thích một cách rõ ràng điều này đã xảy ra như thế nào. Điều quan trọng là Chúa Cứu Thế hiện diện khi Đức Chúa Trời sáng tạo thế giới và đóng một vai trò sống động trong biến cố đó. Bạn có thể chuyển ngữ như thế này:

Đức Chúa Trời đã tạo nên mọi vật qua Chúa Cứu Thế.

Một cách khác để diễn tả điều này là:

Đức Chúa Trời khiến Ngài [Chúa Cứu Thế] tạo nên tất cả mọi vật.

**được sáng tạo:** Đây thường là một từ khó chuyển ngữ. Nó có nghĩa là: “khiến cho một vật gì đó bắt đầu hiện hữu. Nó có ý nghĩa nhiều hơn là “làm một vật gì từ vật liệu hiện có”. Nếu ngôn ngữ của bạn có một động từ có thể bao gồm cả hai ý nghĩa “làm” và “sáng tạo”, thì bạn có thể dùng nó ở đây.

**trong Ngài:** Trong bản Hy-lạp sứ đồ Phao-lô đã đặt nhóm từ này ở đầu của mệnh đề để nhấn mạnh nó. Bạn nên nhấn mạnh nhóm từ này ở trong bản dịch của bạn nữa.

### 1:16d

**dù ngôi thứ, hoặc kẻ thống trị, giới lãnh đạo, bậc thẩm quyền:** Đa số các nhà học giả Kinh

<b>1:16a</b>	<b>Vì mọi sự vật trên trời hay dưới đất,</b> Vì qua Ngài [Đức Chúa Trời] đã sáng tạo mọi vật. <b>-HAY-</b> Vì chính Ngài là Đấng [đã làm việc với Đức Chúa Trời để] tạo nên mọi vật:
<b>1:16b</b>	<b>hữu hình hay vô hình,</b> [Tức là, Ngài cũng đã tạo nên] mọi vật [ở đây] trên đất, và [cũng tạo nên] mọi vật ở trên thiên đàng. <b>-HAY-</b> [Các vật này gồm có] các vật [ở đây] trên đất và [cả] các vật trên thiên đàng.
<b>1:16c</b>	<b>đều được sáng tạo trong Ngài,</b> [Đức Chúa Trời đã sáng tạo] vật chúng ta có thể nhìn thấy, và [cũng sáng tạo mọi vật] mà chúng ta không thể nhìn thấy. <b>-HAY-</b> [Nó bao gồm cả] các vật có thể nhìn thấy được và [cả] các vật không thể nhìn thấy được.
<b>1:16d</b>	<b>dù ngôi thứ, hoặc kẻ thống trị, giới lãnh đạo, bậc thẩm quyền,</b> [Tức là chính Ngài đã tạo ra ngay cả] các thiên sứ và các hữu thể/vật thể [siêu nhiên] khác có quyền năng và thẩm quyền. <b>-HAY-</b> [Ngài cũng tạo nên] mọi người có thẩm quyền cai trị, ngay cả các thiên sứ quyền uy và các vật thể siêu nhiên khác.
<b>1:16đ</b>	<b>tất cả đều được dựng nên bởi Ngài và cho Ngài.</b> Qua Chúa Cứu Thế, mọi vật được sáng tạo. Mọi vật hiện hữu vì có sự ích lợi của Ngài. <b>-HAY-</b> [Phải, Đức Chúa Trời] đã khiến Chúa Cứu Thế sáng tạo mọi vật, [không có ngoại lệ], để tất cả mọi vật sẽ tôn vinh Chúa Cứu Thế.

Thánh nói rằng đây là một danh sách của những việc “vô hình” mà Phao-lô nhắc đến ở trong 1:16b, nhưng không ai biết chắc chắn về sự nhận diện của mỗi một nhóm này. Ở đây sứ đồ Phao-lô không dạy về các loại người lãnh đạo khác nhau giữa các thiên sứ và thần linh. Ông chỉ muốn nhấn mạnh rằng tất cả những người này, ngay cả những người quyền thế và quan trọng nhất, cũng được tạo nên qua Chúa Cứu Thế.

### 1:16đ

**tất cả:** Ở đây trong 1:16đ, sứ đồ Phao-lô đặt các từ *tất cả* mọi vật ở đầu của mệnh đề này

để nhấn mạnh. Cố gắng nhấn mạnh các từ này một cách tự nhiên trong bản dịch của bạn.

**bởi Ngài:** Dịch sát nghĩa theo bản Hy-lạp thì trong 1:16a nói rằng mọi vật được tạo nên “trong Ngài”, và trong 1:16đ nói rằng mọi vật được tạo nên “bởi Ngài”, nhưng ý nghĩa thì cũng như nhau.

**cho Ngài:** Đây có nghĩa là Chúa Cứu Thế là mục tiêu của mọi tạo vật. Tất cả mọi vật được tạo nên “vì lợi ích cho Ngài”. Đây cũng có thể chuyển ngữ là “để tôn vinh Ngài” hay “để phục vụ Ngài”.

**1:17a**

**Ngài hiện hữu trước tất cả vạn vật:** Đây có nghĩa là Chúa Cứu Thế hiện hữu trước khi có bất cứ vật gì được sáng tạo.

**tất cả vạn vật:** Hãy chú ý là Phao-lô dùng cụm từ *tất cả vạn vật* hai lần trong câu này. Ông cũng đã dùng cùng một nhóm từ này hai lần trong 1:16. Sứ đồ Phao-lô muốn nhấn mạnh rằng Chúa Cứu Thế là quan trọng và là trung tâm của vạn vật. Ngài cao hơn tất cả vạn vật. Ngài sáng tạo nên tất cả vạn vật, giữ tất cả vạn vật lại với nhau, là mục tiêu của tất cả vạn vật, và hiện hữu trước tất cả vạn vật.

**1:17b**

**và vạn vật được giữ vững trong Ngài:** Đây là một nhóm từ khó chuyển ngữ. Nó có nghĩa là sau khi vạn vật được tạo nên, Chúa Giê-su là Đấng khiến cho mọi vật tiếp tục hiện hữu và cùng làm việc với nhau theo cách Đức Chúa Trời đã dự định. Hê-bơ-rơ 1:3 cũng nói một điều tương tự:

Chúa dùng lời quyền năng bảo tồn vạn vật. (BDY)

**1:18a**

**Đầu của thân thể:** Đây là lối nói tượng hình. Sứ đồ Phao-lô nói rằng Chúa Cứu Thế điều khiển và hướng dẫn dân sự của Ngài giống như cái đầu của một người điều khiển toàn thân thể của người đó.

Trong nhiều văn hoá, người ta không cho rằng cái đầu của một người điều khiển toàn thân của người đó. Tuy nhiên, vì Tân Ước thường dùng cách nói tượng hình này, bạn nên cố gắng giữ nó trong bản dịch của bạn. Nếu không thể làm như vậy được, bạn có thể dùng một trong những cách sau đây để chuyển ngữ phần này của câu:

Đấng điều khiển dân sự của Ngài

-HAY-

Đấng cầm đầu trên dân sự của mình

-HAY-

Đấng cai trị trên các con dân Chúa

**thân thể:** Trong câu này sứ đồ Phao-lô muốn nói Chúa Cứu Thế là *đầu* (người chỉ huy, người cai trị) của hội thánh. Ông không nhấn mạnh đến nửa kia của cách nói tượng

hình, đó là hội thánh là *thân thể* của Chúa Cứu Thế.

**Hội Thánh:** Từ Hy-lạp *ekklēsia*, được dịch là *hội thánh* trong các bản dịch. Tuy nhiên, cần phải nhớ là trong Tân Ước từ này không bao giờ có nghĩa là nhà thờ. Từ này chỉ nói đến hội chúng. Phải chắc chắn là người đọc bản dịch của bạn hiểu điều này một cách rõ ràng. Đối với một số ngôn ngữ hội thánh được chuyển ngữ là “dân sự của Ngài”, “các con dân Chúa”, hay “các môn đệ của Ngài”.

**1:18b**

**Ngài là ban đầu:** Có nhiều cách để hiểu điều này. Sau đây là hai cách chính:

- (1) Sứ đồ Phao-lô vẫn còn đang viết về quan hệ của Chúa Cứu Thế với thân thể, tức là hội thánh. Nhóm từ này có nghĩa là Chúa Cứu Thế là nguồn gốc của đời sống của hội thánh. 1:18b có thể là cơ bản cho lời tuyên bố của Phao-lô trong 1:18a, tức là, Chúa Cứu Thế là đầu của hội thánh vì Ngài là nguồn gốc của nó.
- (2) Sứ đồ Phao-lô đã bắt đầu một ý tưởng mới ở đây và đang nói đến ban đầu hay nguồn gốc của mọi vật chứ không phải chỉ hội thánh.

Nhiều bản để mơ hồ không xác định rõ ở đây, mặc dù hầu hết các học giả đồng ý rằng sứ đồ Phao-lô vẫn đang viết về quan hệ của Chúa Cứu Thế với hội thánh, vậy nên chúng tôi đề nghị bạn theo cách đầu tiên.

**1:18c**

**là trưởng nam của những người sống lại từ cõi chết:** Chúa Cứu Thế không phải là người đầu tiên chết đi rồi được sống lại. Kinh Thánh kể cho chúng ta biết về mấy người trong Cựu Ước và Tân Ước đã chết rồi sau đó được sống lại (hãy xem, thí dụ, câu chuyện về La-xa-rô trong Giảng 11). Tuy nhiên, tất cả những người này lại chết một lần nữa. Chúa Cứu Thế là người đầu tiên được sống lại với thân thể mà các con dân Chúa sẽ có trên thiên đàng—một thân thể sẽ không bao giờ chết.

Các học giả đề nghị hai cách để nối kết nhóm từ *trưởng nam của những người sống lại từ cõi chết* trong 1:18c với 1:18b:

<b>1:17a</b>	<b>Ngài hiện hữu trước tất cả vạn vật</b> Ngài hiện hữu trước khi vạn vật hiện hữu, <b>-HAY-</b> Trước khi có vạn vật hiện hữu, [Chúa Cứu Thế] đã hiện hữu,
<b>1:17b</b>	<b>và vạn vật được giữ vững trong Ngài.</b> và vạn vật tiếp tục hiện hữu một cách có trật tự vì cố Ngài. <b>-HAY-</b> và Ngài là Đấng khiến cho vạn vật tiếp tục hiện hữu một cách có trật tự.
<b>1:18a</b>	<b>Ngài là Đầu của thân thể, tức là Hội Thánh.</b> [Cũng] chính là Ngài, [Chúa Cứu Thế,] là Đấng cai trị trên dân sự của Ngài và hướng dẫn họ, giống như cái đầu cai trị và hướng dẫn cả thân thể [về phần xác].
<b>1:18b</b>	<b>Ngài là ban đầu,</b> [Ngài có thể làm điều này bởi vì] Ngài là nguồn của cách sống mới của dân sự Ngài,
<b>1:18c</b>	<b>là trưởng nam của những người sống lại từ cõi chết</b> [bởi vì] Ngài là Đấng mà Đức Chúa Trời khiến từ kẻ chết sống lại [và Ngài sẽ không bao giờ chết nữa]./,
<b>1:18d</b>	<b>ngõ hầu trong mọi sự Ngài là đệ nhất.</b> [Đức Chúa Trời đã quy hoạch như vậy] để Chúa Cứu Thế là người cai trị cao hơn hết [trên vạn vật hiện hữu]. <b>-HAY-</b> để Chúa Cứu Thế sẽ là người quan trọng nhất [trong vũ trụ].

- (1) Nhóm từ *trưởng nam của những người sống lại từ cõi chết* giải thích lý do tại sao Chúa Cứu Thế là nguồn gốc (khởi nguyên) của đời sống của hội thánh.
- (2) Nhóm từ *trưởng nam của những người sống lại từ cõi chết* là một tước vị mới cho Chúa Cứu Thế cũng như là “khởi nguyên” trong 1:18b, và cũng có quan hệ.

Cách nào cũng khả dĩ và cả hai đều có sự hỗ trợ mạnh mẽ của các sách giải kinh. PKTCCN theo cách thứ nhất.

**trưởng nam:** Đây là cùng một từ mà sứ đồ Phao-lô đã dùng ở trong 1:15b. Tuy nhiên, ở đây có ý nghĩa khác. Sứ đồ Phao-lô không nói đến thẩm quyền của Chúa Cứu Thế nhưng chỉ nói đến sự kiện Chúa Cứu Thế là người

đầu tiên sống lại từ kẻ chết để sống đời đời.

#### **1:18d**

**ngõ hầu trong mọi sự Ngài là đệ nhất:** Câu này cho thấy mục đích của 1:18b-c. Đức Chúa Trời khiến Chúa Cứu Thế sống lại và làm cho Ngài là nguồn của sự sống của hội thánh, để Chúa Cứu Thế sẽ là người cai trị tối cao trên vạn vật.

**đệ nhất:** Từ Hy-lạp này quan hệ đến từ “thứ nhất”. Nó có nghĩa là Chúa Cứu Thế có vị thế thứ nhất, Ngài là đệ nhất trong cấp bậc, sự tôn trọng và ảnh hưởng. Có thể cách chuyển ngữ sau đây thích hợp với ngôn ngữ của bạn:

để chỉ một mình Ngài có thể đứng đầu trong vạn vật.

**1:19**

**Vì:** 1:19 giải thích và cung cấp lý do cho các câu trước.

**Đức Chúa Trời đã vui lòng:** Một cách khác để chuyển ngữ những từ này là: “Đức Chúa Trời đã quyết định...”

**để tất cả sự trọn vẹn toàn hảo của Ngài:**

Trong câu này không nói rõ sứ đồ Phao-lô muốn nói đến *sự trọn vẹn* gì ở đây. Tuy nhiên, nhóm từ này tương tự như điều Phao-lô nói ở trong 2:9: “trong Ngài tất cả đầy đủ thân tính Đức Chúa Trời ngự trong thân xác”. Nhóm từ này giúp chúng ta hiểu rằng có lẽ sứ đồ Phao-lô đang nói đến sự trọn vẹn của Đức Chúa Trời trong câu này. Khi Chúa Giê-su đến thế gian, mặc dù Ngài trở nên một con người Ngài vẫn là Đức Chúa Trời, và Ngài vẫn giữ được tất cả quyền năng và đặc tính của Đức Chúa Trời.

**trong Đức Con:** Đây nói đến Chúa Giê-su. Phao-lô đã đặt những từ này ở đầu của mệnh đề để nhấn mạnh. Bạn nên dùng cách nào để nhấn mạnh chúng một cách tự nhiên trong bản dịch của bạn.

**1:20a**

**qua Đức Con giải hòa muôn loài vạn vật với chính mình:** 1:20a song song với phần thứ nhì của 1:19. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời vui lòng làm hai điều: (1) để tất cả sự trọn vẹn của Ngài ở trong Chúa Cứu Thế (1:19), và (2) để *giải hòa muôn loài vạn vật với chính mình*(1:20a).

**qua Đức Con:** Phao-lô đã đặt các từ này ở đầu câu để nhấn mạnh.

**giải hòa:** Cụm từ *giải hòa* có nghĩa là “thay đổi người ta là từ kẻ thù trở nên bạn hữu” hay “giải hòa giữa những người trước kia là bạn nhưng đã trở thành kẻ thù của nhau”. Khi Đức Chúa Trời tạo nên thế giới, Ngài có ý định làm cho mọi vật và mọi người hoà hợp và sống trong sự hoà bình với Ngài. Nhưng khi A-đam và Ê-va phạm tội, sự hoà bình và hoà hợp đó bị hủy diệt. Khi Chúa Cứu Thế chết trên thập tự giá, Ngài khiến cho mọi người có thể có sự hoà hợp lại với Đức Chúa Trời.

**muôn loài vạn vật:** Nhóm từ này nói đến vạn vật được dựng nên. Hãy nhớ rằng trong

1:16-17 sứ đồ Phao-lô dùng cùng một cụm từ *vạn vật* để nói về mọi vật đã được tạo nên. Vậy nên sứ đồ Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời không những chỉ giải hoà tất cả con người với Ngài, nhưng Ngài cũng giải hoà mọi vật Ngài đã tạo nên.

**1:20b**

**dùng huyết Ngài trên thập tự giá:** Nhóm từ này giải thích rõ ràng hơn điều sứ đồ Phao-lô muốn nói “qua Đức Con” trong 1:20a. Từ *huyết* nói đến cách Chúa Cứu Thế đã chết. Đức Chúa Trời đòi hỏi phải có sự đổ huyết để Ngài tha thứ tội lỗi (Hê-bơ-rơ 9:22). Vậy nên huyết của Chúa Cứu Thế là một biểu hiệu quan trọng trong Kinh Thánh, và vì vậy bạn nên giữ nó trong bản dịch của bạn. Một cách để làm cho rõ ý là nói, thí dụ: “bằng cách sai Chúa Cứu Thế đổ huyết Ngài ra và chết trên thập tự giá”.

**dem lại sự bình an:** Nhóm từ *dem lại sự bình an* là một biểu tượng của “giải hoà” trong 1:20a. Nó không có nghĩa là Đức Chúa Trời khiến cho vạn vật sống hoà bình với nhau, nhưng nó có nghĩa là Ngài khiến cho có sự bình an giữa họ và chính Ngài.

**1:20c**

**cho vạn vật ở dưới đất hay ở trên trời:** Sứ đồ Phao-lô dùng các từ gần giống như các từ dùng ở trong 1:16. Trong cả hai câu nhóm từ này có nghĩa là “mọi vật”.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:20:** Đối với một số ngôn ngữ sắp đặt lại thứ tự các phần của 1:20 trước khi chuyển ngữ câu này thì rõ ràng hơn. Sau đây là một thí dụ về việc sắp đặt lại thứ tự của 1:20a-c trong khi chuyển ngữ:

Và Đức Chúa Trời vui lòng cho Ngài đem sự bình an bằng cách hy sinh huyết của Ngài trên thập tự giá, để tất cả vạn vật ở trên thiên đàng và dưới đất đều được đem trở lại với Đức Chúa Trời.

-HAY-

Đức Chúa Trời quyết định sai Con của Ngài, Đấng đã đổ huyết ra và chết trên thập tự giá. Đức Chúa Trời làm điều này để phục hồi lại sự hoà hợp giữa chính Ngài và vạn vật. Như vậy, Ngài khiến cho có sự bình an giữa chính Ngài và tất cả

<b>1:19</b>	<b>Vì Đức Chúa Trời đã vui lòng để tất cả sự trọn vẹn toàn hảo của Ngài trong Đức Con</b>
	Bởi vì [chính Đức Chúa Trời] đã quyết định rằng Con Ngài sẽ có hoàn toàn bản tính của Đức Chúa Trời.
	<b>-HAY-</b>
	Bởi vì [Đức Chúa Trời] cũng quy hoạch rằng [ngay cả khi Chúa Cứu Thế trở nên con người,] Ngài sẽ hoàn toàn ngang hàng với Đức Chúa Trời trong mọi cách,
<b>1:20a</b>	<b>và qua Đức Con giải hòa muôn loài vạn vật với chính mình,</b> và qua Chúa Cứu Thế [Đức Chúa Trời cũng quyết định rằng] Ngài sẽ phục hồi lại sự hoà thuận giữa chính Ngài và vạn vật.
	<b>-HAY-</b>
	và Chúa Cứu Thế là Đấng mà Đức Chúa Trời dùng để mở đường đem mọi vật mà [Ngài đã sáng tạo] trở lại với sự quan hệ hoà thuận với Đức Chúa Trời.
<b>1:20b</b>	<b>dùng huyết Ngài trên thập tự giá đem lại sự bình an</b> [Đức Chúa Trời mở một con đường cho tất cả vạn vật] hoà thuận lại [với chính Ngài] bằng cách sai Con Ngài đổ huyết ra [và chết] trên cây thập tự.
	<b>-HAY-</b>
	[Ngài làm điều đó] bằng cách qua huyết của Con Ngài đã đổ ra [khi Con Ngài chết] trên thập tự giá. Bây giờ tất cả vạn vật có thể hoà thuận với Đức Chúa Trời.
<b>1:20c</b>	<b>cho vạn vật ở dưới đất hay ở trên trời.</b> [Đây bao gồm] cả mọi vật ở trên đất và mọi vật ở trên trời.
<b>1:21a</b>	<b>Trước kia, anh chị em đã bị xa cách với Đức Chúa Trời,</b> ¶ Còn về anh chị em [là các con dân Chúa tại thành phố Cô-lô-se,] trong quá khứ, [trước khi anh chị em tin cậy Chúa Cứu Thế] anh chị em đã xa cách Đức Chúa Trời.

mọi vật hiện hữu trên thiên đàng và tất cả mọi vật hiện hữu trên đất.

dụng điều này vào người Cô-lô-se “Đức Chúa Trời đã giải hoà với anh chị em” (1:22).

#### Đoạn văn 1:21-23

Chủ đề: Mặc dù người Cô-lô-se trước đây là kẻ thù của Đức Chúa Trời, bây giờ Ngài khiến cho họ trở nên dân sự của chính Ngài.

Trong bản Hy-lạp 1:21-23 là một câu. Có lẽ bạn sẽ chuyển ngữ câu này ra thành nhiều câu ngắn. Phần chính của câu là “Đức Chúa Trời đã giải hoà với anh chị em” (1:22). Trong phần kinh văn trước, sứ đồ Phao-lô nói rằng quy hoạch của Đức Chúa Trời là “giải hoà muôn loài vạn vật với chính mình” (1:20). Trong đoạn kinh văn này sứ đồ Phao-lô áp

#### 1:21a

**Trước kia:** Sứ đồ Phao-lô đang nói về tình trạng của người Cô-lô-se trước khi họ tin Chúa Cứu Thế.

**anh chị em:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ *anh chị em* được nhấn mạnh: “Nhưng anh chị em...”, hay “còn chính anh chị em...” Phao-lô đã dùng cụm từ này để thay đổi trọng tâm của thư tại điểm này. Trong 1:15-20 sứ đồ Phao-lô đã viết về sự vĩ đại của Chúa Cứu Thế. Ở đây Ngài bắt đầu viết về quan hệ của con dân Chúa ở Cô-lô-se với Đức Chúa Trời.

***đã bị xa cách với Đức Chúa Trời:*** Trong bản Hy-lạp không có những từ *với Đức Chúa Trời* (hãy xem BCG). Tuy nhiên, hầu hết các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng trong kinh văn ở đây hàm ý *với Đức Chúa Trời*. Vì vậy nhiều bản dịch (kể cả BDM, BDC, BDY) kèm theo những từ này. Phao-lô đang nói rằng người Cô-lô-se bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời. Sứ đồ Phao-lô không có ý muốn nói là người Cô-lô-se xa cách Đức Chúa Trời về phần xác. Ông muốn nói rằng họ không có quan hệ với Ngài bởi vì các việc làm tội lỗi của họ đã phân cách họ với Ngài.

Các cách được đề nghị để chuyển ngữ:

anh chị em là người ngoại quốc đối với Đức Chúa Trời

-HAY-

anh chị em bị cắt khỏi Đức Chúa Trời

-HAY-

anh chị em đã từ khước Đức Chúa Trời.

### 1:21b

***tâm trí anh chị em thù nghịch với Ngài:*** Đây nói nhiều hơn về tình trạng của các tín hữu ở Cô-lô-se trước khi họ trở nên con dân Chúa: Họ là kẻ thù của Đức Chúa Trời. Có thể nói một cách khác là: “anh chị em không thân thiện với Đức Chúa Trời” hay “anh chị em chống lại Đức Chúa Trời”.

***tâm trí anh chị em:*** Cụm từ này giải thích cách mà người Cô-lô-se đã là kẻ thù của Đức Chúa Trời. Họ thù nghịch Đức Chúa Trời trong cách họ suy nghĩ và cảm nghĩ. Một cách để chuyển ngữ ý này là: “Cách anh chị em suy nghĩ khiến anh chị em trở nên kẻ thù của Ngài”.

### 1:21c

***do công việc ác của mình:*** Không phải chỉ cách suy nghĩ khiến người Cô-lô-se là kẻ thù của Đức Chúa Trời mà còn là cách hành động gian ác của họ.

### 1:22a

***nhưng bây giờ:*** Trong câu này sứ đồ Phao-lô đối chiếu tình trạng của người Cô-lô-se trước khi họ tin Chúa Cứu Thế với tình trạng của họ bây giờ, tức là, sau khi họ đã trở nên con dân Chúa.

***nhờ Đức Con hy sinh thân máu:*** Đây tương tự như điều sứ đồ Phao-lô đã nói ở trong 1:20a. Đức Chúa Trời giải hoà người Cô-lô-se với chính Ngài qua sự chết của Chúa Cứu Thế.

***thân máu:*** Sứ đồ Phao-lô đang nhấn mạnh là Chúa Cứu Thế đã có một thân xác bằng xương bằng thịt của một con người.

### 1:22b

***Đức Chúa Trời đã giải hoà với anh chị em:*** Về ý nghĩa của cụm từ *giải hoà* xem lời giải nghĩa của 1:20a. Bạn nên chuyển ngữ cụm từ *giải hoà* ở đây cùng một cách với cụm từ này ở trong 1:20.

***Đức Chúa Trời:*** Trong bản Hy-lạp có một số đại từ được dùng trong câu này và không rõ là chúng nói về ai. Các học giả không đồng ý với nhau về ai là chủ từ của động từ *đã giải hoà*. Nó có thể hoặc là Đức Chúa Trời hay là Chúa Cứu Thế. Hầu hết các nhà giải kinh và các người chuyển ngữ đều chọn Đức Chúa Trời là chủ từ, và điều này nhất quán với tất cả những điều mà Tân Ước dạy dỗ. Vậy nên chúng tôi đề nghị bạn nên nói rõ là Đức Chúa Trời ở trong bản dịch của bạn.

### 1:22c

***để trình diện anh chị em trước mặt Ngài, là những người thánh sạch không tì vết, không ai chê trách được:*** Nhóm từ này cho thấy mục đích của 1:22b. Đức Chúa Trời đã giải hoà họ với chính Ngài để có thể trình diện họ *thánh sạch không tì vết và không ai chê trách được*. Đức Chúa Trời là chủ từ của cả phần này của câu lần 1:22b. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó. Phao-lô đang nói là: “Đức Chúa Trời đã giải hoà anh chị em...để Ngài [Đức Chúa Trời] có thể trình diện anh chị em...”

***để trình diện anh chị em:*** Khi Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời sẽ *trình diện*, Ngài muốn nói: “Đức Chúa Trời sẽ khiến anh chị em ở trước mặt Ngài”, hay “Đức Chúa Trời sẽ mang anh chị em đến chỗ Ngài ở”. Các học giả không đồng ý về khi nào thì điều này xảy ra:



<b>1:21b</b>	<p><b>tâm trí anh chị em thù nghịch với Ngài</b>  và anh chị em chống nghịch lại Đức Chúa Trời trong [mọi] ý nghĩ của anh chị em,  <b>-HAY-</b>  và cách anh chị em suy nghĩ chống nghịch lại với Đức Chúa Trời,</p>
<b>1:21c</b>	<p><b>do công việc ác của mình,</b>  bởi vì anh chị em đã hành động một cách gian ác.  <b>-HAY-</b>  bởi vì anh chị em [tiếp tục] làm việc gian ác.</p>
<b>1:22a</b>	<p><b>nhưng bây giờ nhờ Đức Con hy sinh thân báu,</b>  Nhưng nhờ đã sai Con Ngài trở nên con người và chết [trên thập tự giá],  <b>-HAY-</b>  Nhưng [Đức Chúa Trời đã làm điều này] bằng cách để Chúa Cứu Thế trở nên con người và chết</p>
<b>1:22b</b>	<p><b>Đức Chúa Trời đã giải hòa với anh chị em</b>  Đức Chúa Trời đã phục hồi sự hoà bình giữa chính Ngài và anh chị em,  <b>-HAY-</b>  Đức Chúa Trời đã khiến cho anh chị em có một quan hệ hoà thuận với Ngài.</p>
<b>1:22c</b>	<p><b>để trình diện anh chị em trước mặt Ngài, là những người thánh sạch không tì vết, không ai chê trách được,</b>  [Đức Chúa Trời đã làm điều này] để [trong tương lai] khi Ngài đem anh chị em đến chỗ Ngài ở, anh chị em sẽ được tinh sạch không có bất cứ tội lỗi hay mặc cảm phạm tội nào cả.  <b>-HAY-</b>  [Đức Chúa Trời đã giải hoà với anh chị em bằng cách để Chúa Cứu Thế chết] để khi đứng trước mặt Ngài [vào lúc Ngài xét đoán tất cả mọi người] Ngài sẽ coi anh chị em hoàn toàn tinh sạch, không có tội và không ai có cơ gì để tố cáo anh chị em đã làm một điều gì sai.</p>

- (1) Nhiều học giả nói rằng các từ này nói về tương lai, tức là, ngày mà Đức Chúa Trời sẽ đoán xét tất cả mọi người (BDM, BDC, BDY).
- (2) Một số học giả tin rằng sứ đồ Phao-lô đang viết về một điều có thật. Qua sự chết của Chúa Cứu Thế, Đức Chúa Trời đã đem những người tin Ngài vào trong sự hiện diện của Ngài và khiến họ trở nên thánh khiết và tinh sạch (BCG).

Cả hai cách giải thích này đều đúng và được dạy ở những chỗ khác trong Kinh Thánh. Nhiều bản dịch không xác định rõ vì bản Hy-lạp không theo cách giải thích nào cả.

PKTCCN theo cách giải thích thứ nhất, vì nó được đa số học giả ưa thích.

**là những người thánh sạch không tì vết, không ai chê trách được:** Sứ đồ Phao-lô dùng ba từ hay nhóm từ có nghĩa tương tự như nhau.

**thánh sạch:** Từ Hy-lạp *hagios* được dùng ở đây thường có nghĩa là “được dâng hiến cho Đức Chúa Trời”. Trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là “thánh sạch”.

**không tì vết:** Từ Hy-lạp *amōmos* được dùng ở đây là một từ mà được dùng để mô tả một con vật không có vết cắt, vết bầm hay nan đề về thể chất gì khác để nó được chấp nhận

làm lễ vật (I Phê-rơ 1:19, Xuất Ê-díp-tô-ký 12:5). Ở đây nó có nghĩa là “tinh sạch về phần đạo đức, không có tội lỗi gì cả”.

**không ai chẻ trách được:** Từ Hy-lạp *anegklētos* được dùng ở đây có nghĩa là không ai có thể tố cáo các tín hữu trước mặt Đức Chúa Trời và nói rằng họ có tội.

Nếu ngôn ngữ của bạn khó chuyển ngữ ba nhóm từ này riêng biệt với nhau, bạn có thể phối hợp lại với nhau cũng được. Sứ đồ Phao-lô đã dùng ba nhóm từ với ý nghĩa tương tự để làm câu tuyên bố nghe mạnh mẽ hơn. Một cách khác để chuyển ngữ ba nhóm từ này là: “hoàn toàn tinh sạch và không chẻ trách được”.

### 1:23a

**nếu anh chị em tiếp tục duy trì đức tin:** Các lời sứ đồ Phao-lô nói ở trong 1:23 là một phần của cùng một câu mà ông bắt đầu ở trong 1:21. Câu này đặt điều kiện cho 1:22. 1:22 sẽ chỉ đúng khi người Cô-lô-se tiếp tục duy trì đức tin của họ.

**tiếp tục duy trì đức tin:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ *tiếp tục duy trì đức tin* được dịch sát nghĩa từ “tiếp tục ở trong đức tin”. Có nghĩa là “tiếp tục tin tưởng”. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn, tốt hơn phải nói rõ họ tin cái gì, bạn có thể nói: “Nhưng anh chị em phải tiếp tục tin Phúc Âm” hay “...tin Chúa Giê-su”.

### 1:23b

**trên nền tảng chắc chắn, vững vàng:** Đây là một cách mà người Cô-lô-se nên “tiếp tục duy trì đức tin.” Hai nhóm từ này *nền tảng chắc chắn*, và *vững vàng*, là hai cách để nói về cùng một điều.

**trên nền tảng chắc chắn:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “đặt trên một nền vững chắc”. Đây là một lối nói tượng hình ở đây. Nó có nghĩa là giống như một nền chắc khiến cho cái nhà đứng vững nên người Cô-lô-se cũng phải có một đức tin vững vàng và mạnh mẽ.

### 1:23c

**không xê dịch khỏi niềm hy vọng của Phúc Âm:** Chuyển ngữ 1:23c sát nghĩa theo bản

Hy-lạp là: “và không dời khỏi hy vọng của Phúc Âm”. Nhóm từ “hy vọng của Phúc Âm” có nghĩa là “hy vọng mà Đức Chúa Trời đã hứa ban qua Phúc Âm”. Một số những điều mà Ngài đã hứa cho những người tin là:

- (a) khiến họ sống lại sau khi họ chết
- (b) khiến họ trở nên thánh khiết và toàn hảo
- (c) đem họ lên thiên đàng sống với Ngài đời đời

Hãy xem lời giải nghĩa của 1:5a về ý nghĩa của từ *hy vọng*. Nhiều ngôn ngữ chuyển ngữ *hy vọng* như một động từ thì rõ ràng hơn. Thí dụ, trong câu này bạn có thể nói như sau:

... anh chị em tin cậy chắc chắn rằng Đức Chúa Trời sẽ làm điều Ngài hứa ở trong Phúc Âm.

**không xê dịch:** Có hai cách để giải thích những từ này:

- (1) Hàm ý một tác nhân: “Đừng để bất cứ ai xê dịch anh chị em làm cho anh chị em thôi hy vọng...”
- (2) Không có tác nhân được hàm ý: “Đừng thôi hy vọng...” (BDM, BDC, BDY, BCG)

Chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất bởi vì một lý do mà sứ đồ Phao-lô viết thư này cho người Cô-lô-se là để cảnh cáo họ đừng để các giáo sư giả lừa gạt.

### 1:23d

**Phúc Âm ấy được công bố:** Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi nói ai đã *công bố* Phúc Âm, bạn có thể nói: “[Phúc Âm] mà người ta/các người làm việc cho Đức Chúa Trời công bố”.

### 1:23đ

**cho tất cả vạn vật dưới bầu trời:** Đây có lẽ có nghĩa là “trên khắp thế giới” trong 1:6b. Hãy xem lời chú thích ở đó. Sứ đồ Phao-lô muốn nói là Phúc Âm đã được rao truyền “cho người ta ở khắp trên thế giới”, hay “cho nhiều người ở nhiều nơi”.

### 1:23e

**mà:** Từ *mà* chỉ trở lại *Phúc Âm* ở trong 1:23d.

**chính tôi, Phao-lô:** Đây là lần đầu tiên trong thư này sứ đồ Phao-lô dùng đại từ *tôi* thay vì

<b>1:23a</b>	<b>nếu anh chị em tiếp tục duy trì đức tin</b> [Điều này là thật cho anh chị em] nếu anh chị em tiếp tục tin cậy [nơi Phúc Âm], <b>-HAY-</b> Nhưng [để làm cho chắc chắn là điều này sẽ xảy ra,] anh chị em phải tiếp tục tin [nơi Chúa Cứu Thế],
<b>1:23b</b>	<b>trên nền tảng chắc chắn, vững vàng,</b> [tức là,] đức tin anh chị em sẽ giữ được mạnh mẽ, [giống như một cái nhà xây trên nền vững chắc],
<b>1:23c</b>	<b>không xê dịch khỏi niềm hy vọng của Phúc Âm mà anh chị em đã nghe.</b> và anh chị em không được để cho bất cứ ai ngăn chặn anh chị em hy vọng về điều mà [Đức Chúa Trời] đã hứa trong Phúc Âm.
<b>1:23d</b>	<b>Phúc Âm ấy được công bố</b> Đây là cùng một sứ điệp [về Chúa Cứu Thế] mà anh chị em đã nghe rồi. <b>-HAY-</b> Anh chị em đã nghe sứ điệp này rồi.
<b>1:23đ</b>	<b>cho tất cả vạn vật dưới bầu trời,</b> Người ta đã rao truyền Phúc Âm này tại nhiều nơi trên khắp thế giới. <b>-HAY-</b> Sứ điệp này đã [được] rao truyền cho nhiều người ở khắp mọi nơi trên thế giới.
<b>1:23e</b>	<b>mà chính tôi, Phao-lô, là người phục vụ.</b> Tôi, Phao-lô, đã trở nên một người làm việc để giảng sứ điệp này cho [người ta]. <b>-HAY-</b> Tôi, Phao-lô, là một [trong những] người làm việc để rao truyền Phúc Âm này.

“chúng tôi”. Một lý do mà ông làm như vậy là để nói với người đọc rằng ông sắp bắt đầu nói đến một chủ đề khác (trong 1:24-2:5).

**là người phục vụ:** Có một số ngôn ngữ nếu nói một người là *đầy tớ* cho Phúc Âm thì nghe không được tự nhiên. Một *người phục vụ* là

một người làm việc cho người khác. Vậy sứ đồ Phao-lô muốn nói: “Tôi đã trở nên một người làm việc để rao truyền Phúc Âm”. Trong đoạn kinh văn kế (1:24-29) Phao-lô giải thích rõ hơn về công việc của ông như là *người phục vụ* của Phúc Âm.

**Tiểu đoạn 1:24-2:5 Sứ đồ Phao-lô kể về cách ông đã làm việc cực khổ để giảng Phúc Âm cho người ngoại quốc.**

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô vui lòng chịu khổ và làm việc cực khổ để các người Cô-lô-se, đa số không phải là người Do Thái, sẽ hiểu sứ điệp thật về Chúa Cứu Thế một cách thông suốt đến nỗi không ai có thể lừa gạt họ được.

Đoạn văn 1:24-29

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô vui lòng chịu khổ để người Cô-lô-se, hầu hết không phải là người Do Thái, sẽ hiểu sứ điệp về Chúa Cứu Thế.

**1:24a**

**Hiện nay, tôi vui mừng trong khi chịu đau khổ vì anh chị em:** Sứ đồ Phao-lô đang nói về điều chính ông phải chịu khổ.

**tôi vui mừng:** Sứ đồ Phao-lô không nói rằng ông thích chịu khổ. Ông vui lòng chịu khổ để giúp đỡ các con dân Chúa ở Cô-lô-se và các nơi khác.

**vì anh chị em:** Nhóm từ *vì anh chị em* có nghĩa là “để giúp đỡ anh chị em”, hay “cho ích lợi của anh chị em”. Trong tiểu đoạn này, 1:24-2:5, chính ra sứ đồ Phao-lô chỉ nói về công việc rao giảng Phúc Âm của ông cho những người ngoại quốc (những người không phải là người Do Thái), và đại từ *anh chị em* có nghĩa là, “anh chị em những con dân Chúa là người ngoại quốc”.

Lý do mà sứ đồ Phao-lô phải chịu khổ là vì ông đã giảng Phúc Âm cho nhiều người, nhất là cho những người không phải là người Do Thái, và vì ông làm như vậy, các kẻ thù của ông bắt bớ ông và bỏ ông vào tù.

**1:24b**

**thân thể Ngài tức là hội thánh:** Hãy xem lời chú thích về *thân thể* và *hội thánh* trong 1:18a.

**1:24c**

**tôi mang đây trong thân thể mình:** Đây là một thành ngữ khó hiểu và các học giả bất đồng ý kiến về ý nghĩa của nó. Trong phạm vi của sách giải nghĩa này không thể giải thích tất cả mọi cách giải thích khả dĩ khác nhau. Bởi vì vậy, những lời chú thích này trình bày một quan niệm chính của nhiều quan niệm.

**tôi mang đây:** Trong bản Hy-lạp động từ *antanaplērō* được dùng ở đây có nghĩa là “tôi làm trọn (một điều gì đó) bằng cách thêm vào điều bị thiếu”. Trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là “tôi đang làm trọn điều Chúa Cứu Thế đã chỉ định cho tôi chịu khổ”, hay “tôi đang làm trọn trách nhiệm chịu khổ [vì có

Chúa Cứu Thế]”. Sứ đồ Phao-lô đã làm điều này một cách vui lòng (hãy xem lời chú thích của 1:24a).

**trong thân thể mình:** Qua nhóm từ này sứ đồ Phao-lô nhấn mạnh rằng ông đang nói về sự đau khổ về phân xác của chính ông.

**hoạn nạn:** Từ Hy-lạp *thlipsis* “hoạn nạn” không được dùng trong Tân Ước để nói đến sự đau khổ mà Chúa Cứu Thế phải chịu khi Ngài chết. Nó nói đến sự bất bớ, khó khăn, và các sự khó nhọc về phân thể xác cũng như tình cảm mà các con dân Chúa phải chịu, thí dụ, từ Hy-lạp này được dùng trong Ma-thi-ơ 24:9, Giăng 16:33 và Khải Huyền 7:14.

Các học giả Kinh Thánh có quan niệm khác nhau về nhóm từ *hoạn nạn* “còn sót lại của Chúa Cứu Thế” có nghĩa gì trong ngữ cảnh này. Sau đây là hai quan niệm phổ thông nhất:

- (1) “[Tôi đang chịu khổ] vì cơ Chúa Cứu Thế.” (BDM, BDC)
- (2) “[Tôi đang chịu khổ] cùng một cách Chúa Cứu Thế chịu khổ.” (BDY, BCG)

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất. Vì sứ đồ Phao-lô đang viết về sự chịu khổ của chính ông, nên rất có thể là ông nói rằng ông đang chịu khổ vì cơ Chúa Cứu Thế. (Hãy xem Công Vụ 9:16.)

**còn sót lại của Chúa Cứu Thế:** Câu này nói rõ về sự dạy dỗ của Chúa Cứu Thế về việc các con dân Chúa phải chịu bất bớ. Đây là điều sứ đồ Phao-lô muốn nói khi ông nói rằng ông đang chịu đựng những gì còn sót lại: ông đang chịu những sự đau khổ vẫn còn cần phải chịu.

Sứ đồ Phao-lô không nói rằng sự đau khổ Chúa Cứu Thế đã chịu trên thập tự giá thiếu một điều gì. Điều này sẽ hàm ý rằng sự chết của Chúa Giê-su không đủ để cứu những người tin Ngài. Bạn nên lựa chọn từ ngữ cẩn thận để bản dịch của bạn không hàm ý như vậy.

**1:25a**

**Tôi trở nên người phục vụ của Hội Thánh:** Trong 1:23 sứ đồ Phao-lô nói rằng ông đã trở nên người phục vụ của Phúc Âm. Ở đây trong 1:25a ông nói rằng ông đã trở nên người phục

**Tiểu Đoạn 1:24-2:5 Sứ đồ Phao-lô kể về cách ông đã làm việc cực khổ để giảng Phúc Âm cho người ngoại quốc.**

- 1:24a** **Hiện nay, tôi vui mừng trong khi chịu đau khổ vì anh chị em.**  
¶ Ngay bây giờ, tôi vui mừng bởi vì [tôi biết rằng] tôi đang chịu khổ [trong tù ở đây] là lợi ích cho anh chị em.  
**-HAY-**  
¶ Tôi đang chịu khổ [bởi vì cách tôi làm việc] để giúp đỡ anh chị em [những người không phải là người Do Thái]. Nhưng tôi vui lòng làm việc này.
- 1:24b** **Vì thân thể Ngài tức là hội thánh,**  
Để giúp đỡ dân sự của Ngài, [giống như] thân thể của Chúa,
- 1:24c** **tôi mang đây trong thân thể mình hoạn nạn còn sót lại của Chúa Cứu Thế.**  
tôi [vui lòng] chịu tất cả mọi sự đau đớn mà Chúa Cứu Thế đòi hỏi tôi phải chịu vì cơ Ngài.  
**-HAY-**  
[là con dân Chúa, chúng ta phải tiếp tục chịu khổ.] Giống như Chúa Cứu Thế đã chịu khổ, tôi vui lòng chịu tất cả những điều mà Chúa Cứu Thế đòi hỏi tôi phải chịu khổ vì cơ Ngài.
- 1:25a** **Tôi trở nên người phục vụ của Hội Thánh**  
Tôi trở nên người phục vụ dân sự này  
**-HAY-**  
Tôi đã trở nên một người [hầu việc Đức Chúa Trời là người] giúp đỡ dân sự của Chúa
- 1:25b** **theo sự phân công của Đức Chúa Trời:**  
Đức Chúa Trời giao thác công việc này cho tôi vì sự lợi ích của anh chị em.  
**-HAY-**  
bởi vì Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm tôi làm việc này để giúp đỡ anh chị em.
- 1:25c** **Tôi được ủy thác phải trình bày đầy đủ lời của Đức Chúa Trời cho anh chị em,**  
[Công việc của tôi là] giải thích đầy đủ [cho anh chị em] sứ điệp này từ Đức Chúa Trời.  
**-HAY-**  
[Ngài đã sai tôi] để dạy dỗ [anh chị em] sứ điệp trọn vẹn của Ngài [về Chúa Cứu Thế Giê-su].

vụ của hội thánh. Sứ đồ Phao-lô đã trở nên một người làm việc để giúp đỡ cộng đồng của những người đã tin Chúa Giê-su.

**1:25b-c**

**theo sự phân công của Đức Chúa Trời: Tôi được ủy thác phải...cho anh chị em:** Trong

bản Hy-lạp, nhóm từ mà BDM chuyển ngữ là *cho anh chị em* ở giữa câu. Vì vậy, các học giả không đồng ý về cách nó được nối kết với phần còn lại của câu nhưng hầu hết các sách giải kinh hỗ trợ quan niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã giao cho sứ đồ Phao-lô một sứ mệnh cho người Cô-lô-se, tức là, vì lợi ích của họ,

để giúp đỡ cho họ. BDM, BDC để “cho anh em” ở cuối câu, BDY không chuyển ngữ.

**sự phân công:** *Phân công* một người có nghĩa là bỏ nhiệm người đó làm và giao cho họ trách nhiệm để làm công việc đó. Công việc/sứ mạng Đức Chúa Trời đã giao phó cho sứ đồ Phao-lô là phục vụ hội thánh tại Cô-lô-se.

**trình bày đầy đủ lời của Đức Chúa Trời:** Một trong những cách mà Đức Chúa Trời muốn sứ đồ Phao-lô phục vụ hội thánh là qua việc *trình bày đầy đủ lời của Đức Chúa Trời*.

**lời của Đức Chúa Trời:** Đây nói đến sứ điệp từ Đức Chúa Trời, Phúc Âm. Trong ngữ cảnh này nó không chỉ có nghĩa là Thánh Kinh.

### 1:26a

**huyền nhiệm:** Trong bản Hy-lạp từ được dùng ở đây có nghĩa là lẽ thật mà người ta không thể tự mình hiểu được nhưng chỉ hiểu được khi Đức Chúa Trời bày tỏ cho họ. Qua suốt sách Cô-lô-se, *huyền nhiệm* có nghĩa là quy hoạch của Đức Chúa Trời mà Ngài đã bày tỏ rõ ràng cho con người sau khi Chúa Cứu Thế chết. Sứ đồ Phao-lô không giải thích sự huyền nhiệm cho người Cô-lô-se cho đến cuối của 1:27.

**đã giấu kín từ bao nhiêu thời đại và thế hệ:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng quy hoạch của Đức Chúa Trời đã *giấu kín*. Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời muốn giữ bí mật. Ngài không cho phép con người hiểu toàn vẹn quy hoạch của Ngài.

**thời đại và thế hệ:** Đây có nghĩa là Ngài đã giữ bí mật với tất cả những người sống trong thời đại trước khi Chúa Cứu Thế đến thế gian.

### 1:26b

**nhưng bây giờ được tỏ ra cho các thánh đồ:** Trong quá khứ Đức Chúa Trời đã không cho phép con người hiểu quy hoạch của Ngài. Nhưng *bây giờ*, Chúa Cứu Thế đã đến, Ngài đã *tỏ ra* quy hoạch của Ngài, tức là, Ngài *cho các thánh đồ* thấy quy hoạch đó.

**các thánh đồ:** Cụm từ *các thánh đồ* có nghĩa là tất cả dân sự của Đức Chúa Trời, tất

cả những người tin Chúa Cứu Thế. Hãy xem lời chú thích ở trong 1:4b.

### 1:27a

**Đức Chúa Trời muốn tỏ cho họ biết vinh quang phong phú của huyền nhiệm đó giữa dân ngoại:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời muốn “các thánh đồ” hiểu rằng *vinh quang phong phú của huyền nhiệm* đó là cho

sự ích lợi của những người không phải là người Do Thái.

**cho họ:** Đây nói đến “các thánh đồ” trong 1:26b.

### 1:27b

**Chúa Cứu Thế ở trong anh chị em:** Trong 1:26 sứ đồ Phao-lô bắt đầu nói về “huyền nhiệm” (quy hoạch bí mật của Đức Chúa Trời). Trong 1:27b ông đặc biệt nói đến “huyền nhiệm” là gì. Đó là Chúa Cứu Thế ngự ở giữa những người không phải là người Do Thái đã tin Ngài. Khi sứ đồ Phao-lô nói *trong anh chị em*, ông muốn nói: “trong anh chị em là những người không phải là người Do Thái”.

Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp có nghĩa là “Chúa Cứu Thế trong anh chị em” không có động từ. Nhưng trong bản dịch của bạn có lẽ bạn sẽ muốn dùng một động từ, thí dụ: “Chúa Cứu Thế ở trong anh chị em”, hay “Chúa Cứu Thế sống trong anh chị em”. Sứ đồ Phao-lô đang nói về một điều đúng trong hiện tại: Chúa Cứu Thế bây giờ đang ở trong lòng của những người tin.

### 1:27c

**hy vọng về vinh quang:** Nhóm từ *hy vọng về vinh quang* có nghĩa là “sự vinh quang mà [anh chị em] hy vọng” hay “sự vinh quang mà [anh chị em] chờ đợi để nhận lãnh”. Hầu hết các học giả tin rằng đây nói đến tương lai vinh hiển mà các con dân Chúa mong đợi được nhận lãnh ở trên thiên đàng. Một số bản dịch diễn tả điều này như là “hy vọng của anh chị em chia sẻ sự vinh quang của Đức Chúa Trời”.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:27b-c:** Trong bản Hy-lạp không nói rõ là phần này *hy vọng về vinh quang* nối kết như thế nào với 1:27c, “Chúa Cứu Thế ở trong anh chị em”.

<b>1:26a</b>	<p><b>tức là huyền nhiệm đã giấu kín từ bao nhiêu thời đại và thế hệ,</b>          [Tức là, Ngài đã sai tôi dạy dỗ anh chị em về] quy hoạch của Ngài mà trong quá khứ Đức Chúa Trời đã không cho phép người ta hiểu,  <b>-HAY-</b>          [Đức Chúa Trời] đã giữ kín sứ điệp này khỏi tất cả những người sống trong quá khứ,</p>
<b>1:26b</b>	<p><b>nhưng bây giờ được tỏ ra cho các thánh đồ của Chúa.</b>          nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã bày tỏ [quy hoạch này] cho dân sự của Chúa.  <b>-HAY-</b>          nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã khiến [tất cả] các con dân Chúa biết quy hoạch này.</p>
<b>1:27a</b>	<p><b>Đức Chúa Trời muốn tỏ cho họ biết vinh quang phong phú của huyền nhiệm đó giữa dân ngoại,</b>          Đức Chúa Trời quyết định bày tỏ cho dân sự của Ngài quy hoạch của Ngài cho người ngoại quốc là tuyệt diệu như thế nào.  <b>-HAY-</b>          Đức Chúa Trời đã bày tỏ [quy hoạch bí mật của Ngài] cho [tất cả] dân sự của Ngài đã được chọn. [Ngài muốn cho tất cả họ biết rằng] quy hoạch của Ngài là cực kỳ quan trọng để giúp đỡ cho những người không phải là người Do Thái.</p>
<b>1:27b</b>	<p><b>tức là Chúa Cứu Thế ở trong anh chị em,</b>          Chúa Cứu Thế ở trong anh chị em [những người ngoại quốc],  <b>-HAY-</b>          Chúa Cứu Thế [cũng] cư ngụ ở trong anh chị em [những người không phải là người Do Thái],</p>
<b>1:27c</b>	<p><b>là hy vọng về vinh quang.</b>          [vậy] anh chị em có thể chờ đợi [để chia sẻ] sự vinh quang [của Đức Chúa Trời] [trên thiên đàng].  <b>-HAY-</b>          [kết quả là] anh chị em có thể tự tin là anh chị em sẽ nhận được sự vinh quang [mà Đức Chúa Trời đã hứa ban].</p>

Tuy nhiên, hầu hết các học giả tin rằng sứ đồ Phao-lô đang nói là *hy vọng về vinh quang* là kết quả của Chúa Cứu Thế ở trong chúng ta, tức là “Chúa Cứu Thế ở trong anh chị em, và kết quả là anh chị em chắc chắn chờ đợi vinh quang”.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:26-27: Sứ đồ Phao-lô nói về “huyền nhiệm” ở trong 1:26 và 1:27a-b, nhưng ông không nói rõ “huyền nhiệm” là gì cho tới 1:27c. Một số ngôn ngữ có thể đòi hỏi sắp đặt lại 1:26-27 để giúp cho

người ta hiểu điều này. Đây là thí dụ của cách chuyển ngữ đó:

(1:27a-b) Đức Chúa Trời đã quyết định nói cho dân sự của Ngài biết rằng quy hoạch của Ngài cho anh chị em những người ngoại quốc là tuyệt diệu như thế nào. (1:27c-d) Quy hoạch của Đức Chúa Trời là như thế này: hãy để Chúa Cứu Thế ngự trị ở trong lòng anh chị em, để anh chị em có thể chắc chắn chờ đợi chia sẻ vinh quang của Đức Chúa Trời. (1:26a) Trong quá khứ Đức Chúa Trời đã không bày tỏ quy hoạch này cho nhân loại.

(1:26b) Nhưng bây giờ Ngài đã bày tỏ cho dân sự Ngài biết.

### 1:28a

**Chúng tôi:** Sứ đồ Phao-lô đang nói về chính ông và những người khác là người đã giảng sứ điệp về Chúa Cứu Thế.

**truyền giảng Chúa Cứu Thế:** Một số ngôn ngữ không thể nói là một người “truyền giảng một người”. Điều sứ đồ Phao-lô muốn nói là ông truyền giảng sứ điệp về Chúa Cứu Thế.

### 1:28b

**dùng tất cả sự khôn ngoan:** Bản Hy-lạp dùng “trong tất cả sự khôn ngoan”. Loại cấu trúc văn phạm này trong bản Hy-lạp thường được dùng để nói đến cách một việc được làm như thế nào, vậy nên hầu hết các học giả Kinh Thánh tin rằng ở đây sứ đồ Phao-lô nói rằng ông đã dạy một cách khôn ngoan. Bạn có thể chuyển ngữ một cách khác là:

“dạy dỗ cách khôn ngoan mà chúng ta có thể làm được.”

-HAY-

“dạy dỗ với tất cả sự khôn ngoan mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng tôi.”

**cảnh cáo mọi người:** Đây có nghĩa là “chỉ dẫn cho họ không làm một điều gì, bởi vì điều đó là sai lầm”.

**dạy dỗ mọi người:** Khi ông dạy dỗ họ, ông bảo họ điều họ nên làm vì họ là con dân Chúa.

**mọi người:** Trong bản Hy-lạp cụm từ *mọi người* được dùng để nhấn mạnh. Cụm từ này được dùng ba lần: “Chúng tôi cảnh cáo mọi người và dạy dỗ mọi người ngõ hầu chúng tôi trình diện mọi người cho Đức Chúa Trời như những người trưởng thành trong Chúa Cứu Thế”. Rất có thể sứ đồ Phao-lô đang nhấn mạnh rằng ông không phân biệt một người tín hữu này với người tín hữu khác. Mọi tín hữu đều cần được cảnh cáo và dạy dỗ để tất cả họ sẽ trở nên toàn hảo trong Chúa Cứu Thế.

### 1:28c

**ngõ hầu chúng tôi trình diện mọi người cho Đức Chúa Trời như những người trưởng thành trong Chúa Cứu Thế:** Sứ đồ Phao-lô

muốn điều này xảy ra như là kết quả của sự dạy dỗ của ông, tức là *mọi người* được nghe ông nói về Chúa Cứu Thế sẽ tin, lớn lên như một con dân Chúa và vậy nên trở thành *trưởng thành trong Chúa Cứu Thế*.

**trình diện:** Đây là cùng một động từ mà sứ đồ Phao-lô đã dùng ở trong 1:22c. Hãy xem lời chú thích ở đó.

**trưởng thành:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây cũng có thể có nghĩa là “hoàn thiện, trọn vẹn, lớn lên”. Trong trường hợp này, sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng sự ao ước của ông là mọi người nghe ông giảng sẽ trở nên người tín hữu trưởng thành (mạnh mẽ) trong Chúa Cứu Thế.

### 1:29a

**Nhằm mục đích ấy:** Đây đề cập ngược trở lại 1:28c. Sứ đồ Phao-lô làm việc cực khổ với mục đích “trình diện mọi người toàn hảo trong Chúa Cứu Thế”.

### 1:29b

**tôi đang lao khổ đấu tranh:** Động từ đầu tiên, *lao khổ*, có nghĩa là “làm việc cực nhọc”. Động từ thứ nhì, *đấu tranh*, có nghĩa là “cố gắng để làm một việc gì một cách hăng hái, tranh thủ hết lòng, làm tất cả mọi sự khả dĩ”. Động từ thứ nhì này có thể nói đến sự tranh đấu trong một cuộc thi lực sĩ hay trong chiến trận. Tuy nhiên, ở đây không nói đến sự tranh đấu về thể chất. Sứ đồ Phao-lô biết rằng ông đang chiến đấu với Sa-tan. Ngay cả khi ở trong tù ông hoàn toàn tận hiến và dốc toàn lực để giúp đỡ các con dân Chúa.

**nhờ tất cả quyền năng của Ngài:** Phao-lô làm việc một cách khó nhọc và tận sức để làm công việc giảng Phúc Âm của ông. Nhưng ông không nhờ cậy vào quyền năng của riêng ông. Ông nói rằng ông làm việc *nhờ* trên quyền năng mà Chúa Cứu Thế ban cho ông.

**đang tác động mạnh mẽ trong tôi:** Phao-lô nói rằng năng lực của Chúa Cứu Thế đang làm việc một cách đầy quyền năng trong ông, khiến cho ông có thể làm công việc của mình. Một số ngôn ngữ không thể nói về “năng lực của Chúa Cứu Thế tác động một cách mạnh mẽ trong tôi”. Có thể chuyển ngữ như sau:



<b>1:28a</b>	<b>Chúng tôi truyền giảng Chúa Cứu Thế,</b> Chúng tôi nói cho tất cả mọi người [sứ điệp về] Chúa Cứu Thế.
<b>1:28b</b>	<b>dùng tất cả sự khôn ngoan để cảnh cáo mọi người, dạy dỗ mọi người,</b> Chúng tôi cảnh cáo mọi người [phải vâng lời/đi theo Chúa Cứu Thế] và chúng tôi dạy dỗ mọi người một cách khôn ngoan như chúng tôi có thể làm được.
<b>1:28c</b>	<b>ngõ hầu chúng tôi trình diện mọi người cho Đức Chúa Trời như những người trưởng thành trong Chúa Cứu Thế.</b> [Chúng tôi làm như vậy] để tất cả mọi người [đã được Đức Chúa Trời] hiệp một với Chúa Cứu Thế có thể được trưởng thành/trọn vẹn [về phần thuộc linh] khi chúng tôi trình diện họ với Đức Chúa Trời <b>-HAY-</b> [Ước muốn của chúng tôi là] [qua sự dạy dỗ của chúng tôi] chúng tôi có thể bảo đảm rằng mọi người sẽ là một [tín hữu] trưởng thành trong Chúa Cứu Thế khi họ đứng [trước mặt Đức Chúa Trời].
<b>1:29a</b>	<b>Nhằm mục đích ấy,</b> Vì mục đích ấy
<b>1:29b</b>	<b>tôi đang lao khổ đấu tranh, nhờ tất cả quyền năng của Ngài đang tác động mạnh mẽ trong tôi.</b> tôi đang gắng sức [để làm công tác này] bằng cách dùng tất cả quyền năng mà Chúa Cứu Thế ban cho tôi. <b>-HAY-</b> [Chúa Cứu Thế] đang làm việc trong tôi một cách đầy quyền năng, và tôi đang dùng quyền năng Ngài ban cho tôi [để làm công việc công bố Phúc Âm này].
<b>2:1a</b>	<b>Tôi mong muốn anh chị em biết tôi đã tranh đấu cam go thế nào cho anh chị em,</b> ¶ Tôi muốn anh chị em biết rằng tôi quyết tâm tận hiến để giúp đỡ anh chị em [ở thành phố Cô-lô-se], <b>-HAY-</b> ¶ Tôi muốn anh chị em biết rằng tôi đang tận sức để giúp đỡ [các con dân Chúa ở Cô-lô-se],

năng lực mà Chúa Cứu Thế ban cho tôi khi Ngài làm việc trong tôi.

nên toàn hảo khi họ đứng trước mặt Đức Chúa Trời.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 1:28-29:** Một vài ngôn ngữ có thể cần phải sắp đặt lại 1:28-29. Sau đây là một cách để làm điều này:

Sự giúp đỡ đầy quyền năng của Chúa Cứu Thế trong tôi giúp tôi luôn luôn làm việc cực khổ để cảnh cáo mọi người [tiếp tục đi theo Chúa Cứu Thế] và dạy họ [biết thêm nhiều hơn về Ngài]. Tôi làm việc cực khổ bởi vì tôi rất mong muốn những người hiệp một với Chúa Cứu Thế sẽ trở

#### Đoạn văn 2:1-5

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô hết lòng tận hiến để giúp đỡ người Cô-lô-se hiểu sứ điệp của Đức Chúa Trời về Chúa Cứu Thế. Ông biết rằng rất là quan trọng để cho họ hiểu biết nó một cách đầy đủ để không ai sẽ lừa dối họ được.

**2:1a**

**tôi đã tranh đấu cam go thế nào:** Từ Hy-lạp *agōna* có cùng một gốc với từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở trong 1:29b. Từ này nói đến sự tranh đấu về thể xác, giống như trong một cuộc thi đua lực sĩ hay trong chiến trận, với sự nhấn mạnh đến liên quan về mặt tình cảm “tôi đang tranh chiến trong lòng”. Trong 1:28-29 sứ đồ Phao-lô nói rằng ông *tranh đấu* để mọi người thuộc về Chúa Cứu Thế được trở nên toàn hảo. Trong 2:1, ông đặc biệt nói rằng ông đang *tranh đấu* cho các con dân Chúa tại Cô-lô-se và cho những người khác mà ông chưa bao giờ gặp hay dạy dỗ.

Vì sứ đồ Phao-lô ở trong tù trong khi viết thư này, sự *tranh đấu* của ông có lẽ bằng sự cầu nguyện khẩn thiết và viết thư. Bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này là “tôi muốn anh chị em biết tôi quan tâm đến anh chị em như thế nào”.

**2:1b**

**Lao-đi-xê:** Thành phố *Lao-đi-xê* ở về phía tây bắc của thành phố Cô-lô-se, phía dưới sông Ly-cô. Có lẽ sứ đồ Phao-lô đề cập đến thành phố Lao-đi-xê ở đây bởi vì nó ở gần thành phố Cô-lô-se, và bởi vì ông biết rằng các con dân Chúa ở thành phố Lao-đi-xê sau này sẽ đọc thư này (hãy xem 4:16).

**2:1c**

**và cho tất cả các anh chị em chưa từng gặp mặt tôi:** Sứ đồ Phao-lô chưa bao giờ giảng Phúc Âm ở các thành phố Cô-lô-se hay Lao-đi-xê nhưng ông vẫn quan tâm đến các tín hữu ở đó và các chỗ khác mà ông chưa hề đến làm việc. Trong bản dịch bạn có thể nói rõ là các con dân Chúa ở tại hai thành phố Cô-lô-se và Lao-đi-xê được bao gồm trong nhóm người đông hơn *các anh chị em chưa từng gặp mặt tôi*. Thí dụ: “...và cho các con dân Chúa khác chưa hề gặp mặt tôi”, hay “...và cho các con dân Chúa trong những chỗ khác chưa gặp tận mặt tôi”. Một cách khác nữa là đảo ngược thứ tự của các nhóm từ ở trong 2:1, thí dụ:

Tôi muốn nói anh chị em tôi đã làm việc khó nhọc như thế nào cho tất cả những con dân Chúa chưa hề gặp mặt tôi, kể cả anh chị em ở [thành phố] Cô-lô-se và các con dân Chúa ở [thành phố] Lao-đi-xê.

**2:2a**

**họ:** Đây nói đến tất cả những người mà sứ đồ Phao-lô nhắc đến ở trong 2:1. Đây cũng bao gồm các con dân Chúa ở tại Cô-lô-se, là những người mà sứ đồ Phao-lô viết thư trực tiếp cho họ, vậy nên có thể sẽ rõ ràng hơn cho các đọc giả của bạn nếu bạn dùng “anh chị em” hay “tất cả các anh chị em” ở đây và trong phần còn lại của câu 2:2.

**được khích lệ trong lòng:** Từ Hy-lạp *parakaleō* được chuyển ngữ là *khích lệ* cũng có thể có nghĩa là “được yên ủi” hay “được làm mạnh mẽ”. Vì sứ đồ Phao-lô đang viết cho người Cô-lô-se về việc họ cần phải tin tưởng mạnh mẽ nơi sứ điệp thật về Chúa Cứu Thế, dường như ông muốn nói “được làm cho mạnh mẽ” hay “được khích lệ” ở đây chứ không phải “được yên ủi”.

**trong lòng:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng từ Hy-lạp chỉ về “trái tim” để nói đến trung tâm của cảm giác và tình cảm của một người. Ông muốn nói rằng ông đã muốn người Cô-lô-se được khích lệ một cách cá nhân, trong lòng họ. Nhiều bản dịch không chuyển ngữ phần này của câu từng từ một. Có mấy cách để bạn có thể chuyển ngữ từ này:

- Chuyển ngữ từng từ một và dùng từ để chỉ “trái tim”. Bạn chỉ nên làm như vậy nếu trái tim được coi là trọng tâm của tình cảm trong văn hoá của bạn.
- Dùng một thành ngữ có cùng một ý nghĩa trong văn hoá của bạn.
- Chuyển ngữ nhóm từ một cách trực tiếp, thí dụ, “[tôi muốn] khuyến khích anh chị em về phần thuộc linh” hay “[tôi muốn] làm cho anh chị em mạnh mẽ [trong đức tin của anh chị em].”

Bạn nên dùng cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

**2:2b**

**hợp nhất trong tình yêu thương:** Sứ đồ Phao-lô lo rằng các tà giáo đang được dạy tại Cô-lô-se sẽ chia rẽ các con dân Chúa. Ông muốn họ được đoàn kết qua tình yêu thương họ có cho nhau khi họ tin vào sự dạy dỗ thật về Chúa Cứu Thế. Bạn có thể chuyển ngữ là:

<b>2:1b</b>	<b>cho các tín hữu Lao-đi-xê</b> và [cũng] cho các con dân Chúa ở [thành phố] Lao-đi-xê, <b>-HAY-</b> và [tôi cũng đang tận sức giúp đỡ] các con dân Chúa tại [thành phố] Lao-đi-xê,
<b>2:1c</b>	<b>và cho tất cả các anh chị em chưa từng gặp mặt tôi,</b> và tất cả [những con dân Chúa] mà tôi chưa được gặp tận mặt. <b>-HAY-</b> cũng như các con dân Chúa [khác] mà tôi chưa được gặp.
<b>2:2a</b>	<b>ngõ hầu họ được khích lệ trong lòng</b> Tôi làm điều này để khuyến khích [tất cả] anh chị em về mặt thuộc linh,
<b>2:2b</b>	<b>và hợp nhất trong tình yêu thương,</b> và để tình yêu thương lẫn nhau của anh chị em sẽ hợp nhất anh chị em lại. <b>-HAY-</b> nên anh chị em sẽ yêu mến lẫn nhau nhiều hơn và như vậy anh chị em sẽ là một nhóm người hợp nhất.
<b>2:2c</b>	<b>được tất cả sự phong phú của tri thức chắc chắn</b> [Tôi muốn tất cả anh chị em] có các phước hạnh tuyệt diệu là kết quả của việc anh chị em [thật sự] hiểu [sứ điệp của Đức Chúa Trời] và biết chắc chắn [rằng đó là chân lý]. <b>-HAY-</b> Như thế anh chị em sẽ có sự vui mừng lớn lao và đảm bảo mà người ta có khi họ hiểu [sứ điệp của Đức Chúa Trời] một cách trọn vẹn.

Tôi muốn tất cả anh chị em yêu mến lẫn nhau và được đoàn kết trong cách đó.

### 2:2c

**tất cả sự phong phú:** Sứ đồ Phao-lô muốn họ có *tất cả sự phong phú* đến từ sự hiểu biết chắc chắn về sứ điệp của Đức Chúa Trời. Cụm từ *sự phong phú* được dùng như một cách nói tượng hình ở đây. Nó không có nghĩa là tiền bạc hay của cải, nhưng nó có nghĩa là các phước hạnh kỳ diệu và các sự lợi ích kết quả của sự hiểu biết và chắc chắn về sứ điệp của Đức Chúa Trời. Điều này bao gồm cả sự vui mừng và bình an.

**tri thức chắc chắn:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây là *plērophoria* (BDM chuyển ngữ là *chắc chắn*). Các học giả Kinh Thánh giải thích nhóm từ này theo hai cách:

- (1) Từ này có nghĩa là “sự hiểu biết chắc chắn”. Cả thành ngữ này có nghĩa là sứ đồ Phao-lô muốn người Cô-lô-se có sự “bảo đảm, chắc chắn trọn vẹn” điều này đến từ sự hiểu biết một cách thật sự sứ điệp về Chúa Cứu Thế (BDM). BDY dùng “hiểu biết... vững vàng và thấu triệt”.
- (2) Từ này có nghĩa là “trọn vẹn”. Thì cả thành ngữ này có nghĩa là “sự thông hiểu ... đầy đủ”. (BCG)

Cả hai ý nghĩa này đều khả dĩ *plērophoria*. BDC bao gồm cả hai cách giải thích. PKTCCN theo cách thứ nhất, vì nó được hầu hết các sách giải kinh hỗ trợ.

**2:2d**

**mà hiểu thấu huyền nhiệm của Đức Chúa Trời, tức là Chúa Cứu Thế:** Về ý nghĩa của *huyền nhiệm*, hãy xem lời giải nghĩa của 1:27a. Sứ đồ Phao-lô nói rằng Chúa Cứu Thế là trung tâm của sự huyền nhiệm của Đức Chúa Trời. Nếu biết về sự huyền nhiệm của Đức Chúa Trời thì biết về Chúa Cứu Thế, hay biết chính Chúa Cứu Thế. Đa số ngôn ngữ đòi hỏi để cụm từ *Chúa Cứu Thế* vào một nhóm từ riêng biệt, thí dụ:

Tôi muốn tất cả anh chị em biết sự huyền nhiệm của Đức Chúa Trời, tức là, tôi muốn anh chị em biết [về] Chúa Cứu Thế.

**2:3**

**Trong Ngài ẩn chứa mọi kho tàng của sự khôn ngoan và trí thức:** Đây là một cách nói tượng hình: *sự khôn ngoan và trí thức* giống như *mọi kho tàng* được *ẩn chứa* trong Chúa Cứu Thế.

Ông không muốn nói rằng không ai có thể có sự khôn ngoan và trí thức này. Thay vào đó, ông muốn nói rằng chỉ trong Chúa Cứu Thế các con dân Chúa có thể có được những điều này. Chỉ Chúa Cứu Thế có thể khiến cho con người khôn ngoan thật, chỉ có Ngài mới bày tỏ quy hoạch của Đức Chúa Trời cho nhân loại.

**2:4a**

**Tôi nói với anh chị em điều ấy:** Cụm từ *điều ấy* muốn nói đến điều mà sứ đồ Phao-lô nói ở trong 1:24-2:3, và đặc biệt là Chúa Cứu Thế quan trọng như thế nào (2:3). Đối với một số ngôn ngữ có thể tốt hơn là chuyển ngữ như thế này: “tôi đã viết điều này cho anh chị em”, hay “tôi đã nói với anh chị em về những điều này trong thư của tôi...”

**2:4b**

**để không một ai trong anh chị em bị lừa gạt bởi những lời thuyết phục lời cuốn:** Sứ đồ Phao-lô đã nghe rằng có nhiều người Cô-lô-se đang dạy các tà giáo. (Hãy xem Phần Giới Thiệu Sách Cô-lô-se.) Những người giáo sư muốn *lừa gạt* các con dân Chúa ở Cô-lô-se, tức là, khiến cho họ tin vào tà giáo mà họ đang dạy.

**những lời thuyết phục lời cuốn:** Đây có nghĩa là họ cố gắng để làm cho những điều dạy dỗ của họ nghe giống như là chân lý và hợp lý, để người ta tin theo điều họ nói.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:4:** Một cách khác để chuyển ngữ 2:4 là:

Tôi nói những điều này cho anh chị em để không ai thuyết phục anh chị em tin theo những tà giáo, ngay cả nếu điều họ dạy nghe đáng tin cậy.

**2:5a-b**

**Vì dù thân tôi xa vắng nhưng tâm linh tôi vẫn hiện diện với anh chị em:** Hãy cẩn thận đừng để người đọc bản dịch của bạn nghĩ rằng linh hồn của sứ đồ Phao-lô đã rời bỏ thân xác ông và đi về thành phố Cô-lô-se. Khi sứ đồ Phao-lô nói *thân tôi xa vắng*, ông chỉ muốn nói là ông ở xa họ. Ông đang ở trong một thành phố khác, cách xa đây hàng trăm cây số. Nhưng khi ông nói *tâm linh tôi vẫn hiện diện*, có nghĩa là ông vẫn suy nghĩ về họ không ngừng và quan tâm về họ. Đối với một số ngôn ngữ tốt hơn nên chuyển ngữ là: “Giống như là tôi vẫn ở với anh chị em”. CDN thứ nhì và thứ ba trong PKTCCN không dùng cách nói tượng hình để chuyển ngữ nhóm từ này.

**2:5c**

**tôi vui mừng khi thấy:** Mặc dù ông ở cách xa Cô-lô-se, ông đang suy nghĩ về người Cô-lô-se đến nỗi giống như là ông có thể *thấy* họ. Sứ đồ Phao-lô đã biết về các tín hữu Cô-lô-se bởi vì ông đã nghe tin tức từ ông Ê-pháp-ra và những người khác. Đối với ngôn ngữ của bạn có thể nghe tự nhiên hơn nếu chuyển ngữ động từ *thấy* bằng cách dùng một động từ khác, thí dụ: “tôi vui mừng nghe...” hay “tôi vui mừng biết [từ điều tôi đã nghe...]”.

**anh chị em giữ vững hàng ngũ trật tự:** Sứ đồ Phao-lô nói ông vui mừng vì hai điều. Ông vui mừng vì thấy các con dân Chúa tại Cô-lô-se có *trật tự* (2:5c), và đức tin của họ “*vững vàng*” (2:5d). Đối với tiếng Hy-lạp cả hai từ này là từ về quân sự. Từ được chuyển ngữ là *trật tự* có nghĩa là “đứng chung trong từng hàng ngũ một cách trật tự”, như lính đi diễn hành. Có hai cách để giải thích hai từ này:

<b>2:2d</b>	<p><b>mà hiểu thấu huyền nhiệm của Đức Chúa Trời, tức là Chúa Cứu Thế.</b>          [Tôi muốn tất cả anh chị em có sự bảo đảm chắc chắn] để hiểu một cách trọn vẹn quy hoạch mà Đức Chúa Trời đã không bày tỏ cho con người trong quá khứ, tức là [tôi muốn anh chị em hiểu chính] Chúa Cứu Thế.  <b>-HAY-</b>          Như thế anh chị em sẽ hiểu sứ điệp bí mật từ Đức Chúa Trời, đó [chính] là Chúa Cứu Thế.</p>
<b>2:3</b>	<p><b>Trong Ngài ẩn chứa mọi kho tàng của sự khôn ngoan và tri thức.</b>          [Chỉ] Chúa Cứu Thế mới có thể khiến [cho anh chị em] được khôn ngoan và hiểu sứ điệp của Đức Chúa Trời, là điều có giá trị giống như của báu.  <b>-HAY-</b>          [Chỉ] Chúa Cứu Thế có thể giúp đỡ [anh chị em] hiểu thấu sứ điệp quan trọng/có giá trị này [mà Đức Chúa Trời bây giờ bày tỏ ra].</p>
<b>2:4a</b>	<p><b>Tôi nói với anh chị em điều ấy</b>          Tôi nói với anh chị em điều này</p>
<b>2:4b</b>	<p><b>để không một ai trong anh chị em bị lừa gạt bởi những lời thuyết phục lôi cuốn.</b>          để không ai sẽ lừa gạt anh chị em bằng cách [dạy dỗ anh chị em một sứ điệp giả mạo,] thuyết phục anh chị em khiến anh chị em nghĩ họ là đúng.</p>
<b>2:5a</b>	<p><b>Vì dù thân tôi xa vắng,</b>          Mặc dù tôi không ở gần anh chị em,  <b>-HAY-</b>          Mặc dù tôi ở xa anh chị em,</p>
<b>2:5b</b>	<p><b>nhưng tâm linh tôi vẫn hiện diện với anh chị em,</b>          lòng tôi/tâm linh tôi ở với anh chị em, [bởi vì tôi luôn luôn nhớ đến anh chị em].  <b>-HAY-</b>          tôi luôn luôn nhớ đến anh chị em.</p>
<b>2:5c</b>	<p><b>tôi vui mừng khi thấy anh chị em giữ vững hàng ngũ trật tự</b>          Tôi vui mừng bởi vì tôi biết rằng anh chị em vẫn đoàn kết  <b>-HAY-</b>          Tôi vui mừng nghe tin anh chị em tiếp tục ở trong một nhóm đoàn kết,</p>

(1) Các con dân Chúa được hiệp một/đoàn kết (BDY); hay

(2) Các con dân Chúa ở thành phố Cô-lô-se hành xử một cách có trật tự. (BDM, BDC)

Sứ giải thích (1) thích hợp với văn mạch hơn. Sứ đồ Phao-lô rất vui nghe thấy là các con dân

Chúa Cô-lô-se hiệp một, tức là, họ không chia rẽ vì các tà giáo. Họ vẫn tiếp tục tin tưởng nơi Chúa Cứu Thế, không chia ra từng nhóm với những niềm tin khác nhau. BDY chuyển ngữ *trật tự* là “sống trong tinh thần hoà hợp”.

**2:5d**

**đức tin vững vàng trong Chúa Cứu Thế:** Từ được chuyển ngữ là *vững vàng* có nghĩa là “duy trì một vị trí vững chắc” hay “không di chuyển”. Mặc dù có các tà giáo đang được dạy tại thành phố Cô-lô-se đa số con dân

Chúa vẫn giữ được sự hiệp một và tin tưởng vững vàng nơi Chúa Cứu Thế. Bạn có thể chuyển ngữ *đức tin vững vàng trong Chúa Cứu Thế*:

[Tôi rất vui nghe nói] rằng đức tin của anh chị em nơi Chúa Cứu Thế mạnh mẽ và không thay đổi.

**Tiểu đoạn 2:6-23 Hãy hành xử giống như những người thuộc về Chúa Cứu Thế Giê-su và đừng theo những người dạy tà giáo.**

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô bảo người Cô-lô-se hành xử một cách đúng đắn bởi vì họ thuộc về Chúa Cứu Thế. Họ không nên đi theo những người dạy sứ điệp giả mạo. Ông cũng nhắc cho họ nhớ rằng Đức Chúa Trời đã chấp nhận họ một cách trọn vẹn bởi vì họ thuộc về Chúa Cứu Thế.

Trong 1:13-2:5, sứ đồ Phao-lô nhắc nhở họ về Chúa Cứu Thế và ông bảo họ rằng Đức Chúa Trời luôn luôn quy hoạch khiến họ trở nên dân sự của Ngài. Bắt đầu ở trong 2:6, sứ đồ Phao-lô thúc giục họ tiếp tục tin Chúa Cứu Thế. Ông đảm bảo với họ rằng đây là sứ điệp mà ông Ê-pháp-ra và các người khác đã dạy họ. Vì vậy họ nên tiếp tục tin cậy vào Chúa Cứu Thế nhiều hơn nữa và tôn vinh Đức Chúa Trời qua cách hành xử của họ. Họ không nên tin sứ điệp khác.

**Đoạn văn 2:6-7**

Chủ đề: Người Cô-lô-se nên tiếp tục hành xử theo cách giống như những người chấp nhận Chúa Cứu Thế là Chúa và là Chủ của họ.

Trong những câu này sứ đồ Phao-lô bắt đầu thúc giục một cách trực tiếp các tín hữu Cô-lô-se tiếp tục đi theo Chúa Cứu Thế và từ khước các tà giáo mà họ đang nghe nói.

**2:6a**

**Vậy:** Từ *vậy* cho thấy rằng sứ đồ Phao-lô đang căn cứ điều ông sắp nói vào những điều ông đã nói trước kia: “Vậy, căn cứ vào điều tôi đã nói, tôi khuyên anh chị em...”

**đã tiếp nhận:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có thể có nghĩa là “tiếp nhận một điều gì đó” hay “tiếp nhận sự hướng dẫn hay dạy dỗ về một điều gì”. Vậy nên có hai cách để giải thích phần này của câu:

- (1) Người Cô-lô-se đã tin sự dạy dỗ rằng Chúa Cứu Thế Giê-su là *Chúa*, Đấng cai trị tối cao của vũ trụ và tất cả dân sự của Ngài. (BCG, BDY)
- (2) Người Cô-lô-se đã tiếp nhận Chúa Cứu Thế Giê-su làm Chúa của họ, tức là, người cai trị làm chủ họ, Đấng mà họ vâng lời. (BDM, BDC)

Cả hai sự giải thích này đều đúng, và có lẽ sứ đồ Phao-lô không phân biệt hai cách này. Tuy nhiên trong các thư của ông, sứ đồ Phao-lô thường dùng từ này để nói “tiếp nhận sự dạy dỗ về một điều gì” (hãy xem 1 Cô-rinh-tô 11:23, 15:3; Ga-la-ti 1:9, 1:12; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13). Vì vậy, chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

Nếu bạn theo cách giải thích thứ nhì, bạn có thể chuyển ngữ là:

Vậy thì, vì anh chị em đã nhận thức rằng Chúa Cứu Thế Giê-su là Chúa của anh chị em...

-HAY-

Vậy thì, vì anh chị em đã nói: “Chúa Cứu Thế Giê-su là Chúa của tôi,...”

Trong bản Hy-lạp hình thức của từ *đã tiếp nhận* nói đến một hành động đã được làm trọn, tức là, một lúc nào đó trong quá khứ người Cô-lô-se đã nghe và tin sự dạy dỗ về Chúa Cứu Thế.

**2:6b**

**hãy bước đi trong Ngài:** Trong bản Hy-lạp, đây là một cách nói tượng hình “mỗi ngày hành xử như một người hiệp một với Chúa

**2:5d**      **và đức tin vững vàng trong Chúa Cứu Thế.**  
 và anh chị em tin Chúa Cứu Thế một cách vững vàng.  
 -HAY-  
 và anh chị em tiếp tục [chỉ] tin tưởng Chúa Cứu Thế.

**Tiểu Đoạn 2:6-23 Hãy hành xử giống như những người thuộc về Chúa Cứu Thế Giê-su và đừng theo những người dạy tà giáo**

**2:6a**      **Vậy, vì anh chị em đã tiếp nhận Chúa Cứu Thế Giê-su là Chúa,**  
 ¶ Vì vậy, như anh chị em đã tin [sứ điệp dạy rằng] Chúa Cứu Thế Giê-su là chủ của anh chị em,

**2:6b**      **hãy bước đi trong Ngài,**  
 hãy tiếp tục hành xử như người thuộc về Chúa [nên hành xử].  
 -HAY-  
 mỗi ngày anh chị em làm điều Chúa muốn, bởi vì anh chị em đã được kết hợp với Ngài [do Đức Chúa Trời] .

**2:7a**      **hãy đâm rễ và xây nền trong Ngài,**  
 Hãy giữ [đức tin của anh chị em trong Chúa Cứu Thế] thiết lập một cách vững vàng giống như một cái cây đâm rễ dưới đất và tiếp tục gia tăng sự tin cậy của anh chị em nơi Ngài,  
 -HAY-  
 Tức là, tin một cách vững chắc [vào sứ điệp thật về] Chúa Cứu Thế, tiếp tục học biết nhiều hơn về Ngài,  
 -HAY-  
 Hãy tiếp tục tin tưởng vững chắc vào sứ điệp về Chúa Cứu Thế, và hãy trở nên mạnh mẽ hơn về quan hệ với Ngài,

Cứu Thế”. Thì của động từ trong bản Hy-lạp cho thấy là họ nên: “mỗi ngày tiếp tục ...”

**trong Ngài:** Sứ đồ Phao-lô thúc giục người đọc hãy sinh hoạt *trong Ngài*. Đây có nghĩa là cách họ hành xử phải căn cứ trên sự kiện là họ đã hiệp nhất với Chúa Cứu Thế.

## 2:7

Trong 2:6 là mệnh lệnh hay lời cổ vũ chính của sứ đồ Phao-lô trong tiểu đoạn này: *Hãy bước đi trong Ngài*. Trong 2:7, sứ đồ Phao-lô dùng ba nhóm từ để giải thích họ nên làm điều này như thế nào. Sứ đồ Phao-lô thúc giục người Cô-lô-se hãy “đâm rễ và xây nền trong Ngài” (2:7a); “tăng cường đức tin” (2:7b); và “chan chứa lời cảm tạ” (2:7c).

## 2:7a

***hãy đâm rễ ...trong Ngài:*** Nhóm từ đầu tiên này chứa đựng hai cách nói tượng hình. Một lần nữa hình thức của động từ Hy-lạp cho thấy rằng đây là một hành động đã được làm trọn. Khi người Cô-lô-se đã tin Phúc Âm, họ trở nên giống như một cái cây đã đâm rễ sâu trong đất và đứng vững vàng một chỗ. Phao-lô đang bảo họ tiếp tục tin tưởng chắc chắn tất cả những sự dạy dỗ chính về Chúa Cứu Thế, và đừng bắt đầu tin những sự dạy dỗ khác biệt.

***xây nền trong Ngài:*** Đây là cách nói tượng hình thứ nhì trong phần này của câu. Sứ đồ Phao-lô đang bảo người Cô-lô-se rằng giống như một toà nhà trở nên lớn hơn khi được xây xong, sự quan hệ của họ với Chúa Cứu

Thế cũng nên tăng trưởng như vậy. Sứ đồ Phao-lô không nói rõ một cách chính xác ý ông muốn nói là gì. Có thể ông nói là ông muốn người Cô-lô-se tiếp tục biết nhiều hơn về Chúa Cứu Thế, hay họ nên tiếp tục tin cậy vào Chúa Cứu Thế nhiều hơn.

Hình thức của động từ Hy-lạp cho thấy rằng đây là một hành động tiếp diễn, tức là, sứ đồ Phao-lô muốn người Cô-lô-se tiếp tục *xây nên* trong Chúa Cứu Thế mỗi ngày một nhiều hơn.

Nếu bạn không thể dùng cách nói tượng hình trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể:

- chuyển ngữ theo ý nghĩa mà không dùng cách nói tượng hình,
- dùng một cách nói tượng hình có ý nghĩa tương tự trong ngôn ngữ của bạn.

Sau đây là một cách được đề nghị để chuyển ngữ 2:7a mà không dùng cách nói tượng hình:

Anh chị em đã tin vững vàng và tin cậy Ngài, vậy hãy tiếp tục làm như vậy và tiếp tục lớn lên trong quan hệ với Ngài.

### 2:7b

**tăng cường đức tin như anh chị em đã được dạy dỗ:** Có hai cách để hiểu *đức tin* ở đây:

- (1) Nó nói đến tất cả sự dạy dỗ thật về Chúa Cứu Thế. Vậy nên sứ đồ Phao-lô muốn người Cô-lô-se tăng trưởng mạnh mẽ hơn và tin chắc hơn về sứ điệp Cơ Đốc.
- (2) Nó nói đến đức tin cá nhân trong Chúa Cứu Thế. Vậy nên sứ đồ Phao-lô muốn người Cô-lô-se tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong đức tin của họ.

Đa số các bản dịch không xác định rõ. Bởi vì có nhóm từ *như anh chị em đã được dạy dỗ* theo sau cụm từ *đức tin*, có lẽ cách thứ nhất đúng hơn trong ngữ cảnh này. Sứ đồ Phao-lô muốn người Cô-lô-se càng tin chắc hơn là đức tin mà họ đã được dạy dỗ là thật.

**tăng cường:** Từ Hy-lạp được chuyển ngữ *tăng cường* là *bebaioō*, có nghĩa là “biết chắc, xác định”. Vậy nên 2:7b muốn nói:

“tiếp tục để xác định rằng những điều anh chị em được dạy dỗ là thật”.

**như anh chị em đã được dạy dỗ:** Sứ đồ Phao-lô đã nhắc đến trong 1:7 là ông Ê-pháp-ra là một trong những người đã dạy người Cô-lô-se về Chúa Cứu Thế. Nếu ngôn ngữ của bạn không thể dùng thể thụ động (*anh chị em đã được dạy dỗ*), bạn có thể nói “...giống như [người ta] đã dạy anh chị em”, hay “...giống như [ông Ê-pháp-ra và các người khác] đã dạy dỗ anh chị em”, hay “giống như anh chị em đã học [từ những người dạy anh chị em về Chúa Cứu Thế]”.

### 2:7c

**và chan chứa lời cảm tạ:** Sứ đồ Phao-lô không nói về cảm tạ một cách tổng quát, nhưng đặc biệt là cảm tạ Đức Chúa Trời.

### Đoạn văn 2:8-15

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô cảnh cáo người Cô-lô-se phải chắc chắn là các giáo sư giả mạo đã không lừa gạt họ với các triết lý Hy-lạp và các tư tưởng về thế giới thần linh.

Sứ đồ Phao-lô nói đến điểm chính trong phần bắt đầu của tiểu đoạn này: “Hãy cẩn thận đừng để ai lừa gạt mình...” (2:8a). Bạn nên làm rõ điểm chính này trong bản dịch của bạn.

### 2:8a

**Hãy cẩn thận:** Các từ *Hãy cẩn thận* là lời cảnh cáo: “Hãy coi chừng!” “Hãy cẩn thận!” “Hãy chú ý!” “Hãy cẩn thận ...”

**đừng để ai lường gạt mình:** Trong bản Hy-lạp từ *lường gạt mình* là một cách nói tượng hình “bắt giữ”. BDC dùng “Hãy giữ chừng...bắt anh em phục chẵn”. Cũng như vậy các giáo sư giả mạo muốn làm cho các con dân Chúa ở Cô-lô-se tin họ và làm theo điều họ bảo làm. Nên sứ đồ Phao-lô muốn nói: “Hãy cẩn thận. Đừng để bất cứ ai lừa gạt anh chị em và bảo anh chị em điều mình phải tin”.



<b>2:7b</b>	<p><b>tăng cường đức tin như anh chị em đã được dạy dỗ,</b> và hãy tiếp tục tin quyết rằng điều [người ta] dạy dỗ anh chị em về Chúa Cứu Thế là chân lý, <b>-HAY-</b> và anh chị em phải tiếp tục tin một cách mạnh mẽ hơn nữa vào điều mà [các giáo sư] đã dạy dỗ anh chị em [về Chúa Cứu Thế],</p>
<b>2:7c</b>	<p><b>và chan chứa lời cảm tạ.</b> và tiếp tục cảm tạ Đức Chúa Trời. <b>-HAY-</b> và [khi anh chị em nói chuyện với Đức Chúa Trời] hãy luôn luôn cảm tạ Ngài [về tất cả mọi điều Ngài đã làm cho anh chị em].</p>
<b>2:8a</b>	<p><b>Hãy cẩn thận, đừng để ai lường gạt mình</b> ¶ Hãy cẩn thận! Đừng để bất cứ ai ép buộc anh chị em [tin] <b>-HAY-</b> ¶ Hãy chắc chắn là anh chị em không để ai gài bẫy anh chị em [tin vào]</p>
<b>2:8b</b>	<p><b>với triết lý giả dối và rỗng tuếch</b> các tư tưởng về Đức Chúa Trời/tôn giáo của họ. Điều họ dạy là vô giá trị và không căn cứ vào chân lý. <b>-HAY-</b> điều họ thảo luận về Đức Chúa Trời/tôn giáo. Điều họ dạy có thể nghe có vẻ khôn ngoan và chân thật, nhưng nó là giả mạo và vô giá trị.</p>

**2:8b**

**với triết lý giả dối và rỗng tuếch:** Giữa vòng người Hy-lạp chưa tin Chúa có rất nhiều triết gia. Triết gia là một người dùng hầu hết thì giờ của ông ta để suy nghĩ và dạy về các thần và các thần linh. Người Hy-lạp rất là khâm phục và kính trọng những triết gia này. Có vẻ một số những tín hữu người Hy-lạp ở tại thành phố Cô-lô-se đang suy nghĩ lập ra các ý niệm về Đức Chúa Trời theo cách này, nhưng ý tưởng của họ là sai. Phao-lô sợ rằng các con dân Chúa khác ở Cô-lô-se sẽ bị dẫn đi sai lạc vì họ nghe sự dạy dỗ của những triết gia này.

**triết lý:** Một số người chuyển ngữ dùng nhóm từ “khôn ngoan của con người”. Các sự chuyển ngữ khả dĩ khác là: “sự dạy dỗ/ý tưởng về Đức Chúa Trời/các thần linh”.

**giả dối:** Ông cũng nói rằng điều họ đã dạy là *giả dối*. Từ này hàm ý rằng điều họ đã dạy có vẻ đúng và khôn ngoan, nhưng nó là sai lầm và lừa gạt người ta.

**rỗng tuếch:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng những điều họ dạy là *rỗng tuếch*, tức là, “không có giá trị”, các sự dạy dỗ của họ không giúp cho ai thật sự biết Đức Chúa Trời.

**2:8c-e**

Trong 2:8c-e, sứ đồ Phao-lô đã dùng ba nhóm từ để mô tả chi tiết điều mà những người này đã dạy.

**2:8c**

**dựa vào truyền thống của loài người:** Sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng những sự dạy dỗ này là từ loài người, không phải từ Đức Chúa Trời. Đây là những ý tưởng mà người ta nghĩ ra, không phải là các chân lý Đức Chúa Trời bày tỏ.

**truyền thống:** Truyền thống là những ý tưởng và phong tục đã được truyền lại từ thế hệ này đến thế hệ khác. Cùng một từ Hy-lạp được dùng ở trong Ma-thi-ơ 15:2-3, 15:6; 1 Cô-rinh-tô 11:2; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:15, 3:6. Nếu ngôn ngữ của bạn có một thành ngữ dùng cho các sự dạy dỗ từ thế hệ này đến thế hệ khác, bạn có thể dùng nó ở đây.

**2:8d**

Nhóm từ này song song với 2:8c và bắt đầu với cùng một từ Hy-lạp *kata* “theo”. Những điều các giáo sư giả mạo dạy tùy thuộc vào hai điều: “truyền thống của loài người” (2:8c) và “các nguyên tắc cơ bản của thế gian” (2:8d).

**theo nguyên tắc của thế gian:** Các học giả Kinh Thánh giải thích nhóm từ Hy-lạp được dùng theo hai cách:

- (1) Nó có thể có nghĩa là “những nguyên tắc sơ đẳng và luật lệ về cách hành xử” (BDM, BDC, BDY).
- (2) Nó có thể nói đến “các thiên thể”, tức là, mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao. Trong ngữ cảnh này nó đặc biệt nói đến các thần linh mà người Hy-lạp tin là đang điều khiển các thiên thể này (BCG).

Chúng tôi đề nghị bạn dùng cách thứ nhất vì nó có ý nghĩa thích hợp với ngữ cảnh nhất. Sứ đồ Phao-lô đang nói về tà giáo. Ông dùng cùng một từ Hy-lạp *stoicheia* trong Cô-lô-se 2:20, chỗ mà có một danh sách các luật lệ người ta làm ra. Khi dùng *stoicheia*, Phao-lô

muốn nói đến các luật lệ tôn giáo cơ bản do con người đặt ra.

**của thế gian:** Có thể hiểu cụm từ này theo hai cách:

- (1) Có nghĩa là đây là những luật lệ về thế gian và các việc trong thế gian, tức là, luật lệ về các vật ở ngoài như thức ăn, quần áo, nghi lễ v.v.
- (2) Nó có nghĩa là người ta đặt ra các luật lệ này. Vậy nên *thế gian* ở đây có nghĩa là “loài người”.

Cả hai ý nghĩa đều khả dĩ trong ngữ cảnh. Tuy nhiên khi sứ đồ Phao-lô viết về điều này nhiều hơn trong 2:16, 20-23, ông nói một cách rõ ràng về các luật lệ liên quan đến các vật ở bên ngoài, vậy nên tốt nhất là theo cùng một cách giải thích ở đây.

Nếu bạn muốn theo cách thứ nhì, bạn có thể nói:

[Và họ dạy người ta] vâng theo các luật lệ do loài người đặt ra.

**2:8đ**

**chứ không theo Chúa Cứu Thế:** Điều này tương phản với 2:8c-d là chỗ sứ đồ Phao-lô mô tả hai điều mà các sự dạy dỗ của các giáo sư giả mạo dựa vào. Ở đây sứ đồ Phao-lô nói đến điều mà họ không dựa vào. Những từ này có thể có hai ý nghĩa:

- (1) Điều các giáo sư giả mạo đã dạy không phải là sự dạy dỗ đúng về Chúa Cứu Thế.
- (2) Điều mà các giáo sư giả mạo dạy không phải từ Chúa Cứu Thế.

Cả hai cách giải thích đều khả dĩ và có ý nghĩa tương tự như nhau. Các bản dịch tiếng Việt không xác định rõ chỉ nói “của/theo Chúa Cứu Thế”. Tuy nhiên, cách giải thích thứ nhất gần với ý nghĩa thông thường của từ Hy-lạp *kata* “theo”, mà sứ đồ Phao-lô đã dùng để bắt đầu mỗi nhóm từ ở trong 2:8c-e, vậy chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất.

**2:9**

**Vì:** Bắt đầu trong 2:9, sứ đồ Phao-lô cho người Cô-lô-se một số lý do tại sao họ

<b>2:8c</b>	<b>dựa vào truyền thống của loài người,</b> Các điều họ dạy dỗ [chỉ là] tư tưởng họ học từ những người khác, <b>-HAY-</b> Nó chỉ dựa trên tư tưởng do người ta đặt ra,
<b>2:8d</b>	<b>theo nguyên tắc của thế gian,</b> và [họ dạy người ta tuân theo] các luật lệ quan hệ đến các việc của thế gian.
<b>2:8đ</b>	<b>chứ không theo Chúa Cứu Thế.</b> thay vì [dạy sứ điệp thật] về Chúa Cứu Thế. <b>-HAY-</b> thay vì tùy thuộc vào [sự dạy dỗ đúng về] Chúa Cứu Thế.
<b>2:9</b>	<b>Vì trong Ngài tất cả đầy đủ thần tính Đức Chúa Trời ngự trong thân xác,</b> [Đừng để những người này lừa gạt anh chị em,] vì trong thân xác của một con người, Chúa Cứu Thế có bản chất của Đức Chúa Trời. <b>-HAY-</b> Ngay cả khi Chúa Cứu Thế trở nên một con người, Ngài vẫn hoàn toàn là Đức Chúa Trời.

không nên tin các giáo sư giả mạo. Từ vì nối kết 2:9 với mệnh lệnh ở trong 2:8. Sứ đồ Phao-lô muốn nói: “[Đừng để họ lừa gạt anh chị em] vì...”

**Vì trong Ngài tất cả đầy đủ thần tính Đức Chúa Trời ngự trong thân xác:** Câu này tương tự như 1:19. Trong câu 1:19 sứ đồ Phao-lô nói rằng Đức Chúa Trời đã quyết định có “tất cả sự trọn vẹn toàn hảo”. Trong 2:9, sứ đồ Phao-lô giải thích rõ ràng hơn điều ông muốn nói. Ông nói *tất cả đầy đủ thần tính Đức Chúa Trời sống trong thân xác* trong Chúa Cứu Thế. Trong bản Hy-lạp nhóm từ “trong Ngài” có tính cách nhấn mạnh. Có thể diễn tả điều này như sau “Vì ấy là trong Chúa Cứu Thế [và chỉ trong Chúa Cứu Thế mà thôi] đó là tất cả sự đầy đủ của thần tính ngự trị trong thân xác”.

**tất cả đầy đủ:** Hãy xem lời giải nghĩa ở 1:19. Khi sứ đồ Phao-lô nói rằng ở trong Chúa Cứu Thế, điều này hàm ý rằng chỉ có

Chúa Cứu Thế có quyền năng và thẩm quyền mà Đức Chúa Trời có.

**thần tính Đức Chúa Trời:** Đây có nghĩa là tất cả mọi phần của Đức Chúa Trời: bản chất của Ngài, quyền năng của Ngài, sự toàn hảo của Ngài. Vậy nên khi Phao-lô nói rằng *tất cả đầy đủ thần tính của Đức Chúa Trời ở trong Chúa Cứu Thế*, ông muốn nói Chúa Cứu Thế là Đức Chúa Trời.

**ngự:** Động từ *ngự* được chuyển ngữ từ một từ của tiếng Hy-lạp có nghĩa là “ở, ngự, ở trong”. Đây là cùng một động từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở trong 1:19, nhưng trong 1:19 động từ này ở thì quá khứ. Ở đây động từ này ở thì hiện tại, vậy nên nó có nghĩa là tất cả bản tính của Đức Chúa Trời bây giờ thường trực ở trong Chúa Cứu Thế.

**trong thân xác:** Đây nói đến sự kiện Chúa Cứu Thế được sanh ra và mang thân xác con người. Ngay cả như vậy, Chúa Cứu Thế đã có tất cả bản chất của Đức Chúa Trời ở trong Ngài.

**2:10a**

**anh chị em nhận được sự sống sung mãn:** Đây có nghĩa là “anh chị em được đầy trọn bởi vì anh chị em hiệp một với Chúa Cứu Thế”. Nếu một người tin cậy Chúa Cứu Thế, người ấy có tất cả mọi thứ họ cần phải có để được cứu, vậy nên người ấy không cần phải nghe theo điều các giáo sư giả mạo nói.

**2:10b**

**tất cả các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền:** Hai nhóm từ *bậc lãnh đạo* và *giới thẩm quyền* được dùng chung với nhau theo cách này có lẽ để nói đến tất cả các thần linh, như là thiên sứ và ma quỷ. Sứ đồ Phao-lô dùng một nhóm từ tương tự ở trong 1:16d (“bậc lãnh đạo, giới thẩm quyền”). Hãy xem lời giải thích của 1:16d. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể chuyển ngữ nhóm từ này bằng một trong hai cách:

- *tất cả các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền* theo nghĩa tổng quát: “Ngài là Chúa trên mọi bậc cai trị và giới cầm quyền trong vũ trụ”. (BDM, BDY, BDC)
- Hay bạn có thể chuyển ngữ như là nói đến thần linh, thí dụ: “Ngài cai trị trên tất cả các thần linh cai trị và có thẩm quyền” (BCG).

**2:11-15**

Trong 2:10 sứ đồ Phao-lô nói “anh chị em nhận được sự sống sung mãn”. Đây là một câu tuyên bố tổng quát. Trong 2:11-15 sứ đồ Phao-lô mô tả sự cứu chuộc toàn vẹn các con dân Chúa có trong Chúa Cứu Thế. Ông nói đến một số việc làm tốt đẹp mà Chúa Cứu Thế đã làm cho chúng ta.

**2:11a**

**Cũng trong Ngài:** Từ Hy-lạp *kai* được dùng ở đây. Trong ngữ cảnh này nó có thể dùng theo ba cách khác nhau:

- (1) Thêm vào [“anh chị em nhận được sự sống sung mãn (10a),] anh chị em chịu cắt bì...” (BDM)

- (2) Thêm vào [“Ngài cầm quyền tối cao trên tất cả các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền (10b)], anh chị em chịu cắt bì...”
- (3) Đặc biệt nói rõ, “anh chị em chịu cắt bì...”

Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về ý nghĩa mà sứ đồ Phao-lô định nói ở đây. Sứ đồ Phao-lô cũng dùng *kai* ở đầu câu 10a, đó có thể là sự chỉ thị mạnh nhất về điều sứ đồ Phao-lô muốn nói. Tuy nhiên, cách nào cũng khả dĩ cả. CĐN theo (1). BCG và BDY không chuyển ngữ nó.

**trong Ngài, anh chị em chịu cắt bì:** Trong câu này sứ đồ Phao-lô đã dùng một nghi lễ của người Do Thái như là một cách nói tượng hình về điều Chúa Cứu Thế đã làm cho các tín hữu. Nếu được bạn nên giữ cách nói tượng hình này trong bản dịch của bạn. Sứ đồ Phao-lô dùng cách nói tượng hình này vì hai lý do:

- (a) Khi người Do Thái cắt bì cho em bé trai, họ cắt bỏ miếng da ở đầu dương vật, và sứ đồ Phao-lô so sánh điều này với việc Chúa Cứu Thế cắt bỏ bản chất tội lỗi của những người tin Ngài.
- (b) Phép cắt bì cũng là nghi lễ đánh dấu người Do Thái là người của Đức Chúa Trời. Khi một đứa bé trai được cắt bì, đây là dấu hiệu cho thấy rằng nó là dân sự Đức Chúa Trời, dân Do Thái. Ở đây sứ đồ Phao-lô nói rằng các con dân Chúa ở Cô-lô-se không trở nên dân sự của Đức Chúa Trời bởi vì họ được cắt bì về phần xác, nhưng bởi vì Chúa Cứu Thế đã giải thoát họ khỏi lối sống tội lỗi cũ.

**2:11b**

**không phải bởi tay con người:** Nói như vậy, sứ đồ Phao-lô cho thấy rõ ràng là ông không nói về phép cắt bì. *Không phải bởi tay con người* có nghĩa là: “đây không phải là điều mà người ta đã làm cho anh chị em”, hay “anh chị em không chịu phép cắt bì phần thân xác”.

**2:11c**

**nhưng được “cắt bì” bởi Chúa Cứu Thế:** Đây có nghĩa là Chúa Cứu Thế là Đấng đã

<b>2:10a</b>	<p><b>và cũng ở trong Ngài mà anh chị em nhận được sự sống sung mãn.</b>          Khi hiệp một với Chúa Cứu Thế, [anh chị em] được trọn vẹn về phần thuộc linh.  <b>-HAY-</b>          Anh chị em được nối kết với Chúa Cứu Thế, nên anh chị em có tất cả mọi thứ anh chị em cần về phần thuộc linh.</p>
<b>2:10b</b>	<p><b>Ngài cầm quyền tối cao trên tất cả các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền.</b>          [Ngài là Đấng] cai trị trên các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền.</p>
<b>2:11a</b>	<p><b>Cũng trong Ngài, anh chị em chịu cắt bì</b>          [Vì] anh chị em đã được kết hợp với Chúa Cứu Thế, [giống như] anh chị em đã được người ta cắt bì.</p>
<b>2:11b</b>	<p><b>không phải bởi tay con người nhưng được “cắt bì”</b>          Tôi không muốn nói là người ta cắt bì anh chị em về phần thân xác,  <b>-HAY-</b>          Điều này không xảy ra vì chịu phép cắt bì về phần xác,</p>
<b>2:11c</b>	<p><b>bởi Chúa Cứu Thế</b>          nhưng đó là Chúa Cứu Thế [Đấng đã cắt bỏ bản chất tội lỗi của anh chị em],</p>
<b>2:11d</b>	<p><b>tức là lột bỏ bản chất xác thịt.</b>          tức là, bản chất tội lỗi của anh chị em được cắt bỏ.  <b>-HAY-</b>          và anh chị em được giải phóng khỏi quyền lực của sự ước muốn gian ác của anh chị em.</p>

cắt bỏ bản chất tội lỗi. Đây là “phép cắt bì do Chúa Cứu Thế làm”.

***lột bỏ bản chất xác thịt:*** Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *lột bỏ* có nghĩa là “dời đi hay lột bỏ một cái gì, giống như là quần áo”. Trong ngữ cảnh này sứ đồ Phao-lô đã dùng cụm từ này như một cách nói tượng hình. Khi một người bị cắt bì, thầy tế lễ cắt bỏ một miếng da khỏi thân thể họ. Cũng như vậy khi một người hiệp một với Chúa Cứu Thế, Chúa Cứu Thế cắt bỏ bản tính tội lỗi của họ.

***bản chất xác thịt:*** Nhóm từ này được chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp nhưng sứ đồ Phao-lô muốn nói đến quyền lực của tội lỗi ở trong bản chất của con người. Sứ đồ Phao-lô dùng cụm từ *xác thịt* để mô tả các hành động tội lỗi của con người. Một cách chuyển ngữ khác để nói rõ sự so sánh của sứ

đồ Phao-lô là dùng “bản chất gian ác” hay “bản chất tội lỗi”. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không thể nói về “cắt bỏ” tội lỗi, bạn có thể nói: “Ngài giải thoát họ khỏi quyền lực của tội lỗi đang cai trị trong lòng chúng ta”.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:11:** Trong các bản dịch tiếng Việt đã thay đổi thứ tự của các phần của 2:11 trong bản Hy-lạp. Dưới đây là thứ tự theo bản Hy-lạp. Bạn có thể theo bất cứ thứ tự nào nghe tự nhiên nhất và dễ hiểu trong ngôn ngữ của bạn:

Khi anh chị em được hiệp một với Chúa Cứu Thế, [nó giống như là] anh chị em đã được cắt bì. Anh chị em không được cắt bì về phần thể xác. Không phải vậy mà chính là Chúa Cứu Thế đã cắt bì cho anh chị em [về phần thuộc linh]; Ngài [đã cắt đi và] lấy đi bản chất tội lỗi của anh chị em.

**2:12**

Trong 2:11 sứ đồ Phao-lô dùng phép cắt bì như một cách nói tượng hình để mô tả điều mà Chúa Cứu Thế đã làm cho các con dân Chúa: Ngài cắt bỏ đời sống tội lỗi cũ của họ. Trong 2:12 sứ đồ Phao-lô dùng một cách nói tượng hình khác: phép báp-tem. Phép báp-tem cũng được mô tả và làm biểu tượng cho điều xảy ra khi một người trở nên con dân Chúa, nhưng nó còn bao gồm thêm một điều nữa. Trong phép báp-tem, không phải chỉ bản chất cũ, tội lỗi bị chết đi, nhưng Đức Chúa Trời cũng ban cho người ấy một bản chất mới. Qua sự so sánh này sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng đời sống tội lỗi cũ của họ đã chấm dứt và Đức Chúa Trời ban cho họ đời sống mới.

**2:12a**

**được đồng chôn với Chúa:** Sứ đồ Phao-lô đã so sánh sự chết của bản chất cũ tội lỗi của một người với sự chết và sự chôn của Chúa Cứu Thế. Ở đây sứ đồ Phao-lô nói rằng khi một người chịu phép báp-tem, hành động bước xuống nước của họ thì giống như bị chôn. Trong 2:12b ông nói rằng khi ra khỏi nước giống như sống lại từ cõi chết. Vì vậy, phép báp-tem cho thấy điều gì xảy ra khi một người trở thành con dân Chúa, bản chất cũ của người ấy chết đi và người ấy nhận được bản chất mới.

Vì sứ đồ Phao-lô không nói về sự chôn xác thật sự, trong bản dịch bạn nên nói là:

Khi anh chị em chịu báp-tem, đây giống như là anh chị em [đã chết và] được chôn với Chúa Cứu Thế,

Bạn có thể lập lại sự chuyển ngữ của nhóm từ “bản chất tội lỗi” từ 2:11 trong bản dịch của bạn như sau:

Khi anh chị em chịu phép báp-tem, [bản chất tội lỗi của anh chị em đã chết đi và] được chôn giống như Chúa Cứu Thế.

**với Chúa:** Nhóm từ *với Chúa* có nghĩa là “cùng với Chúa Cứu Thế” hay “giống như Chúa Cứu Thế”. Hãy cẩn thận để không chuyển ngữ nhóm từ này như thế nào mà hàm ý rằng các con dân Chúa được chôn bên

cạnh Chúa Cứu Thế cùng một lúc Ngài bị chôn.

**2:12b**

**và trong Ngài anh chị em được đồng sống lại:** Trong bản Hy-lạp nhóm từ này được nối kết với động từ *được... sống lại* trong 2:12b cũng như với động từ “được chôn” trong 2:12a. Vì vậy, sứ đồ Phao-lô đang so sánh một người ra khỏi nước sau khi chịu phép báp-tem với một người sống lại từ cõi chết. Đây là phần thứ nhì của cách nói tượng hình của sứ đồ Phao-lô. Ông đang so sánh cách Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại từ cõi chết với cách Ngài ban bản chất mới cho các tín hữu.

**trong Ngài:** Như trong 2:12b, cụm từ *trong Ngài* cho thấy rằng những người được làm phép báp-tem được nối kết với Chúa Cứu Thế. Nó không có nghĩa là người ta được sống lại cùng một lúc khi Chúa Cứu Thế sống lại.

**2:12c**

**bởi đức tin nơi quyền năng tác động của Đức Chúa Trời, là Đấng đã làm cho Ngài sống lại từ cõi chết:** Đây có nghĩa là các tín hữu được ban cho một bản chất mới bằng cách tin rằng Đức Chúa Trời có quyền năng làm điều đó giống như Ngài đã có quyền năng khiến cho Chúa Giê-su sống lại từ cõi chết.

**2:13-15**

Trong bản Hy-lạp, 2:13-15 là một câu dài, phức tạp. Hầu hết các bản dịch chia nó ra làm mấy câu. Có lẽ bạn cũng sẽ cần làm như vậy trong bản dịch của bạn.

**2:13a**

**anh chị em:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng một đại từ để nhấn mạnh *anh chị em* ở đây. Có thể diễn tả là “Đó là anh chị em...” Nếu ngôn ngữ của bạn có đại từ để nhấn mạnh như vậy, bạn nên dùng nó ở đây.

**đã chết vì các tội ác:** Sứ đồ Phao-lô đang nói về tình trạng của người Cô-lô-se ở trong quá khứ, trước khi họ tin Chúa Giê-su. Đây

<b>2:12a</b>	<p><b>Khi chịu báp-tem, anh chị em được đồng chôn với Chúa,</b>          Khi anh chị em chịu [người ta làm] phép báp-tem, [nó cho thấy rằng bản chất tội lỗi của anh chị em] đã chôn với Chúa Cứu Thế,  <i>-HAY-</i>          Khi anh chị em chịu phép báp-tem, [thì giống như là] anh chị em đã [chết và] được chôn với Chúa Cứu Thế,</p>
<b>2:12b</b>	<p><b>và trong Ngài anh chị em được đồng sống lại</b>          và anh chị em được sống lại [với một bản chất mới] giống như Chúa Cứu Thế [được sống lại].  <i>-HAY-</i>          và [rồi giống như là] anh chị em đã được sống lại [từ cõi chết] với Ngài.</p>
<b>2:12c</b>	<p><b>bởi đức tin nơi quyền năng tác động của Đức Chúa Trời, là Đấng đã làm cho Ngài sống lại từ cõi chết.</b>          [Điều này xảy ra cho anh chị em] bởi vì anh chị em đã tin rằng Đức Chúa Trời là Đấng đã khiến cho Chúa Cứu Thế sống lại có quyền năng [để làm điều đó].  <i>-HAY-</i>          [Điều này đã xảy ra] bởi vì anh chị em đã tin rằng quyền năng của Đức Chúa Trời khiến cho Chúa Cứu Thế sống lại từ cõi chết chắc cũng sẽ khiến anh chị em sống lại [với một bản chất mới] nữa.  <i>-HAY-</i>          [Điều này đã xảy ra] bởi vì anh chị em đã tin rằng Đức Chúa Trời, bởi quyền năng của Ngài, đã khiến cho Chúa Cứu Thế sống lại sau khi Ngài đã chết.</p>
<b>2:13a</b>	<p><b>Trước kia, anh chị em đã chết vì các tội ác</b>          Còn về anh chị em [những người ngoại quốc,] [trước khi anh chị em tin Chúa Cứu Thế] anh chị em đã chết [về phần thuộc linh] bởi vì anh chị em đã phạm tội,  <i>-HAY-</i>          Anh chị em [những người không phải là người Do Thái] đã xa cách Đức Chúa Trời bởi vì anh chị em đã vi phạm luật lệ của Ngài,</p>

là cách nói tượng hình có nghĩa là: “khi anh chị em chết về phần thuộc linh bởi vì anh chị em sống một cách đầy tội lỗi”. Tức là, bởi vì những việc tội lỗi họ đã làm họ không thể sống với Đức Chúa Trời đời đời được.

Nếu bạn muốn dùng cách nói tượng hình “chết” trong bản dịch của bạn, bạn có thể nói rõ là sứ đồ Phao-lô không nói về sự chết

về thể xác, thí dụ: “giống như anh chị em đã chết”, hay “anh chị em chết về phần thuộc linh”.

Nếu bạn không thể giữ cách nói tượng hình trong bản dịch của bạn, bạn có thể nói:

anh chị em bị xa cách khỏi Đức Chúa Trời vì có tội lỗi của anh chị em.

**2:13b**

**và vì bản tính xác thịt mình chưa được cắt bì:** Sứ đồ Phao-lô cho thấy một lý do thứ hai làm họ chết về phần thuộc linh. Họ chết về phần thuộc linh bởi vì “sự xác thịt mình” (chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp như cách của BDC). Có hai sự giải thích về ý nghĩa của nhóm từ này:

- (1) Một số học giả nghĩ rằng sứ đồ Phao-lô đang nói về sự cắt bì về phần thuộc linh, như ở trong 2:11. Thí dụ: “...anh chị em chưa cắt bì [về phần thuộc linh], tức là, anh chị em còn bị bản tính gian ác điều khiển”.
- (2) Một số học giả giải nghĩa rằng sứ đồ Phao-lô đang nói về sự cắt bì về phần thể xác, tức là, người Cô-lô-se không phải là người Do Thái (BDC).

Cả hai cách giải thích đều có sự hỗ trợ mạnh mẽ của các học giả Kinh Thánh. PKTCCN theo cách giải thích thứ nhất. Sứ đồ Phao-lô dùng nhóm từ *chưa được cắt bì* như là một cách nói tượng hình, tương tự như cách ông dùng ở trong 2:11. Đây có nghĩa là “bản tính tội lỗi của anh chị em chưa được cắt bỏ” hay “Đức Chúa Trời chưa giải thoát anh chị em khỏi quyền năng của bản tính tội lỗi”.

Tuy nhiên, nếu bạn muốn theo cách giải thích thứ nhì, bạn có thể nói:

Anh chị em chết về phần thuộc linh...bởi vì anh chị em không phải là người Do Thái và không biết Đức Chúa Trời.

**2:13c**

**Đức Chúa Trời đã cho anh chị em đồng sống lại với Chúa Cứu Thế:** Đây gần giống như điều sứ đồ Phao-lô nói ở trong 2:12b: “anh chị em đã được đồng sống lại [từ cõi chết với Ngài]”. Sứ đồ Phao-lô đang nói rằng mặc dù người Cô-lô-se đã chết về phần thuộc linh (2:13a), khi họ trở nên con dân Chúa, Đức Chúa Trời khiến họ sống lại về phần thuộc linh.

**2:13d**

**tha thứ tất cả các tội ác của chúng ta:** Hãy chú ý là sứ đồ Phao-lô thay đổi từ “anh chị

em” qua “chúng ta”. Điều này đúng cho tất cả các con dân Chúa.

**các tội ác:** Từ sứ đồ Phao-lô dùng ở đây là cùng một từ ông đã dùng ở trong 2:13a. Bạn nên chuyển ngữ nó cùng một cách ở đây.

**2:14a**

**hủy bỏ:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “tẩy xoá, chùi đi”. Khi Đức Chúa Trời tha thứ một người nào, nó giống như là Ngài “tẩy xoá” mọi việc đã được ghi xuống về người đó—tất cả tội lỗi của người ấy.

**phiếu nợ ràng buộc chúng ta cùng các quy luật nghịch với chúng ta:** Có hai cách giải thích chính về ý nghĩa của câu này.

- (1) *Phiếu nợ* là văn tượng hình. Sứ đồ Phao-lô dùng từ vựng của toà án để diễn tả điều Đức Chúa Trời đã làm cho các con dân Chúa khi giải phóng họ khỏi mặc cảm tội lỗi. Trong toà án tiền nợ của một người được viết lên một cuộn giấy làm bằng cây sậy hoặc trên một bản đất sét. Khi đã trả hết nợ, người ta xoá sạch những gì đã viết trên cuộn giấy hay bản đất sét và không còn ghi chép về nợ nần gì để bắt tội người đó nữa (BDM, BCG).
- (2) *Phiếu nợ* muốn nói đến các luật pháp của người Do Thái được viết ra với rất nhiều luật lệ. Sứ đồ Phao-lô nói rằng luật pháp nghịch lại và chống đối lại với chúng ta bởi vì khi người ta không tuân theo những luật lệ này sẽ bị Đức Chúa Trời kết tội. Vì vậy, khi Chúa Cứu Thế chết trên thập tự giá, Đức Chúa Trời bẻ gãy quyền lực của luật pháp (BDC).

Có mấy điểm hỗ trợ cho cả hai cách giải thích. Cách giải thích thứ nhất tốt hơn vì những lý do sau đây:

- (a) Từ Hy-lạp mà BDM chuyển ngữ là *phiếu nợ* là một từ thông thường được dùng trong toà án để chỉ một tờ giấy được viết ra để ghi tiền nợ đòi một người. Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *các quy luật* thường được nói đến một bản tuyên cáo chính thức của án lệnh về tội của một người. Vì vậy, nó có vẻ có



<b>2:13b</b>	<p><b>và vì bản tính xác thật mình chưa được cất bì,</b>  và bởi vì các điều tội lỗi mà anh chị em muốn làm đã điều khiển anh chị em.  <b>-HAY-</b>  và bởi vì [Đức Chúa Trời] đã chưa cất bỏ bản chất tội lỗi của anh chị em.</p>
<b>2:13c</b>	<p><b>nhưng Đức Chúa Trời đã cho anh chị em đồng sống lại với Chúa Cứu Thế</b>  Nhưng Đức Chúa Trời đã khiến cho anh chị em sống lại [để sống một cách mới]  với Chúa Cứu Thế.  <b>-HAY-</b>  [Nhưng mặc dù anh chị em như vậy,] Đức Chúa Trời đã ban cho anh chị em một  đời sống [thuộc linh mới, giống như là Ngài đã khiến anh chị em sống lại] với  Chúa Cứu Thế.</p>
<b>2:13d</b>	<p><b>và tha thứ tất cả các tội ác của chúng ta.</b>  Đức Chúa Trời đã tha thứ tất cả các tội lỗi của chúng ta.  <b>-HAY-</b>  Ngài đã tha thứ cho chúng ta về tất cả những việc tội lỗi mà chúng ta đã làm.</p>
<b>2:14a</b>	<p><b>Ngài hủy bỏ phiếu nợ ràng buộc chúng ta cùng các quy luật nghịch với chúng ta,</b>  [Tức là, giống như là] Đức Chúa Trời đã tẩy xóa hồ sơ của các sắc lệnh chống  lại chúng ta.  <b>-HAY-</b>  [Ngài đã làm điều này] bằng cách tẩy xóa các hồ sơ kết tội chúng ta [vì tất cả  các tội lỗi của chúng ta].</p>
<b>2:14b</b>	<p><b>đẹp bỏ tất cả và đem đóng đinh tại cây thập tự.</b>  [Tức là, nó giống như] Ngài đã hủy bỏ hồ sơ bằng cách đóng đinh nó lên thập tự  giá [khi Chúa Giê-su chết].  <b>-HAY-</b>  Ngài đã [hoàn toàn] hủy bỏ hồ sơ đó khi Chúa Cứu Thế bị đóng đinh [và chết]  trên cây thập tự.</p>

- nghĩa là một lời tuyên bố chính thức của các tội được viết để chống lại chúng ta.
- (b) Các từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở đây về tài liệu được *hủy bỏ* có vẻ quá mạnh để nói đến Luật Pháp của Môi-se khi Chúa Cứu Thế chết. Chính Chúa Giê-su đã nói rằng Ngài không đến để hủy diệt Luật Pháp nhưng để làm trọn (Ma-thi-ơ 5:17).

**cùng các quy luật:** Các quy luật bao gồm một danh sách liệt kê các điều lệ hay điều răn ở trong Luật Pháp Môi-se. Các luật lệ này thù nghịch với họ vì chúng liệt kê ra lý do tại sao họ đáng bị Đức Chúa Trời kết tội.

**phiếu nợ:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có ý nói đến một danh sách được viết ra. Trong trường hợp này sứ đồ Phao-lô dùng cách nói tượng hình để chỉ về danh sách của tất cả các kinh luật Môi-se đã bị vi phạm và đáng bị trừng phạt. Ông mô tả những điều này như là nợ phải trả cho Đức Chúa Trời. Từ này cũng có thể chuyển ngữ như là một bảng cáo trạng cho một người bị xử ở tòa án.

#### **2:14b**

**đem đóng đinh tại cây thập tự:** Đây cũng lại là một cách nói tượng hình. Khi Chúa Cứu Thế bị đóng đinh trên thập tự giá,

không có danh sách tội lỗi nào mà Ngài đã phạm. Tuy nhiên, khi Chúa Cứu Thế bị đóng đinh trên thập tự giá Ngài đã mang tất cả tội lỗi và chịu sự trừng phạt cho tất cả tội lỗi. Giống như tất cả tội lỗi của mọi người và sự trừng phạt mà họ đáng phải chịu được viết xuống một tờ giấy và đóng đinh lên thập tự giá một danh sách các tội mà Chúa Giê-su phải chịu trừng phạt thế. Nếu các đọc giả của bạn bị bối rối về lối nói tượng hình này, bạn có thể cố gắng chuyển ngữ phần này của câu mà không dùng cách nói tượng hình; hãy xem câu định nghĩa thứ nhì trong PKTCCN để xem một cách để chuyển ngữ như vậy.

### 2:15a

**tước quyền các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền:** Các từ *các bậc lãnh đạo* và *giới thẩm quyền* là cùng một từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở trong 1:16 và 2:10. Hãy xem các lời giải nghĩa về những câu này. Sứ đồ Phao-lô đang nói đến quyền năng của thần linh và những nhà cầm quyền là những người chống nghịch lại Đức Chúa Trời và đang điều khiển người ta. Cũng hãy xem Ê-phê-sô 6:12.

**tước quyền:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “cởi quần áo”. Trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là Đức Chúa Trời lấy đi quyền hành của *các bậc lãnh đạo* và *giới thẩm quyền*.

### 2:15b

**qua thập tự giá Ngài bêu xấu họ:** Đây có nghĩa là Đức Chúa Trời công khai làm cho các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền phải xấu hổ và Ngài làm cho mọi người đều thấy rõ là Ngài đã đánh bại họ.

**qua thập tự giá:** Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây không xác định rõ. Nó có thể có nghĩa là “qua thập tự giá” hay “qua Ngài”. Nhóm từ này có thể nói đến một trong hai điều sau đây:

- (1) Nó có thể nói đến thập tự giá (BDM, BDY, BDC).
- (2) Nó có thể nói đến Chúa Cứu Thế (BCG).

Các sách giải kinh hỗ trợ đồng đều cả hai cách giải thích trên, vậy nên cả hai cách đều khả dĩ. Ý nghĩa gần giống nhau. Đức Chúa Trời đã chiến thắng qua Chúa Cứu Thế và sự chết của Ngài trên thập tự giá.

**Ngài:** Các nhà học giả không đồng ý với nhau về đại từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp nói đến ai:

- (1) Hầu hết các học giả nói rằng đó là Đức Chúa Trời. Chính Đức Chúa Trời là người *bêu xấu* các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền, cùng một cách Ngài “đã cho anh chị em đồng sống lại với Chúa Cứu Thế” (2:13c). Đây là cách hầu hết các bản dịch chuyển ngữ câu này (kể cả BDM, BDC, BDY).
- (2) Một số học giả nói rằng Chúa Cứu Thế là chủ từ của động từ “điều đi” (và vì vậy là chủ từ của động từ “tước quyền” trong 2:15a). Hãy xem BCG.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất. Rõ ràng Đức Chúa Trời là chủ từ của các động từ chính ở trong 2:13-14.

**điều họ đi trong cuộc diễn binh thắng trận của Ngài:** Động từ *thriambeuō* được dùng ở đây có nghĩa là “dẫn đầu một cuộc diễn binh thắng trận”. Có thể sứ đồ Phao-lô suy nghĩ về sau một chiến thắng lớn, một tướng La-mã sẽ dẫn các tù nhân chiến tranh đi trong một cuộc diễn hành qua khắp các đường phố của thành phố Rô-ma. Khi Chúa Cứu Thế đã chết trên thập tự giá, nó cho thấy một cách công khai là Đức Chúa Trời đã đánh bại Satan và tất cả quyền lực của các tà linh. Nó giống như là Đức Chúa Trời đã cầm tù chúng và đang điều đi diễn hành cho mọi người đều thấy.

So<sup>1</sup>n v<sup>1</sup>n 2:16-19

Chủ Đề: Sứ đồ Phao-lô đã bảo người Cô-lô-se không tin các sự dạy dỗ của những người muốn các tín hữu vâng theo luật lệ của họ. Tín hữu Cô-lô-se chỉ nên tin cậy nơi Chúa Cứu Thế.

<b>2:15a</b>	<p><b>Ngài tước quyền các bậc lãnh đạo và giới thẩm quyền,</b>          Khi Đức Chúa Trời đã đánh bại các tà linh là những người cai trị và có thẩm quyền,  <i>-HAY-</i>          [Không phải Đức Chúa Trời chỉ tha thứ cho chúng ta, nhưng Ngài cũng] bẻ gãy quyền lực của những thần linh có quyền cai trị,</p>
<b>2:15b</b>	<p><b>qua thập tự giá Ngài bêu xấu họ và điệu họ đi trong cuộc diễu binh thắng trận của Ngài.</b>          Ngài cho mọi người thấy rằng Ngài đã đánh bại chúng bằng cách để [Chúa Cứu Thế chết trên] thập tự giá.  <i>-HAY-</i>          Ngài để mọi người biết một cách công khai rằng Chúa Cứu Thế đã đánh bại những tà linh đó [khi Ngài đã chết] trên thập tự giá.</p>
<b>2:16a</b>	<p><b>Vì thế, đừng để ai đoán xét anh chị em</b>          ¶ Vì vậy [dựa trên điều tôi đã nói, tôi thúc giục anh chị em:] đừng để ý đến bất cứ người nào chỉ trích anh chị em  <i>-HAY-</i>          ¶ Vì thế đừng để ý đến bất cứ ai nói anh chị em sai</p>
<b>2:16b</b>	<p><b>về thức ăn uống,</b>          bởi vì anh chị em [không vâng theo luật lệ của họ cấm người ta] ăn hay uống một số thức ăn nào đó,  <i>-HAY-</i>          bởi vì anh chị em ăn hay uống một số thức ăn đồ uống [mà họ nói rằng anh chị em không nên ăn hay uống].</p>

**2:16a**

**Vì thế:** Đây là cùng một từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở phần đầu của 2:6. Từ này cho thấy rằng sứ đồ Phao-lô đang bắt đầu thúc giục người đọc làm một điều gì đó, dựa vào những điều ông vừa nói. Có thể chuyển ngữ nói rộng là “Vậy thì, dựa trên điều tôi vừa nói, tôi thúc giục anh chị em...”

**đừng để ai đoán xét anh chị em:** Hiển nhiên là có người ở Cô-lô-se tin và dạy rằng người ta phải tuân theo một số luật pháp và phong tục. Nếu một con dân Chúa không tuân theo những luật lệ này, những người này chỉ trích/kết tội người ấy và nói rằng họ không hành xử như một con dân Chúa nên làm. Nói một cách khác là “Đừng chú ý đến những người chỉ trích anh chị em...”

**đừng để ai:** Đối với một số ngôn ngữ tốt hơn là nên chuyển ngữ bằng một đại từ số nhiều: “Đừng để bất cứ người nào chỉ trích anh chị em”. Sứ đồ Phao-lô đang nói về bất cứ một người hay một nhóm người nào chỉ trích các con dân Chúa ở Cô-lô-se và là người cố gắng để khiến cho các con dân Chúa tin vào một điều nào khác hơn là chính Chúa Cứu Thế để được cứu.

**2:16b**

**về thức ăn uống:** Các giáo sư giả mạo dạy rằng có một số đồ ăn thức uống mà các con dân Chúa không nên dùng. Những luật lệ này là những luật lệ ở trong Cựu Ước mà người Do Thái làm theo, hay các luật lệ tương tự như những luật lệ của người Do Thái.

**2:16c**

*về nghi lễ tôn giáo, về lễ trắng mới hay ngày Sa-bát:* Những giáo sư giả mạo này cũng dạy rằng để trở nên thánh khiết, người ta phải tuân theo luật lệ về những việc họ có thể làm trong một số ngày đặc biệt. Có lẽ đây là theo phong tục Do Thái.

*nghi lễ tôn giáo:* Hàng năm người Do Thái tổ chức nhiều lễ hội, thí dụ, Lễ Vượt Qua, Lễ Chuộc Tội, Lễ Đền Tạm. Có lẽ sứ đồ Phao-lô muốn nói đến những lễ hội hàng năm giống như các lễ này.

*lễ trắng mới:* Mỗi tháng người Do Thái cũng có lễ đặc biệt gọi là *lễ trắng mới*. Đó là vào ngày trăng non mới mọc còn gọi là trăng lưỡi liềm.

*ngày Sa-bát:* Ngày thứ Bảy là *Ngày Sa-bát* (ngày nghỉ ngơi) của người Do Thái. Nó là một ngày đặc biệt cho những người Do Thái; ngày đó họ không làm việc và có nhiều nghi lễ đặc biệt.

**2:17a**

*Những điều ấy chỉ là bóng của những điều sẽ đến:* Đây là một cách nói tượng hình. Bóng của một người là một điều giống như người đó. Tương tự như vậy, các luật lệ của người Do Thái về thức ăn và tổ chức các lễ hội tôn giáo đã giúp cho những người Do Thái biết, trước khi Ngài đến, một điều về Đấng Cứu Thế, Cứu Chúa mà Đức Chúa Trời đã hứa sai đến với họ.

**2:17b**

*còn hình thật là Chúa Cứu Thế:* Nhóm từ này tiếp tục cách nói tượng hình từ 2:17a. Tất cả những luật lệ và phong tục này như là “bóng”, nhưng Chúa Cứu Thế giống như là “hình” làm nên cái bóng.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:17: Nếu bạn cần phải giải thích cách nói tượng hình này trong bản dịch của bạn, bạn có thể nói:

Các luật lệ này giống như bóng của một người đang đi đến gần; tức là, các luật lệ này tượng trưng cho các phúc hạnh thuộc linh mà chính Chúa Cứu Thế ban cho anh chị em.

**2:18a**

*(BCG) Đừng ai viện cớ “khiêm nhường” và “sùng kính các thiên thần”:* Có nhiều nan đề với phần này của câu.

*viện cớ:* Có hai cách để giải thích động từ Hy-lạp được dùng ở đây:

- (1) Nó có nghĩa là “khăng khăng đòi”. Sứ đồ Phao-lô đang nói đến những người cứ khăng khăng đòi những người khác cũng phải bày tỏ sự khiêm nhường giả dối này và phải thờ phượng các thiên sứ. Tức là, “những người này khăng khăng đòi anh chị em phải tự khiêm nhường...”
- (2) Nó có nghĩa là “vui thích”. Sứ đồ Phao-lô đang nói đến những người vui thích trong việc tự khiêm nhường và thờ phượng các thiên sứ.

Trong 2:16 sứ đồ Phao-lô đã thảo luận về các luật lệ về tôn giáo mà những người này đang bảo người Cô-lô-se phải vâng theo, vậy dường như là ông tiếp tục viết về điều này trong 2:18. Vì vậy chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

*khiêm nhường:* Khi sứ đồ Phao-lô dùng từ này ông hàm ý rằng những người này nói rằng họ khiêm nhường, nhưng thật ra, họ rất kiêu hãnh về tất cả những điều họ đã làm. Một số dịch giả nói điều này một cách rõ ràng hơn bằng cách chuyển ngữ từ này là “sự khiêm nhường giả”.

*“sùng kính các thiên thần”:* Hiển nhiên là ở tại thành phố Cô-lô-se đã có một số người trong hội thánh tin rằng họ nên thờ phượng các thiên sứ và bảo các tín hữu khác là họ cũng nên làm như vậy.

**2:18b**

*(BCG) mà làm cho anh em mất phần thưởng chiến thắng:* Nhóm từ này được chuyển ngữ từ một từ Hy-lạp có hai ý nghĩa khả dĩ:

- (1) Nó có nghĩa là “cướp đi của một người quyền lợi hay phần thưởng mà họ đáng được nhận”. Vậy nên sứ đồ Phao-lô muốn nói: “Đừng để bất cứ ai lừa gạt anh chị em và cướp đi phần thưởng của anh chị em” (BDC, BDY, BCG).

<b>2:16c</b>	<p><b>về nghi lễ tôn giáo, về lễ trăng mới hay ngày Sa-bát.</b>  hay bởi vì anh chị em không dự phần vào trong một số nghi lễ giống như các lễ tôn giáo [hàng năm], hay [khi họ cử hành] lễ trăng mới, hay ngày Sa-bát.  <b>-HAY-</b>  hay bởi vì anh chị em không cử hành những lễ hội tôn giáo của họ, hay [dự lễ với họ khi] trăng mới [xuất hiện] hay [giữ] ngày Sa-bát [như họ làm].</p>
<b>2:17a</b>	<p><b>Những điều ấy chỉ là bóng của những điều sẽ đến,</b>  [Đừng nghe lời họ, bởi vì] tất cả những luật lệ ấy [như] là cái bóng. [Chúng chỉ là biểu tượng] của các điều [tốt lành] được hứa cho chúng ta [bởi Đức Chúa Trời].  <b>-HAY-</b>  [Đừng chú ý đến những người đó, bởi vì] những luật lệ đó chỉ là biểu tượng [mà Đức Chúa Trời đã ban cho dân sự Ngài hồi xưa] để nói trước cho họ [về Chúa Cứu Thế mà Ngài sẽ sai đến].  <b>-HAY-</b>  [Đức Chúa Trời đã cho người Do Thái] những luật lệ và những ngày thánh này để cho họ thấy trước [về Cứu Chúa mà Ngài đã lên kế hoạch để sai đến với họ].</p>
<b>2:17b</b>	<p><b>còn hình thật là Chúa Cứu Thế.</b>  Chúa Cứu Thế là Đấng mà các biểu tượng này chỉ về.  <b>-HAY-</b>  Chúa Cứu Thế làm ứng nghiệm điều Đức Chúa Trời đã hứa, [và vậy nên những điều đó không còn cần thiết nữa].</p>
<b>2:18a</b>	<p><b>(BCG) Đừng ai viện cớ “khiêm nhường” và “sùng kính các thiên thần”</b>  <b>(Cách chuyển ngữ khác:) Đừng để ai khăng khăng đòi rằng anh chị em bày tỏ sự khiêm nhường giả tạo và thờ phượng các thiên sứ</b>  Đừng để ai khăng khăng đòi anh chị em phải tự khiêm nhường và thờ phượng các thiên sứ [như họ làm].</p>
<b>2:18b</b>	<p><b>(BCG) mà làm cho anh em mất phần thưởng chiến thắng;</b>  [Điều đó sẽ khiến cho anh chị em] mất phần thưởng [mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho anh chị em].  <b>-HAY-</b>  [Nếu anh chị em theo sự dạy dỗ của họ,] anh chị em sẽ mất phần thưởng [Đức Chúa Trời đã hứa cho anh chị em].</p>

(2) Nó có nghĩa là “lên án”. Vậy nên sứ đồ Phao-lô muốn nói: “Đừng để cho bất cứ ai lên án anh chị em và nói rằng anh chị em không xứng đáng được phần thưởng”, hay đơn giản hơn: “đừng để ai lên án anh chị em” (BDM).

PKTCCN dùng ý nghĩa thứ nhất, mặc dù ý nghĩa thứ nhì cũng khả dĩ. Nếu bạn muốn

theo ý nghĩa thứ nhì trong bản dịch của bạn, bạn có thể chuyển ngữ 2:18a-b như sau:

Đừng cho phép ai kết án anh chị em bởi vì anh chị em không tự khiêm nhường và thờ phượng các thiên sứ [giống như họ làm].

**phần thưởng chiến thắng:** Phần thưởng cho các con dân Chúa là sự cứu rỗi, được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời đời đời.

**2:18c**

**(BDY) Họ chỉ dựa vào hình ảnh lúc xuất thân:** Sứ đồ Phao-lô không viết về một nhóm người đặc biệt nào đang dạy những tà giáo này. Bạn có thể hoặc dùng *họ* như BDY hay một nhóm từ thí dụ như: “người như vậy”, tùy theo từ nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

**dựa vào:** Từ Hy-lạp *embateuō* không xuất hiện bất cứ chỗ nào khác trong Tân Ước. Ý nghĩa chính của nó là “đứng lên trên”. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này nó cũng có thể có nghĩa là: “có lập trường”, tức là, những người này tuyên bố rằng họ có thẩm quyền để dạy những điều này bởi vì các khả tượng mà họ đã thấy. Nói một cách khác là: “bất cứ ai xưng mình là cao hơn người khác bởi vì người ấy đã thấy các khả tượng đặc biệt”.

**hình ảnh lúc xuất thân:** Sứ đồ Phao-lô đang nói đến các khả tượng mà các giáo sư giả mạo này nói rằng họ đã thấy.

**2:18d**

**họ tự tôn tự đại:** Đây có nghĩa là “kiêu ngạo”, tức là, nó có nghĩa là “cho mình là tốt hơn người khác”.

**vô lối:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “không vì mục đích/lý do nào”. Nó có nghĩa là những người này kiêu ngạo mặc dầu họ không có lý do gì để kiêu ngạo.

**theo tâm trí xác thịt:** Chuyển ngữ từng từ một điều sứ đồ Phao-lô nói ở đây là “tâm trí của xác thịt người đó”. Điều này có thể được giải thích theo hai cách:

- (1) Nhóm từ *tâm trí xác thịt* (không thiêng liêng) có nghĩa là “cách suy nghĩ của con người”. Nói một cách khác: những người này kiêu ngạo bởi vì các tư tưởng họ tự nghĩ ra.
- (2) “Xác thịt” có nghĩa là “bản chất tội lỗi”. Vậy nên nhóm từ này có nghĩa là những người này kiêu ngạo “bởi vì các tư tưởng tội lỗi của họ”.

Cả hai cách giải thích đều chấp nhận được. PKTCCN theo cách giải thích thứ nhất. Điểm sứ đồ Phao-lô muốn nói đến ở đây là

những người này kiêu ngạo bởi vì tư tưởng của chính họ, những tư tưởng đến từ tâm trí thế gian của họ chứ không phải đến từ Đức Chúa Trời.

**2:19a**

**Họ dứt liên lạc với Đâu:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “không nắm chắc lấy cái đầu”. Rõ rệt là sứ đồ Phao-lô đã không nói đến việc nắm chắc theo phần thể xác lấy “cái đầu” (Chúa Cứu Thế). Có hai cách để hiểu lối nói tượng hình này:

- (1) Sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng những người như vậy “không nắm giữ chắc lấy sự dạy dỗ thật về Chúa Cứu Thế”. Đây có nghĩa là họ không trung tín tin và dạy điều chân thật về Chúa Cứu Thế.
- (2) Sứ đồ Phao-lô muốn nói rằng những người như vậy không còn tin cậy nơi Chúa Cứu Thế cứu họ nữa. Đây có thể chuyển ngữ là: “người ấy không còn trung thành với Chúa Cứu Thế”, hay “họ thôi nhờ cậy Chúa Cứu Thế”.

Chúng tôi đề nghị cách giải thích đầu tiên vì nó thích hợp nhất với lời cảnh cáo mà Phao-lô đang gửi cho các tín hữu Cô-lô-se trong thư này rằng họ không nên theo những tà giáo các người này dạy dỗ.

**đầu:** Đây nói đến Chúa Cứu Thế. Cách nói tượng hình ở đây giống như ở trong 1:18a, tức là, Chúa Cứu Thế giống như cái đầu của thân thể và các con dân Chúa giống như thân thể. Nhiều bản dịch (kể cả BDY, BCG) viết hoa chữ *đầu* để cho thấy nó được dùng một cách khác thường. Trong bản dịch của bạn, bạn có thể chuyển ngữ cách nói tượng hình này giống như cách bạn dùng trong 1:18.

**2:19b**

**Nhờ đầu cả thân thể đều được nuôi dưỡng:** Các từ *nhờ đầu* có nghĩa là “từ Chúa Cứu Thế”. Sứ đồ Phao-lô nói rằng Chúa Cứu Thế điều khiển sự tăng trưởng của hội thánh cùng một cách như là cái đầu điều khiển sự tăng trưởng về thể xác của toàn thân thể. Một cách khác để nói là: “ấy chỉ là nhờ

<b>2:18c</b>	<p><b>(BDY) Họ chỉ dựa vào hình ảnh lúc xuất thân</b>  <b>(Cách chuyển ngữ khác:) Người như vậy lập luận theo điều họ đã thấy.</b>          Một người [dạy như vậy] dựa thẩm quyền [dạy những điều này] của họ trên những khái tượng mà họ tuyên bố rằng họ đã thấy.  <b>-HAY-</b>          Những người này nói rằng họ có kiến thức đặc biệt về Đức Chúa Trời bởi vì họ đã thấy những khái tượng.</p>
<b>2:18d</b>	<p><b>họ tự tôn tự đại vô lối theo tâm trí xác thịt.</b>  <b>(Cách chuyển ngữ khác:) huênh hoang vô cơ vì sự suy nghĩ của con người.</b>          Người đó rất hãnh diện về tất cả những tư tưởng họ đã đặt ra. Nhưng người ấy không có lý do gì để mà hãnh diện.  <b>-HAY-</b>          Họ tự suy nghĩ ra những ý tưởng của họ, và chúng khiến cho họ hãnh diện. Nhưng thật ra họ không có lý do gì để mà hãnh diện.</p>
<b>2:19a</b>	<p><b>Họ dứt liên lạc với Đâu.</b>          Họ đã thôi tin tưởng và dạy sứ điệp thật về [Chúa Cứu Thế,] Đâu [của thân thể].</p>
<b>2:19b</b>	<p><b>Nhờ đâu cả thân thể đều được nuôi dưỡng và kết hợp với nhau do các khớp xương, dây chằng</b>          Giống như đầu điều khiển cả thân thể, Chúa Cứu Thế điều khiển các con dân Chúa để họ giữ được sự đoàn kết và gắn bó với nhau như các dây chằng và gân giữ thân thể liền vào nhau  <b>-HAY-</b>          Chúa Cứu Thế là Đấng khiến cho con dân của Ngài tăng trưởng về phần thuộc linh giống như đầu khiến cho thân thể tăng trưởng về phần thể xác. Ngài kết hợp nó lại với nhau bởi các dây chằng và gân.</p>
<b>2:19c</b>	<p><b>và tăng trưởng đúng theo ý muốn của Đức Chúa Trời.</b>          và nó tăng trưởng theo cách Đức Chúa Trời đã lên kế hoạch.</p>

[được nối liền/hợp một với] Chúa Cứu Thế mà cả thân thể được tăng trưởng”.

**cả thân thể:** Đây có nghĩa là cả thân thể của Chúa Cứu Thế, có nghĩa là hội thánh, tất cả các con dân Chúa.

**được nuôi dưỡng:** Trong văn mạch này *nuôi dưỡng* có nghĩa là “trưởng thành về phần thuộc linh” hay “tiếp tục hiểu nhiều hơn về Đức Chúa Trời”.

**và kết hợp với nhau do các khớp xương, dây chằng:** Sứ đồ Phao-lô đang nói rằng giống như các dây chằng và dây gân nâng đỡ và nối các phần của thân thể lại với nhau,

hội thánh được nối chặt với nhau và nâng đỡ bởi sự điều khiển của Chúa Cứu Thế.

### 2:19c

**và tăng trưởng đúng theo ý muốn của Đức Chúa Trời:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “tăng trưởng sự tăng trưởng của Đức Chúa Trời”. Nhóm từ này có thể có nghĩa là:

- (1) Sự tăng trưởng là cách mà Đức Chúa Trời đã dự định/ước muốn. Điều này có thể diễn tả là “như Đức Chúa Trời muốn chúng tăng trưởng”, hay “cách mà Đức Chúa Trời đã dự định” (BDM, BDY).

- (2) Sự tăng trưởng này đến từ Đức Chúa Trời. Đây có thể diễn tả là “giống như Đức Chúa Trời khiến hội thánh tăng trưởng về phần thuộc linh (BDC, BCG).

PKTCCN theo cách giải thích thứ nhất.

2:20-23

Chủ Đề: Sứ đồ Phao-lô cảnh cáo người Cô-lô-se một lần nữa rằng họ không nên tuân theo các luật lệ chỉ dựa trên tư tưởng của con người. Họ đã từ bỏ cách sống cũ đó.

### 2:20a

**Nếu anh chị em đã chết với Chúa Cứu Thế:** Đây tương tự như 2:12a. Sứ đồ Phao-lô không nói rằng các tín hữu Cô-lô-se thật sự chết khi Chúa Cứu Thế chết. Đó là bản chất tội lỗi cũ của họ *đã chết với Chúa Cứu Thế*.

Trong Rô-ma 6:1-11 sứ đồ Phao-lô dạy về điều này một cách chi tiết hơn. Nếu bạn dùng lời chú thích ở cuối trang hay trích dẫn ngang, bạn có thể muốn bao gồm các câu Kinh Thánh trích dẫn ở Rô-ma 6:1-11 và Ga-la-ti 5:19-20.

**Nếu:** Trong bản Hy-lạp bắt đầu câu với một từ có nghĩa là “nếu”. Tuy nhiên, sứ đồ Phao-lô không nghi ngờ hay tự hỏi các tín hữu Cô-lô-se đã chết với Chúa Cứu Thế hay không. Ông đã biết rằng điều đó là thật. Bạn nên dùng một từ trong ngôn ngữ của bạn diễn tả một điều gì đó là chắc chắn/thật.

**và được giải thoát khỏi các thần linh đang cai trị thế gian:** Nhóm từ *các thần linh đang cai trị thế gian* giống như ở trong 2:8d (“theo nguyên tắc của thế gian”). Hãy xem lời giải nghĩa ở trong 2:8d về cách giải thích khác.

**giải thoát:** Sứ đồ Phao-lô nói rằng các con dân Chúa ở Cô-lô-se “đã chết với Chúa Cứu Thế” đối với các luật lệ tôn giáo này. Đây có nghĩa là họ được kết hợp làm một với Chúa Cứu Thế, vậy nên họ không phải tuân theo các luật lệ này để được cứu.

### 2:20b

**tại sao anh chị em còn sinh hoạt như người thế gian?:** Chuyển ngữ từng từ một

theo bản Hy-lạp là “giống như sống trong thế gian”. Đối với một số ngôn ngữ, dĩ nhiên, khi nói một người “thuộc về” thế gian thì không có nghĩa gì cả. “Thuộc về thế gian”, hay “sống trong thế gian”, có nghĩa là “hành xử như anh chị em còn là một người là một phần của thế gian”, hay “sống như một người không biết Đức Chúa Trời”.

### Tại sao anh chị em còn giữ những luật lệ:

Đây là điểm chính của sứ đồ Phao-lô trong đoạn này (2:20-23). Ông đang thúc giục các con dân Chúa ở Cô-lô-se không nên tuân giữ những luật lệ mà các giáo sư giả mạo đang dạy dỗ. Sứ đồ Phao-lô đã dùng một câu hỏi tu từ ở đây để nhấn mạnh rằng người Cô-lô-se không cần phải đầu phục các luật lệ này. Nếu ngôn ngữ của bạn không dùng câu hỏi tu từ theo cách này, có lẽ tốt hơn nên chuyển ngữ câu hỏi tu từ này như một mệnh lệnh, giống như “Đừng vâng lời...”, hay “Anh chị em không nên vâng lời...”

### 2:21

Trong câu này sứ đồ Phao-lô tóm tắt các luật lệ của người Do Thái một cách tổng quát. Có thể ông chỉ nói đến luật lệ về thức ăn của người Do Thái, nhưng dường như là ông cũng muốn nói đến các luật lệ khác về việc đụng đến một số vật đặc biệt làm cho một người trở nên ô uế không dự được các nghi lễ. Bạn không cần phải nói rõ chi tiết về các luật lệ này trong bản dịch của bạn.

### 2:21a

**“Chớ lấy:** Đây có nghĩa là không cầm vật một gì trong tay, không dùng nó.

### 2:21b

**chớ ném:** Đây có nghĩa là không ăn dù là một chút thôi.

### 2:21c

**chớ sờ!?”:** Đây tương tự như 2:21a, nhưng mạnh hơn. Nó có nghĩa là ngay cả không đụng đến một vật gì đó. Thí dụ, Kinh Luật Môi-se ra lệnh cho người Do Thái không được đụng đến xác chết của người hay thú vật.



<b>2:20a</b>	<p><b>Nếu anh chị em đã chết với Chúa Cứu Thế và được giải thoát khỏi các thần linh đang cai trị thế gian,</b> ¶ [Nó giống như là] anh chị em đã chết [nên] các luật lệ của thế gian này không còn điều khiển được anh chị em nữa. <i>-HAY-</i> ¶ Vì [bản chất tội lỗi] của anh chị em đã chết với Chúa Cứu Thế, anh chị em không còn phải vâng theo luật lệ của thế gian này.</p>
<b>2:20b</b>	<p><b>tại sao anh chị em còn sinh hoạt như người thế gian? Tại sao anh chị em còn giữ những luật lệ:</b> Vì vậy tại sao anh chị em còn vâng theo những luật lệ này giống như là thế gian còn điều khiển anh chị em? <i>-HAY-</i> Vì vậy đừng tiếp tục vâng theo các luật lệ này như những người chưa được giải phóng khỏi sự điều khiển của thế gian làm.</p>
<b>2:21a</b>	<p><b>“Chớ lấy,</b> [Những luật lệ này bao gồm những luật lệ như là:] “Đừng lấy [loại đồ này]! <i>-HAY-</i> [Những người dạy những điều này nói:] “Anh chị em không được cầm [vật ấy] trong tay của anh chị em!</p>
<b>2:21b</b>	<p><b>chớ ném,</b> Chớ có ném [loại thức ăn này]!”</p>
<b>2:21c</b>	<p><b>chớ sờ!”</b> Chớ có sờ [vào loại đồ này]!”</p>

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:21: Đối với nhiều ngôn ngữ khó mà chuyển ngữ các mệnh lệnh này mà không nhắc đến vật đang được nói đến. Bạn có thể dùng những từ tổng quát như “vật này”, “vật kia”, và “vật khác”. Thí dụ: “Đừng cầm các vật này. Đừng ăn các thức ăn đó. Đừng sờ đến các thứ đó”.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:21: Trong câu này sứ đồ Phao-lô đang trích dẫn lời của các giáo sư giả mạo nói. Bạn phải nói rõ điều này ở trong bản dịch của bạn, để người đọc không nghĩ là sứ đồ Phao-lô đang ra lệnh cho các con dân Chúa ở Cô-lô-se không được sờ hay ném một số vật nào đó. Nhiều bản dịch dùng ngoặc kép để cho thấy điều này, nhưng có thể đối với ngôn ngữ của bạn

tốt hơn là bắt đầu câu với một nhóm từ dùng để giới thiệu như là:

Có những người dạy anh chị em các luật lệ như thế này: “Chớ cầm...”

*-HAY-*

Anh chị em không phải tuân giữ những luật lệ nói rằng: “Chớ cầm...”

Bạn có thể phải để các mệnh lệnh này trong ngoặc kép, giống như BDM làm. Nhưng các dấu ngoặc kép có thể không đủ để chỉ ai là người nói. Tốt hơn có thể bắt đầu 2:21 như thế này:

Anh chị em không phải tuân giữ những luật lệ nói rằng anh chị em không được ném hay sờ [một số vật nào đó].

**2:22-23**

Trong 2:22-23, sứ đồ Phao-lô đưa ra một số lý do tại sao các con dân Chúa không cần phải tuân giữ những luật lệ này.

**2:22a**

**Tất cả những thứ ấy một khi đã dùng đến là băng hoại:** Các từ *những thứ ấy* muốn nói đến những thứ mà các luật lệ này nói đến, giống như là thức ăn. Sứ đồ Phao-lô nói rằng vâng theo các luật lệ này sẽ không giúp người Cô-lô-se tăng trưởng về phần thuộc linh bởi vì những luật lệ như vậy chỉ nói về các vật được dùng một thời gian ngắn, và rồi sẽ mòn đi hay bị vất bỏ.

**2:22b**

**theo quy luật và giáo huấn của loài người:** Đây nói đến các luật lệ ở trong 2:20. Sứ đồ Phao-lô nói rằng người Cô-lô-se không cần phải tuân theo những luật lệ này bởi vì nó không phải là luật pháp của Đức Chúa Trời, nhưng chỉ là những luật lệ do con người đặt ra.

**2:23a**

**Những điều ấy thật có vẻ khôn ngoan:** Nói một cách khác là: "...có tiếng là khôn ngoan". Sứ đồ Phao-lô đang nói là các luật lệ này có vẻ như là khôn ngoan, nhưng thật ra không phải vậy. Chúng có vẻ như là các luật lệ dạy người ta hành xử một cách đúng đắn, nhưng (2:23đ) chúng đã không thành công.

**2:23b**

**thờ lạy theo quy tắc con người tự đặt ra:** Luật lệ "khôn ngoan" đầu tiên mà sứ đồ Phao-lô nêu ra quan hệ đến *sự thờ lạy theo quy tắc con người tự đặt ra*. Ý nghĩa của từ Hy-lạp khó hiểu, nên các bản dịch chuyển ngữ nó bằng nhiều cách khác nhau. Có vẻ ý nghĩa cơ bản là những người này cố gắng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng cách sẵn

sàng ép buộc mình theo các luật lệ tôn giáo khó khăn.

**2:23c**

**với sự khiêm nhường:** Hãy xem lời giải nghĩa của 2:18a.

**2:23d**

**khắc khổ thân thể:** Những người theo những luật lệ này có vẻ khôn ngoan bởi vì "họ đãi thân thể họ cách khắc khổ". Đãi thân thể một cách khắc khổ có nghĩa là làm những việc như kiêng ăn, chỉ ăn một số thức ăn đơn sơ, không cho phép mình ngủ, ngồi ngoài trời lạnh một hồi lâu, hay tự đánh đập mình. Người ta làm những việc này bởi vì họ nghĩ rằng làm như vậy họ sẽ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

**2:23đ**

**nhưng không có giá trị gì để kiểm chế đam mê xác thịt:** Nhóm từ này có nghĩa là: "Nhưng những luật lệ này là vô dụng. Chúng không làm cho người ta kiểm chế được sự ước muốn gian ác". Phần này của câu tương phản với 2:23a. Sứ đồ Phao-lô nói rằng "các luật lệ này có vẻ như là khôn ngoan nhưng thật sự chúng là vô dụng".

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 2:23:** Đối với một số ngôn ngữ có thể làm cho sự tương phản được rõ ràng trong câu này bằng cách sắp đặt lại thứ tự. Sau đây là một cách để làm như vậy:

Những luật lệ này bảo anh chị em phải vui lòng đầu phục những nghi lễ tôn giáo khát khe, tự khiêm nhường, và khiến cho thân xác anh chị em chịu đau đớn để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Đây có vẻ như là một cách hành xử khôn ngoan, nhưng thật ra các luật lệ đó không giúp người ta kiểm chế được sự ước muốn gian ác của họ.

- 2:22a** **Tất cả những thứ ấy một khi đã dùng đến là băng hoại,**  
Những vật ấy đã được dự định là sẽ mất đi sau khi chúng đã được dùng.  
**-HAY-**  
Những luật lệ này nói về các điều không tồn tại lâu dài. Sau khi chúng ta dùng những thứ mà các luật lệ này nói đến, chúng đã hết mất rồi.
- 2:22b** **theo quy luật và giáo huấn của loài người.**  
[Anh chị em không cần phải vâng theo luật lệ về những điều như vậy], bởi vì chúng chỉ là những luật lệ và điều răn mà con người đã đặt ra.
- 2:23a** **Những điều ấy thật có vẻ khôn ngoan**  
Những luật lệ này thật có vẻ khôn ngoan  
**-HAY-**  
Những luật lệ này có vẻ như là một cách hành xử khôn ngoan
- 2:23b** **vì thờ lạy theo quy tắc con người tự đặt ra,**  
vì [chúng dạy người ta] vui lòng làm những việc mà đòi hỏi phải cố gắng nhiều để cho thấy là họ tận hiến với Đức Chúa Trời,
- 2:23c** **với sự khiêm nhường**  
để khiêm nhường,
- 2:23d** **và khắc khổ thân thể,**  
và đãi thân thể họ một cách khắc khổ.  
**-HAY-**  
và khiến cho họ phải chịu đau đớn [bởi vì họ nghĩ rằng điều này sẽ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời].
- 2:23đ** **nhưng không có giá trị gì để kiềm chế đam mê xác thịt.**  
Nhưng thật ra những luật lệ này không giúp đỡ người ta kiềm chế sự ước muốn gian ác của họ.  
**-HAY-**  
Nhưng ngay cả khi người ta tuân theo những luật lệ này, họ vẫn không thể thôi không hành xử một cách tội lỗi.

### Tiểu đoạn 3:1-17 Hành xử theo những cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô đã bảo các người Cô-lô-se rằng họ nên quyết định chỉ làm đẹp lòng một mình Đức Chúa Trời. Tức là, họ không nên làm những điều ác, họ nên yêu mến lẫn nhau, họ nên ăn ở hoà thuận với nhau và họ nên tiếp tục học biết nhiều hơn về Đức Chúa Trời.

#### Đoạn văn 3:1-4

Chủ Đề: Sứ đồ Phao-lô bảo người Cô-lô-se rằng họ nên hành xử như những người thuộc về Chúa Cứu Thế phải làm.

#### 3:1a

**Nếu anh chị em đã được đồng sống lại với Chúa Cứu Thế:** Câu này tương tự như 2:12b. Hãy xem lời giải nghĩa về câu đó.

Giống như ở trong 2:12, bạn có thể cần phải nói rõ ràng rằng sứ đồ Phao-lô đang dùng cách nói tượng hình ở đây. Ông không muốn nói là người Cô-lô-se thật sự được sống lại bằng thân xác. Ông nói rằng họ được ban cho sự sống thuộc linh mới khi họ tin cậy vào Chúa Cứu Thế.

**Nếu:** Hãy xem lời giải nghĩa của 2:20a. Một lần nữa sứ đồ Phao-lô đã dùng một từ Hy-lạp có nghĩa là “nếu”. Tuy nhiên, ông không nói rằng người Cô-lô-se có thể hay không có thể *được sống lại với Chúa Cứu Thế*, thay vào đó ông đang tuyên bố rằng điều ông đã tin là có thật.

#### 3:1b

**hãy tìm kiếm những việc thiên thượng:** Đây là mệnh lệnh chính của sứ đồ Phao-lô ở trong tiểu đoạn này (3:1-4). Ông dùng gần như cùng một từ vựng ở trong 3:2a.

**tìm kiếm:** Trong ngữ cảnh này, “tìm kiếm” có nghĩa là “hướng về, nhắm mục đích vào”. Động từ này ở trong thì hiện tại, vậy nên có nghĩa là “luôn luôn tìm kiếm”.

**những việc thiên thượng:** Đây có nghĩa là “những việc gắn/kết hợp với thiên đàng”. Tuy nhiên, *những việc* sứ đồ Phao-lô nói đến không phải là những đồ vật của thiên đàng, nhưng là những giá trị thuộc linh của thiên đàng mà nên được bày tỏ qua cách hành xử

của con dân Chúa (như những điều được liệt kê ở trong 3:12-14).

#### 3:1c

**bên phải Đức Chúa Trời:** Ngôi ở *bên phải* của một người cầm quyền là cách nói tượng hình có nghĩa là được ban cho chỗ ngồi danh dự và quyền uy nhất.

Những từ này muốn nói đến Thi Thiên 110:1, một câu được trích dẫn rất nhiều lần ở trong Tân Ước. Bạn cần phải chuyển ngữ nhóm từ này ở đây giống như bạn đã chuyển ngữ nó ở chỗ khác (Hãy xem Ma-thi-ơ 22:44; Mác 12:36; Lu-ca 20:42-43; Công Vụ 2:34-35; Hê-bơ-rơ 1:13.) Nếu bạn giữ cách nói tượng hình trong bản dịch của bạn, bạn có thể cần phải giải thích ý nghĩa của nó trong một lời chú thích ở cuối trang hay bằng cách kèm theo một số thông tin rõ ràng trong bản dịch của bạn, thí dụ: “...nơi Chúa Cứu Thế ngồi bên phải Đức Chúa Trời là chỗ ngồi danh dự và quyền uy nhất”.

#### 3:2a

**Hãy tập trung tâm trí vào các việc thiên thượng:** Câu này có nghĩa gần giống như 3:1b. Sự hơi khác biệt là trong 3:1b nói đến sự ham thích mạnh mẽ về các việc thiên thượng. Tuy nhiên, *Hãy tập trung tâm trí* trong 3:2a nói đến luôn luôn suy nghĩ về các việc thiên thượng, khiến chúng trở nên trung tâm của sự chú ý của bạn. Nếu khó để có sự phân biệt như vậy trong bản dịch của bạn, bạn có thể dùng một từ đồng nghĩa hay ngay cả lặp lại cùng một từ ngữ, nếu nghe tự nhiên.

#### 3:2b

**đừng lo nghĩ những việc trần gian:** Đây tương phản với “các việc thiên thượng” trong 3:2a. Sứ đồ Phao-lô đang bảo người Cô-lô-se rằng họ không nên luôn luôn suy nghĩ về

**Tiểu đoạn 3:1-17 Hành xử theo những cách làm đẹp lòng Đức Chúa Trời**

- 3:1a** Nếu anh chị em đã được đồng sống lại với Chúa Cứu Thế,  
¶ [Bởi vì [Đức Chúa Trời] đã [ban cho anh chị em sự sống mới giống như là] anh chị em đã được sống lại với Chúa Cứu Thế,  
-HAY-  
¶ [Giống như] Đức Chúa Trời đã khiến anh chị em sống lại khi Ngài khiến Chúa Cứu Thế sống lại,
- 3:1b** hãy tìm kiếm những việc thiên thượng,  
hãy tiếp tục muốn những việc quan hệ đến thiên đàng.  
-HAY-  
[vì vậy, tôi thúc giục anh chị em] hãy luôn luôn muốn hành xử như những người thuộc về thiên đàng nên hành xử.
- 3:1c** là nơi Chúa Cứu Thế đang ngự bên phải Đức Chúa Trời.  
Bây giờ tại đó [trên thiên đàng] Chúa Cứu Thế ngồi bên tay phải của Đức Chúa Trời, [là chỗ danh dự và quyền uy].  
-HAY-  
Đó là nơi Chúa Cứu Thế đang ngồi, trong chỗ danh dự nhất bên cạnh Đức Chúa Trời.
- 3:2a** Hãy tập trung tâm trí vào các việc thiên thượng,  
[Nói một cách khác,] luôn luôn suy nghĩ về những việc/giá trị thuộc linh,  
-HAY-  
[Vì vậy] hãy tiếp tục muốn hành xử theo cách mà những người thuộc về thiên đàng nên hành xử,
- 3:2b** đừng lo nghĩ những việc trần gian,  
và đừng tiếp tục suy nghĩ về làm những việc [gian ác] theo cách mà anh chị em đã hành xử/sống trước kia.  
-HAY-  
và không làm những việc [gian ác] như những người [không biết Đức Chúa Trời] làm.

*những việc trần gian.* Đây nói đến “các việc liên hệ đến thế giới này”. Có hai cách để giải thích nhóm từ này:

- (1) Nó có thể nói đến cách hành xử gian ác của mọi người ở trên đất này.
- (2) Nó có thể nói đến các sinh hoạt bình thường của đời sống hàng ngày một cách tổng quát.

Cả hai cách giải thích này đều khả dĩ. Cách giải thích thứ nhất cho thấy sự tương phản này

rõ ràng nhất, vậy nên PKTCCN theo cách giải thích này.

Nếu bạn muốn theo cách giải thích thứ nhì, bạn có thể nói:

Hãy luôn luôn suy nghĩ về các việc quan hệ đến đời sống mới của anh chị em từ Đức Chúa Trời trên thiên đàng. Đừng luôn luôn suy nghĩ đến những thứ thuộc về thế gian này.

Dù bạn dùng bất cứ cách nào để chuyển ngữ nhóm từ này, bạn nên chắc chắn là nó tương phản một cách rõ ràng với 3:2a.

### 3:3a

*vi:* Vì cho thấy cơ bản cho điều sứ đồ Phao-lô nói ở trong 3:2. Ông nói rằng vi bản chất tội lỗi cũ của chúng ta đã chết, chúng ta không nên tiếp tục suy nghĩ về các việc thuộc về thế gian, nhưng thay vào đó nên tập trung vào các việc thuộc về thiên đàng.

**anh chị em đã chết:** Hãy xem lời giải nghĩa ở trong 2:12a và 2:20a. Một lần nữa sứ đồ Phao-lô không muốn nói rằng người Cô-lô-se thật sự đã chết, nhưng mà là bản chất tội lỗi của họ đã chết.

### 3:3b

**sự sống mình đã giấu kín:** Cụm từ *giấu kín* ở đây tương phản với “hiển hiện” trong 3:4b. Khi sứ đồ Phao-lô nói sự sống mới của tín hữu được *giấu kín*, ông muốn nói rằng nó được giấu kín khỏi thế gian và ảnh hưởng gian ác của nó, giống như một xác chết đã được chôn thì bị giấu kín và không thể thấy được. Những người không biết Đức Chúa Trời không thể thấy hay hiểu được sự sống mới của tín hữu.

**với Chúa Cứu Thế:** Giống như ở trong 2:12a-b, nhóm từ *với Chúa Cứu Thế* cho thấy sự đồng hoá với Chúa Cứu Thế. Nó có nghĩa là “cùng với Chúa Cứu Thế”.

**trong Đức Chúa Trời:** Các học giả không đồng ý về phải hiểu nhóm từ này như thế nào hay nó phù hợp với phần còn lại của câu này như thế nào. Nó có thể có nghĩa là “trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời”. Hầu hết các bản dịch nói tổng quát không xác định rõ.

### 3:4

Sứ đồ Phao-lô đối chiếu 3:4 với 3:3. Ông nói rằng bây giờ (trong khi chúng ta đang sống trên đất), sự sống mới mà chúng ta có bởi vì chúng ta hiệp một với Chúa Cứu Thế được giấu kín (người ta không thể thấy nó). Nhưng trong tương lai, “khi Chúa Cứu Thế xuất hiện”, thì sự sống mới của chúng ta không

còn bị giấu kín nữa, mọi người sẽ có thể thấy nó.

### 3:4a

**Chúa Cứu Thế, là sự sống của chúng ta:** Đối với nhiều ngôn ngữ, chuyển ngữ từng từ một nhóm từ này sẽ không cung cấp ý nghĩa đúng của nó cho người đọc. Nhóm từ này chứa đựng những ý sau đây:

- Chúa Cứu Thế là nguồn của sự sống mới của anh chị em.
- Chúa Cứu Thế là Đấng khiến cho anh chị em có sự sống mới.
- Lý do anh chị em sống là để phục vụ Chúa Cứu Thế.
- Chỉ có Chúa Cứu Thế khiến cho đời sống anh chị em thật có ý nghĩa.

Có lẽ hai ý tưởng đầu tiên là những cách tốt nhất để chuyển ngữ ý nghĩa chính. Nếu bạn cần phải bao gồm thông tin được nói rõ này, bạn có thể chuyển ngữ là:

Khi Chúa Cứu Thế Đấng [ban cho anh chị em] sự sống [thật/mới]...

-HAY-

Khi Chúa Cứu Thế là [nguồn của] sự sống thuộc linh của anh chị em

**sự sống của chúng ta:** Các bản Hy-lạp cổ dùng từ khác nhau ở đây:

- Một số bản Hy-lạp dùng “sự sống của anh chị em” giống như BDC.
- Các bản Hy-lạp khác dùng “sự sống của chúng ta” giống như BDM, BDY, BCG.

Cách thứ nhất được hỗ trợ mạnh nhất và chúng tôi đề nghị bạn chuyển ngữ là “sự sống của anh chị em”.

**hiển hiện:** Cụm từ này có nghĩa là “được bày tỏ”. Sứ đồ Phao-lô đang nói về tương lai khi Đức Giê-su trở lại trái đất và chúng tỏ quyền năng và sự vinh quang của Ngài.

### 3:4b

**anh chị em cũng sẽ hiển hiện với Ngài:** Sứ đồ Phao-lô muốn nói là trong tương lai khi Chúa Cứu Thế trở lại và được bày tỏ cho mọi người, tất cả các tín hữu sẽ ở với Ngài và mọi người sẽ thấy họ. Sự sống của họ đã được hiệp

<b>3:3a</b>	<p><b>vì anh chị em đã chết,</b> [Anh chị em hãy làm điều này] bởi vì [giống như] anh chị em đã chết [khi Chúa Cứu Thế chết], <b>-HAY-</b> [Cách sống cũ của anh chị em đã qua, như thể là] anh chị em đã chết,</p>
<b>3:3b</b>	<p><b>sự sống mình đã giấu kín với Chúa Cứu Thế trong Đức Chúa Trời.</b> và bây giờ anh chị em sống hiệp nhất với Chúa Cứu Thế trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Người ta [chưa] thấy/hiểu sự sống [mới] này của anh chị em. <b>-HAY-</b> và bây giờ anh chị em có sự sống [mới/thuộc linh], giống như Chúa Cứu Thế [người ở] với Đức Chúa Trời làm, một sự sống mới mà [chưa] có ai có thể thấy được.</p>
<b>3:4a</b>	<p><b>Khi nào Chúa Cứu Thế, là sự sống của chúng ta, hiển hiện,</b> [Nhưng] khi Chúa Cứu Thế, Đấng là nguồn của sự sống [mới] của anh chị em, xuất hiện [một cách công khai cho tất cả mọi người trên thế giới,] <b>-HAY-</b> Khi Chúa Cứu Thế, là Đấng khiến cho anh chị em sống, trở lại trái đất,</p>
<b>3:4b</b>	<p><b>lúc ấy anh chị em cũng sẽ hiển hiện với Ngài trong vinh quang.</b> rồi thì anh chị em sẽ xuất hiện với Ngài và anh chị em sẽ chia sẻ sự vinh quang của Ngài. <b>-HAY-</b> và lúc đó anh chị em sẽ xuất hiện với Ngài như là dân sự vinh quang, toàn hảo của Ngài.</p>

một với Chúa Cứu Thế sẽ không còn bị giấu kín nữa.

**trong vinh quang:** Đây là một nhóm từ khó hiểu. Các hai cách chính để giải thích ý tưởng này:

- (1) Nó nói đến tình trạng của Chúa Cứu Thế và những người theo Ngài khi họ xuất hiện, tức là, tất cả họ sẽ có thân thể “vinh quang”, toàn hảo và không còn tội lỗi.
- (2) Nó nói đến cách mà Chúa Cứu Thế và các người theo Ngài sẽ xuất hiện. Khi Chúa Cứu Thế trở lại, Ngài sẽ đến với tất cả sự vinh quang có thể thấy được của Đức Chúa Trời, sự sáng và ánh sáng của thiên đàng. Các tín hữu là những người cùng ở với Ngài sẽ chia sẻ sự vinh quang này.

Tại thành phố Cô-lô-se các giáo sư giả mạo đang dạy rằng cách duy nhất để các con dân Chúa có thể trở nên toàn hảo là vâng theo các

luật lệ họ đã được dạy dỗ. Có vẻ như sứ đồ Phao-lô nói rằng khi các tín hữu xuất hiện với Chúa Cứu Thế, mọi người sẽ thấy rằng họ là toàn hảo và không còn tội lỗi. Họ có sự toàn hảo này là bởi vì họ đã chết với Chúa Cứu Thế và được sống lại với Ngài (3:1,3), không phải bởi vì bất cứ một luật lệ nào mà họ đã vâng theo. Vì vậy, chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

Có lẽ sẽ không có thể bao gồm ý nghĩa trọn vẹn của nhóm từ này trong bản dịch của bạn. Một cách để có thể bao gồm cả hai cách giải thích là nói: “chia sẻ sự vinh quang của Ngài”.

Đoạn văn 3:5-11

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô ra lệnh cho người Cô-lô-se không được làm điều gian ác.

**3:5a**

**Vậy:** Từ này nối kết đoạn này với điều sứ đồ Phao-lô đã nói trước đây. Ở đây sứ đồ Phao-lô bắt đầu chỉ thị cho người Cô-lô-se về cách họ nên và không nên hành xử, nhưng ông dựa những mệnh lệnh này trên các đoạn trước. Những đoạn này mô tả sự sống mới mà người Cô-lô-se bây giờ đang có bởi vì họ đã tin cậy Chúa Cứu Thế.

**hãy giết chết:** Đây là một cách nói tượng hình “không có quan hệ với...”, hay “từ chối không làm” một điều gì. Sứ đồ Phao-lô đang nói rằng người Cô-lô-se không còn hành động theo những cách này nữa, thật ra, họ nên hoàn toàn từ khước hành động như vậy. Giống như là các cách hành xử như vậy đã “chết” và vì vậy những cách cũ không còn điều khiển các tín hữu nữa.

**những dục vọng thuộc về trần tục:** Nhóm từ *trần tục* trong bản Hy-lạp cùng một nhóm từ mà Phao-lô đã dùng trong 3:2 (“các việc trần tục”). Điều này có nghĩa là các việc ác và ao ước đến từ bản chất tội lỗi, như người chưa tin Chúa của các con dân Chúa hồi xưa. Phao-lô đang nói với người Cô-lô-se rằng họ phải “làm chết đi” bất cứ điều gì thuộc về bản tính tội lỗi cũ. Nói một cách khác, họ không còn hành xử theo cách họ hành xử trước đây khi họ chưa tin cậy nơi Chúa Cứu Thế.

**3:5b-c**

Trong 3:5b-c sứ đồ Phao-lô liệt kê năm cách hành xử gian ác như là thí dụ cho “điều thuộc về bản chất trần tục của anh chị em”.

**3:5b**

**như gian dâm, ô uế, dục vọng ích kỷ, dục vọng xấu xa:** Ba loại đầu tiên của cách hành xử tội lỗi mà sứ đồ Phao-lô liệt kê là những tội về tình dục.

**gian dâm:** Từ Hy-lạp *porneia* là một từ tổng quát có nghĩa là bất cứ loại thái độ về tình dục bất hợp pháp. Đây bao gồm cả việc người ta giao hợp với nhau trước khi cưới hay giao hợp với một người nào đó khác hơn là chồng hay vợ của họ.

**ô uế:** Trong bản Hy-lạp từ thứ nhì được dùng ở đây cũng nói đến tội về tình dục. Nó thường được nhắc chung với *porneia*, “tình dục vô luân”, trong Tân Ước. Nó có thể chuyển ngữ là “làm những việc không đàng hoàng”, hay “làm những việc đáng xấu hổ”.

**dục vọng ích kỷ:** Từ cuối cùng, *dục vọng*, có nghĩa là “sự ham muốn, đam mê mạnh mẽ”. Trong câu này, có lẽ nó muốn nói đến sự ham muốn về tình dục.

Đối với một số ngôn ngữ khó có thể cho thấy sự khác nhau giữa ba từ này. Nếu ngôn ngữ của bạn không có các từ riêng biệt để chỉ mỗi ý tưởng này, thì sau đây là một vài cách mà bạn có thể dùng để phối hợp ý lại:

Đừng phạm tội ngoại tình hay làm các việc khác mà người ta xấu hổ khi nói đến.

-HAY-

Đừng hành xử theo bất cứ cách vô đạo đức nào về tình dục.

**dục vọng xấu xa:** Từ thứ tư, *dục vọng xấu xa*, là một nhóm từ tổng quát. Có lẽ nó không những chỉ nói đến sự ao ước về tình dục một cách tội lỗi, nhưng nói đến tất cả các sự ao ước tội lỗi. Sau đây là một cách bạn có thể dùng để chuyển ngữ: “Đừng ao ước làm những điều gian ác”. Vì sứ đồ Phao-lô vừa mới nói về tội lỗi về tình dục, bạn có thể chuyển ngữ là “...và đừng ao ước để làm bất cứ loại điều ác nào”.

**3:5c**

**tham lam:** Từ thứ năm, *tham lam*, có nghĩa là muốn có nhiều thứ hơn, như là tiền bạc hay của cải khác.

**thờ thần tượng:** Sứ đồ Phao-lô nói ở đây là “tham lam” cũng như *thờ thần tượng*. Thông thường thờ thần tượng có nghĩa là “thờ phượng các thần tượng thay vì Đức Chúa Trời”.

**3:6a**

**Vì những điều ấy:** Từ *những điều ấy* nói ngược trở lại những điều được liệt kê ở trong 3:5. Sứ đồ Phao-lô đang nói: “Bởi vì người ta làm những điều gian ác này...”



- 3:5a** **Vậy, hãy giết chết những dục vọng thuộc về trần tục**  
¶ Vì vậy, đừng làm các việc [gian ác] thuộc về bản chất tội lỗi của anh chị em.  
**-HAY-**  
¶ Vì vậy [bản chất cũ của anh chị em đã chết nên] không còn để anh chị em bị điều khiển bởi các điều gian ác mà anh chị em bị cám dỗ làm vì bản tính tội lỗi cũ của anh chị em.
- 3:5b** **như gian dâm, ô uế, dục vọng ích kỷ, dục vọng xấu xa,**  
[Đừng] vô luân về tình dục, đừng làm bất cứ hành động xấu xa nào về tình dục, và đừng ao ước làm những điều như vậy. Đừng ao ước làm [bất cứ điều] gian ác nào.  
**-HAY-**  
Đừng hành xử vô đạo đức trong bất cứ cách nào. Đừng để sự ao ước hành xử như vậy hay một cách gian ác nào khác điều khiển anh chị em.
- 3:5c** **tham lam, tham lam là thờ thần tượng.**  
Đừng ao ước có nhiều thứ. [Khi người ta ao ước có nhiều thứ thì] giống như họ thờ các thứ [họ ao ước].  
**-HAY-**  
Đừng tham lam [để có thêm nhiều thứ]. Nếu anh chị em tham lam thì giống như anh chị em thờ thần tượng.
- 3:6a** **Vì những điều ấy, con thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ giáng xuống**  
Bởi vì [người ta làm] những điều gian ác này, chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ một cách nặng nề  
**-HAY-**  
Bởi vì những [việc gian ác] này, Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ con giận dữ dỗi của Ngài qua sự trừng phạt  
**-HAY-**  
[Anh chị em không nên hành xử như vậy] bởi vì anh chị em đã không phải là con người cũ còn làm những điều gian ác nữa.
- 3:6b** **trên những kẻ không vâng phục Ngài.**  
những người không vâng lời Ngài [bằng cách làm những điều như vậy].

**con thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ giáng xuống:** Đây có nghĩa là “Sẽ đến lúc Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ sự giận dữ của Ngài”. Sứ đồ Phao-lô không nói rằng Đức Chúa Trời sẽ trở nên giận dữ. Ông muốn nói rằng Đức Chúa Trời sẽ cho thấy là Ngài giận dữ bằng cách trừng phạt những người hành động theo những cách được mô tả ở trong 3:5.

**con thịnh nộ:** Đây là một từ mạnh để chỉ về “giận dữ”. Nếu ngôn ngữ của bạn chỉ có một từ để chỉ “giận dữ,” bạn có thể muốn dùng một tính từ ở đây và nói “rất giận dữ”.

### **3:6b**

**trên những kẻ không vâng phục Ngài:** Một số bản thảo Hy-lạp không có những từ này. BDC có nhóm từ này. BCG cũng có nhưng thêm một lời chú thích ở cuối trang giải thích là một số bản Hy-lạp không có nhóm từ này. BDY không có. Bạn có thể theo một trong ba cách này, nhưng bạn có thể muốn làm như bản tiếng Việt phổ thông nhất đối với các độc giả của bạn.

**3:7**

**anh chị em:** Nhóm từ này chuyển ngữ một đại từ dùng để nhấn mạnh trong bản Hy-lạp. Một cách để diễn tả điều này là “chính anh chị em”.

**cũng đã làm những điều ấy:** Đây là cách mà BDM chuyển ngữ một thành ngữ Hy-lạp có nghĩa là “hành xử trong những cách này”. Hãy xem lời giải thích của 1:10a và 2:6b.

**những điều ấy:** Đây nói đến danh sách liệt kê ở trong 3:5b-c.

**khi còn sống như vậy:** Sứ đồ Phao-lô đang nói đến cách các con dân Chúa ở Cô-lô-se cư xử trước khi họ trở nên con dân Chúa.

**3:8a**

**nhưng bây giờ:** Sứ đồ Phao-lô đang đối chiếu cách người Cô-lô-se nên hành xử vì họ đã tin cậy vào Chúa Cứu Thế với cách họ thường hành xử trước kia (3:7).

**anh chị em hãy loại bỏ tất cả những điều ấy:** Trong bản Hy-lạp các từ này có thể được dùng để chỉ “cởi” quần áo. Nhưng ở đây sứ đồ Phao-lô dùng các cụm từ này như một thành ngữ. Có nghĩa giống như là “hãy giết chết” ở trong 3:5. Có nghĩa là: “Đừng làm những điều này nữa”. (Cùng một thành ngữ “lột bỏ” cũng được dùng ở trong La-mã 13:12, Ê-phê-sô 4:22, 25, 1 Phê-rô 2:1 và Gia-cơ 1:21.)

**tất cả những điều ấy:** Có thể tất cả những điều ấy muốn nói đến danh sách của các điều ác ở trong 3:5. Nhưng đa số các học giả và các bản dịch nói rằng những từ này muốn nói đến những điều ác mà Phao-lô sẽ nói ở trong 3:8b và có thể ở cả trong 3:9 nữa.

**3:8b**

**thịnh nộ, tức giận:** Hai từ này *thịnh nộ* và *tức giận*, ý nghĩa gần giống như nhau. Nếu ngôn ngữ của bạn có hai từ đồng nghĩa để chỉ sự tức giận/giận dữ, bạn có thể dùng chúng ở đây. Nếu không, bạn có thể phối hợp hai từ lại với nhau và nói: “đừng giận dữ bằng bất cứ cách nào”.

**gian ác:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là hành động một cách gian ác, thù ghét

để làm các việc cho những người khác để chơi xấu họ.

**phạm thượng:** *Phạm thượng* có nghĩa là nói những điều dữ dằn, thù ghét, không tử tế về người khác. Đây có thể là nói xấu, nói dối, hay nói sự thật về người khác để làm tổn thương họ.

**môi miệng tục tĩu:** Có lẽ đây muốn nói đến việc nói tục hay chửi thề. Nếu bạn không có từ ngữ để chỉ cách nói thô bỉ hay tục tĩu này trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói: “đừng những lời không nên nói”.

**3:9b-10**

Các nhóm từ trong 3:9b-10 tương tự như các nhóm từ ở trong Ê-phê-sô 4:22-24. Bạn nên so sánh bản dịch của hai đoạn này để chắc chắn rằng bạn đã chuyển ngữ nó cùng một cách tương tự.

**3:9b**

**vi:** Trong 3:9b-10, sứ đồ Phao-lô bảo các con dân Chúa ở Cô-lô-se lý do tại sao họ không nên hành động gian ác. 3:9b-10 được nối liền với không những chỉ với 3:9a, nhưng cũng với 3:8.

**lột bỏ người cũ và các việc làm của nó và đã mặc lấy người mới:** Động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa đen là cởi bỏ quần áo. Sứ đồ Phao-lô nói một cách tượng hình ở đây, có nghĩa là: Giống như người ta cởi bỏ quần áo dơ, vậy các con dân Chúa nên “lột bỏ” bản chất cũ của họ.

**người cũ:** *Người cũ* có nghĩa là cách người Cô-lô-se đã hành xử trong quá khứ, cách mà họ đã làm trước khi họ trở thành tín hữu, bản chất tội lỗi cũ của họ.

Đây tương tự như điều sứ đồ Phao-lô nói trong 2:11d (“lột bỏ bản chất xác thịt”) và 2:20a (“anh chị em đã chết với Chúa Cứu Thế”). Hãy xem lời giải nghĩa của những câu này. Sứ đồ Phao-lô đang nói: “anh chị em đã thôi không còn giống như con người cũ nữa”.

**các việc làm của nó:** Đây có nghĩa là “những cách mà anh chị em hành xử trước đây”.

<b>3:7</b>	<p><b>Trước kia, thật ra anh chị em cũng đã làm những điều ấy khi còn sống như vậy.</b>          Chính anh chị em trước kia đã hành xử theo những cách gian ác đó trước khi [anh chị em tin cậy nơi Chúa Cứu Thế].  <b>-HAY-</b>          Đây là những việc mà anh chị em trước kia đã làm, khi anh chị em sống [không có ý vâng lời Đức Chúa Trời].</p>
<b>3:8a</b>	<p><b>Nhưng bây giờ, anh chị em hãy loại bỏ tất cả những điều ấy,</b>          Nhưng bây giờ anh chị em đừng làm theo những điều [sau đây] nữa:  <b>-HAY-</b>          Nhưng bây giờ [anh chị em là con dân Chúa, như vậy] anh chị em phải thôi không làm những điều đó nữa:</p>
<b>3:8b</b>	<p><b>tức là thịnh nộ, tức giận, gian ác, phạm thượng, môi miệng tục tĩu.</b>          Đừng giận dữ bằng bất cứ cách nào. Đừng đối xử với những người khác một cách thù ghét. Đừng nói những điều thù ghét về người ta hay nói những lời tục tĩu.  <b>-HAY-</b>          Đừng nổi giận hay để cho sự giận dữ điều khiển anh chị em. Tránh làm tổn thương người khác bằng hành động hay lời nói và đừng bao giờ dùng những lời tục tĩu.</p>
<b>3:9a</b>	<p><b>Đừng nói dối nhau</b>          Đừng nói dối nhau.</p>
<b>3:9b</b>	<p><b>vì đã lột bỏ người cũ và các việc làm của nó,</b>          [Đừng làm những việc này] bởi vì anh chị em thôi không còn là con người cũ và hành xử theo cách anh chị em đã làm.  <b>-HAY-</b>          [Anh chị em không nên hành xử như vậy] bởi vì anh chị em đã không phải là con người cũ còn làm những điều gian ác nữa.</p>
<b>3:10a</b>	<p><b>và đã mặc lấy người mới,</b>          [Bây giờ anh chị em đã tin cậy nơi Chúa Cứu Thế] và anh chị em đã trở nên con người khác rồi.  <b>-HAY-</b>          Bây giờ anh chị em suy nghĩ và hành động một cách hoàn toàn khác.</p>

**3:10a**

Các nhóm từ ở trong 3:10a đi song song với 3:9b. Chúng mô tả điều đã xảy ra cho người Cô-lô-se khi họ trở nên con dân Chúa. 3:9b mô tả bản chất cũ mà người Cô-lô-se đã lột bỏ, và 3:10a mô tả bản chất mới mà họ đã mặc vào thay vào đó.

**đã mặc lấy người mới:** Động từ Hy-lạp được dùng ở đây thường nói đến việc mặc quần áo. Ở đây sứ đồ Phao-lô dùng nó như một cách nói tượng hình có nghĩa là con dân Chúa đã “mặc lấy” (đã bắt đầu) một cách hành xử mới, như một người “mặc” quần áo vào.

**người mới:** Đây có nghĩa là sự sống mới và cách hành xử mới mà một người có được

khi người ấy tin cậy Chúa Cứu Thế. Sứ đồ Phao-lô đang nói là: “anh chị em đã bắt đầu trở nên một người mới”.

### 3:10b

***là con người đang được đổi mới...theo hình ảnh Đấng sáng tạo nó:*** Đức Chúa Trời là Đấng đang làm “sự đổi mới”. Văn phạm Hy-lạp cho thấy là Đức Chúa Trời tiếp tục đổi mới các tín hữu, tức là, Ngài luôn luôn thay đổi họ và khiến họ trở nên giống như chính Ngài.

***Đấng sáng tạo nó:*** Đức Chúa Trời, *Đấng sáng tạo*, là Đấng tạo nên bản chất mới này, và Ngài là Đấng ban sự sống mới cho mọi người tin cậy Chúa Cứu Thế. Ở đây sứ đồ Phao-lô không nói đến việc Đức Chúa Trời tạo nên thế giới hay thể xác, nhưng về việc Đức Chúa Trời tạo một bản chất mới cho mỗi con dân Chúa. Hãy xem 2 Cô-rinh-tô 5:17, Ê-phê-sô 2:10.

***trong sự hiểu biết:*** Đa số học giả nghĩ rằng sứ đồ Phao-lô đang nói về hiểu biết Đức Chúa Trời. Một cách để chuyển ngữ điều này là “để anh chị em có thể thật sự hiểu biết Đức Chúa Trời”.

### 3:11

Câu này là kết quả của 3:10, tức là, như là kết quả của sự sống mới mà các tín hữu có trong Chúa Cứu Thế, sự khác biệt giữa mỗi người không còn quan trọng nữa, chỉ có Chúa Cứu Thế là quan trọng mà thôi. 3:11 tương tự với Ga-la-ti 3:27-28, 6:15, và Rô-ma 10:12. Nếu bạn đã chuyển ngữ những đoạn này rồi, bạn nên so sánh chúng với câu này.

### 3:11a

***ở đây:*** Từ Hy-lạp được dùng ở đây không có nghĩa là “trong chỗ nơi tôi ở”. Nó có nghĩa là “trong đời sống mới mà Đức Chúa Trời đã ban cho anh chị em”.

***Hy Lạp:*** Có lẽ sứ đồ Phao-lô dùng từ *Hy Lạp* để muốn nói đến “ngoại quốc”, tức là, không phải là người Do Thái.

***cắt bì hay không cắt bì:*** Nhóm từ này song song với nhóm từ “Hy-lạp hay Do Thái”.

Người Do Thái được cắt bì và đây làm dấu rằng họ là dân sự đặc biệt của Đức Chúa Trời. Người Hy-lạp hay người ngoại quốc không cắt bì.

Nếu ngôn ngữ của bạn không dùng nhiều nhóm từ song song, bạn có thể phối hợp hai nhóm từ này lại và nói:

Nếu anh chị em là một người Do Thái, được cắt bì [theo luật pháp Môi-se], hay một người ngoại quốc không cắt bì cũng không thành vấn đề...

### 3:11b

***người dã man:*** Người Hy-lạp gọi những người không nói được tiếng Hy-lạp và không được giáo dục theo văn hoá Hy-lạp là *dã man*.

***người lạc hậu:*** Trong bản Hy-lạp, Phao-lô dùng tên của một nhóm người: người Sy-the. Người Sy-the là một nhóm người dữ tợn, dã man, giết người và phá hủy thành phố. Dân chúng sợ họ và coi là loại “người dã man” tệ nhất. BDC dùng tên của nhóm người này nhưng BDM chuyển ngữ theo ý nghĩa.

***người nô lệ:*** *Người nô lệ* là một người đầy tớ thuộc về người chủ. Người chủ đã dùng tiền để mua nô lệ. Nó không có tự do để làm điều mình muốn làm hay đi nơi nó muốn đi. Người nô lệ không có của cải riêng và hoàn toàn lệ thuộc vào người chủ về mọi thứ.

***hay tự do:*** Đây là trái ngược lại với một “người nô lệ”. Từ *tự do* có thể được chuyển ngữ là “người tự do”, hay “người không phải là một nô lệ”.

### 3:11c

***nhưng Chúa Cứu Thế là tất cả mọi sự:*** Đây tương phản với 3:11a-b. Sứ đồ Phao-lô đang nói rằng tất cả mọi sự khác biệt giữa người ta không quan trọng. Chỉ có một điều quan trọng đó là Chúa Cứu Thế. Ngài là điều quan trọng nhất trong vũ trụ, Ngài là trên hết cả mọi sự và mọi người.

### 3:11d

***trong mọi người:*** Hầu hết các học giả tin rằng đây có nghĩa là Chúa Cứu Thế “sống trong mọi tín hữu”.

<b>3:10b</b>	<b>là con người đang được đổi mới trong sự hiểu biết theo hình ảnh Đấng sáng tạo nó.</b>
	Đức Chúa Trời ban cho anh chị em một bản chất mới, và Ngài khiến cho anh chị em trở nên giống như chính Ngài hơn, vậy nên anh chị em sẽ thực sự biết Ngài.
	<b>-HAY-</b>
	Đức Chúa Trời khiến cho anh chị em trở nên một con người mới và Ngài đang làm cho anh chị em trở nên giống như chính Ngài hơn, để anh chị em sẽ thật sự biết Ngài.
<b>3:11a</b>	<b>Vậy, ở đây không còn phân biệt người Hy Lạp hay Do Thái, cát bì hay không cát bì,</b>
	[Bởi vì Đức Chúa Trời đã làm cho anh chị em thành một người mới,] anh chị em là người Do Thái hay không, hay anh chị em có cát bì hay không, điều đó không thành vấn đề.
	<b>-HAY-</b>
	[Kết quả của điều này là,] anh chị em là một người Do Thái cát bì hay một người Hy-lạp không cát bì điều đó không quan trọng.
<b>3:11b</b>	<b>người dã man hay người lạc hậu, người nô lệ hay tự do,</b>
	Nếu anh chị em là một người ngoại quốc hay đến từ dân tộc lạc hậu, một người nô lệ hay một người tự do [điều đó không thành vấn đề.]
	<b>-HAY-</b>
	Dù bạn là một người ngoại quốc hay lạc hậu, một người nô lệ hay tự do điều đó không quan trọng.
<b>3:11c</b>	<b>nhưng Chúa Cứu Thế là tất cả mọi sự</b>
	Chúa Cứu Thế là quan trọng hơn tất cả mọi sự
<b>3:11d</b>	<b>trong mọi người.</b>
	và là Đấng sống trong lòng mỗi [anh chị em].
	<b>-HAY-</b>
	và Ngài sống trong tất cả [mọi con dân Chúa].
<b>3:12a</b>	<b>Vậy, đã là dân được Đức Chúa Trời chọn lựa, thánh hóa và yêu quý,</b>
	¶ Vì vậy, vì Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em làm dân sự toàn hảo của Ngài, và Ngài yêu mến anh chị em, [tôi thúc giục anh chị em hãy cư xử trong những cách này:]
	<b>-HAY-</b>
	¶ Vì vậy, vì Đức Chúa Trời đã chọn [tất cả] anh chị em làm dân sự Ngài, anh chị em tận hiến cho Ngài và Ngài yêu mến anh chị em.

**Đoạn văn 3:12-14**

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô bảo người Cô-lô-se rằng vì Đức Chúa Trời đã yêu thương họ rất nhiều, họ phải yêu thương lẫn nhau.

**3:12a**

**Vậy:** Từ này nối kết ngược trở lại với 3:10. Sứ đồ Phao-lô đang nói rằng vì người Cô-lô-se đã mặc lấy bản chất mới, họ nên hành xử như là dân sự của Đức Chúa Trời hành xử.

**dân được Đức Chúa Trời chọn lựa:** Phao-lô liệt kê ra ba điều về các tín hữu Cô-lô-se. Thứ nhất ông nhắc cho họ nhớ họ là người mà Đức Chúa Trời đã chọn để họ thuộc về Ngài và là một phần trong dân sự của Ngài.

**thánh hóa:** Thứ nhì, Ngài đã nhắc họ là họ được thánh hóa. Trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là “biệt riêng ra, đặc biệt dâng hiến cho Đức Chúa Trời”.

**và yêu quý:** Thứ ba, sứ đồ Phao-lô nhắc họ nhớ rằng họ được yêu quý. Trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là “Đức Chúa Trời yêu mến anh chị em”.

### 3:12b

**anh chị em hãy mặc lấy:** Đây là cùng một cách nói tượng hình mà sứ đồ Phao-lô dùng ở trong 3:10a (“mặc lấy”). Hãy xem lời giải nghĩa ở đó. Đối với nhiều ngôn ngữ cách nói tượng hình này rất khó chuyển ngữ, vậy có thể bạn chỉ cần nói cách giản dị: “Hãy cư xử theo những cách này: ...”

Rồi sứ đồ Phao-lô liệt kê năm cách mà người Cô-lô-se nên hành xử. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải chuyển ngữ mỗi một từ này bằng một câu ngắn.

**lòng thương xót:** Đây có nghĩa là thông cảm với một người cần giúp đỡ, cho thấy sự quan tâm đến một người cần sự giúp đỡ.

**nhân từ:** Đây tương tự như “thương xót”. Nó có nghĩa là hành động một cách để giúp đỡ, yêu mến đối với người ta.

**khiêm tốn:** Đây cũng là một từ Hy-lạp mà sứ đồ Phao-lô đã dùng trong 2:18a và 2:23c. Ở đó sứ đồ Phao-lô diễn tả ý về “sự khiêm nhường giả tạo”. Tuy nhiên, ở đây nó có ý nghĩa tích cực. Nó có nghĩa là không kiêu ngạo và kiêu căng. Một người bày tỏ sự *khiêm tốn* khi người đó không hành động giống như là họ tốt hơn người khác.

**nhu mì:** Đây có nghĩa là muốn nhường nhịn người khác. Một người cho thấy là họ *nhu mì* khi họ để ý đến quyền lợi và cảm nghĩ của người khác và không kháng kháng làm theo cách của riêng mình.

**và kiên nhẫn:** Đây có nghĩa là bình tĩnh chịu đựng sự đối xử không công bình hay không tử tế của người khác, không mau nóng giận khi người khác làm điều không vừa ý. Trong câu kế (3:13a), sứ đồ Phao-lô đã dùng các từ khác nhau cùng có nghĩa như là “kiên nhẫn”.

### 3:13a

**Hãy khoan dung:** Đây cũng có nghĩa gần giống như là “kiên nhẫn” ở trong 3:12b, nhưng thay vì kiên nhẫn khi một người làm điều sai lầm, nó có nghĩa là khoan dung đối với những việc mà người khác làm mỗi ngày khiến cho bạn bực mình.

Giữa vòng các tín hữu Cô-lô-se, có nhiều quốc tịch khác nhau. Những nhóm khác nhau này có nan đề về việc dung hoà những quan niệm khác biệt của những người khác, đặc biệt là người Do Thái sẽ cảm thấy khó mà “chịu được” người ngoại quốc. Các người Hy-lạp sẽ có khó khăn trong việc “chịu được” những người dã man.

### 3:13b

**điều than phiền nhau:** Điều than phiền có nghĩa là một người than phiền về một người khác bởi vì một điều gì đó mà người ấy đã làm.

### 3:13c

**như Chúa đã tha thứ anh chị em:** Từ *như* có nghĩa là sứ đồ Phao-lô đang so sánh hai điều. Ông đang so sánh điều gì? Có hai cách giải thích:

- (1) Sứ đồ Phao-lô đang so sánh cách Chúa đã tha thứ người Cô-lô-se với cách mà họ nên tha thứ những người khác. Ngài đã tha thứ các con dân Chúa một cách phong phú, hoàn toàn. Vậy nên các con dân Chúa cũng nên tha thứ một cách nhưng không và hoàn toàn.
- (2) Sứ đồ Phao-lô đang so sánh sự kiên Chúa tha thứ các con dân Chúa với sự kiên các con dân Chúa nên tha thứ các người khác.

Cách giải thích thứ nhất có lẽ chính xác nhất và là cách mà cả BDM lẫn BDC đều dùng.

**Chúa:** Không rõ là từ *Chúa* ở đây nói đến Đức Chúa Trời hay Chúa Giê-su. Nếu

<b>3:12b</b>	<b>anh chị em hãy mặc lấy lòng thương xót, nhân từ, khiêm tốn, nhu mì và kiên nhẫn.</b>
	hãy có lòng thương xót, tử tế, khiêm nhường, dịu dàng, và kiên nhẫn.
	<b>-HAY-</b>
	hãy giúp đỡ người đang chịu đau đớn, tử tế [với nhau], khiêm nhường, [không khăng khăng đòi những người khác phải làm điều anh chị em muốn nhưng] hãy để ý [lẫn nhau], kiên nhẫn.
<b>3:13a</b>	<b>Hãy khoan dung,</b>
	Chấp nhận các tín hữu khác [là những người khác biệt với bạn, ngay cả nếu họ làm bạn bực mình].
	<b>-HAY-</b>
	Đừng để bực bội với người khác.
<b>3:13b</b>	<b>tha thứ nhau khi anh chị em có điều than phiền nhau,</b>
	Nếu có người nào có lỗi với anh chị em, hãy tha thứ cho người đó.
	<b>-HAY-</b>
	Nếu một người nào đó khiến cho anh chị em bị phiền phức, anh chị em phải tha thứ cho họ.
<b>3:13c</b>	<b>như Chúa đã tha thứ anh chị em, thì anh chị em cũng phải tha thứ.</b>
	Giống như Chúa đã tha thứ anh chị em [cách rộng rãi,] anh chị em cũng phải tha thứ [người khác].
<b>3:14a</b>	<b>Trên hết các mỹ đức ấy, hãy thêm tình yêu thương,</b>
	[Hãy làm tất cả những điều này,] nhưng điều quan trọng nhất mà anh chị em phải làm là yêu mến [lẫn nhau],

trong bản dịch của bạn không thể để mơ hồ không xác định được, có lẽ bạn nên chuyển ngữ là “Chúa Giê-su”.

### 3:14a

**Trên hết các mỹ đức ấy, hãy thêm tình yêu thương:** Trong bản Hy-lạp không có động từ ở trong phần này của câu, vậy nên nhiều bản dịch lập lại động từ “hãy mặc lấy” từ 3:12b hay dùng một động từ với ý nghĩa tương tự (hãy xem BDC). Phao-lô đang tiếp tục cách nói tượng hình của ông về việc mặc quần áo. Sứ đồ Phao-lô đang nói rằng *tình yêu thương* giống như một miếng vải khác mà một tín hữu

mặc lên trên những quần áo khác để “ráp chúng lại với nhau”. Nếu bạn không thể dùng lối nói tượng hình này trong bản dịch của bạn, bạn có thể nói:

“Trên hết mọi sự khác, hãy yêu thương thật lòng...”

**-HAY-**

“Giống như tất cả những điều khác, điều quan trọng nhất là anh chị em nên yêu thương lẫn nhau...”

**các mỹ đức ấy:** *Mỹ đức* nói đến cách hành xử đúng và trong trường hợp này nói trở ngược lại về các cách hành xử ở trong 3:12b-13c.

**3:14b**

**là sợi dây ràng buộc toàn hảo:** Có hai quan niệm về tình yêu thương ràng buộc cái gì với nhau:

- (1) Nó *ràng buộc* các con dân Chúa: “Tình yêu thương là điều giữ cho tất cả anh chị em cùng ở trong sự đoàn kết toàn hảo”.
- (2) Nó *ràng buộc* các đức hạnh mà sứ đồ Phao-lô vừa mới nhắc đến. Hầu hết các bản dịch hàm ý điều này bằng cách nói: “ràng buộc mọi sự lại với nhau”.

Chúng tôi đề nghị bạn theo cách thứ nhất. Trong 3:11 sứ đồ Phao-lô nhấn mạnh đến sự kiện Đức Chúa Trời chấp nhận tất cả các con dân Chúa ngay cả khi họ đến từ những giai cấp xã hội hay quốc gia khác nhau. Vì vậy, có vẻ như ở đây trong 3:14b ông cũng nhấn mạnh rằng những người với những sự khác biệt này chỉ có thể đoàn kết với nhau một cách toàn hảo nếu họ thật sự yêu mến lẫn nhau.

**ràng buộc toàn hảo:** Cũng có thể diễn tả điều này bằng cách nói: “anh chị em sẽ trở nên một nhóm”, hay “anh chị em sẽ sống hoà hợp với nhau”.

Đoạn văn 3:15-16

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô thúc giục người Cô-lô-se tiếp tục sống một cách hoà thuận với nhau và luôn luôn cảm ơn Đức Chúa Trời. Ông thúc giục họ hoàn toàn tận hiến cho sứ điệp của Chúa Cứu Thế.

**3:15a**

**sự bình an của Chúa Cứu Thế ngự trị trong lòng anh chị em:** Đây nói đến sự bình an mà Chúa Cứu Thế ban cho một tín hữu. Chính Chúa Cứu Thế khiến cho các con dân Chúa giải hoà với Đức Chúa Trời và hoà thuận với nhau. Trong câu này sứ đồ Phao-lô đang nói về hoà thuận với nhau, đặc biệt là với các con dân Chúa (hãy xem 3:14b, 15b). Vậy nên *sự bình an của Chúa Cứu Thế* có nghĩa là “Chúa Cứu Thế đã khiến anh chị em hoà thuận với nhau”.

**sự bình an:** Trong văn mạch này *sự bình an* có nghĩa là có một quan hệ thân mật với nhau, sống hoà hợp với nhau.

**ngự trị:** Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *ngự trị*, có nghĩa là “hướng dẫn” hay “điều khiển”.

**trong lòng anh chị em:** Đây có thể có nghĩa là:

- (1) giữa vòng anh chị em, như là một nhóm, hay
- (2) trong lòng mỗi anh chị em, như là từng cá nhân một.

Vì sứ đồ Phao-lô làm theo điều này bằng cách nhắc nhở các con dân Chúa ở Cô-lô-se rằng Đức Chúa Trời trông đợi họ sống với nhau trong sự hoà thuận, đây là cách giải thích được ưa thích.

**3:15b**

**(BCG) vì trong một thân thể duy nhất:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng nhóm từ này trước đây; hãy xem lời giải nghĩa ở 1:18a. Bạn có thể chuyển ngữ nó như một cách nói tượng hình: “Anh chị em [giống như] chi thể của một thân”, hay “Anh chị em là [tất cả] thuộc viên của cùng một nhóm”.

**anh em đã được kêu gọi đến hưởng ơn bình an đó:** Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “Đức Chúa Trời đã chọn anh chị em [làm dân sự của Ngài] để anh chị em sẽ sống trong sự bình an với nhau”. Sứ đồ Phao-lô đang nói với người Cô-lô-se lý do tại sao họ nên luôn luôn cố gắng sống hoà thuận với các con dân Chúa khác: họ nên làm như vậy vì một trong những mục đích của Đức Chúa Trời khi chọn họ là để họ sẽ sống hoà thuận với nhau.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 3:15:** Đối với một số ngôn ngữ có thể tốt hơn nên thay đổi thứ tự của các từ trong câu này:

Mỗi người trong anh chị em là một phần của thân thể của Chúa Cứu Thế, và anh chị em được chọn để sống với nhau trong sự hoà thuận. Vậy hãy để sự bình an đến từ Chúa Cứu Thế điều khiển sự suy nghĩ của anh chị em.



- 3:14b**      **là sợi dây ràng buộc toàn hảo.**  
[bởi vì yêu mến lẫn nhau] anh chị em sẽ trở nên hoàn toàn hiệp một.  
**-HAY-**  
[vì khi anh chị em yêu mến lẫn nhau,] anh chị em sẽ hoàn toàn hoà hợp với nhau.
- 3:15a**      **Hãy để sự bình an của Chúa Cứu Thế ngự trị trong lòng anh chị em.**  
¶ Chúa Cứu Thế khiến anh chị em ăn ở hoà thuận với nhau, vậy hãy để sự bình an này điều khiển mọi việc anh chị em làm.  
**-HAY-**  
¶ Hãy để sự bình an mà Chúa Cứu Thế ban cho anh chị em hướng dẫn mọi quyết định của anh chị em.
- 3:15b**      **Đức Chúa Trời đã kêu gọi anh chị em hợp nhất trong một thân thể; (BCG) vì trong một thân thể duy nhất, anh em đã được kêu gọi đến hưởng ơn bình an đó. Bởi vậy, anh em hãy hết dạ tri ân.**  
[Hãy làm như vậy] bởi vì tất cả anh chị em [giống như] là các chi thể của một thân thể và anh chị em được lựa chọn [do Đức Chúa Trời] để có thể sống hoà thuận [với nhau].  
**-HAY-**  
[Anh chị em nên làm điều này] vì Đức Chúa Trời đã chọn mỗi anh chị em để sống [và làm việc] hoà thuận với nhau như một thân thể.
- 3:15c**      **lại phải biết ơn.**  
Hãy [luôn luôn] tạ ơn [Đức Chúa Trời].
- 3:16a**      **Hãy để lời Chúa Cứu Thế sống phong phú trong lòng anh chị em**  
Hãy nghĩ về sứ điệp của Chúa Cứu Thế luôn luôn, [để nó điều khiển mọi việc anh chị em làm và suy nghĩ].  
**-HAY-**  
Hãy để cho sứ điệp về Chúa Cứu Thế ảnh hưởng sự suy nghĩ và hành động của anh chị em cách thông suốt càng hơn.

**3:16a**

**lời Chúa Cứu Thế:** Đây có thể có nghĩa là:

- (1) lời từ Chúa Cứu Thế, tức là, các lời, hay sứ điệp mà Chúa Cứu Thế đã dạy, hay
- (2) lời về Chúa Cứu Thế, tức là, sứ điệp về Chúa Cứu Thế.

Thật ra không có sự khác biệt nhiều giữa hai ý nghĩa. Bạn có thể theo cách giải thích nào trong bản dịch của bạn cũng được.

**sống phong phú trong lòng anh chị em:** Sứ đồ Phao-lô đã dùng từ *sống* một cách tượng hình. Giống như một người sống ở trong một cái nhà, các người Cô-lô-se phải để cho lời

của Chúa Cứu Thế sống trong họ. Nó có nghĩa rằng họ nên thường suy nghĩ đến lời của Chúa Cứu Thế và để nó ảnh hưởng trên các điều họ làm và nói. Hãy tìm một cách tự nhiên để nói điều này bằng ngôn ngữ của bạn, thí dụ trong một ngôn ngữ người ta chuyển ngữ nhóm từ này là: “Hãy mang sứ điệp về Chúa Cứu Thế với anh chị em mỗi ngày”.

**phong phú:** Trong bản Hy-lạp có nghĩa cơ bản là “được giàu có”. Nhưng tùy thuộc vào ngữ cảnh nó cũng có thể có nghĩa là “dồi dào”, “thấu đáo”, hay “dư dật”.

**3:16b-c**

Trong 3:16a, sứ đồ Phao-lô ra lệnh cho các con dân Chúa ở Cô-lô-se: “Hãy để lời Chúa Cứu Thế sống phong phú trong lòng anh chị em”. Trong 3:16b-c ông tiếp theo mệnh lệnh này với ba động từ “dạy dỗ...khuyến răn... hát”. Chúng là những cách hay phương tiện mà người Cô-lô-se có thể để cho sứ điệp ngự trị trong họ.

**3:16b**

**(BDY) phải hết sức khôn khéo giáo huấn, khuyến bảo nhau:** 1:28b rất giống phần này của câu. Hãy xem lời giải nghĩa ở đó.

**hết sức khôn khéo: (BDM: với tất cả sự khôn ngoan).** Ý nghĩa ở đây rõ ràng hơn: “Hãy dạy dỗ và khuyến răn lẫn nhau một cách khôn ngoan như anh chị em có thể làm được”.

**khuyến bảo nhau:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “cảnh cáo, khuyên, chỉ dẫn, cố vấn”. Sứ đồ Phao-lô vẫn còn viết về “lời của Chúa Cứu Thế” từ 3:16a. Ông đang ra chỉ thị cho người Cô-lô-se phải cảnh cáo lẫn nhau để vâng theo sứ điệp đó.

**3:16c**

**(BDC) Hãy dùng những ca-vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng-liêng mà dạy và khuyến nhau, (BDM: hết lòng hát):** Lời chỉ dẫn này của Phao-lô song song với 3:16b. Đây là một thí dụ đặc biệt về cách người Cô-lô-se phải để lời của Chúa Cứu Thế ngự trị trong họ một cách phong phú.

**(BDC) Hãy dùng những ca-vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng-liêng (BDM: thánh thi, thánh ca, linh khúc):** Sứ đồ Phao-lô đang mô tả ba loại bài hát khác nhau. Có thể khó mà phân biệt ba loại bài hát này.

**ca-vịnh:** Hầu hết các học giả đồng ý rằng ca-vịnh (BDM: thánh thi) nói đến những phần của sách Thi Thiên (Thánh Thi) trong Cựu Ước.

**thơ thánh:** Theo các bản viết cổ Cơ Đốc, từ Hy-lạp được dùng ở đây nói đến các bài hát ngợi khen Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế. BDM dùng từ “thánh ca”.

**bài hát thiêng-liêng:** Từ Hy-lạp dùng ở đây là một từ mà các học giả Kinh Thánh

không đồng ý với nhau. Một số người nói là những bài hát này là những bài hát nhấn mạnh đến một điểm về giáo lý Cơ Đốc, những người khác nói chúng là những bài hát không được chép ra mà người ta hát khi được Đức Thánh Linh cảm động. Có lẽ tốt nhất là bạn tránh nói một cách phân biệt rõ ràng những từ này. Nếu bạn không có ba từ khác nhau, bạn có thể phối hợp hai hay nhiều từ lại với nhau trong bản dịch của bạn. Thí dụ:

Hát đủ loại bài hát ngợi khen Đức Chúa Trời.

**(BDC) vì được đầy ơn Ngài nên hãy hết lòng hát khen Đức Chúa Trời (BDM: với lời cảm tạ để ca ngợi Đức Chúa Trời):** Trong câu này, sứ đồ Phao-lô chỉ dẫn người Cô-lô-se hát những bài hát diễn tả sự biết ơn của họ đối với Đức Chúa Trời.

**(BDC) hết lòng:** Nhóm từ Hy-lạp được dùng ở đây được chuyển ngữ theo hai cách:

- (1) Nó nối kết với *hát*. Vậy Phao-lô chỉ dẫn cho người Cô-lô-se *hát* trong lòng của họ. Có lẽ nó không có nghĩa là hát một cách thâm lặng, nhưng hát hết lòng để diễn tả cảm xúc của họ trong khi họ hát những bài hát đó (BDM, BDC, BCG).
- (2) Nó được nối kết với *ơn*.

Thứ tự của các từ ngữ trong bản Hy-lạp hỗ trợ cách giải thích thứ nhất. Nhiều sách giải kinh cũng hỗ trợ cách này nữa. Vậy mặc dù nhiều bản theo cách giải thích thứ nhì, chúng tôi đề nghị bạn nên theo cách giải thích thứ nhất.

**với lời cảm tạ để ca ngợi Đức Chúa Trời:** Trong câu này sứ đồ Phao-lô nói với người Cô-lô-se *hát ... với lời cảm tạ*. Có nhiều cách để nói điều này, thí dụ: “Luôn luôn nói cảm ơn với Đức Chúa Trời bằng cách hát cho Ngài...” BDC không chuyển ngữ từ *cảm tạ*.

**Đoạn văn 3:17**

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô nhắc người Cô-lô-se nhớ rằng họ thuộc về Chúa Giê-su. Vì vậy, họ nên làm mọi sự mà những người thuộc về Ngài phải làm.

- 3:16b** với tất cả sự khôn ngoan. **Hãy dạy dỗ, khuyên răn lẫn nhau, (BDY) phải hết sức khôn khéo giáo huấn, khuyến bảo nhau.**  
[Đặc biệt là,] hãy dạy nhau [sứ điệp về Chúa Cứu Thế], và thúc giục nhau [vâng theo nó]. Hãy làm điều này một cách khôn ngoan như anh chị em có thể làm được.  
**-HAY-**  
[Hãy làm điều này] bằng cách dạy nhau một cách khôn ngoan [sứ điệp về Chúa Cứu Thế] và khải đạo cho nhau một cách khôn ngoan.
- 3:16c** **hết lòng hát thánh thi, thánh ca, linh khúc với lời cảm tạ để ca ngợi Đức Chúa Trời.**  
**(BDC) Hãy dùng những ca-vịnh, thơ thánh, bài hát thiêng-liêng mà dạy và khuyên nhau, vì được đầy ơn Ngài nên hãy hết lòng hát khen Đức Chúa Trời.**  
Hãy hát các thánh thi, thánh ca [ngợi khen Đức Chúa Trời] và các bài hát thiêng liêng [khác]. Khi anh chị em hết lòng hát, hãy biết ơn Đức Chúa Trời [về tất cả các việc Ngài đã làm cho anh chị em].  
**-HAY-**  
Cũng hãy cảm ơn Đức Chúa Trời bằng cách [hết lòng] hát các thánh thi, thánh ca ngợi khen, và các bài hát [về Đức Chúa Trời và Chúa Cứu Thế.]
- 3:17a** **Bất cứ điều gì anh chị em làm, dù trong lời nói hay hành động,**  
¶ Bất cứ điều gì anh chị em nói và làm,
- 3:17b** **hãy nhân danh Chúa Giê-su mà làm mọi điều,**  
hãy làm mọi điều như một đại diện của Chúa Giê-su,  
**-HAY-**  
hãy làm mọi điều theo cách cho thấy là anh chị em đại diện cho Chúa,

Câu này là tóm tắt của tất cả những điều mà sứ đồ Phao-lô thúc giục các con dân Chúa ở Cô-lô-se làm từ 2:6. Đa số bản dịch để câu này ở cuối đoạn, và bắt đầu một đoạn hay tiểu đoạn mới ở 3:18.

### 3:17b

**hãy nhân danh Chúa Giê-su mà làm mọi điều:** Làm một việc gì *nhân danh Chúa Giê-su* cho một người nào nghĩa là làm điều đó như một người đại diện, hay ở dưới thẩm quyền của Chúa. Những cách nói khác là: “luôn luôn hành động giống như người thuộc về Chúa Giê-su”, hay “...như người đi theo Chúa Giê-su” hay “Bất cứ anh chị em làm hay

nói điều gì, hãy để nó đại diện cho Chúa Giê-su”.

Bạn có thể so sánh câu này với cách bạn chuyển ngữ câu 2:6b, bởi vì sứ đồ Phao-lô gần như nói cùng một điều như vậy ở đây trong 3:17 giống như ông đã nói ở 2:6b, nhưng ông dùng từ vựng khác.

Lời giải nghĩa tổng quát về câu 3:17a-b: Bạn có thể sắp đặt lại 3:17a-b như sau:

Vì chúng ta là đại diện của Chúa Giê-su, chúng ta nên nói giống như Ngài muốn chúng ta nói và làm những việc như Ngài muốn chúng ta làm.

**3:17c**

**nhờ Ngài mà tạ ơn Đức Chúa Trời là Cha:**

Đối với một số ngôn ngữ tốt hơn nên chuyển ngữ câu này như một mệnh lệnh: “và luôn luôn nói cảm ơn...” Một số ngôn ngữ nói “Đức Chúa Trời Cha chúng ta”, nghe tự nhiên hơn là *Đức Chúa Trời là Cha*.

**nhờ Ngài:** Đây có nghĩa là nói cảm ơn với Đức Chúa Cha “qua phương tiện là Chúa Giê-su”, tức là, Chúa Giê-su là một người

trung gian. Chúa Cứu Thế lấy các lời tạ ơn và trình chúng lại cho Đức Chúa Cha.

Nó cũng có nghĩa là qua Chúa Giê-su và điều Ngài đã làm mà các con dân Chúa có thể đến gần Đức Chúa Trời để cầu nguyện và tạ ơn. Có thể diễn tả điều này như sau:

Luôn luôn nói cảm tạ Đức Chúa Cha. Anh chị em có thể đến gần Ngài để nói cảm ơn bởi vì Chúa Giê-su đã mở một con đường cho anh chị em.

**Tiểu đoạn 3:18-4:1 Sứ đồ Phao-lô ban các lời chỉ dẫn cho chồng và vợ, con cái và cha mẹ, nô lệ và chủ**

Trong tiểu đoạn này, sứ đồ Phao-lô tiếp tục chỉ dẫn người Cô-lô-se về cách họ phải hành xử để làm đẹp lòng Chúa Cứu Thế. Tuy nhiên, ông đang viết về cách họ nên hành xử ở nhà hơn là trong vòng cộng đồng Cơ Đốc. Ông cho lời hướng dẫn dành cho sáu loại người: các người vợ và các người chồng, con cái và cha mẹ, người nô lệ và chủ. Sứ điệp của ông cho tất cả mọi người đều giống nhau:

- (a) người ta phải đầu phục những người có thẩm quyền trên họ,
- (b) những người có thẩm quyền nên để ý đến những người ở dưới họ.

Sứ đồ Phao-lô ban chỉ thị cho các người vợ trong 3:18, cho những người chồng trong 3:19, cho con cái trong 3:20, cho cha mẹ trong 3:21, cho những người nô lệ trong 3:22, và cho những người chủ trong 4:1. Hãy chắc chắn là bạn bắt đầu mỗi câu trên cùng một cách.

**Đoạn văn 3:18-19**

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô ban chỉ thị cho các người chồng và các người vợ: rằng các người vợ phải đầu phục chồng của họ, và các người chồng phải yêu vợ của họ.

**3:18a**

**các người vợ:** Ở đây, sứ đồ Phao-lô đang viết đặc biệt về những người đàn bà có chồng. Bạn có thể phải dùng đến đại từ “các bà” khi chuyển ngữ câu này, thí dụ: “Các bà là những người vợ...” Đối với những ngôn ngữ khác có thể tốt hơn là chuyển ngữ câu này là “Mỗi người trong chị em là những bà đã có chồng...” Hãy dùng cách nào nghe tự nhiên nhất đối với ngôn ngữ của bạn.

**hãy tùng phục chồng mình:** Các từ *tùng phục* ở đây có nghĩa là người vợ phải ý thức rằng người chồng là một người lãnh đạo, bà phải đặt mình dưới sự điều khiển của chồng. Một số ngôn ngữ có thể phải chuyển ngữ như là

“vâng lời”. Theo thể dùng ở trong động từ của tiếng Hy-lạp có nghĩa là “tiếp tục tùng phục”.

**3:18b**

**hợp theo nếp sống trong Chúa:** Sứ đồ Phao-lô đang nói rằng các người vợ nên tùng phục chồng, bởi vì đó là cách mà những người đàn bà thuộc về Chúa nên làm. Nó là những thái độ thích hợp, hợp lẽ và đúng.

**Chúa:** Đây nói đến Chúa Giê-su.

**3:19b**

**dùng cay nghiệt với nàng:** Một cách đặc biệt mà các ông chồng có thể yêu người vợ của mình là không đối đãi với vợ một cách khắc nghiệt. Đãi ai một cách khắc nghiệt là làm trái lại với những đức hạnh được sứ đồ Phao-lô liệt kê ở trong 3:12 (“thương xót, tử tế, khiêm nhường, dịu dàng và kiên nhẫn”). Tốt nhất là nên chuyển ngữ như là một mệnh lệnh tiêu cực: “đùng...” Nhưng nếu khó mà chuyển ngữ theo cách này, có lẽ bạn có thể

**3:17c**      **nhờ Ngài mà tạ ơn Đức Chúa Trời là Cha.**  
 [tiếp tục] cảm tạ Đức Chúa Cha qua Chúa Giê-su.  
 -HAY-  
 và [luôn luôn] cảm ơn Đức Chúa Trời Cha [chúng ta] qua Chúa Giê-su như là một Đấng trung gian.

**Tiểu đoạn 3:18-4:1 Sứ đồ Phao-lô ban các lời chỉ dẫn cho chồng và vợ, con cái và cha mẹ, nô lệ và chủ**

**3:18a**      **Hỡi các người vợ, hãy tùng phục chồng mình,**  
 ¶ Hỡi các bà vợ, [tiếp tục] đầu phục dưới [quyền của] chồng mình,  
 -HAY-  
 ¶ Các bà vợ, mỗi người nên [tiếp tục] đầu phục chồng mình.

**3:18b**      **hợp theo nếp sống trong Chúa.**  
 bởi vì đó là điều thích đáng mà các người theo Chúa làm.  
 -HAY-  
 Đó là điều chị em nên làm bởi vì chị em đã hiệp một với Chúa [Giê-su].

**3:19a**      **Hỡi các người chồng, hãy yêu thương vợ mình,**  
 Hỡi các người chồng, hãy yêu vợ mình,  
 -HAY-  
 Các người đàn ông có gia đình/có vợ, mỗi người phải yêu vợ mình,

**3:19b**      **đừng cay nghiệt với nàng.**  
 đừng đối xử với nàng cách khắc nghiệt.  
 -HAY-  
 hãy đối xử với nàng tử tế.

**3:20a**      **Hỡi các con cái, hãy vâng lời cha mẹ mình trong mọi sự;**  
 Hỡi các con cái, hãy vâng lời cha mẹ trong mọi hoàn cảnh,  
 -HAY-  
 Hỡi các con cái, mỗi con nên làm mọi điều cha mẹ bảo các con làm,

**3:20b**      **điều này đẹp lòng Đức Chúa Trời.**  
 bởi vì khi làm như vậy thì đẹp lòng Chúa.  
 -HAY-  
 bởi vì đó là điều Chúa muốn anh chị em làm.

chuyển ngữ như một mệnh lệnh tích cực. Thí dụ “Hãy đối xử nhẹ nhàng với họ”.

mẹ, và các bậc cha mẹ không nên sửa sai con cái một cách quá đáng.

Đoạn văn 3:20-21

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô ban chỉ thị cho các bậc cha mẹ và con cái: con cái phải vâng lời cha

**3:20b**

**điều này đẹp lòng Đức Chúa Trời:** BDM không có từ “vì” nhưng các bản tiếng Việt khác có bởi vì nó được hàm ý.

**(BDC) Chúa:** Sứ đồ Phao-lô chỉ dùng từ *Chúa* nhưng nó nói đến Chúa Giê-su giống như ở trong 3:18.

### 3:21a

**các người cha:** Từ Hy-lạp mà sứ đồ Phao-lô dùng ở đây thường có nghĩa là “các người cha”, nhưng nó cũng có thể có nghĩa là “cha mẹ”. (Hãy xem Hê-bơ-rơ 11:23.) BDY chuyển ngữ từ này như vậy. Vì sứ đồ Phao-lô đã dùng từ thường dùng cho “cha mẹ” ở trong 3:20, dường như ở đây ông đang chỉ nói đến các ông cha là người có thẩm quyền tối hậu trong nhà.

**dùng chọc giận con cái mình:** Động từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “làm nổi giận, chọc giận, quấy rầy”. Trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là “đừng quấy rầy con cái anh em [bằng cách luôn luôn la rầy/máng chửi chúng về mọi việc chúng làm]”.

### 3:21b

**kẻ chúng nản lòng:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là con cái sẽ trở nên buồn (hay giận dữ, hay buồn bực) và thôi không cố gắng để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

#### Đoạn văn 3:22-4:1

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô ban chỉ thị cho các nô lệ và chủ của họ: các nô lệ phải vâng lời chủ của họ và làm công việc của họ để tôn vinh Chúa Cứu Thế, và các người chủ phải công bình trong cách đối xử với các nô lệ của họ.

Đoạn này tương tự như Ê-phê-sô 6:5-9. Bạn nên so sánh bản dịch của hai đoạn này.

### 3:22a

**các tôi tớ:** Vào thời sứ đồ Phao-lô sống, các người nô lệ không có tự do để làm hay đi nơi nào họ muốn. Họ không có tài sản và hoàn toàn phụ thuộc vào người chủ về mọi mặt.

**hãy vâng phục chủ ở trần gian trong mọi sự:** Sứ đồ Phao-lô bảo các người nô lệ vâng lời chủ của họ *trong mọi sự*. Đây là cùng một mệnh lệnh mà ông bảo các con cái ở trong 3:20a.

**chủ ở trần gian:** Theo bản Hy-lạp là “chủ của anh chị em theo phần thân xác”, tức là, “chủ của anh chị em theo con người”. Đối với tiếng Hy-lạp người ta dùng cùng một từ cho “Chúa” và “chủ” (*kurios*). Vậy nên khi sứ đồ Phao-lô bảo các nô lệ vâng lời “chủ trên đất của họ”, giống như là sứ đồ Phao-lô nhắc cho họ nhớ rằng họ có một chủ ở trên trời nữa (hãy xem 3:24b). Hãy chú ý trong 4:1 sứ đồ Phao-lô dùng nhóm từ “Chủ trên trời” để chỉ Chúa Giê-su.

### 3:22b-c

Trong 3:22b-c sứ đồ Phao-lô bảo các nô lệ làm thế nào và tại sao (bằng cách nào và vì lý do gì) họ phải vâng lời chủ của họ. Trong 3:22b ông bảo họ cách họ không nên hành xử, và trong 3:22c ông bảo họ cách họ nên hành xử 3:22b.

### 3:22b

**không phải vâng phục cho người ta thấy:** Điều này có nghĩa là người nô lệ nên vâng lời chủ luôn luôn chứ không phải chỉ khi người chủ có thể nhìn thấy.

**để làm đẹp lòng người:** Sứ đồ Phao-lô cũng nói rằng một nô lệ không nên chỉ làm việc tốt để được người chủ khen và làm đẹp lòng chủ. Sứ đồ Phao-lô không nói rằng người nô lệ làm việc để làm hài lòng chủ là sai, nhưng ông muốn nói lấy lòng chủ không phải là lý do duy nhất cho việc chăm chỉ làm việc. Ông nói rõ về vấn đề này trong phần còn lại của câu.

### 3:22c

**nhưng vâng phục với lòng chân thành:** Các người nô lệ nên vâng lời và làm công việc của họ một cách thành thật, tức là, không có động lực mờ ám nào, cũng không phải chỉ để được chủ khen.

**vì kính sợ Chúa:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “sợ”. Bạn nên tránh chuyển ngữ là “bởi vì anh chị em sợ hãi Chúa”. Trong ngữ cảnh này, từ Hy-lạp này có nghĩa là sự kính trọng hay kính ngạc mà một người cảm thấy bởi vì Chúa vĩ đại như thế nào. Bởi vậy, trong nhiều ngôn ngữ tốt nhất

<b>3:21a</b>	<p><b>Hỡi các người cha, đừng chọc giận con cái mình,</b> Hỡi các người cha, đừng làm cho con cái mình giận dữ [bằng cách luôn luôn mắng chửi chúng], <i>-HAY-</i> Hỡi các người cha, đừng [bắt lỗi các con của mình về mọi điều sai lầm nhỏ mà chúng làm và khiến chúng cay đắng [với các ông]].</p>
<b>3:21b</b>	<p><b>kéo chúng nản lòng.</b> [vì nếu các ông làm như vậy] chúng sẽ bị nản lòng. <i>-HAY-</i> [Nếu anh chị em làm thì] chúng sẽ trở nên giận dữ [và không làm theo điều phải nữa].</p>
<b>3:22a</b>	<p><b>Hỡi các tôi tớ, hãy vâng phục chủ ở trần gian trong mọi sự,</b> ¶ Anh chị em là những người nô lệ, hãy luôn luôn vâng lời chủ mình ở trên đất. <i>-HAY-</i> ¶ Những người nô lệ, hãy làm tất cả mọi điều chủ bảo anh chị em làm.</p>
<b>3:22b</b>	<p><b>không phải vâng phục cho người ta thấy để làm đẹp lòng người,</b> [Hãy luôn luôn vâng lời chủ.] Đừng chỉ vâng lời chủ khi họ trông chừng anh chị em và để họ sẽ khen ngợi các anh chị em. <i>-HAY-</i> Đừng chỉ làm việc [tốt] khi [anh chị em biết rằng] chủ đang trông chừng và để họ sẽ nghĩ tốt cho anh chị em.</p>
<b>3:22c</b>	<p><b>nhưng vâng phục với lòng chân thành vì kính sợ Chúa.</b> Nhưng hãy [luôn luôn] làm việc một cách thành thật và chân thành bởi vì anh chị em kính sợ Chúa. <i>-HAY-</i> Nhưng, vì anh chị em kính trọng Chúa [Giê-su], hãy phục vụ chủ một cách thành thật.</p>
<b>3:23a</b>	<p><b>Bất luận làm gì, hãy tận tâm mà làm,</b> Bất cứ làm công việc gì, hãy làm một cách sốt sắng,</p>

nên chuyển ngữ nhóm từ này là “tôn vinh Chúa, “tôn cao Chúa”, hay “kính trọng Chúa”.

**Chúa:** Một lần nữa đây muốn nói đến Chúa Giê-su.

### 3:23

Trong 3:23, sứ đồ Phao-lô tiếp tục chỉ dẫn những người nô lệ về thái độ họ nên bày tỏ trong công việc của họ.

### 3:23a

**hãy tận tâm mà làm:** Nhóm từ *hãy tận tâm mà làm* có nghĩa là làm việc một cách hăng hái, nhiệt thành, sẵn lòng.

**3:23b**

**như làm cho Chúa, không phải làm cho người ta:** Sứ đồ Phao-lô đang bảo các người nô lệ rằng họ nên làm công việc của họ như là làm *cho Chúa*, không phải cho người ta.

**3:24a**

**sẽ nhận lãnh từ nơi Chúa cơ nghiệp:** Hãy xem lời giải nghĩa của *cơ nghiệp* trong 1:12b. Nhóm từ *nhận lãnh từ nơi Chúa cơ nghiệp* có nghĩa là nhận lãnh những quyền lợi mà Chúa đã hứa ban cho dân sự của Ngài.

**làm phần thưởng:** Sứ đồ Phao-lô đang bảo những người nô lệ biết vâng lời rằng Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho họ, tức là, Ngài sẽ ban cho họ những phước hạnh họ xứng đáng được bởi vì công việc họ đã làm.

Trong câu này, *phần thưởng* và *cơ nghiệp* muốn nói đến cùng một thứ. Sau đây là mẫu chuyển ngữ:

Hãy nhớ rằng Chúa sẽ ban thưởng cho anh chị em, tức là, Ngài sẽ ban cho anh chị em phần thừa kế của anh chị em trong các phước hạnh Ngài đã chuẩn bị [cho tất cả dân sự của Ngài].

**3:24b**

**Chúa Cứu Thế chính là Đấng anh chị em phục vụ:** Từ Hy-lạp *kurios* (có nghĩa là “Chúa” và “chủ”) được dùng ở đây. Sau đây là một cách chuyển ngữ thích hợp: “...Chúa mà anh chị em đang phục vụ là Chúa Cứu Thế”.

**3:25a**

**Ai làm điều bất chính sẽ bị báo trả xứng đáng:** Trong câu này sứ đồ Phao-lô cảnh cáo những người nô lệ muốn lười biếng hay ăn cắp của chủ hay làm các việc sai lầm khác. Đối với một số ngôn ngữ có lẽ chuyển ngữ câu này dùng ngôi thứ nhì (“anh chị em”) nghe có vẻ tự nhiên hơn, thí dụ: “Nhưng nếu có việc gì anh chị em làm sai, Đức Chúa Trời sẽ báo trả anh chị em về công việc sai lầm đó”.

**bị báo trả xứng đáng:** Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người này bởi vì các việc sai lầm họ đã làm.

**3:25b**

**không thiên vị ai:** Sứ đồ Phao-lô nói giống như ở trong La-mã 2:11. (Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong Lu-ca 20:21 và Gia-cơ 2:9.) Khi nói rằng Đức Chúa Trời không thiên vị có nghĩa là Ngài không đối xử với ai tốt hơn những người khác. Ngài sẽ đoán xét mọi người một cách công bình/không thiên vị.

**4:1a**

**hãy đối xử với tôi tớ mình cách ngay thẳng và công bình:** Sứ đồ Phao-lô không phải chỉ viết về việc cho các người nô lệ thức ăn và quần áo, nhưng cũng nói về các người chủ nên đối xử với nô lệ như thế nào. Ông nói rằng các người chủ nên đối xử với các người nô lệ một cách *ngay thẳng và công bình*. Vào lúc đó không có luật pháp nào bảo vệ các người nô lệ cả. Các người chủ có thể đối xử với các nô lệ của họ thế nào tùy ý. Sứ đồ Phao-lô đang kêu gọi những người chủ nô lệ Cơ Đốc đối xử với các nô lệ của họ một cách đẹp lòng Đức Chúa Trời.

**4:1b**

**anh chị em cũng:** Trong bản Hy-lạp các từ này được dùng để nhấn mạnh. Một cách để chuyển ngữ 4:1b cho thấy sự nhấn mạnh là: “Ngay cả khi anh chị em là chủ, anh chị em cũng có một Chủ trên thiên đàng”.

**có Chủ trên trời:** Đối với một số ngôn ngữ nói như sau nghe tự nhiên hơn: “anh chị em phục vụ một chủ ở trên thiên đàng”, hay “anh chị em là nô lệ của một Chủ ở trên thiên đàng”.

**Chủ trên trời:** Trong 3:22 sứ đồ Phao-lô bảo những người nô lệ phải vâng lời “chủ ở trần gian”. Ông nhắc các con dân Chúa là chủ nô lệ rằng họ có một *Chủ trên trời*. Khi sứ đồ Phao-lô bảo những người chủ nô lệ rằng họ có một *Chủ trên trời*, ông muốn nói đến Chúa Giê-su. Ngữ cảnh nói rõ điều này, nên có lẽ bạn sẽ không cần phải nói rõ ra. Nếu bạn cần phải nói rõ ra, đây là một cách mà bạn có thể làm: “Hãy nhớ là anh chị em cũng phục vụ một Chủ, là Chúa ở trên thiên đàng”.



- 3:23b**      **như làm cho Chúa, không phải làm cho người ta,**  
 như những người làm việc cho Chúa. Đừng làm việc giống như những người chỉ  
 làm việc cho người ta.  
**-HAY-**  
 giống như người làm việc để làm đẹp lòng Chúa [Giê-su], và không phải như  
 [người làm việc] để làm đẹp lòng người khác.
- 3:24a**      **vì biết rằng anh chị em sẽ nhận lãnh từ nơi Chúa cơ nghiệp làm phần  
 thưởng;**  
 [Hãy làm điều này] bởi vì anh chị em biết rằng Chúa sẽ thưởng cho anh chị em  
 và anh chị em sẽ nhận lãnh phần thưởng mà Ngài đã hứa [ban cho dân sự của  
 Ngài].  
**-HAY-**  
 [Hãy làm việc tốt,] bởi vì anh chị em biết rằng Chúa [Giê-su] sẽ trả lại cho anh  
 chị em [về công việc của mình. Tức là], Ngài sẽ ban cho anh chị em những điều  
 tốt đẹp mà Ngài đã chuẩn bị [cho dân sự của Ngài].
- 3:24b**      **vì Chúa Cứu Thế chính là Đấng anh chị em phục vụ.**  
 [Hãy hành xử giống như vậy bởi vì] Chúa Cứu Thế là Chủ mà anh chị em [thật  
 sự] đang phục vụ.  
**-HAY-**  
 [Hãy nhớ rằng] Chúa Cứu Thế là Chủ mà anh chị em đang phục vụ.
- 3:25a**      **Ai làm điều bất chính sẽ bị báo trả xứng đáng,**  
 [Vậy hãy tiếp tục làm việc để làm đẹp lòng Chúa Cứu Thế, bởi vì] Đức Chúa  
 Trời sẽ trừng phạt bất cứ ai tiếp tục làm điều sai.  
**-HAY-**  
 Nhưng nếu bất cứ ai [trong anh chị em] tiếp tục làm điều sai, anh chị em sẽ bị  
 trừng phạt [bởi Đức Chúa Trời] một cách xứng đáng.
- 3:25b**      **không thiên vị ai.**  
 Đức Chúa Trời đoán xét tất cả mọi người theo cùng một chuẩn.
- 4:1a**      **Hỡi các chủ nhân, hãy đối xử với tôi tớ mình cách ngay thẳng và công bình,**  
 Hỡi các người chủ, hãy cung cấp theo đúng luật và công bình cho các người nô  
 lệ của mình,  
**-HAY-**  
 Các chủ, hãy chăm sóc và đãi các nô lệ một cách công bình,
- 4:1b**      **vì biết rằng anh chị em cũng có Chủ trên trời.**  
 bởi vì anh chị em biết rằng anh chị em cũng phục vụ một Chủ ở trên thiên đàng.

**Tiểu đoạn 4:2-6 Sứ đồ Phao-lô xin người Cô-lô-se cầu nguyện cho ông, và bảo họ cách nói với những người chưa tin Chúa**

Trong 3:18-4:1, sứ đồ Phao-lô cho các lời hướng dẫn cho các nhóm con dân Chúa khác nhau (vợ, chồng, con cái, cha mẹ, nô lệ và chủ nô lệ). Trong 4:2, một lần nữa sứ đồ Phao-lô bắt đầu nói với tất cả các con dân Chúa ở Cô-lô-se. Ông bảo họ tiếp tục cầu nguyện, đặc biệt là cho ông, và để nói một cách khôn ngoan và tử tế với những người không tin Chúa Cứu Thế.

**Đoạn văn 4:2-4**

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô bảo người Cô-lô-se tiếp tục cầu nguyện với Đức Chúa Trời, và ông xin họ cầu nguyện cho ông khi họ cầu nguyện với Chúa.

**4:2a**

**Hãy kiên nhẫn cầu nguyện:** Trong bản Hy-lạp động từ *proskartereō* được dùng ở đây cũng có thể có nghĩa là “kiên trì làm một việc gì”. Sứ đồ Phao-lô chỉ thị người Cô-lô-se tiếp tục cầu nguyện một cách trung tín, không kể đến việc gì đã xảy ra.

**4:2b**

**tình thức trong khi cầu nguyện và tạ ơn:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp là “hãy cảnh giác trong khi cầu nguyện với sự cảm tạ”. Vậy sứ đồ Phao-lô muốn nói: “Khi anh chị em cầu nguyện, hãy cảnh giác và cảm tạ”.

**tình thức:** Nó có nghĩa là “hãy cảnh giác, và đừng trở nên mệt mỏi trong sự cầu nguyện”.

**tạ ơn:** Trong bản dịch của bạn có thể cần phải nói “biết ơn Đức Chúa Trời”.

**4:3a**

**Xin cũng cầu nguyện cho chúng tôi:** Trong bản Hy-lạp có một từ trong câu này có nghĩa là “cùng với nhau, cùng một lúc”. Sứ đồ Phao-lô xin người Cô-lô-se cầu nguyện cho ông và bạn hữu của ông khi họ cầu nguyện cho những việc khác.

**chúng tôi:** Đây muốn nói đến sứ đồ Phao-lô và những người bạn đang ở với ông.

**4:3b**

**để Đức Chúa Trời mở cửa cho chúng tôi truyền giảng sứ điệp:** Đây là một cách nói

tượng hình. Có nghĩa là “Đức Chúa Trời sẽ cho chúng tôi cơ hội để giảng Phúc Âm”. Đây là cùng một cách nói tượng hình được tìm thấy ở trong I Cô-rinh-tô 16:9 và 2 Cô-rinh-tô 2:12. (Cũng hãy xem Công Vụ 14:27.) Nếu khó để chuyển ngữ cụm từ “cơ hội”, sau đây là một số cách chuyển ngữ khả dĩ khác:

...cầu nguyện để Đức Chúa Trời sẽ mở đường cho chúng tôi rao giảng sứ điệp của Ngài...

-HAY-

Cầu nguyện rằng chúng tôi sẽ không bị ngăn cản trong việc rao truyền sứ điệp về Chúa Cứu Thế cho nhiều người...

**4:3c**

**về sự huyền nhiệm của Chúa Cứu Thế:** Hãy xem lời giải nghĩa của 1:26a.

**4:3d**

**chính vì đó mà tôi bị xiềng xích:** Có lẽ sứ đồ Phao-lô trong khi ở tù bị xiềng và xích vào một người lính. Tuy nhiên “tôi bị xiềng xích” có lẽ chỉ là một cách để nói “tôi đang ở tù”. Vậy nên bạn có thể chuyển ngữ ý nghĩa của 4:3d là:

Tôi đang ở tù bây giờ bởi vì tôi đã rao giảng sứ điệp về Chúa Cứu Thế...

**4:4**

**Xin cầu nguyện để tôi có thể công bố sứ điệp ấy rõ ràng:** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “bày tỏ, làm cho biết, làm đơn giản, nói một cách rõ ràng”. Sứ đồ Phao-lô đã dùng cùng một động từ Hy-lạp trong 1:26 và trong 3:4. Trong 1:26, ông đã dùng nó để nói đến kế hoạch bí mật mà Đức Chúa Trời đã giấu kín và không bày tỏ cho con người trong quá khứ. Trong 3:4 ông đã dùng nó để nói đến quan hệ giữa Chúa Cứu Thế và các con dân của Chúa, là điều mà bây giờ còn giấu kín, nhưng sẽ

**Tiểu đoạn 4:2-6 Sứ đồ Phao-lô xin người Cô-lô-se cầu nguyện cho ông, và bảo họ cách nói với những người chưa tin Chúa**

- 4:2a** **Hãy kiên nhẫn cầu nguyện,**  
 ¶ Hãy kiên trì cầu nguyện,  
 -HAY-  
 ¶ Hãy tiếp tục chuyên cần cầu nguyện,  
 -HAY-  
 ¶ Đừng bao giờ bỏ cầu nguyện,
- 4:2b** **tỉnh thức trong khi cầu nguyện và tạ ơn.**  
 [và trong khi anh chị em cầu nguyện,] hãy tỉnh thức, và [luôn luôn] cảm ơn [Đức Chúa Trời].
- 4:3a** **Xin cũng cầu nguyện cho chúng tôi**  
 [Trong khi anh chị em cầu nguyện,] cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi,
- 4:3b** **(BDC) xin Đức Chúa Trời mở cửa cho sự giảng-đạo,**  
 để Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng tôi dịp tiện để giảng  
 -HAY-  
 hãy cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng tôi có thể tiếp tục giảng
- 4:3c** **(BDC) hầu cho tôi được rao-truyền lẽ mẫu-nhiệm của Đấng Christ,**  
 để chúng tôi có thể nói với người ta sứ điệp này về Chúa Cứu Thế, là sứ điệp mà trước đây họ không hiểu/biết.  
 -HAY-  
 để chúng tôi có thể tuyên bố sứ điệp này về Chúa Cứu Thế, là sứ điệp mà Đức Chúa Trời không bày tỏ trọn vẹn cho người ta trong quá khứ.
- 4:3d** **chính vì đó mà tôi bị xiềng xích.**  
 Vì tôi đã giảng sứ điệp này mà bây giờ tôi đang bị ở tù.
- 4:4** **Xin cầu nguyện để tôi có thể công bố sứ điệp ấy rõ ràng như tôi phải nói.**  
 [Vậy nên] hãy cầu nguyện [cho tôi] để tôi sẽ [tiếp tục] rao truyền sứ điệp này một cách công khai [mà không sợ hãi], như [tôi biết] tôi nên làm.  
 -HAY-  
 Tôi [muốn tiếp tục] rao truyền sứ điệp này một cách rõ ràng [cho nhiều người], giống như tôi nên làm. Vậy nên hãy cầu xin Đức Chúa Trời giúp tôi làm điều đó.

được bày tỏ khi Chúa Cứu Thế trở lại. Trong cả hai trường hợp nó có nghĩa là “nói một cách rõ ràng và công khai”. Tuy nhiên, có hai cách để giải thích nó ở đây:

(1) Nhấn mạnh ở “công bố công khai”. Vì vậy phần này của câu có nghĩa là “Hãy

cầu nguyện để tôi có thể công bố sứ điệp một cách công khai”, hay “Hãy cầu nguyện để tôi làm cho mọi người biết sứ điệp”.

(2) Nhấn mạnh ở “công bố rõ ràng”. Vì vậy phần này của câu có nghĩa là “Hãy cầu

nguyện để tôi có thể công bố sứ điệp một cách rõ ràng". (BDM, BDC, BCG, BDY)

Cả hai cách giải thích trên đều chấp nhận được. Hầu hết các bản dịch dùng từ *rõ ràng* ở đây giống như BDM đã làm, và như vậy theo cách giải thích thứ nhì. Tuy nhiên, vì sứ đồ Phao-lô, trong 4:3-4, một lần nữa viết về việc bày tỏ kế hoạch bí mật của Đức Chúa Trời, dường như sự nhấn mạnh ở trên "một cách công khai". Vậy nên chúng tôi đề nghị bạn theo cách giải thích thứ nhất.

**như tôi phải nói:** Sứ đồ Phao-lô đang xin người ta cầu nguyện để ông sẽ công bố sứ điệp cho nhiều người bởi vì đây là nhiệm vụ của ông. Điều này có nghĩa là sứ đồ Phao-lô muốn chắc chắn là ông làm trọn sự bắt buộc phải nói về Chúa Cứu Thế cho người khác.

#### Đoạn văn 4:5-6

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô khuyến khích người Cô-lô-se luôn luôn nói một cách khôn ngoan và tử tế cho những người không tin Chúa Giê-su.

Trong 4:2-4 sứ đồ Phao-lô xin các con dân Chúa người Cô-lô-se cầu nguyện để ông sẽ có thể rao truyền Phúc Âm cho nhiều người. Trong 4:5-6, ông cho họ các lời khuyên về cách họ nói về Phúc Âm cho những người lảng giềng chưa tin Chúa. Sứ đồ Phao-lô không bao giờ nói rõ trong những câu này: "hãy nói với những người này về Chúa Giê-su", nhưng đó rõ ràng là điều ông muốn các con dân Chúa ở Cô-lô-se làm.

#### 4:5a

**người ngoài:** Khi dùng *người ngoài*, sứ đồ Phao-lô muốn nói đến người chưa tin Chúa Giê-su.

#### 4:5b

**tận dụng thì giờ:** Ở đây sứ đồ Phao-lô muốn nói đặc biệt về xử dụng các cơ hội để giúp đỡ người chưa tin Chúa, nhất là giúp họ trở nên con dân Chúa.

Trong một văn mạch tương tự ở trong Ê-phê-sô 5:15-16 sứ đồ Phao-lô viết: "Vậy, anh chị em hãy hết sức thận trọng về nếp sống của

mình, dùng sống như người khờ dại nhưng như người khôn ngoan. Hãy tận dụng thì giờ, vì thời buổi hiện tại là thời xấu xa" (thêm gạch dưới). Các từ được gạch dưới giống như các từ ở trong Cô-lô-se 4:5b. So sánh bản dịch của bạn về hai đoạn này và dùng từ ngữ tương tự. Trong cả hai Ê-phê-sô 5:15-16 và Cô-lô-se 4:5, sứ đồ Phao-lô đang khuyên các con dân Chúa hành xử như các con dân Chúa nên làm và lợi dụng mọi dịp tiện để giúp đỡ những người không phải là con dân Chúa.

#### 4:6a

**Lời nói của anh chị em phải có ân hậu:** Nhiều ngôn ngữ cần phải chuyển ngữ các từ *lời nói* như là một câu: "Khi anh chị em nói chuyện [với họ (những người chưa tin Chúa)]..." Các học giả không biết chính xác nhóm từ *có ân hậu* có nghĩa là gì. Sứ đồ Phao-lô có lẽ không nói về giọng nói dễ nghe. Ông đang nói về nói những lời lịch sự và tử tế.

**có ân hậu:** Thật khó mà biết chính xác sứ đồ Phao-lô muốn nói gì khi ông nói "lời nói" phải *có ân hậu*. Một số học giả Kinh Thánh đề nghị từ ngữ như là "tử tế, vui vẻ". Những người khác đề nghị các từ như "lịch sự, khôn ngoan, ý tứ". BCG chuyển ngữ là "dễ thương".

#### 4:6b

**nêm thêm muối:** Cách nói tượng hình này còn khó hiểu hơn là "có ân hậu" trong 4:6a. Có lẽ sứ đồ Phao-lô suy nghĩ cách mà các con dân Chúa phải nói với các người chưa tin Chúa khi chia sẻ đức tin của họ. Có lẽ nhóm từ *nêm thêm muối* có nghĩa nói cách hấp dẫn, trái ngược lại với nhàm chán. BDM và BDC chuyển ngữ nhóm từ này từng chữ một theo bản Hy-lạp nhưng có lẽ bạn không nên giữ cách nói tượng hình này trong bản dịch của bạn, thay vào đó nên chuyển ngữ theo ý nghĩa. BDY và BCG dùng từ tiếng Việt "mặn mà". Nó có ý nghĩa tương tự như "hấp dẫn" hay "ấm áp" đã dùng ý "hấp dẫn" cho nhóm từ này. Có lẽ có nghĩa là nói "cách khôn ngoan và có suy nghĩ". Ý nghĩa nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả.

- 4:5a** **Hãy đối xử khôn khéo với người ngoài,**  
 Hãy đối xử một cách khôn ngoan với những người không tin Chúa Giê-su.  
**-HAY-**  
 Khi anh chị em ở với những người không tin Chúa Giê-su, hãy khôn ngoan trong các việc làm.
- 4:5b** **và tận dụng thì giờ.**  
 Hãy tận dụng mọi dịp tiện [để làm điều này].
- 4:6a** **Lời nói của anh chị em phải có ân hậu**  
 Luôn luôn nói [chuyện với họ] cách tử tế/lich sự,
- 4:6b** **và nêm thêm muối**  
 và nói những điều thích thú.  
**-HAY-**  
 để họ sẽ thích thú về điều anh chị em nói.
- 4:6c** **ngõ hầu anh chị em biết cách đối đáp với mọi người.**  
 [Nếu anh chị em làm điều này,] thì anh chị em sẽ nghe/biết cách để trả lời cho bất cứ ai [hỏi anh chị em về điều anh chị em tin].  
**-HAY-**  
 Kết quả là, nếu có ai hỏi anh chị em [giải thích tại sao anh chị em tin nơi Chúa Giê-su], anh chị em sẽ biết cách trả lời người ấy [một cách khôn ngoan].

**4:6c**

**ngõ hầu anh chị em biết cách đối đáp với mọi người:** Đây là kết quả của 4:6a-b. Sứ đồ Phao-lô nói rằng nếu người Cô-lô-se khôn ngoan trong cách hành xử đối với những người chưa tin Chúa, và nếu khi họ nói với họ một cách lịch sự và nói những điều hấp dẫn, kết quả là họ sẽ *cách đối đáp với mọi người*.

**cách đối đáp với mọi người:** Tức là, nói một cách khác: “anh chị em sẽ biết cách trả lời mọi người [hỏi anh chị em về Phúc Âm]”. Ở đây không nhấn mạnh đến điều họ sẽ nói khi trả lời những câu hỏi của những người chưa tin Chúa, nhưng thay vào đó trên cách nói mà họ dùng để trả lời, tức là, họ sẽ biết cách tốt nhất để trả lời.

### Tiểu Đoạn 4:7-18 Sứ đồ Phao-lô đã viết các sứ điệp và lời chào thăm cuối cùng

#### Đoạn văn 4:7-9

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô bảo người Cô-lô-se rằng ông sai anh Ty-chi-cơ đến với anh chị em. Anh ấy sẽ nói cho anh chị em tất cả những gì đang xảy ra cho sứ đồ Phao-lô và các bạn của ông.

#### 4:7a

**Ty-chi-cơ:** Sứ đồ Phao-lô đề cập đến anh Ty-chi-cơ lên đường đi đến thành phố Cô-lô-se. Có lẽ, qua cách nói hàm ý rằng anh sẽ đem thư của sứ đồ Phao-lô theo với anh.

Sứ đồ Phao-lô không nhắc tới cho mãi đến 4:8 ông mới nói rằng anh Ty-chi-cơ sắp đến thành phố Cô-lô-se bởi vì sứ đồ Phao-lô đã sai anh ấy đến. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải cung cấp thông tin này ở đầu của 4:7, thí dụ: “[Tôi đã sai anh Ty-chi-cơ đến thăm anh chị em, và] anh ấy sẽ bảo anh chị em...”

**anh em yêu dấu:** *Anh em* đây là các từ trong thời Tân Ước để chỉ tín hữu. Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *yêu dấu* có nghĩa là “người được yêu mến”. Có lẽ ngôn ngữ của bạn đòi hỏi nói rõ là ai yêu mến anh Ty-chi-cơ. Có thể có hai chủ từ:

- (1) Sứ đồ Phao-lô phải là chủ từ. “Anh ấy là anh em trong Chúa của tôi người mà tôi yêu mến”.
- (2) Sứ đồ Phao-lô và các bạn của ông phải là chủ từ, vậy nên sứ đồ Phao-lô nói: “Anh ấy là anh em trong Chúa của chúng tôi là người mà chúng tôi yêu mến”.

Bạn có thể dùng bất cứ cách nào trong hai cách ở trên để nghe có vẻ tự nhiên đối với ngôn ngữ của bạn.

#### 4:7b

**một người phục vụ trung tín:** Đây tương tự như các lời sứ đồ Phao-lô đã dùng để mô tả

ông Ê-pháp-ra trong 1:7b và 1:7c. Hãy xem lời giải nghĩa của các câu này.

#### 4:7c

**sẽ cho anh chị em biết:** Một số ngôn ngữ cần phải thêm một số chi tiết hàm ý từ trong câu kế tiếp, thí dụ: “Khi Ty-chi-cơ đến, anh ấy sẽ bảo anh chị em...”, hay “tôi đã yêu cầu Ty-chi-cơ đi thăm anh chị em, và anh ấy sẽ nói cho anh chị em...”

Đối với một số ngôn ngữ cách tự nhiên nhất để chuyển ngữ 4:7 là dùng một câu đối thoại trực tiếp. Thí dụ:

[Tôi gửi Ty-chi-cơ đi đến anh chị em,] tôi nói với anh ta: “Hãy đi và nói cho các con dân Chúa ở đó biết tất cả tin tức về tôi”.

**Lời giải nghĩa tổng quát về câu 4:7a-b:** Thứ tự của câu này ở trong bản Hy-lạp thì khác hơn là thứ tự mà bạn sẽ thấy ở trong BDM, BDC, và BDY:

[Anh] Ty-chi-cơ sẽ cho anh chị em biết tin tức về tôi. Anh ấy là một anh em yêu dấu.

BCG theo thứ tự này. Bạn nên theo thứ tự nghe tự nhiên hơn đối với ngôn ngữ của bạn.

#### 4:8a

**Tôi sai anh ấy đi chính vì mục đích đó:** Hãy nhớ rằng khi sứ đồ Phao-lô viết thư này, ông và anh Ty-chi-cơ ở cách xa thành phố Cô-lô-se, và sau đó nhiều tuần lá thư mới đến tay người Cô-lô-se. Không phải tất cả mọi ngôn ngữ đều sẽ dùng cùng một thì để chỉ loại hành động này. Có những trường hợp khả dĩ sau đây:

- Dùng thì quá khứ: “tôi đã sai anh ta đến với anh chị em” bởi vì vào lúc người Cô-lô-se đọc thư thì sứ đồ Phao-lô đã sai anh ta đi rồi.
- Dùng thì hiện tại.

**Tiểu đoạn 4:7-18 Sứ đồ Phao-lô đã viết các sứ điệp và lời chào thăm cuối cùng**

- 4:7a** Ty-chi-cơ, một anh em yêu dấu,  
¶ [Anh] Ty-chi-cơ là một anh em [trong Chúa] mà [tôi] yêu mến,
- 4:7b** một người phục vụ trung tín và bạn đồng lao trong Chúa,  
Anh trung tín làm việc và hầu việc Chúa cùng với tôi.
- 4:7c** sẽ cho anh chị em biết tin tức về tôi.  
[Anh Ty-chi-cơ] sẽ nói với anh chị em tất cả mọi việc đã xảy ra cho tôi.
- 4:8a** Tôi sai anh ấy đi chính vì mục đích đó,  
Tôi đã bảo anh đi thăm anh chị em vì mục đích này,
- 4:8b** để cho anh chị em biết tình trạng chúng tôi  
để anh chị em biết chúng tôi đang như thế nào,  
**-HAY-**  
để anh chị em sẽ học từ nơi anh điều gì đang xảy ra cho chúng tôi,
- 4:8c** và để khích lệ lòng anh chị em.  
và [cũng] để anh ấy có thể khích lệ anh chị em [trong đức tin].

- Dùng thì tương lai: “tôi sẽ sai anh ấy đến với anh chị em” bởi vì khi viết thư sứ đồ Phao-lô chưa sai anh ấy đi (BDC).

Đối với tiếng Việt thì của động từ được hàm ý, nhưng trong các ngôn ngữ khác thì của động từ luôn luôn phải được làm dấu. Hãy dùng thì nào nghe tự nhiên nhất đối với ngôn ngữ của bạn.

**chính vì mục đích đó:** Đây có nghĩa là sứ đồ Phao-lô xin anh Ty-chi-cơ đến Cô-lô-se với một mục đích đặc biệt. Sứ đồ Phao-lô nói mục đích của ông là gì ở trong 4:8b-c.

**4:8b**

**để cho anh chị em biết tình trạng chúng tôi:** Đây tương tự như 4:7a nơi sứ đồ Phao-lô nói rằng anh Ty-chi-cơ sẽ nói cho người Cô-

lô-se biết “tất cả tin tức về tôi”. Anh Ty-chi-cơ sẽ đem tin tức đến cho người Cô-lô-se để họ sẽ biết điều gì xảy ra cho sứ đồ Phao-lô và các bạn của ông.

**4:8c**

**để khích lệ lòng anh chị em:** Đây là lý do thứ nhì mà sứ đồ Phao-lô gửi anh Ty-chi-cơ đi Cô-lô-se.

**khích lệ:** Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *khích lệ* ở đây là một từ có nhiều ý nghĩa. Có thể chuyển ngữ là “giúp đỡ, khích lệ, an ủi, làm cho mạnh mẽ”. Đây cũng là từ mà sứ đồ Phao-lô dùng ở trong 2:2a. (Hãy xem lời giải nghĩa của 2:2a.) Sứ đồ Phao-lô muốn anh Ty-chi-cơ giúp đỡ các con dân Chúa ở Cô-lô-se bằng cách khuyến khích họ và làm cho đức tin của họ mạnh mẽ.

**4:9a**

**Ô-nê-sim:** Đây có lẽ cũng là một Ô-nê-sim mà sứ đồ Phao-lô viết ở trong thư gửi cho ông Phi-lê-môn. Anh Ô-nê-sim là một người nô lệ của ông Phi-lê-môn đã trở nên một con dân Chúa trong khi ở với sứ đồ Phao-lô.

**4:9b**

**người em trung tín:** Hãy xem lời giải nghĩa của 1:2a.

**yêu quý:** Hãy xem lời giải nghĩa của 4:7a.

**đồng hương với anh chị em:** Đây có nghĩa là anh Ô-nê-sim cũng đến từ thành phố Cô-lô-se, vậy nên có thể chuyển ngữ là “người cùng tỉnh với anh chị em, một trong những người của anh chị em”.

## Đoạn văn 4:10-14

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô đã viết lời chào thăm người Cô-lô-se qua việc nhắc đến các bạn ở cùng với ông.

**4:10a**

**A-ri-tac, bạn tù của tôi:** Người này từ thành phố Tê-sa-lô-ni-ca. Ông đã đi đến thành phố Rô-ma với sứ đồ Phao-lô khi ông là một tù nhân (Công Vụ 27:3). Trong khi sứ đồ Phao-lô đang viết thư này, ông *A-ri-tac* ở tù cùng với sứ đồ Phao-lô, hoặc là tình nguyện để ông có thể giúp đỡ sứ đồ Phao-lô hay bởi vì ông cũng bị bắt giam.

**4:10b**

**Mác, em họ Ba-na-ba:** Anh Mac là con trai của cô hay chú của ông Ba-na-ba. Đối với một số ngôn ngữ người ta gọi anh em họ bằng cùng một từ dùng để gọi anh chị em ruột. Những ngôn ngữ khác lại có nhiều từ để gọi anh chị em họ. Thí dụ, đối với một số ngôn ngữ ông Ba-na-ba dùng một đại từ để gọi anh Mac như là con của dì hay dượng của anh. Tuy nhiên, chúng ta không biết rõ thông tin đặc biệt này bởi vì bản Hy-lạp không phân biệt như vậy trong cách dùng từ này. Nếu bạn cần phải biết điều này bằng ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng một từ

tổng quát hơn như “bà con của ông Ba-na-ba”.

**4:10c**

**anh chị em đã nhận được chỉ thị về Mac:** Sứ đồ Phao-lô đang nhắc nhở các tín hữu Cô-lô-se rằng họ *đã nhận được chỉ thị* về anh Mac.

**đã nhận được chỉ thị:** Đây có nghĩa là trong quá khứ đã có lúc sứ đồ Phao-lô hay một người nào khác đã gửi lời nhắn giới thiệu anh Mac và chỉ thị cho họ điều phải làm khi anh ta tới Cô-lô-se. Nếu được, hãy chuyển ngữ một cách tổng quát, như là “Anh chị em đã nhận được thư về [anh] Mac”, hay “tôi biết rằng anh chị em đã được nghe nói về [anh] Mac”. Chỉ thêm thông tin này nếu trong ngôn ngữ của bạn cần phải nói ai bảo người Cô-lô-se. Vậy bạn có thể nói:

Tôi [Phao-lô] đã gửi lời nhắn về anh.

**nếu Mac đến thăm, anh chị em phải tiếp đón người:** Khi sứ đồ Phao-lô viết lá thư này, ông nhất định quy hoạch để gửi anh Ty-chi-cơ đến thành phố Cô-lô-se. Tuy nhiên ông không biết là anh Mac sẽ đi thành phố Cô-lô-se hay không.

**4:11a**

**Giê-su, biệt danh là Giúc-tu:** Đây không phải là Chúa Cứu Thế Giê-su. *Giê-su* là hình thức tiếng Hy-lạp của tên Do Thái Giô-suê. Đây là một tên thông thường của người đàn ông Do Thái.

**là Giúc-tu:** Vào thời sứ đồ Phao-lô người Do Thái thường có một tên La-mã hay Hy-lạp cùng với tên Do Thái. Người bạn này của sứ đồ Phao-lô tên là Giê-su cũng có tên là *Giúc-tu*.

**4:11b**

**bạn đồng lao cùng phục vụ Nước Đức Chúa Trời với tôi:** Nhóm từ *Nước Đức Chúa Trời* (hay thiên đàng) được dùng rất nhiều lần ở trong các sách Ma-thi-ơ, Mac và Lu-ca. Bạn nên chuyển ngữ từ này cùng một cách như bạn đã chuyển ngữ trong các sách trên.



- 4:9a** **Cùng đi có Ô-nê-sim,**  
 Tôi đã yêu cầu anh ấy đi với [anh] Ô-nê-sim đến thăm anh chị em.  
 -HAY-  
 [Anh] Ô-nê-sim sẽ cùng đi với anh ấy.
- 4:9b** **người em trung tín yêu quý, đồng hương với anh chị em.**  
 Anh ấy là người anh em trung tín [trong Chúa] mà [chúng tôi] yêu mến. Anh ấy là đồng hương của anh chị em.  
 -HAY-  
 [Anh chị em biết anh Ô-nê-sim bởi vì] anh ấy là người cùng quê với anh chị em. Anh ấy là một tín hữu trung tín [với Chúa Cứu Thế Giê-su], và chúng tôi yêu mến anh ta.
- 4:9c** **Hai người ấy sẽ cho tất cả anh chị em biết mọi việc ở đây.**  
 Hai người ấy sẽ bảo anh chị em mọi việc xảy ra [cho chúng tôi] ở đây.
- 4:10a** **A-ri-tạc, bạn tù của tôi kính lời chào anh chị em.**  
 ¶ [Anh] A-ri-tạc chào thăm anh chị em. Anh ấy đang ở trong tù với tôi.  
 -HAY-  
 ¶ [Anh] A-ri-tạc, [một tín hữu] cùng ở tù ở đây với tôi, xin tôi chào thăm anh chị em cho anh ấy.
- 4:10b** **Mác, em họ Ba-na-ba cũng vậy,**  
 [Anh] Mác, là em họ của [ông] Ba-na-ba, cũng gửi lời chào thăm anh chị em.  
 -HAY-  
 [Anh] Mác cũng xin tôi gửi lời chào thăm anh chị em. Anh ấy là bà con của [ông] Ba-na-ba.
- 4:10c** **anh chị em đã nhận được chỉ thị về Mác, nếu Mác đến thăm, anh chị em phải tiếp đón người.**  
 Anh chị em đã nghe về [anh] Mác, [vậy nên anh chị em biết phải làm gì:] nếu anh ấy đến với anh chị em, hãy hoan nghênh anh ấy.  
 -HAY-  
 Anh chị em đã nhận được [một lá thư] về [anh] Mác, vậy nếu anh ấy đến [thành phố] Cô-lô-se, hãy hoan nghênh [và chăm sóc anh].
- 4:11a** **Giê-su, biệt danh là Giúc-tu cũng kính lời chào anh chị em.**  
 [Anh] Giê-su, người cũng được gọi là Giúc-tu, cũng gửi lời chào thăm anh chị em.
- 4:11b** **Trong những người chịu cắt bì, chỉ có ba người đó là bạn đồng lao cùng phục vụ Nước Đức Chúa Trời với tôi**  
 Ba người này là các tín hữu người Do Thái duy nhất ở đây. Họ đang làm việc cùng với tôi [để rao truyền sứ điệp] về Vương Quốc của Đức Chúa Trời.  
 -HAY-  
 Ba người này là các tín hữu người Do Thái duy nhất đang làm việc với tôi để dạy người ta đầu phục Đức Chúa Trời và chấp nhận Ngài làm vua của họ.

**4:12a**

**Ê-pháp-ra:** Đây là cùng một ông Ê-pháp-ra mà sứ đồ Phao-lô nói đến ở trong chương 1. (Hãy xem lời giải nghĩa về Ê-pháp-ra trong 1:7a.)

**người đồng hương của anh chị em:** Đây cũng là một điều mà sứ đồ Phao-lô nói về ông Ô-nê-sim ở trong 4:9b. (Hãy xem lời giải nghĩa của 4:9b.)

**đây tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su:** Hãy xem lời giải nghĩa của 1:7b.

**4:12b**

**Người đã vì anh chị em mà chiến đấu luôn luôn trong sự cầu nguyện:** Chiến đấu ... trong sự cầu nguyện là một cách nói tượng hình. Có nghĩa là “ông ta cầu nguyện cách nhiệt thành/sốt sắng”. Ông Ê-pháp-ra rất quan tâm về các bạn hữu của ông ở tại thành phố Cô-lô-se.

**4:12c**

**đứng vững:** Từ *đứng* ở đây không có nghĩa đen là đứng trên hai chân. Đây là cách nói tượng hình có nghĩa là làm một việc gì mà không thay đổi hay ngừng lại, nhưng cứ tiếp tục làm.

**trưởng thành:** Từ Hy-lạp có nghĩa là “lớn lên” hay “trưởng thành” hay “trọn vẹn”. Đây là từ mà sứ đồ Phao-lô đã dùng ở trong 1:28: “ngõ hầu chúng tôi trình diện mọi người cho Đức Chúa Trời như những người trưởng thành trong Chúa Cứu Thế”. (Hãy xem lời giải nghĩa của 1:28c.) Ở đây có nghĩa là “trưởng thành về phần thuộc linh”. Tức là, ông Ê-pháp-ra cầu nguyện rằng họ sẽ thành các tín hữu trưởng thành, có đức tin mạnh mẽ. Nếu họ trưởng thành về phần thuộc linh, các giáo sư giả mạo không dễ mà thuyết phục họ tin tà giáo được.

**hoàn toàn vững tin:** Đa số các học giả giải thích nhóm từ này là “rất chắc chắn”, “tin cậy một cách trọn vẹn”, “hoàn toàn tin quyết”. Trong 2:2 sứ đồ Phao-lô đã dùng cùng một từ này trong hình thức của một danh từ. (Hãy xem lời giải nghĩa về “chắc chắn” của 2:2c.) Như đã nói ở trên, các từ này được nối kết với nhóm từ ông Ê-pháp-ra

đã cầu nguyện rằng người Cô-lô-se sẽ “hoàn toàn chắc chắn” về điều Đức Chúa Trời muốn họ tin và làm.

**trong mọi ý chỉ của Đức Chúa Trời:** Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về cách nhóm từ *trong mọi ý chỉ của Đức Chúa Trời* nối kết với phần còn lại của câu. Có hai quan niệm chính:

- (1) Nó nối kết với *hoàn toàn vững tin*. Vậy nên có thể chuyển ngữ là “để anh chị em đứng vững, trưởng thành và hoàn toàn vững tin trong mọi ý chỉ của Đức Chúa Trời (BDM, BDC, BDY, BCG).
- (2) Nó nối kết với động từ *đứng vững*.

Chúng tôi đề nghị bạn theo quan niệm thứ nhất vì đó là cách dễ nhất để hiểu kinh văn trong bản Hy-lạp.

**4:13a**

**Tôi xin xác nhận:** Chuyển ngữ sát nghĩa theo bản Hy-lạp có nghĩa là “tôi làm chứng” hay “tôi chứng nhận”. Đây có nghĩa là sứ đồ Phao-lô đã thấy và nghe về việc ông Ê-pháp-ra đang làm. Sứ đồ Phao-lô có thể đoán chắc với các tín hữu ở tại thành phố Cô-lô-se rằng ông Ê-pháp-ra đang làm việc chăm chỉ thay cho người Cô-lô-se và những người khác.

**người chịu nhiều khốn khổ vì anh chị em:** Chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp sẽ là “anh ấy có nhiều sự đau đớn vì anh chị em”. Sứ đồ Phao-lô đang nói đến công việc khó nhọc mà ông Ê-pháp-ra đang làm để giúp đỡ các con dân Chúa ở Cô-lô-se. Đừng cố gắng giải thích ông Ê-pháp-ra đang làm loại công việc gì.

**4:13b**

**Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li:** Đây là các thành phố ở trên cùng một con sông với thành phố Cô-lô-se. Có lẽ ông Ê-pháp-ra đã giảng ở những thị trấn này nữa.

**4:14**

**Lu-ca, vị y sĩ thân yêu:** Từ *thân yêu* (“được yêu”) là cùng một từ mà sứ đồ Phao-lô dùng cho anh Ty-chi-cơ ở trong 4:7a và cho ông Ô-nê-sim ở trong 4:9b. Hãy xem các lời giải nghĩa tại đó. Bác sĩ Lu-ca thường hay đi du

<b>4:11c</b>	<b>và làm nguồn an ủi cho tôi.</b> Họ đã khích lệ tôi rất nhiều.
<b>4:12a</b>	<b>Ê-pháp-ra, người đồng hương của anh chị em, đầy tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, kính lời chào anh chị em.</b> Anh Ê-pháp-ra, người đồng hương của anh chị em, cũng gửi lời chào thăm anh chị em, anh ấy là một tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su.
<b>4:12b</b>	<b>Người đã vì anh chị em mà chiến đấu luôn luôn trong sự cầu nguyện</b> Anh ấy thường năng nổ cầu nguyện cho anh chị em.
<b>4:12c</b>	<b>để anh chị em đứng vững, trưởng thành và hoàn toàn vững tin trong mọi ý chỉ của Đức Chúa Trời.</b> [Anh ấy cầu nguyện] để anh chị em sẽ tiếp tục trưởng thành về phần thuộc linh, và để anh chị em chắc chắn về điều Đức Chúa Trời muốn anh chị em làm.
<b>4:13a</b>	<b>Tôi xin xác nhận người chịu nhiều khổ khổ vì anh chị em,</b> Tôi có thể đảm bảo với anh chị em là anh ấy đang làm việc khó nhọc [để giúp đỡ] anh chị em <b>-HAY-</b> [Anh ấy ở đây với tôi, vậy nên] tôi biết qua kinh nghiệm cá nhân trong khi tôi ở với anh ấy rằng anh ấy làm việc thật khó nhọc vì cố anh chị em
<b>4:13b</b>	<b>vì các tín hữu Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li.</b> và cũng cho các con dân Chúa [ở tại] [các thành phố] Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li.
<b>4:14</b>	<b>Lu-ca, vị y sĩ thân yêu, và Đê-ma kính lời chào anh chị em.</b> [Ông] Lu-ca, vị bác sĩ, là người tôi yêu mến, gửi lời chào thăm anh chị em. [Anh] Đê-ma cũng gửi lời thăm anh chị em.
<b>4:15a</b>	<b>Xin chuyển lời chào thăm anh chị em ở Lao-đi-xê,</b> Hãy chào thăm các con dân Chúa ở [thành phố] Lao-đi-xê [cho tôi]. <b>-HAY-</b> Xin vui lòng chào các anh chị em trong Chúa ở [thành phố] Lao-đi-xê.
<b>4:15b</b>	<b>chị Nim-pha và Hội Thánh đang họp trong nhà chị.</b> Cũng chào thăm [chị] Nim-pha cho tôi, và gửi lời chào thăm tất cả mọi người đang nhóm ở nhà của chị ấy.

hành với sứ đồ Phao-lô trong những chuyến hành trình của ông.

Đoạn văn 4:15-17

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô gửi đến người Cô-lô-se những lời chỉ dẫn cuối cùng.

#### **4:15b**

**chị Nim-pha:** Khi bạn chuyển ngữ câu này sang ngôn ngữ của bạn có thể không nói rõ là *Nim-pha* là một người đàn bà. BDM thêm “chị” để cho thấy điều này. Nếu ngôn ngữ của bạn có một hình thức đặc biệt để chỉ tên của đàn bà bạn có thể dùng nó để chỉ rõ *Nim-pha* là một người đàn bà.

và *Hội Thánh đang họp trong nhà chị*: Hãy xem lời giải nghĩa của 1:18a. Khi sứ đồ Phao-lô đang viết thư này, các con dân Chúa không nhóm tại nhà thờ, họ thường nhóm tại các tư gia.

#### 4:16a

*Sau khi nghe đọc thư này*: Trong thế kỷ đầu tiên có rất nhiều người không biết đọc. Vậy nên đa số người Cô-lô-se không đọc thư lấy. Họ nghe khi có người đọc thư lớn tiếng cho cả nhóm.

#### 4:16b

*xin anh chị em chuyển qua cho Hội Thánh Lao-đi-xê đọc với*: Sứ đồ Phao-lô đã muốn các con dân Chúa ở Cô-lô-se làm một việc gì để chắc chắn là các con dân Chúa ở thành phố Lao-đi-xê cũng có dịp tiện nghe đọc lá thư này.

#### 4:16c

*để anh chị em cũng được đọc bức thư gửi cho họ*: Nhóm từ *bức thư gửi cho họ* có nghĩa là: “thư mà tôi viết cho các con dân Chúa ở Lao-đi-xê”. Sứ đồ Phao-lô muốn các con dân Chúa ở Cô-lô-se xin người Lao-đi-xê đọc lá thư mà ông viết cho họ, để các người Cô-lô-se có thể đọc.

#### 4:17a

*Xin nhấn nhủ A-chíp*: Anh A-chíp là một người sống ở Cô-lô-se. Trong câu này sứ đồ Phao-lô viết một lời nhấn đặc biệt cho anh ấy. Sứ đồ Phao-lô không giải thích công việc hay chức vụ mà anh A-chíp đã có là gì, nhưng ông muốn khuyến khích anh A-chíp trung tín trong chức vụ của anh.

#### 4:17b

*Anh hãy lưu ý*: Cụm từ *hãy lưu ý* có nghĩa gần giống như 4:16b (Hãy xem lời giải nghĩa của 4:16b.) Những từ này khiến cho lời tuyên bố của sứ đồ Phao-lô mạnh mẽ hơn. Bạn có thể chuyển ngữ là “Hãy chắc chắn” hay “Cẩn thận” hay “Anh phải”, dùng bất cứ từ nào để diễn tả rõ ràng trong ngôn ngữ của bạn.

Nhiều ngôn ngữ chuyển ngữ mệnh lệnh cho anh A-chíp thành ra hai câu thì rõ ràng hơn. Thí dụ:

Chúa đã ban cho anh một công việc đặc biệt. Hãy cẩn thận làm công việc đó.

*chu toàn chức vụ anh đã lãnh từ nơi Chúa!*: Trong bản Hy-lạp nhóm từ được dùng ở đây là “trong Chúa”. Có hai điều khả dĩ chính về điều sứ đồ Phao-lô muốn nói là “anh A-chíp đã nhận công việc ấy từ trong Chúa”:

- (1) Chúa là Đấng ban cho anh công việc ấy.
- (2) *nơi Chúa* có nghĩa là “như một người được kết hợp với Chúa”, hay “hầu việc Chúa”, hay “như một người làm việc Chúa”.

Cách giải thích nào cũng chấp nhận được cả. PKTCCN theo cách thứ nhất. Nếu bạn muốn theo cách thứ nhì, bạn có thể nói:

Hãy chắc chắn là anh hoàn tất công tác mà anh đã được giao cho như là đầy tớ của Đức Chúa Trời.

*chức vụ*: Từ Hy-lạp được chuyển ngữ là *chức vụ (diakonia)* là từ đã được dùng cho chức vụ hay công việc Chúa ở trong hội thánh. Sứ đồ Phao-lô không giải thích Đức Chúa Trời đã giao cho anh A-chíp loại công việc gì, nhưng chắc chắn là ông viết về một việc mà anh A-chíp làm trong cộng đồng Cơ Đốc, không phải công việc như trồng trọt.

#### Đoạn văn 4:18

Chủ đề: Sứ đồ Phao-lô tự tay viết lời chào thăm cuối cùng này để người Cô-lô-se biết thư này là của ông gửi. Ông nhắc họ cầu nguyện cho ông trong khi ông ở tù.

#### 4:18a

*tự tay tôi*: Đa số các học giả Kinh Thánh đồng ý rằng sứ đồ Phao-lô đọc hầu hết thư này cho một người nào đó chép xuống. Nhưng chính tay ông viết các lời cuối thư để người đọc biết rằng thư này là thư của ông.

<b>4:16a</b>	<p><b>Sau khi nghe đọc thư này,</b>          Sau khi anh chị em [các tín hữu ở Cò-lô-se] đã nghe thư này cho anh chị em,  <b>-HAY-</b>          Sau khi người ta đã đọc thư này cho anh chị em nghe,</p>
<b>4:16b</b>	<p><b>xin anh chị em chuyển qua cho Hội Thánh Lao-đi-xê đọc với,</b>          hãy chắc chắn là các con dân Chúa ở [thành phố] Lao-đi-xê cũng có dịp tiện để          đọc nó.  <b>-HAY-</b>          [hãy gửi nó cho] cộng đồng tín hữu ở [thành phố] Lao-đi-xê và bảo họ cũng đọc          nó nữa.</p>
<b>4:16c</b>	<p><b>để anh chị em cũng được đọc bức thư gửi cho họ.</b>          Cũng chắc chắn nhờ một người đọc lớn thư [mà tôi viết cho các con dân Chúa] ở          [thành phố] Lao-đi-xê.  <b>-HAY-</b>          [Tôi cũng đã gửi một lá thư cho các con dân Chúa] ở [thành phố] Lao-đi-xê. Hãy          chắc chắn là [hỏi họ về lá thư và] đọc nó.</p>
<b>4:17a</b>	<p><b>Xin nhắn nhủ A-chíp:</b>          Hãy nói với [ông] A-chíp:  <b>-HAY-</b>          Đây là lời nhắn cho [ông] A-chíp:</p>
<b>4:17b</b>	<p><b>“Anh hãy lưu ý chu toàn chức vụ anh đã lãnh từ nơi Chúa!”</b>          “Hãy chú ý hoàn tất chức vụ mà Chúa đã giao phó cho anh.”  <b>-HAY-</b>          “Chúa đã ban cho anh một công tác để làm. Hãy chắc chắn là anh làm nó.”</p>
<b>4:18a</b>	<p><b>Tôi là Phao-lô, tự tay tôi viết câu chào thăm này.</b>          ¶ Tôi, Phao-lô, chính tay tôi viết phần cuối của thư này [để anh chị em biết rằng          thư này thật là của tôi].  <b>-HAY-</b>          ¶ [Tôi đã nhờ người chép thư này cho tôi, nhưng] chính tay tôi tự viết các từ          cuối cùng này: Phao-lô, gửi lời chào thăm anh chị em.</p>
<b>4:18b</b>	<p><b>Xin anh chị em ghi nhớ xiềng xích của tôi.</b>          Hãy nhớ rằng tôi đang ở tù [và cầu nguyện cho tôi].</p>

**4:18b**

**ghi nhớ xiềng xích của tôi:** Từ *xiềng xích* là một cách nói tượng hình về việc ở tù của sứ đồ Phao-lô. Nhưng sứ đồ Phao-lô không

những chỉ nhắc họ nhớ rằng ông là một tù nhân. Ông đang nhắc họ cầu nguyện cho ông trong khi ông ở tù. Ông nhắc họ nhớ đến điều ông đã nói ở trong 4:3-4.

**4:18c**

**Nguyện xin Chúa ban ân sủng cho anh chị em:** Sứ đồ Phao-lô chấm dứt đa số thư của ông bằng những lời tương tự. Bạn nên chuyển ngữ các lời này cùng một cách ở cuối các lá thư mà ông dùng. (Hãy xem 1 Cô-rinh-tô 16:23, 2 Cô-rinh-tô 13:14, Ga-la-ti 5:18, Ê-phê-sô 6:24, Phi-líp 4:23, 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:28, 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:18, 1 Ti-mô-thê 6:21b, 2 Ti-mô-thê 4:22, Tít 3:15b, Phi-lê-môn 25, Hê-bơ-rơ 13:25, Khải Thị 22:21.) Những từ này là lời cầu chúc hay cầu nguyện. Một số ngôn ngữ chuyển ngữ nó là “tôi xin...” hay “tôi cầu nguyện...”, thì rõ hơn, thí dụ:

“Tôi cầu xin Đức Chúa Trời thương xót anh chị em.”

-HAY-

“Tôi cầu xin Đức Chúa Trời ban phước cho anh chị em.”

Sứ đồ Phao-lô không nói rõ là ông đang đề cập đến *ân sủng* của ai, có thể trong bản dịch của bạn cần phải nói rõ điều này. Một số bản dịch nói đến “ân sủng của Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, ở phần cuối của hầu hết các thư của ông, sứ đồ Phao-lô đều nói “ân sủng của Chúa Giê-su,” hay “ân sủng của Chúa Cứu Thế Giê-su của chúng ta,” vậy nên dùng “Đức Chúa Trời” hay “Chúa Giê-su” trong bản dịch của bạn đều chấp nhận được.

Hãy xem ý nghĩa 1 của *ân sủng* ở trong Bảng Chú Giải Các Từ Ngữ Chủ Yếu.

**4:18c****Nguyện xin Chúa ban ân sủng cho anh chị em.**

Cầu xin Chúa Giê-su ban ơn cho anh chị em.

**-HAY-**

[Tôi cầu xin] Đức Chúa Trời sẽ [tiếp tục] giúp đỡ anh chị em.





# BẢNG CHÚ GIẢI CÁC TỪ NGỮ CHỦ YẾU TRONG KINH THÁNH

ĐỂ DÙNG SONG SONG VỚI BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

## THƯ CỦA PHAO-LÔ GỬI CÁC TÍN HỮU CÔ-LÔ-SE

### Lời mở đầu

Chú giải này dựa theo “Những Từ Ngữ Chủ Yếu Trong Kinh Thánh” của Tiến Sĩ Katy Barnwell, được ghi trong *Tài Liệu dành cho người dịch, ấn bản 3.0* bằng CD.

### Ân điển (BDC)

Hãy xem “Ân sủng” (BDM).

### Ân sủng (BDM)

Từ “Ân sủng” được chuyển ngữ từ chữ *charis*, tiếng Hy-lạp. Trong Tân Ước từ này có nhiều ý nghĩa khác nhau tùy theo ngữ cảnh của nó. Từ này xuất hiện bốn lần trong thư Cô-lô-se với ba ý nghĩa khác nhau.

Ý thứ nhất: **Chúc phước cho một người nào đó, mong ước cho một người nào đó được phước hạnh**, đặc biệt là nó được dùng như một phần của lời chào thăm.

Từ “Ân sủng” thường được tìm thấy trong những lời chào thăm ở phần mở đầu của các thư tín trong Tân Ước, và đôi khi cũng được tìm thấy trong phần cuối của các thư. Ý chính trong các ngữ cảnh này là người nói/viết mong ước hay cầu nguyện cho sự ích lợi của những người nhận thư. Người viết cầu nguyện rằng Đức Chúa Trời sẽ bày tỏ sự chăm sóc của Ngài một cách đặc biệt đối với những người đó. Đây là ý được dùng trong Cô-lô-se 1:2 và 4:18 (BDC “ân điển”).

Đề nghị cách chuyển ngữ từ “ân sủng” trong các lời chào thăm.

- Nguyên xin Đức Chúa Trời vui lòng thương xót đến các anh chị em.
- Nguyên xin sự nhân từ của Đức Chúa Trời ở cùng các anh chị em.

Ý thứ hai: **Thái độ ủng hộ/tán thành, lòng yêu thương, sự nhân từ được bày tỏ từ người này đến người khác**, đặc biệt là nói về sự nhân từ và sự ủng hộ/chăm sóc của Đức Chúa Trời đối với con người cho dù họ không xứng đáng để nhận ân sủng của Ngài.

Nên chú ý rằng “ân sủng” mang ý nghĩa sâu xa hơn là “nhân từ”. Nhân từ có nghĩa là “trì hoãn”, không trừng phạt một người, cho dù người đó đáng bị trừng phạt; trong khi đó “ân sủng” có nghĩa là “bày tỏ lòng tử tế (một cách thực sự/rõ ràng) hay làm “on” đối với một người khi người đó không xứng đáng để nhận lãnh. Cùng một ý nghĩa trong Cô-lô-se 1:6 (BDC “on”).

Đề nghị nên dùng từ “ân sủng” trong Cô-lô-se 1:6:

- Đức Chúa Trời bày tỏ ân sủng qua chương trình cứu rỗi của Ngài.

Ý thứ ba: **Những điều làm hài lòng, thu hút người khác và thích hợp (đặc biệt là nói về lời nói).** Trong Cô-lô-se 4:6 từ “ân sủng” chỉ về lời nói có ân hậu. (BDC dùng từ “ân hậu”).

Đề nghị nên dùng từ “ân hậu” như trong Cô-lô-se 4:6:

- Lời nói anh em phải có ân hậu theo luôn.

## Hội Thánh

Từ “hội thánh” được dịch sang tiếng Việt từ tiếng Hy-lạp *ekklesia*. Từ này xuất hiện bốn lần trong thư Cô-lô-se.

Ý nghĩa: “Hội Thánh” có ý nghĩa tổng quát chỉ về một nhóm người có cùng đức tin trong Chúa Giê-su. Trong Tân Ước từ “hội thánh” không hề có ý nói về cơ sở hay căn nhà (được dùng để nhóm họp), nhưng chỉ về một nhóm người. Cho nên, đây là điều quan trọng cần để ý, bạn phải luôn chọn từ ngữ nói về con người, không phải nói về cơ sở hay căn nhà nơi các tín hữu nhóm họp.

Với ý nghĩa tổng quát, “hội thánh” có ba ý khác nhau.

Ý thứ nhất: Nói đến một nhóm tín hữu của Chúa Giê-su, là những người sống cùng trong một khu vực.

Thí dụ: hội thánh nhóm trong nhà người; hội thánh tại Lao-đi-xê, (Cô-lô-se 4:15, 16).

Ý thứ hai: Nói đến sự nhóm họp hay tụ tập của những người tin Chúa Giê-su.

Ý thứ ba: Nói về tất cả những người tin Chúa Giê-su trên khắp thế giới.

Thí dụ: Ngài (Chúa Giê-su) là đầu thân thể, tức là hội thánh (BDM). (Cô-lô-se 1:18, 24)

Trong nhiều ngôn ngữ, có thể dùng cùng một từ cho cả hai ý nghĩa 1 và 2.

Đề nghị cho cách chuyển ngữ từ “Hội Thánh”:

- Những nhóm người tin Chúa Giê-su
- Gia đình/những người thuộc về Chúa Giê-su
- Một cộng đồng/nhóm/gia đình của những người có cùng một đức tin trong Chúa Giê-su

Nếu bạn muốn phân biệt ý thứ nhất với ý thứ ba, bạn có thể nói về “toàn cả nhóm tín hữu” khi nào từ đó được dùng cho nhóm 3.

## Nước (BDC)

Hãy xem từ “Vương Quốc.”

## Phúc Âm (BDM); Tin Lành (BDC)

Trong thư Cô-lô-se, từ “Phúc Âm” được tìm thấy hai lần trong bản Hy-lạp, Cô-lô-se 1:5 và 1:23. Từ này được tìm thấy 3 lần trong BDM, vì BDM nhắc lại hai lần từ Phúc Âm trong câu 1:23. Cả BDC và BDM đều viết từ này bằng chữ hoa, để phân biệt đây là một từ ngữ đặc biệt.

Ý nghĩa: Ý nghĩa của từ này là một sứ điệp hay là một thông tin, hàm ý rằng sứ điệp này là sứ điệp đem đến sự vui mừng.

Từ “Phúc Âm” được chuyển ngữ từ một danh từ trong tiếng Hy-lạp *euangelion* có nghĩa là “tin tức tốt lành.” Tuy nhiên, trong Tân Ước danh từ *euangelion* được dùng trong một nghĩa giới hạn. Nó không có nghĩa là bất cứ một loại tin lành nào, nhưng đặc biệt là những tin lành hay tin mừng về sự cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã mở đường để cứu nhân loại đầy tội lỗi qua Chúa Cứu Thế Giê-su. Trong Tân Ước nó chỉ được dùng trong ý nghĩa này.

(Nên nhớ rằng từ “Phúc Âm” **không** dùng trong Tân Ước để chỉ về các sách Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng. Ý này chỉ được khai triển sau đó.

Đề nghị cho việc chuyển ngữ từ “Phúc Âm”:

- Tin tức tốt lành
- Tin Mừng/Tin Vui
- Sứ điệp của Đức Chúa Trời
- Sứ điệp về sự cứu rỗi

Mặc dù có nhiều bản dịch hiện đại thường dùng tính từ “tốt,” có thể đó không phải là sự chọn lựa tốt nhất trong ngôn ngữ của bạn. Nếu ngôn ngữ của bạn có một từ có thể nói về một sứ điệp đem đến sự vui mừng cho người nghe, bạn nên dùng từ đó ở đây.

### Sa-bát

Từ “sa-bát” chỉ thấy xuất hiện một lần trong Cô-lô-se, (2:16).

Ý nghĩa: Ngày “Sa-bát” là tên của ngày thứ bảy và là ngày cuối trong tuần lễ của người Do Thái. Nó bắt đầu vào chiều tối thứ sáu (độ 6 giờ chiều) và kéo dài đến chiều tối thứ bảy sau đó (khoảng 6 giờ chiều). Đây là một ngày đặc biệt của người Do Thái, một ngày để nghỉ và để thờ phượng Đức Chúa Trời.

Đề nghị cho việc chuyển ngữ từ “ngày Sa-bát”:

- Ngày nghỉ
- Ngày thánh của Đức Chúa Trời
- Ngày của Đức Chúa Trời
- Ngày người Do Thái biệt riêng để thờ phượng Đức Chúa Trời

Đối với một số ngôn ngữ, có thể tốt hơn phiên âm theo tiếng Hy-lạp “Sa-bát” và kèm theo ý nghĩa của nó. Thí dụ: “Ngày Sa-bát, ngày nghỉ của người Do Thái”; hay “Ngày Sa-bát, ngày người Do Thái nhóm họp để thờ phượng Đức Chúa Trời.”

### Sứ đồ

Từ “sứ đồ” chỉ xuất hiện một lần trong Cô-lô-se, (1:1).

Ý nghĩa: Một sứ đồ là một người đã được Chúa Giê-su sai đi để đại diện cho Ngài. “Phao-lô là một sứ đồ của Chúa Cứu Thế Giê-su theo ý Đức Chúa Trời...”

Nhiệm vụ chính của sứ-đồ là:

- a) Làm chứng về bằng cớ Chúa Giê-su đã sống lại từ kẻ chết
- b) Rao giảng Phúc Âm và thành lập những hội thánh mới
- c) Trả lời các câu hỏi và có những quyết định liên hệ đến giáo lý đúng theo Kinh Thánh và thực hành các công tác, những nghi lễ theo Lời Chúa, trong hội thánh.

Đề nghị cho cách chuyển ngữ từ “sứ đồ”:

Nếu văn hóa của bạn có một từ ngữ nói về người đại diện hay đại sứ/sứ giả cho người có thẩm quyền cao hơn, thì có thể dùng từ ngữ đó để chuyển ngữ “sứ đồ.”

Từ bạn dùng để chuyển ngữ “sứ đồ” nên chỉ về một chức vụ có tính cách tin cẩn và có thẩm quyền. Bạn cũng nên thêm cụm từ “của Chúa Cứu Thế Giê-su” để cho thấy thẩm quyền đó đến từ đâu.

Đây là một vài cách bạn có thể chuyển ngữ từ sứ đồ:

- Đại diện [của Chúa Cứu Thế Giê-su]
- Sứ giả (đặc biệt) [của Chúa Cứu Thế Giê-su]
- Người được sai đi [do Chúa Cứu Thế Giê-su]

### Thánh hóa, thánh sạch

Hãy xem “Thánh thiện”.

### Thánh thiện

Từ “thánh thiện” được chuyển ngữ sang tiếng Việt từ chữ Hy-lạp *hagios*. Nó xuất hiện ba lần trong thư Cô-lô-se (1:2, 22; 3:12). Từ thánh thiện có ba ý nghĩa, hai trong ba ý nghĩa này được tìm thấy trong Cô-lô-se.

Ý nghĩa: Ý nghĩa căn bản nhất: **dành riêng ra để nói về Đức Chúa Trời**. Bất cứ những gì được biệt riêng cho Đức Chúa Trời cần có những phẩm chất phù hợp với phẩm chất của Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời hoàn toàn thánh thiện và đạo đức của Ngài thật hoàn hảo, bất cứ vật gì “thánh thiện” cho Ngài phải được phản chiếu phẩm chất của Ngài, như về mặt thể chất không có gì chê trách hay phản chiếu sự thánh khiết tới một mức độ nào đó.

Ý thứ nhất: **Biệt riêng từ những vật hay người bình thường để hầu việc Đức Chúa Trời**. Người ta còn gọi những người được biệt riêng để hầu việc Đức Chúa Trời là những người “thánh thiện”. Ý này được dùng trong Cô-lô-se 1:2 và 3:12. Trong 1:2 BDM dùng từ “thánh thiện”, nhưng trong 3:12 BDM dùng từ “thánh hóa”. BDC dùng từ “thánh” cho cả hai.

Đề nghị cho cách chuyển ngữ cho từ “thánh thiện” theo ý thứ nhất:

- thuộc về Đức Chúa Trời
- dâng lên cho Đức Chúa Trời
- biệt riêng ra cho Đức Chúa Trời

Ý thứ hai: Có bản chất như Đức Chúa Trời, có nghĩa là, **sống một đời sống có đạo đức tốt và thánh sạch**.

Ý này được lấy ra từ ý số 1, vì một người được biệt riêng cho Đức Chúa Trời hay dâng hiến cho Đức Chúa Trời, phải là người có bản chất của Đức Chúa Trời. Một người công bình như thế là người không bị quyền lực tội lỗi kiểm soát. Ý này được dùng trong Cô-lô-se 1:22. BDM dùng từ “thánh sạch.” BDC dùng từ “hòa thuận.”

Đề nghị cho cách chuyển ngữ “thánh sạch” theo ý thứ hai:

- chỉ sống theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời
- sống không bị lệ thuộc bởi tội lỗi

Một vài người dịch dùng từ “làm cho sạch” để dịch từ *hagios*. Tuy nhiên, nếu từ “làm cho sạch” trong ngôn ngữ của bạn chỉ nói về việc sạch sẽ của thân thể mà thôi (có nghĩa là tránh khỏi bụi bặm), thì nó không phù hợp. Ý nghĩa nên có là “thoát khỏi tội lỗi”, “người có đời sống thánh khiết/thanh sạch.”

**Thiêng Liêng**

Từ “thiêng liêng” được dịch sang tiếng Việt từ tiếng Hy-lạp *pneumatiks*. Nó xuất hiện trong thư Cô-lô-se 1:9, được dùng với dạng của một tính từ để bổ nghĩa cho một danh từ.

Ý nghĩa: **Đến từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời**, thí dụ: Sự khôn ngoan thiêng liêng hay những ơn phước thiêng liêng đến từ Đức Chúa Trời.

**Tin Lành**

Hãy xem “Phúc Âm”.

**Vinh Hiển (BDC)**

Hãy xem “Vinh Quang”.

**Vinh Quang (BDM)**

Từ “vinh quang” được dịch sang tiếng Việt từ chữ Hy-lạp *doxa*. Từ này được lặp lại ba lần trong thư Cô-lô-se, hai lần trong 1:27 và một lần trong 3:4. Và có ý nghĩa khác nhau.

Ý nghĩa: Ý nghĩa căn bản của từ “vinh quang” là nguy nga, lộng lẫy, nổi bật, không diễn tả được. Tuy nhiên, cách dùng từ này trong Tân ước, cho thấy nó có nhiều ý nghĩa khác nhau.

Ý thứ nhất: Nguy nga, kinh ngạc, sững sốt/ngạc nhiên, những từ này liên hệ đến Đức Chúa Trời và sự hiện diện của Ngài (Cô-lô-se 1:27a, BDC “vinh hiển”).

Đề nghị cho cách chuyển ngữ “sự vinh quang phong phú của sự huyền nhiệm” trong Cô-lô-se 1:27a:

- lẽ thật/sự bí mật vô cùng tuyệt vời

Ý thứ hai: Một người được vinh dự **nhận hay chia sẻ một tình trạng hay địa vị nào đó**, đặt biệt là trong sự liên hệ với Chúa Giê-su hay Cơ-đốc nhân chia sẻ địa vị cao cả của Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:27c (BDC “vinh hiển”).

Đề nghị cho cách chuyển ngữ “vinh quang” trong Cô-lô-se 1:27c:

- Địa vị/chỗ vinh dự/sự vĩ đại
- (ngôi) trong sự vĩ đại của Ngài

Ý thứ ba: Sự lộng lẫy huy hoàng, nguy nga lộng lẫy, vinh quang (Cô-lô-se 3:4b, BDC dùng “sự vinh-hiển”).

Đề nghị cách chuyển ngữ cho từ “trong vinh quang” trong Cô-lô-se 3:4b:

- diệu kỳ/đẹp đẽ.

**Vương Quốc**

Từ “Vương Quốc” được tìm thấy hai lần trong thư Cô-lô-se theo bản Hy-lạp, trong các câu 1:13 và 4:11. Trong mỗi chỗ có ý nghĩa khác nhau. BDM viết từ này bằng chữ hoa để phân biệt nó là từ ngữ đặc biệt. BDC dùng từ “nước.”

Ý thứ nhất: Mối quan hệ giữa một người và Đức Chúa Trời qua sự cai trị/lãnh đạo/hướng dẫn của Ngài trong đời sống của người đó.

Có nhiều phân đoạn trong Tân Ước, khi từ “Vương Quốc” được dùng với ý nghĩa “Sự cai trị của Đức Chúa Trời” nó đặc biệt nói về việc thiết lập mối quan hệ giữa

Đức Chúa Trời và một người bằng lòng phó thác chính mình cho Đức Chúa Trời và thuận phục mọi sự dạy dỗ của Ngài. Ý này được dùng trong Cô-lô-se 1:13.

Đề nghị cho việc chuyển ngữ từ “Vương Quốc” trong Cô-lô-se 1:13:

- Ngài đã làm cho chúng ta trở thành những người thuộc về Con yêu dấu của Ngài, Vua của chúng ta.
- Ngài đã khiến chúng ta ngồi/ở trong sự che chở/bảo vệ của Con của Ngài, Vua của chúng ta.

Ý thứ hai: Những sinh hoạt mà người ta làm để hầu việc Đức Chúa Trời một cách tốt đẹp hơn chúng tỏ Ngài là Vua của họ.

Ý này được tìm thấy trong Cô-lô-se 4:11 “Chỉ có những người Do Thái này, cùng tôi vì nước của Đức Chúa Trời mà làm việc.”

Đề nghị cách chuyển ngữ “Vương Quốc” trong Cô-lô-se 4:11:

- đồng lao của tôi là những người giúp đỡ để đem nước của Đức Chúa Trời đến với những người khác.
- đồng lao của tôi là những người giúp đỡ đem người khác đến với Đức Chúa Trời.
- đồng lao của tôi là những người giúp đỡ người khác đến với Đức Chúa Trời.